

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 1
TỪ NGÀY 02/09 – 06/09/2024

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPC T	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Thứ hai (02/09)	1	1	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Chào năm học mới	Dạy bù 9/9
	2	1	Tiếng Việt	Đọc: Thanh âm của gió	Dạy bù 5/9 QCN, GDĐĐ
	3	2	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ	Dạy bù 6/9
	4	1	Toán	Bài 1: Ôn tập số tự nhiên (Tiết 1)	Dạy bù 5/9
	5				
	6	1	Đạo đức	Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (Tiết 1)	Dạy bù 9/9
	7	1	LS-ĐL	Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 1)	Dạy bù 5/9 QPAN
	8	1	Ôn TV	Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ	Dạy bù 9/9
Thứ ba (03/09)	1	3	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo	Dạy bù 9/9
	2	2	Toán	Bài 1: Ôn tập số tự nhiên (Tiết 2)	Dạy bù 6/9
	3	1	Khoa học	Bài 1: Thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng (Tiết 1)	Dạy bù 5/9
	4	1	Công nghệ	Bài 1. Vai trò của công nghệ (Tiết 1)	Dạy bù 10/9
	5	1	Mĩ thuật	Bài 1: Ngày hè (Tiết 1)	Dạy bù 10/9
	6	1	Tiếng Anh	Make a rule board and have Ss practice. Think and make a “Rules” corner	Dạy bù 6/9
	7	2	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Hồi tưởng cảm xúc của em. - Nhận diện khả năng kiểm soát cảm xúc của em.	Dạy bù 10/9
	8	1	Thể dục	Bài 1: Bài tập phối hợp đội ngũ, đội hình hàng ngang (Tiết 1)	Dạy bù 5/9
	1	4	Tiếng Việt	Đọc: Cánh đồng hoa (Tiết 1)	Dạy bù 10/9

Thứ tư (04/09)	2	5	Tiếng Việt	Đọc: Cánh đồng hoa (Tiết 2)	Dạy bù 10/9 GDĐĐ
	3	3	Toán	Bài 2: Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 1)	Dạy bù 7/9
	4	2	Tiếng Anh	Make a rule board and have Ss practice. Think and make a “Rules” corner	Dạy bù 9/9
	5	3	Tiếng Anh	Make a rule board and have Ss practice. Think and make a “Rules” corner	Dạy bù 9/9
	6	1	Tin học	Bài 1. Em có thể làm gì với máy tính? (Tiết 1)	Dạy bù 11/9
	7	1	Ôn Toán	Bài 2: Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 1)	Dạy bù 11/9
	8	2	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo	Dạy bù 9/9
Thứ năm (05/09)	1	6	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)	
	2	4	Toán	Bài 2: Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 2)	
	3	2	Khoa học	Bài 1: Thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng (Tiết 2)	
	4	2	LS-ĐL	Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 2)	
	5				
	6	2	Ôn Toán	Bài 2: Ôn tập các phép tính với số tự nhiên (Tiết 2)	
	7	2	Thể dục	Bài 1: Bài tập phối hợp đội ngũ, đội hình hàng ngang (Tiết 2)	
	8	3	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo)	
	9	1	KNS		
Thứ sáu (06/09)	1	7	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	
	2	1	Âm nhạc	Hát: Niềm vui của em	
	3	5	Toán	Bài 3: Ôn tập phân số (Tiết 1)	
	4	4	Tiếng Anh	Make a rule board and have Ss practice. Think and make a “Rules” corner	
	5				
	6	3	Ôn Toán	Bài 3: Ôn tập phân số (Tiết 1)	
	7	3	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Tìm hiểu nội dung sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	
	8	1	Năng khiếu		

Thứ ngày tháng 9 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Tuần 1: Sinh hoạt dưới cờ

CHÀO NĂM HỌC MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia lễ khai giảng năm học mới.
- Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động trong ngày khai giảng năm học mới.

2. Năng lực chung

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về bản thân và môi trường sống mới thông qua các hoạt động ngày khai giảng; Biết chia sẻ cảm xúc của mình khi chào đón năm học mới. Tham gia lễ chào cờ đầu tuần nghiêm trang, tích cực. Thể hiện thái độ vui vẻ, tích cực, hào hứng chào đón năm học mới.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: HS rèn luyện kỹ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động để phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động chào mừng ngày khai giảng năm học mới.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ luyện tập cho sinh chuẩn bị diễn trong lễ khai giảng năm học mới.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc trong lễ chào cờ, nhắc nhở bạn nêu cao tinh thần trách nhiệm của bản thân để tham gia lễ chào cờ; nhiệt tình biểu diễn văn nghệ chào mừng năm học mới.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Năng lực đặc thù:
 - + Học sinh tham gia chào cờ theo nghi thức trang trọng, nghiêm túc, thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ cha ông đã hi sinh xương máu để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

- Năng lực tự chủ, tự học:- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (sạch sẽ, gọn gàng, mặc lịch sự,...).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về chăm sóc bản thân để có hình ảnh đẹp.

II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ để hướng dẫn HS luyện tập.
- Tổ chức luyện tập cho sinh chuẩn bị diễn trong lễ khai giảng năm học mới.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ đã tập để biểu diễn.
- Trang phục chỉnh tề, nghề ngồi dự khai giảng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia lễ khai giảng năm học mới. – Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia văn nghệ chào mừng ngày khai giảng năm học mới. 	
<p>b) Tiến trình hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV hướng dẫn HS tham gia các hoạt động chào năm mới do nhà trường tổ chức (văn nghệ chào mừng, trang trí trường lớp, chơi trò chơi, hội đọc sách, đón các em học sinh lớp 1,...) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia lễ khai giảng năm học mới.
<ul style="list-style-type: none"> – GV chuẩn bị những trái tim (hoặc giấy bìa màu, bưu thiếp,...) sau khi HS tham gia lễ khai giảng thì viết lại “Cảm xúc của em khi là học sinh lớp 5, chia sẻ điều đó với các bạn, sau đó thả vào hộp cảm xúc của lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS thực hiện nhiệm vụ chia sẻ cảm xúc sau lễ khai giảng theo hướng dẫn.

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

-----.

Tiếng việt
CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ
Bài 01: THANH ÂM CỦA GIÓ (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Thanh âm của gió”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc

diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **Giáo dục Quyền con người:** Quyền được vui chơi.


* **Giáo dục đạo đức:** Yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Giới thiệu về chủ điểm.</p> <p>- GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi:</p> <p>+ Bức tranh vẽ những gì?</p>  <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p>Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang chơi trò chơi trốn tìm trong một khung cảnh đẹp bình yên và thơ mộng, thể hiện rõ nét về một thế giới tuổi thơ hồn nhiên và trong sáng. Đó</p>	<p>HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp:</p> <p>Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang chơi trò chơi trốn tìm. Các bạn coi rất vui và hào hứng.</p> <p>Khung cảnh thiên nhiên xung quanh rất đẹp. Bức tranh thể hiện sự vui tươi, bình yên</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<p>cũng là chủ điểm đầu tiên của môn học Tiếng Việt: THẾ GIỚI TUỔI THƠ</p>	
<p>2. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài hát “Vui đến trường” Sáng tác: Nguyễn Văn Chung để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát: + Lời bài hát nói lên cô giáo dạy những điều gì? + Vây vào đầu năm học mới, chúng ta hứa với cô như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe bài hát. - HS trao đổi về ND bài hát với GV. + Cô giáo dạy các em trở thành những người học trò ngoan. + Chúng em hứa sẽ chăm ngoan học tập, vâng lời thầy cô. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Thanh âm của gió”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến tìm những viên đá đẹp cho mình. + Đoạn 2: Tiếp theo đến “cười, cười, cười,...”. + Đoạn 3: Phần còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>lên núi, lạ lắm, lần lượt, thung lũng, la lên, lừa trâu, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Chiều về,/ đàn trâu no cỏ/ dầm mình dưới suối,/ chúng tôi tha thẩn/ tìm những viên đá đẹp cho mình.//</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.

<p>- GV HD đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm toàn bài, biết thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên, đồng tình, cảm thán,...</p> <p>- GV mời HS luyện đọc diễn cảm nhóm đôi.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi, mỗi em đọc 1 đoạn.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể.</p> <p>+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ men theo (bờ suối): di chuyển lần theo phía bên (bờ suối)</p> <p>+ đắm mình: ngâm mình lâu trong nước.</p> <p>+ thung lũng: vùng đất trũng thấp giữa hai sườn dốc.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả như thế nào?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu rất đẹp và hữu tình: cỏ tươi tốt, có suối nhỏ, nước trong veo. Quanh suối là đồng cỏ rộng, gió</p>

<p>+ Câu 2: Em Bông đã phát hiện ra trò chơi gì?</p> <p>. Các chi tiết nào cho thấy các bạn rất thích (rất hào hứng) với trò chơi?</p> <p>+ Câu 3: Việc bố hưởng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.</p> <p>+ Câu 4: Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió của các bạn nhỏ, nói với bạn điều em nghe thấy.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p>Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.</p>	<p>không có vật cản cứ tha hồ rong chơi, thỉnh thoảng lại vút qua tai như đùa nghịch.</p> <p>+ Em Bông phát hiện ra trò chơi bịt tai nghe gió, chơi bằng cách bịt nhẹ tai lại rồi mở ra và lặp lại.</p> <p>+ Bạn nào cũng thử bịt tai nghe gió, tập trung suy nghĩ để tìm lí do giải thích cho việc gió nói.</p> <p>+ Đáp án A: Vì trò chơi rất hấp dẫn và thu hút bố muốn tham gia.</p> <p>+ Đáp án B: Vì bố muốn thể hiện sự hưởng ứng để ủng hộ hai anh em chơi trò chơi ngoài trời cho khoẻ và chóng lớn.</p> <p>+ Đáp án C: Vì bố hiểu tâm lí của con cái, yêu con và muốn hoà mình vào thế giới của con.</p> <p>+ HS có thể tự nêu câu trả lời theo sự tưởng tượng của mình.</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học</p> <p>- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Thanh âm của gió”</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.</p> <p>- VD:</p> <p>+ Học xong bài Thanh âm của gió, em thấy rất thú vị vì đã giúp em biết thêm một trò chơi mới.</p> <p>+ Trò chơi mà các bạn nhỏ đã chơi</p>

<p>* Giáo dục đạo đức: Khung cảnh thiên nhiên trong bài thật đẹp và hữu tình, em sẽ làm gì để nó mãi đẹp và xanh tươi? Những việc làm đó đã thể các em biết yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên. - Nhận xét, tuyên dương. * GD Quyền con người: - Trẻ em có những nhu cầu gì? Vui chơi giải trí là nhu cầu của con người, kể cả trẻ em. Được vui chơi giải trí lành mạnh không những là nhu cầu mà còn là điều kiện để trẻ em phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần. Với trẻ em thì được pháp luật thừa nhận là một quyền đó là Quyền được vui chơi. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>rất hay và ấn tượng, nó đơn giản nhưng rất thú vị. + Qua trò chơi này giúp em sáng tạo thêm nhiều trò chơi đơn giản và bổ ích,...</p> <p>- Không xả rác và vứt rác xuống sông,.....</p> <p>- Vui chơi, học tập, giải trí</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiếng việt

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập về 3 từ loại đã học ở lớp 4: Danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu bài hát: “Chào năm học mới” tác giả Bích Liễu, do nhóm học sinh Như Ngọc - Hải Đăng - Ngọc Thu - Minh Duyên trình bày.</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về nội dung câu chuyện để dẫn dắt vào bài:</p> <p>+ Các bạn nhỏ trong bài hát đi đâu?</p> <p>+ Đến lớp em sẽ được gặp những ai?</p> <p>+ Em có thích đi học không?</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS cùng trao đổi với GV về nội dung câu chuyện trong bài hát:</p> <p>+ Các bạn nhỏ trong bài hát đi khai giảng năm học mới.</p> <p>+ Đến lớp em sẽ được gặp bạn bè và thầy cô.</p> <p>+ HS trả lời theo suy nghĩ</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>Ôn tập về 3 từ loại đã học ở lớp 4: Danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.</p> <p>- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được</p>	

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Mỗi ý ở cột B nói về danh từ, hay động từ, hay tính từ?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

A	B
Danh từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật
Động từ	Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái
Tính từ	Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Trò chơi:

- GV yêu cầu HS đọc đoạn đầu của bài “Thanh âm của gió”.

- GV giới thiệu trò chơi: Trò chơi có 4 vòng.

Lớp chia thành các đội chơi, mỗi đội 5 bạn.

Các đội chơi lần lượt từ vòng 1 đến vòng 4.

Hết mỗi vòng, các đội dừng lại chấm bài và

tính điểm. Điểm thi đua cả cuộc chơi bằng

điểm trung bình cộng của cả 4 vòng chơi.

+ **Vòng 1:** Tìm danh từ theo mỗi nhóm sau:

a. 1 danh từ chỉ con vật.

b. 1 danh từ chỉ thời gian.

c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.

+ **Vòng 2:** Tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật.

+ **Vòng 3:** Tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật dưới đây:

Cỏ, suối, nước, cát, sỏi

+ **Vòng 4:** Đặt một câu nói về hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.

- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

A	B
Danh từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật
Động từ	Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái
Tính từ	Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc đoạn 1 của bài “Thanh âm của gió”. Cả lớp lắng nghe.

- HS chơi theo nhóm. Thực hiện các vòng thi theo hướng dẫn của giáo viên.

a. 1 danh từ chỉ con vật: trâu

b. 1 danh từ chỉ thời gian: ngày

c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: gió, nắng.

- 4 động từ: chẵn, qua, ăn, lên, chiếu, rong chơi, vút, đùa nghịch.

- 4 tính từ: cỏ (tươi tốt), suối (nhỏ), nước (trong veo), cát, sỏi (lấp lánh)

- VD: nắng chiếu trên những cánh hoa vàng lung linh.

- Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng

<p>- GV nhận xét chung trò chơi.</p>	<p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>+ GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp.</p> <p>+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)</p> <p>+ Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ (chỉ người, vật,...) có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 1: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS đọc, viết được số tự nhiên; Viết được số tự nhiên thành tổng các số hạng theo hàng.

- HS vận dụng được việc đọc, viết số tự nhiên; viết được số tự nhiên thành tổng các số hạng theo hàng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp

toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được số tự nhiên thành tổng các số hạng theo hàng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Đọc số sau; 324567</p> <p>+ Câu 2: Cho số sau: 378 691, theo em chữ số 3 thuộc hàng nào, nêu giá trị của chữ số 3 trong số đó.</p> <p>+ Câu 3: Viết số sau: Bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm linh tư.</p> <p>Câu 4: Điền dấu >, < hoặc = và dấu chấm: 100 000.....99 876</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: Ba trăm hai mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi bảy</p> <p>+ Trả lời Chữ số 3 thuộc hàng trăm nghìn, có giá trị là 300 000.</p> <p>+ Trả lời: 416 504</p> <p>+ Trả lời: 100 000 > 99 876</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ HS đọc, viết được số tự nhiên; Viết được số tự nhiên thành tổng các số hạng theo hàng.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Viết số và đọc số (theo mẫu).</p>	

- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn bài mẫu.
 - GV mời HS làm việc cá nhân: Đọc và viết số theo mẫu.

Số gồm	Viết số	Đọc số
5 chục nghìn, 2 nghìn, tám trăm, 1 chục và 4 đơn vị	52 814	Năm mươi hai nghìn tám trăm mười bốn
3 chục triệu, 8 nghìn, 2 chục và 1 đơn vị	?	?
8 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 1 chục và 5 đơn vị	?	?
1 triệu, 2 trăm nghìn, 3 trăm, 2 chục và 4 đơn vị	?	?

- GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn bài mẫu.
 - GV mời HS làm việc cá nhân: Đọc và viết số theo mẫu:

Số gồm	Viết số	Đọc số
5 chục nghìn, 2 nghìn, tám trăm, 1 chục và 4 đơn vị	52 814	Năm mươi hai nghìn tám trăm mười bốn
3 chục triệu, 8 nghìn, 2 chục và 1 đơn vị	30 008 021	Ba mươi triệu không trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi một.
8 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 1 chục và 5 đơn vị	820 015	Tám trăm hai mươi nghìn không trăm mười lăm.
1 triệu, 2 trăm nghìn, 3 trăm, 2 chục và 4 đơn vị	1 200 324	Một triệu hai trăm nghìn ba trăm hai mươi tư.

Bài 2. Số?

- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn cách làm.
 - GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện điền số thích hợp vào dấu ?
 a) $504\ 842 = 500\ 000 + 4\ 000 + \dots + 40 + 2$
 b) $1\ 730\ 539 = 1\ 000\ 000 + \dots + 30\ 000 + 500 + 30 + 9$
 c) $26\ 400\ 500 = 20\ 000\ 000 + 6\ 000\ 000 + 400\ 000 + \dots$
 - GV mời đại diện các nhóm trả lời.
 - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS quan sát, lắng nghe GV hướng dẫn cách làm.
 - HS làm việc nhóm đôi, thực hiện điền số thích hợp vào dấu ?
 a) $504\ 842 = 500\ 000 + 4\ 000 + 800 + 40 + 2$
 b) $1\ 730\ 539 = 1\ 000\ 000 + 700\ 000 + 30\ 000 + 500 + 30 + 9$
 c) $26\ 400\ 500 = 20\ 000\ 000 + 6\ 000\ 000 + 400\ 000 + 500$
 - Đại diện các nhóm trả lời.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 3. Rô-bốt có thói quen viết các số biểu diễn ngày, tháng, năm liên tiếp nhau để được một số tự nhiên có nhiều chữ số. Ví dụ, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Rô-bốt sẽ viết được số 3 041 975.</p> <p>a) Hỏi với ngày Nhà giáo Việt Nam năm nay, Rô-bốt sẽ viết được số nào?</p> <p>b) Hãy cho biết giá trị của từng chữ số 2 trong số mà Rô-bốt sẽ viết ở câu a</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV giải thích cách làm. - GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. <ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS lắng nghe cách làm. - Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu. - Đại diện các nhóm trình bày. <p>a. Ngày Nhà giáo Việt Nam năm nay, Rô-bốt sẽ viết được số: 20 112 024 + Chữ số 2 thứ nhất: 20 000 000 + Chữ số 2 thứ hai: 2 000 + Chữ số 2 thứ ba: 20</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - HS lắng nghe
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 4. Ba số chẵn liên tiếp được viết vào ba chiếc mũ, mỗi chiếc mũ được viết một số. Việt, Nam và Rô-bốt, mỗi bạn một chiếc mũ trên. Rô-bốt nhìn thấy số được viết trên mũ của Việt và Nam là 2032 và 2028. Hỏi chiếc mũ mà Rô-bốt đang đội được viết số nào?</p>	



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.
- HS trả lời:
 - + Ba số chẵn liên tiếp sẽ hơn kém nhau 2 đơn vị.
 - + Số của Việt là 2 032
 - + Số của Nam là 2 028
 - + Vay số của Rô-bốt là: 2 030
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Đạo đức

Bài 1: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về những đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương đất nước.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thể hiện qua thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm hiểu về các nhân vật lịch sử có công với quê hương, đất nước.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS xem video bài hát “Biết ơn chị Võ Thị Sáu” (sáng tác của Nguyễn Đức Toàn).</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về nội dung, ý nghĩa bài hát:</p> <p>+ Bài hát nói về điều gì?</p> <p>+ Em có suy nghĩ, cảm nhận gì về điều đó?</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:</p> <p>Chúng ta có cuộc sống hòa bình, tự do và hạnh phúc như ngày hôm nay là nhờ công lao của các thế hệ đi trước đã bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước. Bởi vậy, chúng ta cần biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. Bài học hôm nay chúng ta sẽ hiểu được điều đó. Vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước và những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn ấy.</p>	<p>- HS xem video bài hát hát “Biết ơn chị Võ Thị Sáu”.</p> <p>- Cùng trao đổi về nội dung và ý nghĩa bài hát.</p> <p>+ Bài hát nói về lòng biết ơn người anh hùng Võ Thị sáu.</p> <p>+ Cảm thấy biết ơn và tự hào về chị Võ Thị Sáu.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p>	

<p>- Mục tiêu: + Học sinh kể được tên và một số đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động tìm hiểu đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước. - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nội dung và đưa ra ý kiến. + Chị Võ Thị Sáu đã có công gì với quê hương, đất nước? + Hãy chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về tấm gương đó? - GV mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: <i>Chị Võ Thị sáu đã cống hiến cả cuộc đời cho cách mạng, cho đất nước. Tấm gương của chị là biểu tượng của thế hệ trẻ về một lòng nồng nàn yêu nước, sẽ còn lưu lại trong sử sách và trong trái tim hàng triệu người Việt Nam.</i></p>	<p>- HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm. Đại diện các nhóm trình bày: + Chị Võ Thị Sáu tham gia cách mạng từ năm 14 tuổi, trở thành chiến sĩ trinh sát gan dạ,... chị làm rất nhiều việc cho quê hương, đất nước. + HS chia sẻ theo suy nghĩ (tin yêu, kính phục, biết ơn chị Võ Thị Sáu. - Đại diện các nhóm khác nhận xét. - HS lắng nghe.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước. + Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: Quan sát ảnh và thực hiện yêu cầu. - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát ảnh dưới đây và nêu những đóng góp cho quê hương, đất nước của nhân vật trong ảnh. - Các nhóm thảo luận và đại diện trình bày trước lớp.</p>	<p>- HS quan sát ảnh, thảo luận và đại diện trình bày trước lớp: + Ảnh 1: Đại tướng Võ Nguyên Giáp được bình chọn là một trong 10 vị tướng giỏi nhất thế giới, là đại tướng đầu tiên của Việt Nam khi mới 37 tuổi. + Ảnh 2: Nhạc sĩ Văn Cao tác giả của bài hát “Tiến quân ca” - Quốc</p>



Đại tướng Võ Nguyên Giáp
(1911 – 2013)

Nhạc sĩ Văn Cao
(1923 – 1995)

Bác sĩ Tôn Thất Tùng
(1912 – 1982)



Mẹ Việt Nam Anh hùng
Nguyễn Thị Thứ
(1904 – 2010)



Giáo sư,
Nhà giáo Nhân dân
Hoàng Xuân Sinh



Bà Mai Kiều Liên –
Tổng Giám đốc Công ty
sữa Việt Nam Vinamilk

ca chính thức của Việt Nam.

+ Ảnh 3. Bác sĩ Tôn Thất Tùng, bác sĩ phẫu thuật nổi danh trong lĩnh vực nghiên cứu về gan.

+ Ảnh 4: Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thứ, người mẹ có nhiều con cháu hy sinh trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp.

+ Ảnh 5: Giáo sư nhà giáo nhân dân hoàng xuân sinh nữ giáo sư toán học đầu tiên của Việt Nam. Có nhiều đóng góp quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học và toán học.

+ Ảnh 6: Bà Mai Kiều Liên, Tổng giám đốc công ty sữa Việt Nam Vinamilk Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới một trong những doanh nhân quyền lực nhất Châu Á có đóng góp nổi bật cho nền kinh tế Việt Nam và khu vực.

- GV nhận xét, tuyên dương

4. Hoạt động vận dụng.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Tiếp sức” để kể thêm tên và những đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, ...

- GV nêu luật chơi: Bảng chia thành 2 phần, ghi đội 1, đội 2 vào từng phần; chọn 2 đội chơi, mỗi đội từ 3-5 thành viên.

- GV mời các đội bắt đầu chơi.

- GV tổng kết trò chơi, tuyên dương.

- Các đội chọn thành viên, lắng nghe luật chơi.

- Các đội tham gia chơi

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm

- Nhận xét tiết học.	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Lịch sử- Địa lí

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT BƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM
Bài 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt nam, kể tên được một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu Địa lí thông qua việc xác định trên lược đồ hoặc bản đồ vị trí địa lí của Việt Nam; trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến vị trí địa lí, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

3. Phẩm chất.



- Phẩm chất yêu nước: Biết tôn trọng Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của nước ta.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

* **Giáo dục Quốc phòng an ninh:** Giới thiệu bản đồ Việt Nam và khẳng định chủ quyền đối với hai hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Lược đồ vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và hình 2 trong SGK trang 5. <div data-bbox="272 584 826 898" style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">▲ Hình 1. Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, dựa vào hiểu biết cá nhân, chia sẻ những điều HS đã biết về các địa danh này. - GV đặt câu hỏi gợi ý. + Cho biết tên hai địa điểm ở hình 1, 2. + Em biết gì về hai địa điểm này. - GV yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. - GV kết luận: + Hình 1: Cột cờ Lũng Cú ở tỉnh Hà Giang, đây là địa điểm ở cực Bắc của Tổ quốc. + Hình 2: Mũi Cà Mau, phần lãnh thổ cuối cùng về phía nam của Việt Nam. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh. <div data-bbox="903 584 1449 898" style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">▲ Hình 2. Mũi Cà Mau (Cà Mau)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi, dựa vào hiểu biết cá nhân, chia sẻ những điều HS đã biết về các địa danh này. - HS lắng nghe. - HS trình bày kết quả thảo luận. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. + Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của Việt Nam. (Thực hiện nhóm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 1 (SGK trang 5) và quan sát hình 3 (Bản đồ hành 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và quan sát lược đồ.

chính Việt Nam năm 2021 SGK trang 6).

- GV đặt câu hỏi:

1. Em hãy xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ.
2. Em hãy xác định vị trí của biển và các quốc gia tiếp giáp với phần đất liền của nước ta.

*** Giáo dục Quốc phòng an ninh:**

- Dựa vào bản đồ Việt Nam, em hãy liệt kê các đảo vào quần đảo nước ta.

Việt Nam có nhiều đảo và quần đảo. Nhưng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam có vai trò cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt đối với Việt Nam không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị mà cả an ninh - quốc phòng. Là cầu nối vươn ra biển cả, là điểm tựa khai thác các nguồn lợi biển, là những điểm tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền với hai quần đảo này.

3. Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta

- GV yêu cầu HS áp dụng kỹ thuật Khăn trải bàn, mỗi thành viên nhóm suy nghĩ và viết ra góc khăn trải bàn của mình. Nhóm sẽ thảo luận và viết kết quả vào giữa khăn trải bàn.

- GV yêu cầu HS viết kết quả thảo luận trên sơ đồ tư duy.

- GV mở rộng thêm:

+ Nước ta có những thiên tai nào?

+ Kể tên các cây trồng, vật nuôi phổ biến ở nước ta.

- GV giải thích cho HS hiểu về thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta.

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (nhiệt độ

- HS trả lời câu hỏi.

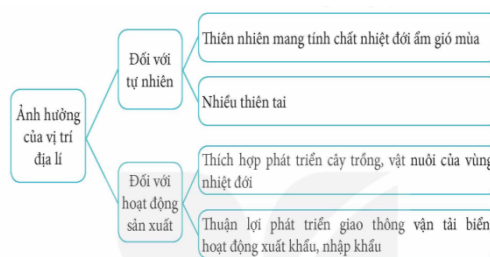
1. Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc Châu Á.

2. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với 3 quốc gia: Trung Quốc, Lào, Campuchia và tiếp giáp với biển.

Vùng biển nước ta thuộc biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.

- HS liệt kê các đảo và quần đảo

3.



+ Bão, lũ lụt, hạn hán

+ Lúa, ngô, trà, cà phê, cao su, cây ăn quả

- HS lắng nghe.

cao, lượng mưa lớn, chịu ảnh hưởng của gió mùa).

+ Rừng nhiệt gió mùa phát triển trên đất phera-lít là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nước ta.

Hoạt động 2: Tìm hiểu lãnh thổ và đơn vị hành chính.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 SGK trang 6).

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đề:

1. *Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.*

2. *Nêu số lượng đơn vị hành chính nước ta.*

3. *Kể tên một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của nước ta.*

- GV mời nhóm trình bày.

- GV mời HS nhận xét

- GV giải thích thêm:

+ Vùng đất là toàn bộ phần đất liền được xác



Hình 4. Một số ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta

- HS đọc thông tin và quan sát hình 3.

- HS thảo luận nhóm.

- Đại diện nhóm trình bày.

-1. *Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.*

+ *Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.*

+ *Vùng đất của nước ta gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo trên Biển Đông.*

+ *Phần đất liền của nước ta có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc – nam.*

2. *Số lượng đơn vị hành chính ở nước ta.*

+ *Việt Nam có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.*

3. *Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở nước ta.*

5 thành phố trực thuộc Trung ương là: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

<p>định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của hàng nghìn hòn đảo trên Biển Đông.</p> <p>+ Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km², tiếp giáp với vùng biển của các nước Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Cam-pu-chia và Thái Lan.</p> <p>+ Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới; trên biển là ranh giới phía ngoài của các lãnh hải và không gian các đảo.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021.</p> <p>+ Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố? Bao nhiêu thành phố trực thuộc Trung ương?</p> <p>+ Vùng đất là gì?</p> <p>+ Vùng biển là gì?</p> <p>+ Vùng trời là gì?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt
LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập về 3 từ loại đã học ở lớp 4: Danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Tiếng Việt

2. **Học sinh:** Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động Khởi động</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu bài hát: “Bé vui đến trường” của nhạc sĩ Đỗ Anh Hùng, do nhóm Nhóm Hoa Tây, bé Phan Hiếu Kiên, bé Thủy Vy, Yumi trình bày.</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về nội dung câu chuyện để dẫn dắt vào bài:</p> <p>+ Bạn nhỏ trong bài hát đi đâu?</p> <p>+ Đến lớp bé được ai khen?</p> <p>+ Đi học có vui không?</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài.</p>	<p>- HS cùng trao đổi với GV về nội dung câu chuyện trong bài hát:</p> <p>+ Bạn nhỏ trong bài hát đi đến trường</p> <p>+ Được cô khen.</p> <p>+ HS trả lời theo suy nghĩ</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành.

- Mục tiêu:

Ôn tập về 3 từ loại đã học ở lớp 4: Danh từ, động từ, tính từ, hiểu đặc điểm và chức năng của mỗi từ loại.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1: (trang 4 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1)Nối ý ở cột B với nhóm từ tương ứng ở cột A

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

A	B
Danh từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật
Động từ	Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái
Tính từ	Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. (trang 4 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1)Đọc đoạn đầu của bài Thanh âm của gió và thực hiện các yêu cầu dưới đây

Trò chơi:

- GV yêu cầu HS đọc đoạn đầu của bài “Thanh âm của gió”.

- GV giới thiệu trò chơi: Trò chơi có 4 vòng. Lớp chia thành các đôi chơi, mỗi đội 5 bạn. Các đội chơi lần lượt từ vòng 1 đến vòng 4. Hết mỗi vòng, các đội dừng lại chấm bài và tính điểm. Điểm thi đua cả cuộc chơi bằng điểm trung bình cộng của cả 4 vòng chơi.

+ **Vòng 1:** Tìm danh từ theo mỗi nhóm sau:

a. 1 danh từ chỉ con vật.

b. 1 danh từ chỉ thời gian.

c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

A	B
Danh từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật
Động từ	Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng
Tính từ	Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc đoạn 1 của bài “Thanh âm của gió”. Cả lớp lắng nghe.

- HS chơi theo nhóm. Thực hiện các vòng thi theo hướng dẫn của giáo viên.

a. 1 danh từ chỉ con vật: trâu

b. 1 danh từ chỉ thời gian: ngày

c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: gió, nắng.

<p>+ Vòng 2: Tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của người hoặc vật.</p> <p>+ Vòng 3: Tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật dưới đây:</p> <p style="text-align: center;">Cỏ, suối, nước, cát, sỏi</p> <p>+ Vòng 4: Đặt một câu nói về hiện tượng tự nhiên, trong đó có ít nhất 1 danh từ, 1 động từ, 1 tính từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng. - GV nhận xét chung trò chơi. <p>Bài 3* (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Tìm các danh từ, động từ, tính từ trong đoạn trích sau theo yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: <p>a.4 danh từ: b.4 động từ: c.3 tính từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhắc lại khái niệm danh từ, động từ, tính từ. - GV cho cả lớp làm vở BT <p>GV thu vở nhận xét, chốt đáp án.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 4 động từ: chẵn, qua, ăn, lên, chiếu, rong chơi, vút, đùa nghịch. - 4 tính từ: cỏ (tươi tốt), suối (nhỏ), nước (trong veo), cát, sỏi (lấp lánh) - VD: nắng chiếu trên những cánh hoa vàng lung linh. - Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu - HS nhắc lại. - HS làm vở BT a.4 danh từ: tranh sách; lửa; ao; giấy b.4 động từ: cháy; vỡ; đi; nói c.3 tính từ: sâu; dạt dào; ướt
<p>3. Hoạt động Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ (chỉ người, vật,...) có 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.

trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Thứ ngày tháng 9 năm 2024

Tiếng Việt
Tiết 3: VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu bài hát “Em yêu trường em”, sáng tác Hoàng Vân để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát “Em yêu trường em” - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu. - GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài. - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây: a. Bài văn kể lại câu chuyện gì? b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu ý chính của mỗi phần? c. Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn? d. Tìm nội dung phù hợp với mỗi chi tiết sáng tạo A và B.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài theo nhóm: - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời: a. Bài văn kể lại câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu” của nhà văn Nguyễn Thị Kim Hoà. b. Mở bài: Từ đầu đến “Nguyễn Thị Kim Hoà”; Nội dung: Giới thiệu tên câu chuyện và tác giả câu chuyện. Thân bài: Tiếp theo đến”do có nén cườ”. Nội dung: kể lại câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu” Kết bài: phần còn lại. Nội dung: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện. c. Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần thân bài (phần kể lại câu chuyện của bài văn. d. A: Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật. B: Sáng tạo thêm các chi tiết tả cảnh. - Đại diện các nhóm trình bày kết</p>
<p>- GV mời các nhóm trình bày kết quả.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết: <p><i>Qua bài tập 1 các em đã được làm quen với một kiểu bài kể chuyện sáng tạo. Người viết có thể sáng tạo thêm một số chi tiết kể, tả,...hoặc thêm lời thoại cho nhân vật. Tùy theo sự tưởng tượng của mỗi người, mà các chi tiết sáng tạo sẽ được đặt vào vị trí phù hợp trong bài văn.</i></p>	<p>quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>Bài 2: Theo em, đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV mời cả lớp làm việc chung. <p><i>Chuột xù lồm cồm bò dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhét mới xấu hổ bảo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi. <p><i>Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lễn cười.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: <p><i>Như vậy, khi kể chuyện sáng tạo, ngoài việc thêm các chi tiết kể, tả, lời thoại, thì chúng ta có thể thay đổi kết thúc của câu chuyện nhưng không được thay đổi kết cấu nội dung câu chuyện.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Một số HS trả lời: Đoạn văn trên có thể thêm hoặc thay thế cho đoạn kết.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo và các chi tiết sáng tạo cho bài văn, nêu được những cách có thể viết bài văn kể chuyện sáng tạo. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời cả lớp làm việc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo

<p>+ Thêm chi tiết tả ngoại hình hoặc hoạt động của nhân vật.</p> <p>+ Thay đổi cách kết thúc câu chuyện</p> <p>+ Tưởng tượng mình đang tham gia vào câu chuyện như đang “nhìn”, “nghe”, “chạm vào”,... để sáng tạo chi tiết.</p> <p>- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:</p> <p><i>Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.</i></p> <p><i>Bài văn có 3 phần:</i></p> <p>- <i>Mở bài: giới thiệu câu chuyện.</i></p> <p>- <i>Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.</i></p> <p>- <i>Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.</i></p>	<p>luận và trình bày kết quả:</p> <p>- Các chi tiết có thể được sáng tạo như:</p> <p>+ Thêm chi tiết tả bối cảnh (không gian, thời gian).</p> <p>+ Thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật.</p> <p>+ Thêm (thay đổi) chi tiết kể tình huống, sự việc.</p> <p>+ Thêm nhân vật vào câu chuyện.</p> <p>+ Thêm lời thoại cho nhân vật.</p> <p>+ Thay đổi cách kết thúc câu chuyện.</p> <p>+ Thay đổi đoạn kết hoặc thêm đoạn kết,...</p> <p>- Các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:</p> <p>1/ Nêu điều em học tập được từ bà văn kể chuyện sáng tạo.</p> <p>2/ Sáng tạo chi tiết hoặc thay đổi cách kết thúc câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu”</p> <p>- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng</p>

- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 1 ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS vận dụng được việc đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập</p>	

trung.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: điền số thích hợp vào dấu chấm:

$$84\ 942 = 80\ 000 + 4\ 000 + \dots + 40 + 2$$

+ Câu 2: Viết số sau: Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn ba trăm linh chín.

+ Câu 3: Chữ số 5 trong số sau thuộc hàng nào?

7 584 621

Câu 4: Điền dấu >, < hoặc = và dấu chấm:

$$9\ 874\ 125 \dots\dots\dots 9\ 874\ 135$$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

- HS tham gia trò chơi

+ Trả lời: 900

+ Trả lời: 1 570 309.

+ Trả lời: Chữ số 5 thuộc hàngtrăm nghìn.

+ Trả lời: $9\ 874\ 125 < 9\ 874\ 135$

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động thực hành



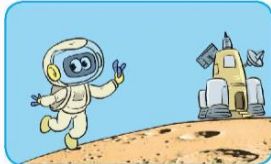
- Mục tiêu:

+ HS vận dụng được việc đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.

a. Đỉnh núi nào dưới đây cao nhất?

<p>A. </p> <p>Đỉnh E-vơ-rét (Everest): 8 848 m (Nguồn: nationalgeographic.com)</p>	<p>B. </p> <p>Đỉnh núi Bà Đen: 986 m (Nguồn: badenmountain.sunworld.com)</p>
<p>C. </p> <p>Đỉnh Ô-lim-pốt Mon (Olympus Mons): 25 000 m (Nguồn: nationalgeographic.com)</p>	

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời lớp làm việc chung: Quan sát tranh, đọc số liệu mỗi tranh xác định đỉnh núi cao nhất trong 4 đỉnh núi trên.

- GV mời HS trả lời.

- GV nhận xét, tuyên dương.

B. Bộ đồ chơi nào dưới đây có giá tiền


- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc chung: Quan sát tranh, đọc số liệu mỗi tranh xác định đỉnh núi cao nhất trong 4 đỉnh núi trên.

- HS trình bày: Đáp án C. 25 000m


thấp nhất?

A.




195 000 đồng

B.



1 175 000 đồng

C.



2 000 000 đồng

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc chung: Quan sát tranh, đọc giá tiền thấp nhất của bộ trò chơi.
- GV mời HS trả lời.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc chung: Quan sát tranh, đọc giá tiền thấp nhất của bộ trò chơi.
- HS trình bày: Đáp án A. 195 000 đồng

Bài 2. Trong bốn năm, một cửa hàng đã thống kê số sản phẩm bán được như bảng số liệu dưới đây.

Năm	2020	2021	2022	2023
Số sản phẩm bán được	2 873	2 837	3 293	3 018

- a. Nêu số sản phẩm cửa hàng bán mỗi năm.
 - b. Năm nào cửa hàng bán được nhiều sản phẩm nhất? Năm nào cửa hàng bán được ít sản phẩm nhất?
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
 - GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập a và b.
 - GV mời đại diện các nhóm trả lời.
-
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Đại diện các nhóm trả lời.
- a. Số sản phẩm cửa hàng bán mỗi năm:
 - + 2020 bán được 2 873 SP
 - + 2021 bán được 2 837 SP
 - + 2022 bán được 3 293 SP
 - + 2023 bán được 3 018 SP
- b. Năm 2022 cửa hàng bán được nhiều sản phẩm nhất (3 293SP) Năm 2021 cửa hàng bán được ít sản phẩm nhất (2 837)
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Cuối ngày, người bán hàng nói rằng: “Doanh thu cả ngày của cửa hàng

được khoảng 2 500 000 đồng. Thực tế doanh thu cả ngày của cửa hàng là 2 545 000 đồng.

a. Hỏi người bán hàng đã làm tròn doanh thu đến hàng nào?

b. Hãy làm tròn doanh thu thực tế của cửa hàng đến hàng chục nghìn.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.

a. Người bán hàng đã làm tròn doanh thu đến hàng nghìn.

b. Làm tròn doanh thu thực tế của cửa hàng đến hàng chục nghìn:

2 550 000 đồng

- Đại diện các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

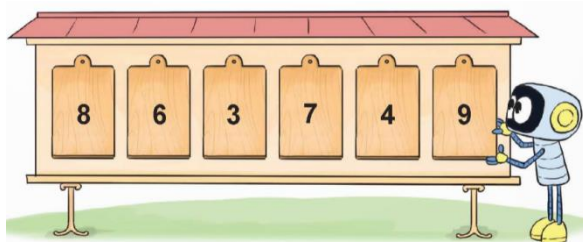
+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Rô-bốt lập số 863 749 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây:



Em hãy đổi chỗ 2 tấm thẻ để nhận được một số lẻ lớn nhất.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.

- GV mời HS trả lời.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

+ Nếu đổi chỗ 2 tấm thẻ thì ta đổi

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>chỗ tám thẻ số 6 ở hàng chục nghìn với tám thẻ số 7 ở hàng trăm, ta được số lẻ lớn nhất là: 873 649</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
---	--

GV

Khoa học

TUẦN 1:

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: Nêu được một số thành phần của đất, trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

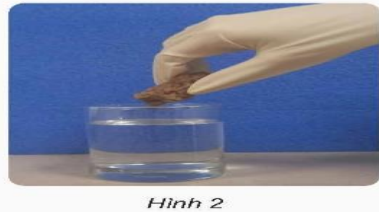
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nêu được một số cây trên cạn được trồng trên đất ở các nơi khác nhau. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	

<p>- GV tổ chức trò chơi “Tôi được trồng ở đâu?”</p> <p>Cách chơi</p> <p>- GV đưa ra các bức ảnh có cây trồng để HS đoán Xem cây đó được trồng ở đâu. Ai có câu trả lời đúng sẽ được thưởng.</p> <div data-bbox="225 412 820 680" style="text-align: center;">  <p>Hình 1</p> </div> <p>- GV khen thưởng HS trả lời đúng.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Cây có thể sống và phát triển trên các loại đất nhưng không thể trồng trên đá. Vậy, trong đất có những thành phần nào giúp cho cây trồng có thể phát triển, các em cùng tìm hiểu ở các hoạt động sau.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi.</p> <p>+ Ảnh 1: Cây rau cải trồng trên đất trong vườn. (Tự chọn)</p> <p>+ Ảnh 2: Cây phi lao trồng trên đất ngoài bờ biển. (Tự chọn)</p> <p>+ Ảnh 3: Cây ngô trồng trong các khe đất mà không được trồng trên đá (Hình 1 SGK)</p> <p>- HS nhận thưởng</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được thành phần của đất gồm: không khí, nước, chất khoáng và một số chất khác.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Trong đất có không khí.</p> <p>- GV cho HS thực hiện TN1 để chứng minh trong đất có không khí theo nhóm và ghi vào phiếu thí nghiệm của nhóm lần lượt theo các bước:</p> <p>+ Bước 1: Kiểm tra việc chuẩn bị đồ dùng TN.</p> <p>+ Bước 2: Các nhóm thảo luận viết dự đoán hiện tượng xảy ra ngay sau khi thả đất vào cốc nước.</p> <p>+ Bước 3: Các nhóm tiến hành thả đất vào cốc nước, quan sát hiện tượng xảy ra.</p> <p>+ Bước 4: Kết luận và so sánh với dự đoán ban đầu.</p>	<p>- HS hoạt động nhóm, nhóm trưởng phân công các bạn thực hiện TN1 và ghi vào phiếu.</p> <p>+ HS kiểm tra đồ dùng của nhóm: 1 đĩa ít đất, 1 cốc thủy tinh chứa nước, gang tay.</p> <p>+ Các nhóm đưa dự đoán trước khi làm TN: có bọt nổi lên, cốc nước đục màu hơn lúc đầu, trong nước có tạp chất,...</p> <p>+ Các nhóm tiến hành làm TN: Lưu ý: HS phải quan sát thật nhanh khi mới thả đất vào cốc nước.</p> <p>+ Các nhóm đưa ra kết luận và so sánh với dự đoán ban đầu.</p>

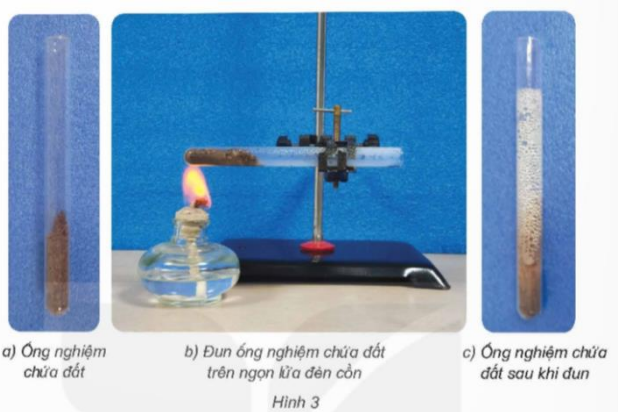


Hình 2

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV kết luận: Hiện tượng xảy ra ngay khi thả đất vào cốc nước là có bọt khí nổi lên. TN chứng tỏ trong đất có không khí.

Hoạt động 2: Trong đất có nước.

- GV tổ chức cho HS quan sát video hoặc ảnh minh họa TN ở hình 3 và mô tả TN.



a) Ống nghiệm chứa đất

b) Đun ống nghiệm chứa đất trên ngọn lửa đèn cồn

c) Ống nghiệm chứa đất sau khi đun

Hình 3

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận nêu hiện tượng xảy ra trong TN và cho biết trong đất có những thành phần nào?
- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- GV kết luận:

Sau khi đun ống nghiệm chứa đất thấy xuất hiện những giọt nước nhỏ bám vào thành ống nghiệm. Thí nghiệm chứng tỏ trong đất có nước.

Hoạt động 3: Trong đất có chất khoáng,

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe

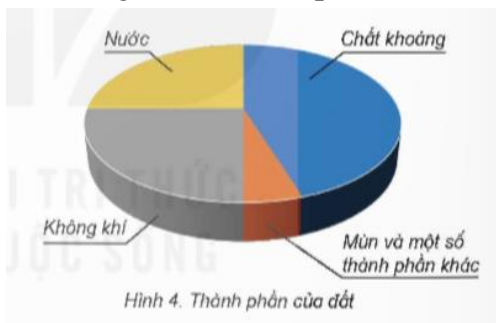
- HS quan sát hình 3 dựa vào video hoặc tranh ảnh của giáo viên so sánh và nhận xét ống nghiệm ở hình 3 a trước khi đun và hiện tượng của ống nghiệm sau khi đun:

- HS thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày
- + Trước khi đun ống nghiệm chứa đất không có hiện tượng gì xảy ra.
- + Khi đun ống nghiệm chứa đất thấy xuất hiện những bong bóng nước nhỏ bám vào thành ống.
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

mùn và một số thành phần khác.

- GV cho HS hoạt động cá nhân quan sát hình 4 và đọc thông tin về thành phần của đất.



- GV hỏi:

+ Ngoài không khí và nước trong đất còn có những thành phần nào?

+ Thành phần nào có nhiều nhất ở trong đất?

- GV kết luận:

Trong đất có nước và không khí, chất khoáng, mùn,...

- HS quan sát hình 4 và đọc thông tin.

- HS trả lời:

+ Ngoài không khí và nước, trong đất còn có chất khoáng, mùn và một số thành phần khác.

(HS có thể kể thành phần của đất là chất dinh dưỡng hoặc các sinh vật, xác sinh vật, lá cây, rễ cây,...)

+ Chất khoáng chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong đất.

- HS lắng nghe, ghi nhớ

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ HS kể tên được các thành phần của đất.

- Cách tiến hành:

Hoạt động nhóm

- GV tổ chức cho HS trò chơi “Truyền điện” kể tên các thành phần của đất mà em biết.

- GV tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS tham gia chơi

+ Không khí

+ Nước

+ Chất khoáng

+ Mùn

+ Một số thành phần khác

....

- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhóm bạn.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Cùng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

<p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Nhận xét tiết học .</p> <p>- Dẫn dò:</p> <p>+ Về nhà quan sát thêm các loại đất khác nhau xem các thành phần của chúng có khác nhau không.</p> <p>+ Tìm hiểu vai trò của đất đối với cây trồng.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS nghe và thực hiện</p> <p>- HS tìm hiểu về tác dụng của đất đối với cây trồng.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ

TUẦN 1:

PHẦN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Bài 1: VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nhận thức công nghệ trình bày được vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống hàng ngày.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số sản phẩm công nghệ và vai trò của nó ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.


- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của sản phẩm công nghệ vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 6). + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động đóng vai theo nhóm đôi hỏi đáp về tác dụng của một sản phẩm công nghệ trong đời sống. - GV mời một số nhóm trình bày <div data-bbox="229 965 911 1335" style="border: 1px solid gray; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>Nhờ có máy bay, con người có thể đi đến những nơi rất xa thật dễ dàng chị nhỉ?</p>  <p>Đúng vậy em ạ.</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <p>Con người sử dụng các sản phẩm công nghệ để phục vụ cho đời sống của mình thuận tiện và tốt hơn. Mỗi sản phẩm công nghệ có vai trò khác nhau, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của con người. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Vai trò của công nghệ”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp quan sát tranh. - HS1: Nêu tên một sản phẩm công nghệ. - HS2: Nêu cách con người sử dụng sản phẩm công nghệ đó. - HS trả lời: + Xe máy, ô tô: giúp con người di chuyển nhanh chóng. + Tủ lạnh: để bảo quản thức ăn. + Điện thoại: giúp con người liên lạc với nhau,... - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động khám phá 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các sản phẩm công nghệ trong hình 1 và cho biết chúng có vai trò 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh, thảo luận và nêu vai trò của sản phẩm đó trong

như thế nào trong đời sống.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị 3 chiếc giỏ ghi tên như sau:

+ Đáp ứng nhu cầu ăn ở, đi lại, giải trí của con người.

+ Giúp tăng năng suất lao động.

+ Giúp cải thiện môi trường.

- GV hướng dẫn HS:

+ Các nhóm thảo luận và sắp xếp các thẻ tên sản phẩm công nghệ đã tìm hiểu ở hoạt động khám phá 1 vào 3 chiếc giỏ sao cho vai trò của mỗi sản phẩm công nghệ phù hợp với tên chiếc giỏ đó.

+ Viết thêm một số sản phẩm công nghệ khác rồi sắp xếp vào các giỏ theo đúng vai trò của sản phẩm.

+ Mỗi thẻ tên sản phẩm công nghệ trong hình 1 để đúng giỏ được tính 1 sao.

+ Mỗi thẻ tên sản phẩm công nghệ khác với các sản phẩm trong hình 1 để đúng giỏ được tính 2 sao.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Sản phẩm công nghệ có vai trò quan trọng

đời sống.

a. Vai trò xe đạp: giúp con người di chuyển nhanh hơn.

b. Vai trò tủ lạnh: giúp bảo quản thức ăn.

c. Vai trò máy cày: giúp con người tăng năng suất lao động.

d. Vai trò máy tính điện tử: giúp con người học tập, làm việc và lưu trữ thông tin.

e. Vai trò máy đóng nút chai: giúp con người đóng chai nhiều, nhanh, tăng năng suất.

g. Vai trò hoa và cây cảnh: trang trí, làm đẹp không gian.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm trình bày kết

<p>những sản phẩm công nghệ đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà. 	<p>gia đình em ở nhà, giải thích lợi ích của những sản phẩm công nghệ đó trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Mĩ thuật
CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ
BÀI 1: NGÀY HÈ
(Thời lượng 2 tiết – Học tiết 1)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

* Sau bài học này, HS sẽ:

- Xác định được hình ảnh, hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.

Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản, lặp lại,...trong thực hành, sáng tạo sản phẩm Mỹ thuật.

- Phân tích, đánh giá được sản phẩm mỹ thuật của mình và của bạn.

Biết chia sẻ và gìn giữ nét đẹp văn hoá truyền thống trong hoạt động ngày hè.

1. Về phẩm chất.

- Góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

- + *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:* Nêu được tên hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.

- + *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ:* Tạo được bức tranh về ngày hè bằng cách in hoặc vẽ.

- + *Phân tích đánh giá thẩm mỹ:* Trưng bày và giới thiệu sản phẩm mỹ thuật; chia sẻ với bạn bè về nguyên lí cân bằng, tương phản lặp lại ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

2.2. Năng lực chung.

- + *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu thông dụng để học tập, tự chủ và bộc lộ sở thích, khả năng của bản thân trong thực hành sáng tạo.

- + *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết dùng vật liệu và công cụ, họa phẩm để thực hành sáng tạo nên sản phẩm.

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm phục vụ học tập hoặc vui chơi, sinh hoạt.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

+ *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kỹ năng trình bày trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

+ *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào bài thực hành.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

+ *Phương pháp*: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

+ *Hình thức tổ chức*: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- SGK, *Mĩ thuật lớp 5*. SGK, *Mĩ thuật lớp 5*. Kế hoạch bài dạy.
- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).
- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.
- Một số sản phẩm *Mĩ thuật* của HS với chủ đề

2. Học sinh.

- SGK. VBT
- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...
- Sưu tầm tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Kế hoạch học tập.

Tiết	Bài	Nội dung	Hoạt động
1	Bài 1:		- Quan sát và nhận thức.
2	Bài 1:		- Thực hành và sáng tạo. - Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.
3	Bài 2:		- Quan sát và nhận thức.
4	Bài 2:		- Thực hành và sáng tạo. - Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở, năng lực tiếp nhận kiến thức của HS, GV có thể chủ động điều chỉnh nội dung, linh hoạt bố trí thời gian thực hiện hoạt động ở mỗi tiết cho phù hợp nhưng phải đảm bảo HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ

trong chủ đề.

A. QUAN SÁT – NHẬN THỨC.

- Là hoạt động quan sát thực tế, tranh, ảnh, sản phẩm Mĩ thuật nhằm khám phá nhận thức thẩm mĩ.

* HOẠT ĐỘNG 1: Khám phá cảnh đẹp quê hương đất nước.	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS sinh hoạt đầu giờ. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi. <p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hoạt động, gợi mở cho HS nhận diện và nêu tên và đặc điểm các trò chơi, hoạt động. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh về các hoạt động, trò chơi SHS tr.6 và một số hình ảnh GV cung cấp thêm: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Kéo co.</i> + <i>Bịt mắt bắt dê.</i> + <i>Tập võ.</i> + <i>Rồng rắn lên mây.</i> + <i>Dung dăng dung dẻ.</i> + <i>Đi biển mùa hè.</i> + <i>Thả diều.</i> + <i>Dọn vệ sinh môi trường.</i> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, chia sẻ những điều các em ấn tượng về trò chơi, hoạt động. <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS nội dung trao đổi, thảo luận theo các câu hỏi gợi mở: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Các các trò chơi hoạt động có tên gọi là gì?</i> + <i>Những trò chơi, hoạt động có đặc điểm gì?</i> + <i>Em đã từng tham gia các hoạt động, trò chơi đó chưa? Em cảm thấy thế nào khi tham gia vào trò chơi, hoạt động đó?</i> - GV mời đại diện 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung hoặc đặt câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - HS sinh hoạt. - HS quan sát hình ảnh. - HS làm việc nhóm đôi. - HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV. - HS chia sẻ trước lớp.

<p>cho bạn (nếu có).</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:</p> <p>+ Các trò chơi hầu hết là các trò chơi dân gian gắn liền với đời sống của con người. trò chơi là hoạt động thư giãn, giải trí bổ ích đồng thời là một hình thức giáo dục đơn giản, hiệu quả. Các hoạt động khác cũng góp phần nâng cao thể chất, tinh thần đoàn kết, cải thiện các kĩ năng xã hội. Tất cả các hoạt động, trò chơi trên rất thích hợp đối với học sinh nhất là trong kì nghỉ mùa hè.</p> <p>* GV chốt: Vậy là chúng ta đã biết cách quan sát hình ảnh về các hoạt động, trò chơi SHS tr.6 và một số hình ảnh GV cung cấp ở hoạt động 1.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
--	---------------------------------

B. LUYỆN TẬP – SÁNG TẠO.

- Là hoạt động vận dụng, kiến thức, kĩ năng đã học để thực hành các bài tập Mĩ thuật theo chương trình, giúp học sinh có thể sáng tạo sản phẩm Mĩ thuật ở mỗi chủ đề/ bài học.

* HOẠT ĐỘNG 2:	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Mục tiêu.</p> <p>- Thông qua hoạt động, HS quan sát hình minh họa SHS tr.8, tìm hiểu và chỉ ra được các bước vẽ tranh đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in.</p> <p>* Nội dung hoạt động.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình minh họa SHS tr.7.</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm hiểu và chỉ ra các bước vẽ tranh tranh đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in.</p> <p>- GV hướng dẫn, nêu câu hỏi gợi mở cho HS:</p> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <p>+ Nêu các bước vẽ tranh đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in.</p> <p>+ Hình minh họa có những cảnh vật, nhân vật nào? Ở đâu?</p> <p>+ Vẽ màu, in cho bức tranh như thế nào</p>	<p>- HS quan sát hình minh họa.</p> <p>- HS đọc SHS.</p> <p>- HS trả lời:</p>

<p><i>để thể hiện được không gian ở xa, ở gần?</i></p> <p>+ Các nhân vật trong tranh nên vẽ trước hay vẽ sau khi vẽ không gian của bức tranh?</p> <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <p>- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).</p> <p>+ Bài tập thực hành:</p> <p>- GV nêu bài tập thực hành: <i>Hãy thực hiện một sản phẩm mỹ thuật về đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in.</i></p> <p>- GV giới thiệu thêm một số SPMT ở SGK – tr.9 hoặc các sản phẩm do GV, HS sưu tầm.</p> <p>* GV chốt: <i>Vậy là chúng ta đã biết cách tìm hiểu và chỉ ra các bước vẽ tranh tranh đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in ở hoạt động 2.</i></p> <p>* Củng cố dặn dò.</p> <p>- Chuẩn bị tiết sau.</p>	<p>+ Các bước vẽ tranh phong cảnh:</p> <p>- Bước 1: Tìm ý tưởng và phác hình khái quát.</p> <p>- Bước 2: Vẽ hình chi tiết.</p> <p>- Bước 3: Vẽ màu nhóm chính.</p> <p>- Bước 4: Vẽ màu nhóm phụ, điều chỉnh đậm nhạt và hoàn thiện sản phẩm.</p> <p>+ Màu sắc và đậm nhạt có thể diễn tả được không gian xa, gần trong tranh.</p> <p>+ HS quan sát tranh nêu</p> <p>+ Vẽ trước</p> <p>- HS quan sát tranh.</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện.</p> <p>- HS ghi nhớ.</p>
--	--

Hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề:

Em và trường tiểu học thân yêu

Hội tưởng cảm xúc của em.

Nhận diện khả năng kiểm soát cảm xúc của em.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện:

– Chia sẻ được cảm xúc của bản thân trong thời gian vừa qua và nêu được ảnh hưởng của cảm xúc đó với cuộc sống của mình.

– Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân thông qua những tình huống cụ thể.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

– Thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về bản thân thông qua các hoạt động hồi tưởng và rèn luyện khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

– Có trách nhiệm: HS có trách nhiệm với bản thân hơn khi xác định được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

2. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt của bạn bè

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>– Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.</p> <p>b) Cách tiến hành</p> <p>- GV tổ chức trò chơi: Bó hoa cảm xúc. Cách chơi như sau: + Cô giáo / quản trò sẽ chọn bất kì trái tim cảm xúc nào trong hộp cảm xúc mà các em đã viết sau Lễ khai giảng. Bạn có trái tim được chọn sẽ lên để chia sẻ cảm xúc về Ngày khai giảng của mình. Sau đó, dán trái tim vào tờ giấy mà cô đã chuẩn bị. Các bạn dán sau hãy cố gắng sắp xếp để sao cho khi kết thúc, chúng ta có một bó hoa trái tim cảm xúc.</p> <p>– GV kết nối vào chủ đề: <i>Cảm xúc có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống chúng</i></p>	<p>+ HS nghe GV hướng dẫn, sau đó thực hiện chơi theo hướng dẫn.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>ta. Khi ta vui vẻ, hạnh phúc ta học tập, giao lưu tốt hơn và ngược lại. Tiết trải nghiệm hôm nay, chúng ta cùng nhìn lại khả năng kiểm soát cảm xúc của mình để từ đó rèn luyện một cách phù hợp.</i></p> <p>2. Nhận diện - Khám phá</p> <p>Hoạt động 1. Hồi tưởng cảm xúc của em</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <p>HS chia sẻ được cảm xúc của bản thân trong thời gian vừa qua và nêu được ảnh hưởng của cảm xúc đó với cuộc sống của mình.</p> <p><i>b) Cách tiến hành</i></p> <p>– GV mời HS đọc thầm nhiệm vụ 1, trang 6, SGK HĐTN5, trong thời gian đó, GV cũng phát phiếu học tập có nội dung bảng chia sẻ cảm xúc cho HS.</p> <p>– GV trao đổi để làm rõ nhiệm vụ của hoạt động:</p> <p>+ <i>Hãy nêu các cảm xúc mà hoạt động đề nghị chúng ta hồi tưởng?</i></p> <p>+ <i>Chúng ta sẽ suy nghĩ về cảm xúc của bản thân trong bao nhiêu ngày vừa qua?</i></p> <p>– GV hướng dẫn thêm: <i>Có thể nhớ đến sự việc xảy ra trong những ngày đó và hồi tưởng về cảm xúc của con, rồi đánh dấu vào cảm xúc tương ứng. Mỗi ngày, con có thể có nhiều cảm xúc khác nhau nên có thể đánh dấu vào nhiều ô.</i></p> <p>– GV chiếu slide hướng dẫn và đề nghị HS tổ chức cho HS tự thực hiện nhiệm vụ theo hai bước:</p> <p>Bước 1: Làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu hồi tưởng cảm xúc.</p> <p>Bước 2: Chia sẻ kết quả hồi tưởng của mình với bạn bên cạnh (cặp đôi) theo các yêu cầu câu mục 2:</p> <p>+ Cảm xúc em có nhiều nhất;</p> <p>+ Cảm xúc em có ít nhất;</p> <p>+ Cảm xúc ảnh hưởng đến cuộc sống của em;</p>	<p>– Đọc thầm nhiệm vụ và nhận phiếu học tập.</p> <p>– HS trả lời theo suy nghĩ.</p> <p>+ Vui vẻ, buồn bã, tức giận, sợ hãi, lo lắng.</p> <p>+ Bảy ngày.</p> <hr/> <p>– HS nghe hướng dẫn.</p> <p>– HS thực hiện làm việc cá nhân, sau đó làm việc trong nhóm đôi, chia sẻ về cảm xúc.</p>

<p>Hoạt động của giáo viên</p> <p>+ Cảm xúc mà em cần kiểm soát.</p> <p>– GV tổ chức lấy kết quả của bảng hỏi tương theo hình thức giờ tay.</p> <p>+ Những bạn có nhiều cảm xúc vui nhất, mời giờ tay?</p> <p>+ Những bạn có nhiều cảm xúc buồn bã nhất, mời giờ tay?</p> <p>+ Những bạn có nhiều cảm xúc tức giận, mời giờ tay?</p> <p>+ Những bạn có nhiều cảm xúc sợ hãi nhất, mời giờ tay?</p> <p>+ Những bạn có nhiều cảm xúc lo lắng nhất, mời giờ tay?</p> <p>– GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp:</p> <p>+ <i>Trong các cảm xúc này em thích nhất cảm xúc nào? Vì sao?</i></p> <p>+ <i>Cảm xúc nào em không mong muốn? Vì sao?</i></p> <p>– GV nhận xét hoạt động và kết nối sang hoạt động 2: <i>Trong cuộc sống, các cảm xúc vui, buồn, lo lắng, sợ hãi, tức giận sẽ ảnh hưởng đến học tập, vui chơi, giao tiếp,... của chúng ta và của cả những người xung quanh. Vì vậy, chúng ta cần luôn biết kiểm soát cảm xúc cá nhân mình.</i></p> <p>Hoạt động 2. Nhận diện khả năng kiểm soát cảm xúc của em</p>	<p>Hoạt động của học sinh</p> <p>– HS giờ tay theo đề nghị của GV:</p> <p>– HS chia sẻ.</p>
<p>– GV mời HS tự đọc yêu cầu của hoạt động 2, nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2.</p> <p>– GV trao đổi GV trao đổi để làm rõ nhiệm vụ của hoạt động:</p> <p>+ <i>Chúng ta cần chia sẻ những tình huống như thế nào?</i></p> <p>– GV tổ chức cho HS chia sẻ tình huống</p>	<p>– HS đọc trước lớp.</p> <p>Nhiệm vụ 1: Trao đổi về những tình huống mà em không kiểm soát được cảm xúc.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Trao đổi về những tình huống mà em kiểm soát được cảm xúc.</p> <p>– HS trả lời:</p> <p>+ Tình huống mà chúng ta kiểm soát được cảm xúc</p> <p>+ Tình huống mà chúng ta không kiểm soát được cảm xúc.</p> <p>– HS thực hiện viết vào giấy màu đỏ</p>

Hoạt động của giáo viên

không kiểm soát được cảm xúc và tình huống kiểm soát được cảm xúc bằng cách viết vào tờ giấy màu theo quy ước, sau đó dán lên bảng: *Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta cần giao tiếp, hợp tác với mọi người. Quá trình đó có thể dẫn đến nhiều cảm xúc. Hãy chia sẻ bằng cách viết vào tờ giấy màu đỏ một tình huống con không kiểm soát được cảm xúc, viết vào tờ giấy màu xanh một tình huống con kiểm soát được cảm xúc và dán vào bảng vào cột thích hợp.* (chiếu Slide hướng dẫn)

– GV tổ chức cho HS dán các tình huống lên bảng thành hai cột. GV chia sẵn bảng thành 2 cột “Kiểm soát được cảm xúc” và “Không kiểm soát được cảm xúc”. GV nhớ nhắc HS ghi tên mình vào tờ giấy viết tình huống.

– GV chọn và cho HS chia sẻ tình huống của mình.

– GV kết nối vào nhiệm vụ 3: *Chúng ta vừa cùng nhau hồi tưởng về cảm xúc trong 7 ngày vừa qua, kể về tình huống mà chúng ta kiểm soát được cảm xúc và không kiểm soát được cảm xúc. Sau đây, các con hãy tự đánh giá khả năng kiểm soát của mình bằng cách hoàn thành phiếu học tập:*

Phiếu học tập 2

Em hãy tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của mình bằng cách đánh dấu x vào cột phù hợp:

Nội dung đánh giá	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
Kiểm soát được cảm xúc			
Không kiểm soát được cảm xúc			

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả tự đánh giá của mình và trao đổi thêm: *Con thường xuyên không kiểm soát được cảm*

Hoạt động của học sinh

tình huống mình không kiểm soát được cảm xúc, giấy màu xanh tình huống mình kiểm soát được cảm xúc.

– HS chia sẻ tình huống của mình trong nhóm theo gợi ý của SGK.

– HS dán tình huống lên bảng.

– HS được chia sẻ theo tinh thần xung phong hoặc GV chọn.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập.

– HS báo cáo và trả lời câu hỏi.

<p>Hoạt động của giáo viên</p> <p><i>xúc nào? Mỗi khi có cảm xúc đó, con thấy hơi thở, nhịp tim, nhiệt độ cơ thể mình thế nào? Con muốn làm gì khi ấy? Con đã thử tự kiểm soát cảm xúc của mình chưa?</i></p> <p>GV nhận xét và tổng kết hoạt động</p>	<p>Hoạt động của học sinh</p>
<p>4. Tổng kết tiết trải nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận động theo nhạc để tạo cảm xúc vui vẻ cho HS. Sau đó, nêu lợi ích của các cảm xúc tích cực như vui vẻ, hạnh phúc, yêu thương. - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà tổ chức trò chơi, kể chuyện,... tạo bầu không khí vui vẻ cho mình và gia đình. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. <p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS vận động theo nhạc, bài hát vui vẻ. - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

.....

Thứ ngày tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

TUẦN 1:

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

Bài 02: CÁNH ĐỒNG HOA (4 tiết)

Tiết 1+2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ câu chuyện “Cánh đồng hoa” biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.

Đọc hiểu: Biết cách tiếp nhận văn bản tự sự (thông qua nắm bắt trình tự các sự việc, nhân vật, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật). Nhận thấy những phẩm chất tốt đẹp của các bạn nhỏ người Chăm được thể hiện qua lời nói, suy nghĩ, việc làm,... (Các bạn yêu thương nhau, luôn vui tươi, hồn nhiên. Các bạn yêu quê hương, sống có trách nhiệm, biết bảo vệ môi trường bằng việc làm cụ thể phù hợp lứa tuổi. Các bạn thông minh tìm ra được ý tưởng sáng tạo để giải quyết tình huống.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện “Cánh đồng hoa”: Cần có những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê khu phố luôn sạch, đẹp. Việc làm đó dù là bé nhỏ cũng khiến chúng ta và mọi người đều cảm thấy hạnh phúc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những cảnh vật ở đồng hoa.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

*** Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Biển báo giao thông”</p> <p>- GV hướng dẫn cách chơi:</p> <p>+ Các em chơi cá nhân theo tinh thần xung phong, mỗi người sẽ chọn 1 đảo hoặc quần đảo và trả lời câu hỏi bên trong. Trả lời đúng được tuyên dương, trả lời sai thì nhường quyền trả lời cho bạn khác. Nếu trả lời đúng các em được quyền mời một bạn nào đó chơi tiếp. Trò chơi sẽ kết thúc khi có 4 câu hỏi được làm xong.</p> <p>+ Câu 1: Đọc đoạn 1 và trả lời câu hỏi: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả như thế nào?</p> <p>+ Câu 2: Đọc đoạn 2 và trả lời câu hỏi: Em Bồng đã phát hiện ra trò chơi gì?</p> <p>+ Câu 3: Đọc đoạn 3 và trả lời câu hỏi: Các chi tiết nào cho thấy các bạn rất thích (rất hào hứng) với trò chơi?</p> <p>+ Câu 4: Em hãy đọc cả bài và nêu nội dung bài đọc.</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe GV giới thiệu cách chơi.</p> <p>- HS tham gia chơi:</p> <p>+ Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu rất đẹp và hữu tình: cỏ tươi tốt, có suối nhỏ, nước trong veo. Quanh suối là đồng cỏ rộng, gió không có vật cản cứ tha hồ rong chơi, thỉnh thoảng lại vút qua tai như đùa nghịch.</p> <p>+ Em Bồng phát hiện ra trò chơi bịt tai nghe gió, chơi bằng cách bịt nhẹ tai lại rồi mở ra và lặp lại.</p> <p>+ Bạn nào cũng thử bịt tai nghe gió, tập trung suy nghĩ để tìm lí do giải thích cho việc gió nói.</p> <p><i>Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.</i></p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ câu chuyện “Cánh đồng hoa” biết đọc diễn cảm phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

<p>2.1. Luyện đọc đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết đọc phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các bạn nhỏ trong câu chuyện. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: Từ đầu đến múa hát tung bừng. + Đoạn 2: Tiếp theo đến ... thế nào bây giờ? + Đoạn 3: Tiếp theo đến ... chỗ đổ rác đâu. + Đoạn 4: Tiếp theo đến ... tiếng trống rộn ràng. + Đoạn 5: Phần còn lại. - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>chọi cỏ gà, vỗ trống, , chỗ đổ rác, hoa ngũ sắc, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <ul style="list-style-type: none"> <i>Họ hồ hỏi/ cùng các bạn/ bắt tay vào dọn rác,/ xới đất,/ gieo hạt,/ trồng cây;// ngày ngày,/ tưới nước,/ nhổ cỏ,/ bắt sâu.//</i> - GV HD đọc diễn cảm: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - GV mời 5 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
<p>2.2. Luyện đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc giọng chậm, buồn thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác. + Đọc giọng nhanh, vui tươi thể hiện tâm trạng của các bạn nhỏ khi nghĩ ra ý tưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc.

<p>+ Biết đổi giọng nhân vật, giọng kể chuyện khi đọc lời thoại,...</p> <p>- GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật.</p> <p>- GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).</p>	<p>- HS luyện đọc nhóm đôi:</p> <p>+ <i>Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi?</i></p> <p>+ <i>Bọn mình đâu còn chỗ mà vui chơi!</i></p> <p>+ <i>Biết làm thế nào bây giờ?</i></p> <p>+ <i>Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?</i></p> <p>+ <i>Chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa. Mọi người không nỡ lấy cánh đồng đẹp làm chỗ đổ rác đâu.</i></p>
<p>2.3. Luyện đọc toàn bài.</p> <p>- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)</p> <p>- GV mời HS luyện đọc theo cặp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)</p> <p>- GV nhận xét chung.</p>	<p>- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>TIẾT 2</p>	
<p>3. Tìm hiểu bài.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Hiểu các bạn người Chăm: Các bạn vui tươi hồn nhiên, thông minh như thế nào. Các bạn yêu quê hương. Có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường như thế nào,...</p> <p>+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện “Cánh đồng hoa”: Cần có những việc làm cụ thể để góp phần làm cho làng quê khu phố luôn sạch, đẹp. Việc làm đó dù là bé nhỏ cũng khiến chúng ta và mọi người đều cảm thấy hạnh phúc.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + Ja Ka, Mur Hoa, Ja Prok, Mur Nhor: Tên các bạn nhỏ người Chăm. + Hoa ngũ sắc: Hoa của loài cây thân gỗ, thân nhỏ, mọc thành bụi; hoa có nhiều màu rực rỡ tạo thành chùm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Các bạn nhỏ có những hoạt động vui chơi nào trên đồng cỏ đầu làng? Chuyện gì đã xảy ra ở đó? + Câu 2: Khi thấy đồng cỏ có nguy cơ trở thành bãi rác, các bạn nhỏ lo buồn thế nào? Các bạn nhỏ đã có ý tưởng gì? <p>* Giáo dục đạo đức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu là em thì em sẽ làm gì? <p>Vậy em cũng đã biết yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu 3: Các bạn nhỏ đã thực hiện ý tưởng đó như thế nào và kết quả ra sao? Các bạn có cảm xúc gì trước thành quả đạt được. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Trên đồng cỏ các bạn thường vui chơi, võ tống, múa hát,... các bạn múa hát tưng bừng theo nhịp trống của Ja Ka. + Tại chỗ vui chơi của các bạn có một bãi rác và nó lớn dần lên, bốc mùi. + Khi thấy cánh đồng cỏ có thể thành bãi rác, các bạn nhỏ rất lo buồn (chẳng hò hét, nô đùa như mọi ngày, Mur Nhor thở dài; Mur Hoa dấu những giọt nước mắt; Ja Ka, Ja Prok rầu rĩ,...). + Mur Hoa đã nghĩ ra ý tưởng và được các bạn tán thành: cải tạo đồng cỏ thành cánh đồng hoa. - HS trả lời + Các bạn quyết tâm thực hiện ý tưởng: nói với cô bác nói với cô bác trong làng và được nhiều người hưởng ứng. Các bạn cùng cô bác dọn rác, xới đất, gieo

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (5 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc. - GV mời HS nhận xét nhóm đọc. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 5. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm 				
<p>4. Luyện tập theo văn bản đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Ôn lại kiến thức và cách sử dụng động từ, tính từ (đã học ở lớp 4). Ngữ liệu của bài tập có trong chính bài đọc “Cánh đồng hoa”. Điều này giúp học sinh hiểu thêm về bài đọc. - Cách tiến hành: 					
<p>Bài 1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc cá nhân. + Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát tưng bừng. + Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi! + Biết ý tưởng đó, nhiều cô bác trong làng đã hưởng ứng. + Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa muôn hoa rực rỡ, trong tiếng trống rộn ràng. - GV mời HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm bài cá nhân vào vở và trình bày trước lớp. <table border="1" data-bbox="853 963 1428 1108" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Động từ</td> <td>Tính từ</td> </tr> <tr> <td>Vui chơi, hưởng ứng</td> <td>Tưng bừng, rộn ràng</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét 	Động từ	Tính từ	Vui chơi, hưởng ứng	Tưng bừng, rộn ràng
Động từ	Tính từ				
Vui chơi, hưởng ứng	Tưng bừng, rộn ràng				
<p>Bài 2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập và trình bày trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập và trình bày: <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP</p> <p>Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tung bừng : thay thế: rộn ràng, rộn rã, sôi nổi,... + Vui chơi: thay thế: vui đùa, nô đùa, đùa nghịch,... + Hưởng ứng: thay thế: ủng hộ, tán 				

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhận xét các nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>thành, đồng thuận,...</p> <p>+ Rộn ràng: thay thế: rộn vang, rộn rã,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét các nhóm. - HS lắng nghe, sửa chữa.
<p>5. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tự rút ra bài học những việc nên làm, không nên làm qua đó giúp HS hiểu thêm ý nghĩa của câu chuyện “Cánh đồng hoa”: Cần có việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên tổng cộng đồng. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc nên làm, không nên làm tại trường, lớp hoặc nơi em ở. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm tốt tại trường, lớp hoặc nơi em ở. - VD: + Những việc nên làm: trồng cây, nhặt rác, tái chế đồ nhựa, + Những việc không nên làm: đốt rơm rạ, xả rác bừa bãi, chặt phá cây xanh,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 2: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu.
- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính được giá trị của biểu thức.
- Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia và không có dấu ngoặc.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

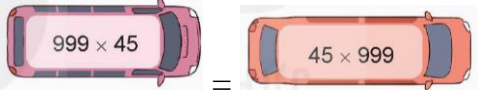
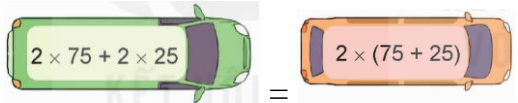
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

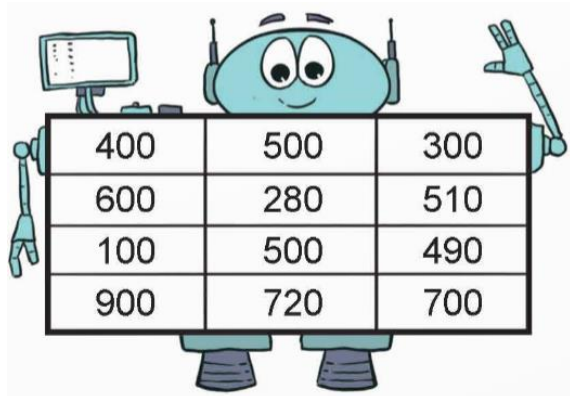
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Thực hiện phép tính: $4\ 755 + 2\ 368$</p> <p>+ Câu 2: Thực hiện phép tính: $9\ 871 - 685$</p> <p>+ Câu 3: Thực hiện phép tính: 356×2</p> <p>+ Câu 4: Thực hiện phép tính: $768 : 4$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Câu 1: 7 123</p> <p>+ Câu 2: 9 186</p> <p>+ Câu 3: 712</p> <p>+ Câu 4: 192</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu.</p> <p>+ Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính được giá trị của biểu thức.</p> <p>+ Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia và không có dấu ngoặc.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Đặt tính rồi tính.</p> <p>a) $7\ 318 + 3191$ $83\ 500 - 28\ 150$</p> <p>$681 + 14\ 609$</p>	

<p>- GV theo dõi, đánh giá quá trình chơi và tuyên dương những em nhanh, đúng (có thể thưởng nếu GV có điều kiện tổ chức).</p>	<div style="text-align: center;">  <p>(Phép nhân có tính chất giao hoán)</p>  <p>(Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng)</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> </div>
<p>Bài 3. Mai mua 2 gói bim bim hết số tiền là 18 000 đồng. Trong đó, gói bim bim cua có giá hơn gói bim bim mực là 4 000 đồng. Tính giá tiền mỗi gói bim bim Mai đã mua.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV Cùng HS tóm tắt bài toán.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.</p> <p>- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.</p>	<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS tóm tắt bài toán:</p> <p>+ Mai mua: 2 gói bim bim hết 18 000đ</p> <p>+ Bim bim cua hơn bim bim mực: 4000 đ</p> <p>+ Tính giá tiền mỗi loại.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p style="text-align: center;">Giá tiền gói bim bim mực là: $(18\ 000 - 4\ 000) : 2 = 7\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;">Giá tiền gói bim bim cua là: $18\ 000 - 7\ 000 = 11\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: Bim bim mực: 7 000 (đồng) Bim bim cua: 11 000 (đồng)</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Cùng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p>	

- Cách tiến hành:

Bài 4. Tính tổng tất cả các số trong hình dưới đây bằng cách thuận tiện nhất.



400	500	300
600	280	510
100	500	490
900	720	700

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.

- GV mời HS trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

+ Cách cộng thuận tiện nhất là ta đổi chỗ các số hạng sao cho cộng 2 số với nhau tròn nghìn:

$$400 + 600 + 100 + 900 + 500 + 500 + 280 + 720 + 300 + 700 + 510 + 490 = 6000$$

- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 2: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu.

- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ, nhân, chia đã học và tính được giá trị của

biểu thức.

- Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia và không có dấu ngoặc.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên đã học ở lớp triệu để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV: Sách vở bài tập Toán

HS: Sách vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1.Hoạt động Khởi động</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Thực hiện phép tính: $2\ 745 + 3\ 467$</p> <p>+ Câu 2: Thực hiện phép tính: $8\ 643 - 5874$</p> <p>+ Câu 3: Thực hiện phép tính: 654×3</p> <p>+ Câu 4: Thực hiện phép tính: $652 : 4$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Câu 1: 6.212</p> <p>+ Câu 2: 9 186</p> <p>+ Câu 3: 1.962</p> <p>+ Câu 4: 163</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2.Hoạt động Luyện tập, thực hành.</p>	
<p>Bài 1.(trang 8 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Đặt tính rồi tính.</p> <p>a) $1\ 623 + 4\ 829$ $172\ 872 - 82\ 391$</p> <p>$674 + 12\ 819$</p>	

<p>Mẹ mua hai gói trái cây sấy hết tất cả 54 000 đồng. Trong đó, gói mít sấy có giá hơn gói chuối sấy là 10 000 đồng. Tính giá tiền mỗi gói trái cây sấy mà mẹ đã mua.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. - GV Cùng HS tóm tắt bài toán. - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở. - GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe. - HS tóm tắt bài toán: + Mẹ mua: 2 gói trái cây sấy hết 54 000đ + Mít sấy hơn chuối sấy: 10 000 đ + Tính giá tiền mỗi loại. - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở. <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p style="text-align: center;">Giá tiền gói mít sấy là:</p> <p style="text-align: center;">$(54\ 000 + 10\ 000) : 2 = 32\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;">Giá tiền gói chuối sấy là:</p> <p style="text-align: center;">$54\ 000 - 32\ 000 = 22\ 000$ (đồng)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: Mít sấy: 32 000 đồng; Chuối sấy: 22 000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>3. Hoạt động Vận dụng</p>	
<p>Bài 4.(trang 9 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Rô-bốt đi siêu thị mua một số món đồ với giá như sau:</p> <p>Món đồ A: 25 000 đồng Món đồ B: 40 000 đồng</p> <p>Món đồ C: 50 000 đồng Món đồ D: 50 000 đồng</p> <p>Món đồ E: 60 000 đồng Món đồ G: 75 000 đồng</p> <p>Món đồ H: 90 000 đồng Món đồ M: 10 000 đồng</p> <p>Tính tổng số tiền Rô-bốt cần phải trả bằng cách thuận tiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: + Cách cộng thuận tiện nhất là ta đổi chỗ các số hạng sao cho cộng 2 số với

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>nhau tròn:</p> $25\ 000 + 50\ 000 + 60\ 000 + 90\ 000 + 40\ 000 + 50\ 000 + 75\ 000 + 10\ 000$ $= (25\ 000 + 75\ 000) + (50\ 000 + 50\ 000) + (60\ 000 + 40\ 000) + (90\ 000 + 10\ 000)$ $= 100\ 000 + 100\ 000 + 100\ 000 + 100\ 000$ $= 100\ 000 \times 4$ $= 400\ 000$ <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt
Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tường tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.



- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Tiếng Việt
2. **Học sinh:** Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV giới thiệu bài hát “Mái trường mến yêu”, sáng tác Lê Quốc Thắng để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.	- HS lắng nghe bài hát “Em yêu trường em” - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành.	
<p>Bài 1 (trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết sáng tạo (A,B) ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt, tập một trang 11) và thực hiện yêu cầu.</p> - GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài. - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây: a. Cho biết bài văn kể lại câu chuyện gì. b. Xác định phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn và nêu ý chính của mỗi phần. c. Cho biết các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn. Đánh dấu √ vào ô trống trước câu trả lời đúng. d. Nối mỗi chi tiết sáng tạo A, B với nội dung phù hợp. e. Đánh dấu √ vào ô trống trước các ý nêu tác dụng của những chi tiết sáng tạo và bổ sung thêm ý kiến của em (nếu có). - GV mời các nhóm trình bày kết quả.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài theo nhóm: - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời. a. Bài văn kể lại câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu” của nhà văn Nguyễn Thị Kim Hoà.

<p>- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết: <i>Qua bài tập 1 các em đã được làm quen với một kiểu bài bản kể chuyện sáng tạo. Người viết có thể sáng tạo thêm một số chi tiết kể, tả,...hoặc thêm lời thoại cho nhân vật. Tùy theo sự tưởng tượng của mỗi người, mà các chi tiết sáng tạo sẽ được đặt vào vị trí phù hợp trong bài văn.</i></p>	<p>b. Mở bài: Từ đầu đến “Nguyễn Thị Kim Hoà”; Ý chính: Giới thiệu tên câu chuyện và tác giả câu chuyện. Thân bài: Tiếp theo đến”do có nén cười”. Ý chính: kể lại câu chuyện “Một chuyến phiêu lưu” Kết bài: phần còn lại. Ý chính: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện. c. Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần thân bài (phần kể lại câu chuyện của bài văn. d.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">  A </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> Sáng tạo thêm các chi tiết tả cảnh. </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">  B </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật. </div> </div> <p>e.</p> <ul style="list-style-type: none"> <input checked="" type="checkbox"/> Giúp bài văn sinh động hơn. <input checked="" type="checkbox"/> Giúp bài văn hay hơn. <input checked="" type="checkbox"/> Thể hiện rõ những tưởng tượng, mong muốn của người viết về câu ch <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe.</p>
<p>Bài 2(trang 5 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện? Đánh dấu √ vào ô trống trước câu trả lời đúng.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV mời cả lớp làm việc chung. <i>Chuột xù lông cồm bò dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhét mới xấu hổ bảo:</i></p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.</p>

<p>- <i>Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi.</i> <i>Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lẽn cười.</i></p> <p>- GV mời HS trả lời. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: <i>Như vậy, khi kể chuyện sáng tạo, ngoài việc thêm các chi tiết kể, tả, lời thoại, thì chúng ta có thể thay đổi kết thúc của câu chuyện nhưng không được thay đổi kết cấu nội dung câu chuyện.</i></p>	<p>- Một số HS trả lời: Đoạn văn trên có thể thêm hoặc thay thế cho đoạn kết. - HS đánh dấu ✓ vào ô có chữ kết thúc.</p>
<p>Bài 3. (trang 7 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Viết tiếp những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời cả lớp làm việc nhóm.</p> <p>+ Thêm chi tiết tả ngoại hình hoặc hoạt động của nhân vật. + Thay đổi cách kết thúc câu chuyện + Tưởng tượng mình đang tham gia vào câu chuyện như đang “nhìn”, “nghe”, “chạm vào”,... để sáng tạo chi tiết.</p> <p>- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV mời HS nhắc lại cấu tạo bài văn kể chuyện sáng tạo</p> <p><i>Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không làm thay đổi nội dung chính và ý</i></p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: - Các chi tiết có thể được sáng tạo như: + Thêm chi tiết tả bối cảnh (không gian, thời gian). + Thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật. + Thêm (thay đổi) chi tiết kể tình huống, sự việc. + Thêm nhân vật vào câu chuyện. + Thêm lời thoại cho nhân vật. + Thay đổi cách kết thúc câu chuyện. + Thay đổi đoạn kết hoặc thêm đoạn kết,... - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - 3 HS nhắc lại</p>

<p>nghĩa của câu chuyện. Bài văn có 3 phần: - Mở bài: giới thiệu câu chuyện. - Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo. - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.</p>	
<p>4. Viết một chi tiết khác cho bài văn kể sáng tạo câu chuyện Một chuyến phiêu lưu - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. Thêm chi tiết tả cảnh cứu mèo nhép của chuột xù. Chuột xù dùng bộ móng sắc nhọn của mình cấu mạnh vào mình rắn. Mối vài giây ngắn ngủi, chuột xù đã làm bung vài chiếc vảy của đối thủ. Đau điếng, rắn giật nảy mình - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>4. Hoạt động Vận dụng - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Bài 1:(Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 tập 1 trang 8) Kể lại cho người thân nghe câu chuyện Một chuyến phiêu lưu với chi tiết em sáng tạo thêm. Ghi lại các ý kiến góp ý của người thân về chi tiết sáng tạo của em - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 2:(Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 tập 1 trang 8) Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ. Viết tên câu chuyện và tên tác giả</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. Thêm chi tiết các chi tiết người thân góp ý. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

<p>của câu chuyện đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tên câu chuyện: -Tác giả: - GV cho HS đọc yêu cầu - GV mời HS giới thiệu các câu chuyện đã ghi cho cả lớp nghe - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - GV cho HS ghi tên câu chuyện và tác giả vào VBT. - HS nêu - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 5 tháng 9 năm 2024

Tiếng Việt
Tiết 3: VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.
- Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, nêu được những điểm cần lưu ý khi kể chuyện và viết bài văn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng đóng vai nhân vật để thực hiện bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau thi đóng vai nhân vật và thảo luận nhóm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. - Cách tiến hành: 	

<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tiết trước.</p> <p>- HS xem lại bài “một chuyến phiêu lưu” và nhớ lại trong bài văn đã sáng tạo phần nào.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới</p> <p><i>Ở tiết học trước, các em đã hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo như bổ sung thêm một số nội dung: kể, tả, thêm lời thoại,...Tiết học này chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn sáng tạo bằng một cách khác, đó là cách nào? Thì cô mời các em cùng tìm hiểu bài hôm nay.</i></p>	<p>- 1 HS nhắc lại cách viết văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tiết trước.</p> <p>- HS xem lại bài “một chuyến phiêu lưu” và nhớ lại các phần sáng tạo trong bài văn:</p> <p>+ Thêm lời kể, lời tả, lời thoại,...</p> <p>+ Thay đổi cách kết thúc câu chuyện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.</p> <p>- GV mời 2 HS đọc 2 văn trong SGK.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ 2 đoạn văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p> <p>a. Các đoàn phân trên kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật nào?</p> <p>b. Nhân vật đó dùng những từ ngữ nào để gọi mình và các nhân vật khác.</p> <p>c. Những từ ngữ in đậm thể hiện điều gì? chọn đáp án đúng.</p> <p>A. chuột chù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mèo nhép.</p> <p>B. Chuột chù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mình.</p> <p>C. Chuột chù dự đoán sự việc sẽ xảy ra</p>	<p>- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p> <p>a. Các đoàn phân trên kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật chuột xù.</p> <p>b. Nhân vật đó dùng “tôi” để gọi mình và dùng “cậu ấy” để gọi mèo nhép, dùng “bác ngựa” để gọi bác ngựa.</p> <p>c. Những từ ngữ in đậm thể hiện người kể không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật khác:</p> <p>A. chuột chù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mèo nhép.</p>

tiếp theo. D. Chuột xù thể hiện sự khách quan khi kể câu chuyện. d. Cách kể chuyện trong các đoạn văn trên có gì khác với cách kể chuyện trong bài văn trang 11?		Bài văn trang 11	2 đoạn văn trên
	Cách mở đầu	Người viết giới thiệu câu chuyện	Người viết trong vai nhân vật tự giới thiệu bản thân
	Cách kể lại sự việc	+ Người viết kể lại các sự việc diễn ra + Người viết không tham gia vào câu chuyện nên không xuất hiện trong câu chuyện	Người viết kể lại các sự việc diễn ra theo lời của chuột xù. + Người viết trog vai chuột xù tự xưng là tôi...
	Cách kết thúc câu chuyện	Nêu suy nghĩ, cảm xúc của người viết về câu chuyện.	Kể kết thúc câu chuyện dưới góc nhìn của chuột xù.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) và chốt: <i>Qua bài tập 1 đã giúp các em làm quen với một cách sáng tạo trong bài văn kể lại câu chuyện: Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện. Với cách kể này rất sinh động, tự nhiên và giúp bài văn mang đậm cá tính của người viết.</i>	- Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.		
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo bằng cách đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, nêu được những điểm cần lưu ý khi kể chuyện và viết bài văn.			

<p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra kí kiến của mình.</p> <p>+ <i>Câu chuyện được kể theo lời của nhân vật nào?</i></p> <p>+ <i>Các sự kiện trong câu chuyện được kể như thế nào theo cảm nhận của nhân vật?</i></p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). - GV mời HS đọc ghi nhớ.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày. + <i>Cách xưng hô của nhân vật chuột xù được đóng vai kể chuyện.</i> + <i>Các sự kiện trong câu chuyện được kể theo tình cảm, cảm xúc của nhân vật.</i></p> <p>- Các nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 4 – 5 HS đọc lại ghi nhớ. Cấu trúc bài văn đóng vai nhân vật kể chuyện: + Mở bài: <i>Nhân vật tự giới thiệu bản thân và câu chuyện.</i> + Thân bài: <i>Kể các sự việc theo cảm nhận của nhân vật.</i> + Kết bài: <i>Kể kết thúc câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật</i></p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi : Đoán nhân vật</p> <p>- Cách chơi:</p> <p>+ 1 HS đóng vai nhân vật và kể một đoạn truyện trước lớp, nhưng không được giới thiệu mình đang đóng vai nhân vật nào.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi. - HS tham gia chơi trò chơi vận dụng.</p>

<p>+ Cả lớp lắng nghe câu chuyện và soạn xem người kể đang đóng vai nào? (người kể chuyện, nhân vật trong chuyện,...)</p> <p>- GV tổng kết trò chơi, đánh giá nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 2: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, với số tự nhiên, các tính chất của phép tính để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

hiện bài tập 1.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Tìm chữ số thích hợp.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.

a)
$$\begin{array}{r} 60618? \\ - 43?149 \\ \hline 171?33 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 1?021 \\ \times \quad \quad 5? \\ \hline 15021 \\ 7510? \\ \hline 766071 \end{array}$$

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện

a) $25 \times 99 \times 4$ b) $2025 \times 17 + 83 \times 2025$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. Nêu cách tính thuận tiện ở bài tập a và bài tập b. làm bài tập theo yêu cầu

bài tập 1.

a) $3713 - 200 \times 5 =$
 $= 3713 - 1000$
 $= 2713$

b) $1500 + (750 + 250) : 2$
 $= 1500 + 1000 : 2$
 $= 1500 + 500$
 $= 2000$

- Đại diện các nhóm trả lời.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).





- 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- HS làm việc theo nhóm (4 hoặc 5), tìm chữ số thích hợp trong bài tập 2a, 2b.

a)
$$\begin{array}{r} 60618? \\ - 43?149 \\ \hline 171?33 \end{array}$$

- Đại diện các nhóm trả lời.

b)
$$\begin{array}{r} 1?021 \\ \times \quad \quad 5? \\ \hline 15021 \\ 7510? \\ \hline 766071 \end{array}$$

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

<p>- GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>+ Bài a: thực hiện theo tính chất giao hoán của phép nhân. + Bài b: Thực hiện theo tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. a) $25 \times 99 \times 4 = 25 \times 4 \times 99$ $= 100 \times 99$ $= 9\ 900$ b) $2\ 025 \times 17 + 83 \times 2\ 025$ $= 2\ 025 \times (17 + 83)$ $= 2\ 025 \times 100$ $= 202\ 500$</p> <p>- HS trả lời cách tính và kết quả. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 4. Rô-bốt đã bán bốn bức tranh với giá tiền tương ứng như hình dưới đây.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> 85 500 đồng</div> <div style="text-align: center;"> 150 000 đồng</div> <div style="text-align: center;"> 425 000 đồng</div> <div style="text-align: center;"> 55 500 đồng</div> </div> <p>Hỏi trung bình mỗi bức tranh của Rô-bốt có giá bao nhiêu tiền?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm. Nêu cách tính trung bình và thực hiện bài tập.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 4, cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS làm việc nhóm. Nêu cách tính trung bình: Muốn tính trung bình cộng các số hạng ta tính tổng các số hạng đó rồi chia cho số số hạng.</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p style="text-align: center;">Bài làm:</p> <p>$(85\ 500 + 150\ 000 + 425\ 000 + 55\ 500) : 4 = 179\ 000$ đồng</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực</p>	

lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 5. Bác Ba chia 525 kg gạo vào các túi, mỗi túi 15 kg.

a) Hỏi 7 túi như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam-gạo?

b) Biết rằng bác Ba bán mỗi túi gạo đó với giá 250 000 đồng. Hỏi bác Ba thu được bao nhiêu tiền khi bán hết số gạo đó?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.

- GV cùng HS tóm tắt bài toán.

- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.

- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.
Cả lớp lắng nghe.

- HS tóm tắt bài toán:

+ Chia 525kg gạo vào các túi, mỗi túi 15 kg.

+ 7 túi : ? kg

+ Mỗi túi gạo bán 250 000đ, bán bao nhiêu tiền?

- HS làm bài tập vào vở.

Giải:

a) 7 túi hết số kg gạo là:

$$15 \times 7 = 105 \text{ (kg)}$$

b) Số túi gạo bác Ba có là:

$$525 : 15 = 35 \text{ (túi)}$$

Số tiền bác Ba thu được khi bán hết gạo là:

$$250\ 000 \times 35 = 8\ 750\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) 105 kg; b) 8 750 000 đồng

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Khoa học

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học: Nêu được một số thành phần của đất, trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động tìm thông tin thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của bài học.

- Năng lực trách nhiệm: Thực hiện nhiệm vụ của nhóm, tìm hiểu thành phần và vai trò của đất đối với cây trồng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm và chia sẻ trong nhóm, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, tranh ảnh sưu tầm hoặc vật thể về các loại đất và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhắc lại được các thành phần của đất.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Mở mảnh ghép”</p> <p>Cách chơi</p> <p>- GV đưa ra các câu hỏi để HS trả lời. Ai có câu trả lời đúng sẽ mở được một mảnh ghép. Mở hết 4 mảnh ghép sẽ xuất hiện một bức ảnh cây mọc trên đất.</p>	<p>- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi.</p> <p>- HS trả lời 4 câu hỏi để mở 4 mảnh ghép.</p> <p>+ Câu 1: Trong đất có những thành phần nào?</p> <p>+ Câu 2: Thành phần nào có trong đất</p>

 <p>- GV khen ngợi HS tham gia chơi. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Cây có thể sống và phát triển nhờ các thành phần của đất, Vậy đất có vai trò như thế nào đối với cây trồng?</p>	<p>nhiều nhất? + Câu 3: Mùn được hình thành từ đâu? + Câu 4: Kể tên một số loại đất mà em biết?</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu: + Nêu được vai trò của đất đối với cây trồng. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Vai trò của đất đối với cây trồng.</p> <p>- GV gọi 1 HS đọc không thông tin. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát bộ rễ cây và thông tin ở hình 6 trả lời 2 câu hỏi SGK: + Câu 1: Rễ cây lấy những gì từ đất? + Câu 2: Vì sao cây có thể đứng vững không bị đổ?</p>	<p>- 1 HS đọc thông tin. - HS hoạt động nhóm, chú ý quan sát đến bộ rễ cây và thông tin gợi ý trong ảnh để phát hiện được kiến thức. + Câu 1: Rễ là bộ phận chủ yếu hút chất dinh dưỡng (chất khoáng, mùn), nước và không khí có trong đất. + Câu 2: Vì Rễ có vai trò bám vào lòng đất giúp cây đứng vững hơn, cố định cây ở vị trí ban đầu không bị đổ ngã.</p>

 <p>Chất khoáng, mùn và một số thành phần khác</p> <p>Nước</p> <p>Không khí</p> <p>Hình 6</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV kết luận: Rễ cây lấy chất khoáng, mùn, nước, không khí giúp cho cây sống và phát triển tốt giữ cho cây đứng vững. - Mở rộng: GV gọi 1 HS đọc thông tin phần “Em có biết” để biết thêm các loại đất khác nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS lắng nghe - 1 HS đọc cả lớp lắng nghe.
 <p>Đất cát</p> <p>Đất thịt</p> <p>Đất sét</p> <p>Hình 5</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ: Địa phương em chủ yếu có đất loại nào? Kể tên một số loại cây thích hợp trồng ở loại đất đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 vài HS kể.
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng. + HS trình bày được một số hoạt động làm thay đổi thành phần đất và tác dụng của nó. + HS trình bày được một số hoạt động làm tăng vai trò của đất với cây trồng. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Vai trò của đất với cây trồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm.

trình bày vai trò của đất với cây trồng dựa vào nội dung hình 6.

- GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét, khen ngợi HS trình bày đúng.
- GV cho HS xem video về vai trò của đất đối với cây trồng.

<https://youtu.be/zXxIa9TuN8c>.

- GV kết luận: ***vai trò của đất đối với cây trồng cung cấp nước không khí chất dinh dưỡng cho cây và giữ cho cây đứng vững.***

3.2. Hoạt động làm thay đổi thành phần đất và tác dụng của nó.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 quan sát việc làm của máy móc và con người trong 2 bức tranh hình 9 và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.



a) Làm tơi đất



b) Bón phân hữu cơ cho đất

Hình 9

- GV Gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét, khen ngợi HS và chốt kết quả đúng của từng tranh.

3.2. Hoạt động làm tăng vai trò của đất đối với cây trồng.

- GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân kể thêm hoạt động làm tăng vai trò của đất

- Đại diện nhóm trình bày, bổ sung.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- HS xem video.

- HS thảo luận nhóm 2 và hoàn thành phiếu học tập.

Tên nhóm:.....		
PHIẾU HỌC TẬP		
Các hoạt động của con người tác động đến đất trồng		
Tên hoạt động	Thành phần của đất bị thay đổi	Tác dụng của hoạt động đối với
Hình 9a:		
Hình 9b:		

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả:
- + Hoạt động hành 9a làm thay đổi thành phần không khí trong đất, giúp đất tơi xốp hơn và tăng không khí trong đất.
- + Hoạt động hành 9b làm thay đổi chất dinh dưỡng làm tăng chất khoáng và mùn cho đất, giúp cây trồng có thể sống và phát triển.

- HS lắng nghe.

- 1 vài HS kể theo hiểu biết thực tế và thông tin đã sưu tầm: bón phân, vun xới đất, xây dựng hệ thống dẫn nước tưới

<p>đổi với cây trồng mà em biết.</p> <p>- GV kết luận: Các hoạt động của con người đã làm thay đổi các thành phần của đất và có tác động đến chất lượng của đất đối với cây trồng.</p> <p>- GV cho HS đọc thông tin phần “Em có biết” để biết thêm thông tin về nông nghiệp thông minh và bền vững.</p>	<p>cho cây trồng, ủ rơm rạ và rau củ dưới đất, tạo rãnh thoát nước,...</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- 1 HS đọc cả lớp lắng nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Nhận xét tiết học .</p> <p>- Dặn dò:</p> <p>+ Thực hiện xới đất và vun đất vào gốc cho cây trồng trong gia đình,</p> <p>+ Tìm hiểu thông tin cho bài 2: ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS nghe và thực hiện ở nhà.</p> <p>- HS tìm hiểu bài sau.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Lịch sử- Địa lí

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT BƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM
Bài 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể tên được một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu Địa lí thông qua việc xác định trên lược đồ hoặc bản đồ vị trí địa lí của Việt Nam; trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến vị trí địa lí, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tôn trọng Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của nước ta.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Lược đồ vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Việt Nam.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam. - GV yêu cầu HS nêu những điều HS biết về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh. - HS nêu những điều HS biết về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá:</p>	

- Mục tiêu:

+ Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 3. Tìm hiểu về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.1. Tìm hiểu về Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục và quan sát hình 5 (SGK trang 7) và thực hiện nhiệm vụ:

+ *Mô tả Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

+ *Nêu ý nghĩa của Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.

- GV yêu cầu các nhóm trình bày.

- GV yêu cầu nhóm khác chú ý nghe rồi nhận xét, bổ sung ý kiến.



▲ Hình 5. Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- HS quan sát và đọc thông tin.

- HS thảo luận nhóm đôi.

- Đại diện nhóm trình bày.

+ *Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.*

Nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho 5 tầng lớp: Trí thức, nông dân, công nhân, thương nhân, binh sĩ cùng đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

+ Ý nghĩa của Quốc kì:

Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3.2. Tìm hiểu về Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 6 trong SGK trang 8 (Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

- Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm để thực hiện:

+ *Mô tả Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

+ *Nêu ý nghĩa của Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*



▲ Hình 6. Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- GV mời nhóm trình bày.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Tìm hiểu về Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và mục

- HS đọc thông tin và quan sát.

- HS thảo luận nhóm.

- Đại diện nhóm trình bày.

+ *Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp.*

+ *Ý nghĩa của Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:*

Quốc huy thể hiện khát vọng về một nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS đọc thông tin.

<p>Em có biết?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nghe bài Quốc ca và trả lời câu hỏi: + <i>Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài hát nào? Do ai sáng tác?</i> + <i>Quốc ca thể hiện điều gì?</i> <p>- GV giảng giải thêm: Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam, thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe bài Quốc ca và trả lời. + <i>Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác năm 1944.</i> + <i>Quốc ca thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vinh quang của các thế hệ đi trước, đồng thời, cũng thể hiện khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam.</i> - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Mở rộng kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Giúp HS tìm hiểu thêm về một số đền tháp Chăm. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: + <i>Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam 5 thành phố trực thuộc Trung ương.</i> + <i>Xác định trên bản đồ hành chính Việt nam quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.</i> - GV yêu cầu HS xem lại Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 trong SGK trang 6 để thực hiện nhiệm vụ. - Gv mời đại diện nhóm trình bày. - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá rồi chia sẻ trong nhóm nhóm để thực hiện nhiệm vụ. - HS xem lại Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 trong SGK trang 6 để thực hiện nhiệm vụ - Đại diện nhóm trình bày. - HS lắng nghe.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. 	

- Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: + <i>Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hoặc tại nơi em sống.</i>	- HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ.
- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu và chuẩn bị để chia sẻ ở giờ học tiếp theo. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS về nhà tìm hiểu và chuẩn bị để chia sẻ ở giờ học tiếp theo. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Ôn Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 2: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, với số tự nhiên, các tính chất của phép tính để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán

2. *Học sinh:* Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<p>- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.</p>	<p style="text-align: center;">=1525(m)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 1 525 m</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 4. (trang 10 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Rô-bốt thu hoạch được 504 quả trứng gà trong nông trại. Bạn ấy cho những quả trứng đó vào khay, mỗi khay gồm 12 quả trứng.</p> <p>a) Rô-bốt được khay trứng.</p> <p>b) Mỗi khay trứng có giá 50 000 đồng. Khi bán hết tất cả các khay trứng Rô-bốt thu được số tiền là đồng.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm. Nêu cách tính trung bình và thực hiện bài tập. - GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 4, cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS làm việc nhóm.</p> <p>a) Rô-bốt được 42 khay trứng.</p> <p>b) Khi bán hết tất cả các khay trứng Rô-bốt thu được số tiền là 2 100 000 đồng.</p> <p>Giải thích</p> <p>a)</p> <p style="padding-left: 40px;">Rô-bốt để được số khay trứng là:</p> <p style="padding-left: 80px;">$504 : 12 = 42$ (khay)</p> <p style="padding-left: 80px;">Đáp số: 42 khay</p> <p>b)</p> <p style="padding-left: 40px;">Rô-bốt thu được số tiền bán trứng là:</p> <p style="padding-left: 80px;">$50\ 000 \times 42 = 2\ 100\ 000$ (đồng)</p> <p style="padding-left: 80px;">Đáp số: 2 100 000 đồng</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).</p>

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng đóng vai nhân vật để thực hiện bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau thi đóng vai nhân vật và thảo luận nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tiết trước. - HS xem lại bài “Một chuyến phiêu lưu” và nhớ lại trong bài văn đã sáng tạo phần nào. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.	- 1 HS nhắc lại cách viết văn kể chuyện sáng tạo đã học ở tiết trước. - HS xem lại bài “một chuyến phiêu lưu” và nhớ lại các phần sáng tạo trong bài văn: + Thêm lời kể, lời tả, lời thoại,... + Thay đổi cách kết thúc câu chuyện. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành.	
<p>Bài 1 (trang 8 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đọc các đoạn văn trong bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 15) và trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV mời 2 HS đọc 2 văn trong SGK.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kỹ 2 đoạn văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p> <p>a. Các đoạn văn kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật nào? Đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu trả lời đúng.</p>	<p>- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p>

<p>- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).</p>	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td style="width: 50%; text-align: center;">chuyện</td> </tr> <tr> <td style="vertical-align: top;"> <p>Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc về các sự việc, nhân vật,... trong câu chuyện</p> </td> <td style="vertical-align: top;"> <p>– Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhân vật, điều chỉnh giọng điệu, tình cảm tùy thuộc bối cảnh tình huống trong truyện có. – Có sự diễn đạt thoải mái, tự nhiên với các câu văn khi miêu tả, kể chuyện, không gò bó vào câu chuyện ban đầu.</p> </td> </tr> </table> <p>- Các nhóm nhận xét, bổ sung.</p>		chuyện	<p>Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc về các sự việc, nhân vật,... trong câu chuyện</p>	<p>– Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhân vật, điều chỉnh giọng điệu, tình cảm tùy thuộc bối cảnh tình huống trong truyện có. – Có sự diễn đạt thoải mái, tự nhiên với các câu văn khi miêu tả, kể chuyện, không gò bó vào câu chuyện ban đầu.</p>
	chuyện				
<p>Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc về các sự việc, nhân vật,... trong câu chuyện</p>	<p>– Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhân vật, điều chỉnh giọng điệu, tình cảm tùy thuộc bối cảnh tình huống trong truyện có. – Có sự diễn đạt thoải mái, tự nhiên với các câu văn khi miêu tả, kể chuyện, không gò bó vào câu chuyện ban đầu.</p>				
3. Hoạt động Vận dụng					
<p>Bài 3 (trang 10 VBT Tiếng Việt lớp 5Tập 1) Dưới đây là một số đoạn trong bài văn đóng vai chuột xù kể lại câu chuyện <i>Một chuyến phiêu lưu</i>. Đánh số thứ tự các đoạn văn theo đúng trật tự các sự việc diễn ra trong câu chuyện.</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4</p> <p>- GV cho các nhóm đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS thảo luận nhóm.</p> <p>2 Y như tôi lo ngại, gã rắn ngay lập tức xuất hiện. Gã tức giận quăng mình về phía mèo nhép. Trời ơi, nguy hiểm quá! Tôi vội nhảy từ móm đá xuống mình rắn để cứu mèo nhép. Bị bất ngờ, rắn tối sầm mặt mũi, còn tôi té văng ra, đau khắp mình mẩy.</p> <p>1 Đúng lúc ấy, tôi nhìn thấy một hang rắn ở ngay dưới chân mèo nhép. Tôi sợ quá, vội nhắc cậu ấy đừng nhảy nhót và làm ồn. Nhưng mèo quá phần khích nên bỏ ngoài tai lời nhắc của tôi.</p> <p>3 May quá, bác ngựa từ xa trông thấy, đã chạy đến cứu chúng tôi. Thấy bác ngựa, rắn lui nhanh vào vòm cây trốn mất.</p> <p>4 Chúng tôi được bác ngựa tốt bụng chở sang bên kia sông. Đồng cỏ ở bên đó quả là một thế giới xanh tuyệt đẹp. Thích quá, mèo nhép liền sáng tác một bản nhạc. Cậu ấy bứt những sợi cỏ làm đàn gảy tung tung, hát tướng lên và nhảy nhót khắp nơi.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>				

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Thứ sáu ngày 6 tháng 9 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc mở rộng câu chuyện về thế giới tuổi thơ giúp các em mở rộng hơn về chủ đề, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu bài hát “Thế giới tuổi thơ” https://youtu.be/Bu5iQCKfqCE?si=xDiUx_vb4dCNRPU</p>	<p>- HS Lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát.</p>

<p>- Nội dung bài hát nói về chủ đề gì?</p> <p>- Trong bài hát, bạn nhỏ mong ước điều gì?</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:</p> <p><i>Qua bài hát cho chúng ta thấy thế giới của tuổi thơ rất hồn nhiên và có những mong ước bình yên, vui tươi để các em được chăm lo, dạy dỗ. Vậy bài học hôm nay các em sẽ đọc thêm một số câu chuyện nói về thế giới tuổi thơ các em nhé.</i></p>	<p>- Nội dung bài hát về chủ đề thế giới tuổi thơ.</p> <p>- Bạn nhỏ mong ước thế giới hoà bình, yêu thương.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>Đọc mở rộng câu chuyện về thế giới tuổi thơ giúp các em mở rộng hơn về chủ đề, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1 và gợi ý.</p> <p>- Những câu chuyện về thế giới tuổi thơ:</p> <p>+ Câu chuyện nói về điều trẻ em quan tâm, yêu thích, muốn khám phá: <i>Nhóc Nhi-cô-lai; những chuyện chưa kể,...</i></p> <p>+ Câu chuyện về cách suy nghĩ, cách hiểu, cách suy luận, tưởng tượng của trẻ em về thế giới xung quanh: <i>10 ngày ngắm thế giới của mắt nhắm tịt,...</i></p> <p>+ Câu chuyện về tình cảm, cảm xúc của trẻ em đối với các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống: <i>miền quê thơ ấu,...</i></p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ nhớ lại những câu chuyện đã đọc hoặc đọc câu chuyện em đã chuẩn bị trước.</p> <p>2. Viết phiếu đọc sách:</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết vào phiếu đọc sách theo mẫu.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc câu chuyện đã chuẩn bị trước hoặc nhớ lại nội dung câu chuyện đã đọc từ trước.</p> <p>- HS viết phiếu đọc sách theo mẫu về câu chuyện em đã đọc.</p>

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ● Ngày đọc: ●
Nội dung chính của câu chuyện: ●	Nhân vật em thích nhất: ●
Chi tiết thú vị hoặc sự việc đáng nhớ: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆

<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng kể chuyện của học sinh. Trình bày được quan điểm của bản thân về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận về một trong các nội dung sau:</p> <p>+ Kể tóm tắt câu chuyện và giới thiệu về nhân vật chính.</p> <p>Nêu điều thú vị về thế giới tuổi thơ được thể hiện trong câu chuyện.</p> <p>+ Chia sẻ những điều em học được về cách kể chuyện.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và chọn một nội dung để thực hiện.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- Các nhóm nhận xét, bổ sung.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giao việc cho HS về nhà:</p> <p>+ Kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>Cùng người thân nhận xét về các nhân vật, các sự việc diễn ra trong câu chuyện.</p> <p>- GV lưu ý HS khi kể ở nhà:</p> <p><i>Kể phải rõ ràng, rành mạch, đúng và đầy đủ các sự việc chính trong câu chuyện.</i></p>	<p>- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà.</p> <p>- HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

- | | |
|-------------------------|--|
| - GV nhận xét tiết dạy. | |
| - Dặn dò bài về nhà. | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Âm nhạc

CHỦ ĐỀ 1: NIỀM VUI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS sẽ:

- Hát đúng ca độ, trường độ, sắc thái bài hát *Niềm vui của em*. Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm và vận động. Biết hát với hình thức tốp ca kết hợp vận động phụ họa.
- Đọc đúng ca độ gam Đô trưởng, thể hiện đúng ca độ và trường độ *Bài đọc nhạc số 1*, biết đọc nhạc kết hợp gõ
- Thể hiện đúng ca độ, trường độ bài tập tiết tấu, biết sử dụng một số nhạc cụ gõ để đệm cho bài hát. Thể hiện đúng ca độ và trường độ bài tập giai điệu bằng ri-cooc-đơ hoặc kèn phím, duy trì được tốc độ ổn định.
- Phân biệt được hình thức độc tấu, song tấu, tam tấu, tứ tấu, hòa tấu nhiều nhạc cụ.
- Biết thể hiện tình cảm trong sáng, hồn nhiên, yêu đời của tuổi thơ.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giao tiếp và hợp tác:* có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, có sáng tạo khi tham gia các hoạt động âm nhạc.

Năng lực âm nhạc:

- *Thể hiện âm nhạc:* Biết trình bày và biểu diễn bài hát *Niềm vui của em* với hình thức phù hợp; Đọc *Bài đọc nhạc số 1* nhạc đúng tên nốt, cao độ và trường độ.
- *Cảm thụ và hiểu biết âm nhạc:* Phân biệt được các hình thức chơi nhạc cụ như độc tấu, song tấu, tam tấu, tứ tấu, hòa tấu nhiều nhạc cụ.
- *Ứng dụng và sáng tác âm nhạc:* Biết chơi nhạc cụ (ri-cooc-đơ, kèn phím) thể hiện đúng trường độ các mẫu tiết tấu; Vận động cơ thể và gõ đệm phù hợp với nhịp điệu bài *Niềm vui của em*.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Biết trân trọng, nuôi dưỡng ước mơ.
- Biết cảm nhận về đẹp cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SHS, SGV Âm nhạc
- Đàn phím điện tử, ri-cooc-đơ và kèn phím.
- Chơi đàn và hát trôi chảy, thuần thục bài *Niềm vui của em*
- Tập một số động tác, vận động cho bài *Niềm vui của em*.
- Đọc thuần thục *Bài đọc nhạc số 1* và thể hiện giai điệu bằng kí hiệu bàn tay.
- Video bài hát *Niềm vui của em*.
- Thể hiện được bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.
- Thể hiện được bài tập giai điệu bằng ri-cooc-đơ và kèn phím.
- Video một số hình thức biểu diễn độc tấu, song tấu, tam tấu, tứ tấu và hòa tấu nhiều nhạc cụ.

2. Đối với học sinh

- SHS Âm nhạc 5.
- Có một trong số các nhạc cụ gõ : thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bơ-rin, trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát hoặc nhạc cụ gõ tự làm.
- Có một trong hai nhạc cụ thể hiện giai điệu: ri-cooc-đơ hoặc kèn phím.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết	Kế hoạch dạy học (dự kiến)
1	Hát: <i>Niềm vui của em</i>

2	Ôn tập bài hát: <i>Niềm vui của em</i> Đọc nhạc: <i>Bài đọc nhạc số 1</i>
3	Ôn tập: <i>Bài đọc nhạc số 1</i> Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu - Nhạc cụ thể hiện giai điệu.
4	Thường thức âm nhạc – Hình thức biểu diễn: Đọc tấu, hòa tấu Vận dụng

TIẾT 1

HÁT: NIỀM VUI CỦA EM

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (8 phút)</p> <p>a. Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.</p> <p>b. Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nghe bản nhạc Bài ca hòa bình (Trích trong Giao hưởng số 9 của Bét-tô-ven) và kết hợp vỗ tay theo tiết tấu. - GV hướng dẫn HS vỗ tay theo mẫu - GV quan sát, hướng dẫn và sửa sai cho HS (nếu có). - GV dẫn dắt HS vào bài học: <i>Các em vừa cùng nhau luyện tập vận động cơ thể theo bản nhạc Bài ca hòa bình, bây giờ chúng ta hãy cùng nhau đi vào học hát bài Niềm vui của em nhé!</i> <p>B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV hướng dẫn. - HS lắng nghe, thực hiện. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học.

THỨC (27 phút)

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Nắm được tên, tác giả của bài hát.
- Hát bài hát *Niềm vui của em* đúng ca độ, trường độ, nhịp điệu, sắc thái kết hợp vận động cơ thể.

b. Cách thức thực hiện

- GV giới thiệu ngắn gọn về tác giả, bài hát.
- *Tác giả: Nhạc sĩ Nguyễn Huy Hùng (12/7/1954).*
- + *Bút danh: Uyên Phương.*
- + *Sự nghiệp sáng tác: Ông viết nhiều ca khúc được phổ biến, mang đậm tính chất dân ca, được nhiều người yêu thích, trong đó có một số tác phẩm viết cho thiếu niên, nhi đồng.*
- + *Một số tác phẩm tiêu biểu: Niềm vui của em, Tiếng hát bên dòng sông, Núi Thành quê em,...*
- + *Giải thưởng: Ông được tặng thưởng Huy chương “Vì sự nghiệp Văn học - Nghệ thuật”, Huy chương “Vì sự nghiệp Báo chí Việt Nam”, Huy chương “Vì sự nghiệp Phát thanh Việt Nam”, Huy chương “Vì sự nghiệp Truyền hình Việt Nam”.*
- *Bài hát Niềm vui của em:*
- + *Bài hát Niềm vui của em là niềm vui của bạn nhỏ khi được đến trường, được sống trong hòa bình và yêu thương.*
- + *Bài hát có giai điệu vui tươi, trong sáng.*

- HS lắng nghe, tiếp thu.

<p>- GV hướng dẫn HS đọc lời ca, vừa đọc vừa vỗ tay theo tiết tấu lời ca.</p> <p>- GV cho HS nghe bài hát, khuyến khích HS nghe kết hợp vận động cơ thể hoặc biểu lộ cảm xúc, tính chất vui tươi, trong sáng.</p> <p>- GV hướng dẫn HS khởi động giọng hát.</p> <p>- GV đàn và hát mẫu từng câu, hướng dẫn HS tập hát mỗi câu 3 – 4 lần. GV hướng dẫn HS hát nối tiếp câu hát thứ nhất và câu hát thứ hai, hát nối tiếp câu hát thứ ba và câu hát thứ tư,...</p> <p>GV hướng dẫn, giúp HS nhận ra những câu hát có giai điệu giống nhau và giúp chỉnh sửa những chỗ hát sai (nếu có).</p> <p>- GV cho HS hát cả bài, kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay nhịp nhàng. GV hướng dẫn HS tập cách lấy hơi, thể hiện tình cảm vui tươi, hát với nhịp độ ổn định.</p> <p>- GV đặt câu hỏi cho HS: <i>Bài hát Niềm vui của em gợi cho em cảm xúc gì?</i></p> <p>- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>- GV nhận xét, khích lệ, khen ngợi HS có ý thực luyện tập tích cực, hát hay.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tập trình bày bài hát theo cách hát:</p> <p>+ Nhóm 1: <i>Khi ông mặt trời thức dậy...đẹp</i></p>	<p>- HS đọc đồng thanh và vỗ tay theo tiết tấu lời ca.</p> <p>- HS nghe bài hát.</p> <p>- HS khởi động giọng theo hướng dẫn của GV.</p> <p>HS tập hát từng câu theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- HS chỉnh sửa những chỗ hát sai (nếu có).</p> <p>- HS lắng nghe câu hỏi.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p><i>Bài hát gợi cho em tình cảm yêu quê hương, đất nước và niềm vui của trẻ thơ khi được đến trường trong cuộc sống hòa bình.</i></p> <p>- HS hát theo hướng dẫn.</p>
--	---

<p><i>những ước mơ.</i></p> <p>+ Nhóm 2: <i>Khi ông mặt trời đi ngủ...niềm vui đong đầy.</i></p> <p>- GV nhắc nhở HS về nhà sáng tạo động tác phụ hoạ cho bài hát <i>Niềm vui của em.</i></p> <p>- GV giáo dục phẩm chất cho HS: <i>Qua bài học chúng ta cần biết thể hiện tình cảm yêu quê hương, đất nước, niềm vui của trẻ em khi được đến trường và sống trong hòa bình.</i></p> <p>* Củng cố</p> <p>- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.</p> <p>* DẶN DÒ</p> <p>- GV nhắc nhở HS:</p> <p>+ Ôn luyện bài hát <i>Niềm vui của em.</i></p> <p>- GV khuyến khích HS chia sẻ cảm xúc sau khi học bài hát cho người thân, biểu diễn bài hát cho người thân.</p> <p>- Đọc trước nội dung tiết sau: <i>Ôn tập bài hát: Niềm vui của em; Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 1</i></p>	<p>- HS lắng nghe, tiếp thu</p> <p>- HS lắng nghe, tiếp thu.</p> <p>- HS lắng nghe, tiếp thu.</p> <p>- HS lắng nghe, tiếp thu.</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 3: ÔN TẬP PHÂN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.
- Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số và tìm phân số bằng phân số đã cho.
- Nhận biết được phân số tối giản.
- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số, các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phân số qua hình ảnh, cách rút gọn phân số và quy đồng mẫu số .
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được bài toán về phân số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.


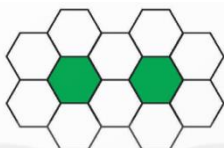
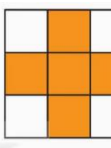
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tìm trung bình cộng của các số sau: 245, 563, 358, 462 + Câu 2: Thực hiện biểu thức: $6\ 513 - 100 \times 5$ 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Câu 1: $(245 + 563 + 358 + 462) : 4 = 407$ + Câu 2: $6\ 513 - 100 \times 5 = 6\ 513 - 500 = 6\ 013$

<p>+ Câu 3: Khi tính giá trị của biểu thức có phép cộng và phép nhân ta làm thế nào?</p> <p>+ Câu 4: Bài toán sau đã áp dụng tính chất gì của phép nhân: $25 \times 15 \times 4 = 25 \times 4 \times 15 = 100 \times 15 = 1\ 500$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>+ Câu 3: Khi thực hiện biểu thức có phép cộng và phép nhân ta thực hiện phép nhân trước rồi mới thực hiện phép cộng</p> <p>+ Câu 4: Bài toán áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. + Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số và tìm phân số bằng phân số đã cho. + Nhận biết được phân số tối giản. + Thực hiện được việc quy đồng mẫu số, các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại). <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>Hình A</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Hình B</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Hình C</p> </div> </div> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu cả lớp làm việc chung.</p> <p>- GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài tập 1.</p> <p>Hình A: phân số $\frac{3}{8}$; Ba phần tám</p> <p>Hình B: phân số $\frac{2}{12}$; Hai phần mười hai</p> <p>Hình C: phân số $\frac{5}{9}$; Năm phần chín</p> <p>- HS trả lời. - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 2. a) Số:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> $\frac{24}{40} = \frac{12}{?} = \frac{?}{5}$ </div> <div style="text-align: center;"> $\frac{36}{54} = \frac{?}{9} = \frac{2}{?} = \frac{?}{15}$ </div> </div>	

b) Rút gọn phân số: $\frac{18}{24}, \frac{56}{42}, \frac{72}{90}$

- GV giới thiệu yêu cầu bài 2.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát bài 2.
- HS làm việc theo nhóm đôi, tìm chữ số thích hợp trong bài tập 2a.
- Đại diện các nhóm trả lời:

$$a) \frac{24}{40} = \frac{12}{20} = \frac{3}{5} \quad \frac{36}{54} = \frac{6}{9} = \frac{2}{3} = \frac{10}{15}$$

$$b) \frac{18}{24} = \frac{18:6}{24:6} = \frac{3}{4} ;$$

$$\frac{56}{42} = \frac{56:14}{42:14} = \frac{4}{3}$$

$$\frac{72}{90} = \frac{72:18}{90:18} = \frac{4}{5}$$

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

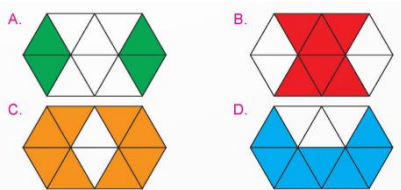
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

a) Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

- A. $\frac{16}{18}$ B. $\frac{15}{12}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{25}{30}$

b) $\frac{3}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình nào dưới đây:



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. Nêu cách phân biệt phân số tối giản và làm bài tập theo yêu cầu.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.

- HS làm việc chung. Nêu cách phân biệt phân số tối giản: là phân số mà cả tử số và mẫu số không cùng chia hết cho một số nào khác.

a) Phân số tối giản: C. $\frac{7}{9}$

b) $\frac{3}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình B

<ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>Vậy: $\frac{6 \times 12 \times 17}{17 \times 4 \times 20} = \frac{3 \times 3}{10} = \frac{9}{10}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ: EM VÀ TRƯỜNG MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU

SHL: Tìm hiểu nội dung sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Thể hiện được hiểu biết về chủ đề năm học của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

- Hoàn thành bản đăng kí học tập, làm theo các chương trình của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng: Nhận thức được các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh; Đăng kí học tập, làm theo các Chương trình của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh phù hợp với khả năng của bản thân.

- Năng lực tổ chức hoạt động: Xác định được mục tiêu cá nhân trong đăng kí học tập, làm theo các Chương trình của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, chia sẻ cùng bạn trong sinh hoạt
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học tôn trọng và trách nhiệm với các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GVHoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài hát “Em yêu trường em” để khởi động bài học. - Trong bài hát nói đến những ai? - Bạn nhỏ yêu những gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe bài hát. - HS trả lời: Bài hát nói đến bạn thân và cô giáo. - bạn nhỏ yêu bạn bè, yêu cô giáo và yêu mái trường. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 1 và phương hướng hoạt động tuần 2 (Làm việc theo tổ)</p>	
<p>a) Mục tiêu:</p> <p>Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.</p>	
<p>b) Cách tiến hành:</p>	
<p>* Đánh giá kết quả tuần 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nên nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) <p>* Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung.

<p>học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.</p> <p>+ Thực hiện nền nếp trong tuần.</p> <p>+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.</p> <p>+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.</p> <p>- Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.</p> <p>- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.</p>	<p>- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.</p> <p>- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.</p>
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Tìm hiểu nội dung sinh Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh</p>	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <p>– Nêu được ý kiến về chủ đề năm học của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.</p> <p>– Hoàn thành bản đăng kí học tập, làm theo các chương trình của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.</p>	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p> <p>– GV giao nhiệm vụ cho Ban Cán sự lớp / Chi đội điều hành. GV hỗ trợ.</p> <p>– GV cần định hướng HS thảo luận về:</p> <p>+ Nội dung của chủ đề</p> <p>+ Các chương trình hoạt động, phong trào mà Đội định hướng thực hiện của năm học</p> <p>+ Những hoạt động, phong trào mà em có thể tham gia</p>	<p>– Ban cán sự lớp / chấp hành Chi đội, căn cứ vào phổ biến của nhà trường thông báo về chủ đề của năm học. Mỗi năm học, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh sẽ có một chủ đề riêng.</p>
	<p>Ban cán sự lớp tổ chức cho các bạn đăng kí, học tập, làm theo các chương trình rèn luyện đội viên của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sau khi các bạn đăng kí xong thì phiếu đăng kí được treo ở Góc Hoạt động Đội trong lớp. Ban cán sự cũng nhắc lúc nào các bạn cũng có thể đăng kí bổ sung các Chương trình rèn luyện.</p>

4. Tổng kết / cam kết hành động	
– GV động viên và nhắc HS các việc cần chú ý thực hiện để thực hiện tốt nội dung em đã đăng kí rèn luyện, xứng đáng là Đội viên Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

Ôn Toán

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG
Bài 3: ÔN TẬP PHÂN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.
- Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để rút gọn phân số và tìm phân số bằng phân số đã cho.
- Nhận biết được phân số tối giản.
- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số, các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phân số qua hình ảnh, cách rút gọn phân số và quy đồng mẫu số .
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được bài toán về phân số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

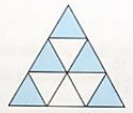


- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Hoạt động Khởi động	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tìm trung bình cộng của các số sau: 245, 563, 358, 462 + Câu 2: Thực hiện biểu thức: $6\ 513 - 100 \times 5$ + Câu 3: Khi tính giá trị của biểu thức có phép cộng và phép nhân ta làm thế nào? + Câu 4: Bài toán sau đã áp dụng tính chất gì của phép nhân: $25 \times 15 \times 4 = 25 \times 4 \times 15 = 100 \times 15 = 1\ 500$ - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Câu 1: $(245 + 563 + 358 + 462) : 4 = 407$ + Câu 2: $6\ 513 - 100 \times 5 = 6\ 513 - 500 = 6\ 013$ + Câu 3: Khi thực hiện biểu thức có phép cộng và phép nhân ta thực hiện phép nhân trước rồi mới thực hiện phép cộng + Câu 4: Bài toán áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân. - HS lắng nghe.
2.Hoạt động Luyện tập, thực hành.	
<p>Bài 1.(trang 11 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Viết phân số và cách đọc phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình (theo mẫu).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-start;"> <div style="text-align: center;">  <p>$\frac{5}{9}$: Năm phần chín</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>.....</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>.....</p> </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu cả lớp làm việc chung. - GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài tập 1. - HS trả lời. Hình 1: phân số $\frac{5}{9}$; Năm phần chín Hình 2: phân số $\frac{8}{13}$; Tám phần mười ba Hình 3: phân số $\frac{4}{9}$; Bốn phần chín - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 2. (trang 11 VBT Toán lớp 5 Tập 1)	

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

$$\frac{30}{48} = \frac{\dots}{24} = \frac{5}{\dots}$$

$$\frac{42}{56} = \frac{6}{\dots} = \frac{\dots}{4} = \frac{9}{\dots}$$

b) Rút gọn phân số:

$$\frac{24}{36} = \dots; \frac{56}{70} = \dots; \frac{64}{96} = \dots$$

- GV giới thiệu yêu cầu bài 2.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát bài 2
- HS làm việc theo nhóm đôi, tìm chữ số thích hợp trong bài tập 2a.
- Đại diện các nhóm trả lời:

$$\frac{30}{48} = \frac{15}{24} = \frac{5}{8}$$

$$a) \frac{42}{56} = \frac{6}{8} = \frac{3}{4} = \frac{9}{12}$$

$$b) \frac{24}{36} = \frac{24:12}{36:12} = \frac{2}{3} ;$$

$$\frac{56}{70} = \frac{56:14}{70:14} = \frac{4}{5}$$

$$\frac{64}{96} = \frac{64:32}{96:32} = \frac{2}{3}$$

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3.(trang 11,12 VBT Toán lớp 5 Tập 1)
Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

A. $\frac{12}{16}$ B. $\frac{18}{15}$ C. $\frac{27}{39}$ D. $\frac{5}{8}$

b) $\frac{2}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình nào dưới đây:



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. Nêu cách phân biệt phân số tối giản và làm bài tập theo yêu cầu.

- GV mời HS trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.

- HS làm việc chung. Nêu cách phân biệt phân số tối giản: là phân số mà cả tử số và mẫu số không cùng chia hết cho một số nào khác.

a) Phân số tối giản: D. $\frac{5}{8}$

b) $\frac{2}{5}$ bằng phân số chỉ phần đã tô màu của hình B

- HS trả lời cách tính và kết quả.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe sửa sai (nếu có).

Bài 4. (trang 12 VBT Toán lớp 5 Tập 1)
Quy đồng mẫu số các phân số

a) $\frac{7}{6}$ và $\frac{25}{36}$ b) $\frac{13}{20}$ và $\frac{49}{80}$

a) $\frac{3}{4}$; $\frac{11}{12}$ và $\frac{31}{36}$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân làm bài vào vở.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 4, cả lớp lắng nghe.

- HS HS làm việc cá nhân làm bài vào vở.

a)MSC: 36; $\frac{7}{6} = \frac{7 \times 6}{6 \times 6} = \frac{42}{36}$ cùng

mẫu $\frac{25}{36}$

<p>- GV thu bài, chấm và nhận xét.</p>	<p>b)MSC: $80 \frac{13}{20} = \frac{13 \times 4}{20 \times 4} = \frac{52}{80}$ cùng mẫu $\frac{49}{80}$ a) $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 9}{4 \times 9} = \frac{27}{36}$; $\frac{11}{12} = \frac{11 \times 3}{12 \times 3} = \frac{33}{36}$ cùng mẫu $\frac{31}{36}$ - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).</p>
<p>3.Hoạt động Vận dụng</p>	
<p>Bài 5. Tính a/ $\frac{8 \times 6 \times 13}{13 \times 16 \times 6}$ b/ $\frac{9 \times 19 \times 15}{19 \times 12 \times 5}$ - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. - GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải thích cách làm - GV đánh giá kết quả, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe. - HS làm cá nhân, giải thích cách làm: a/ $\frac{8 \times 6 \times 13}{13 \times 16 \times 6} = \frac{8 \times 6 \times 13}{13 \times 8 \times 2 \times 6} = \frac{1}{2}$ b/ $\frac{9 \times 19 \times 15}{19 \times 12 \times 5} = \frac{9 \times 19 \times 5 \times 3}{19 \times 4 \times 3 \times 5} = \frac{9}{4}$ - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

KÝ DUYỆT

Ngày 5 tháng 9 năm 2024

Tổ trưởng



Nguyễn Thị Hoài Thanh

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 2
TỪ NGÀY 09/09 – 13/09/2024

	Tiết	Tiết PPC T	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Thứ hai (09/09)	1	4	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia học tập, trao đổi nội quy nhà trường	
	2	8	Tiếng Việt	Đọc: Tuổi Ngựa	QCN, GDĐĐ
	3	9	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Đại từ	
	4	6	Toán	Bài 3: Ôn tập phân số (Tiết 2)	
	5				
	6	2	Đạo đức	Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 2)	
	7	3	LS-ĐL	Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 1)	
	8	4	Ôn TV	Luyện từ và câu: Đại từ	
Thứ ba (10/09)	1	10	Tiếng Việt	Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo	
	2	7	Toán	Bài 4: Phân số thập phân	
	3	3	Khoa học	Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (Tiết 1)	
	4	2	Công nghệ	Bài 1. Vai trò của công nghệ (Tiết 2)	
	5	2	Mĩ thuật	Bài 1: Ngày hè (Tiết 2)	
	6	5	Tiếng Anh	Starters. Back together	
	7	5	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Tìm hiểu khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. - Thực hành kiểm soát cảm xúc phù hợp trong các tình huống.	
	8	3	Thể dục	Bài 1: Bài tập phối hợp đội ngũ, đội hình hàng ngang (Tiết 3)	
	1	11	Tiếng Việt	Đọc: Bến sông tuổi thơ (Tiết 1)	

Thứ tư (11/09)	2	12	Tiếng Việt	Đọc: Bến sông tuổi thơ (Tiết 2)	GDĐĐ
	3	8	Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 1)	
	4	6	Tiếng Anh	Starters. Back together	
	5	7	Tiếng Anh	Starters. Back together	
	6	2	Tin học	Bài 1. Em có thể làm gì với máy tính? (Tiết 2)	
	7	4	Ôn Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 1)	
	8	5	Ôn TV	Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo	
	Thứ năm (12/09)	1	13	Tiếng Việt	Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo
2		9	Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 2)	
3		4	Khoa học	Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (Tiết 2)	
4		4	LS-ĐL	Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 2)	
5					
6		5	Ôn Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 2)	
7		4	Thể dục	Bài 2: Bài tập phối hợp đội ngũ hàng dọc, biến đổi hình hàng dọc, hàng ngang (Tiết 1)	
8		6	Ôn TV	Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo	
9		2	KNS		
Thứ sáu (13/09)		1	14	Tiếng Việt	Nói và nghe: Những câu chuyện thú vị
	2	2	Âm nhạc	Ôn tập bài hát: Niềm vui của em Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 1	
	3	10	Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 3)	
	4	8	Tiếng Anh	Starters. Back together	
	5				
	6	6	Ôn Toán	Bài 5: Ôn tập các phép tính với phân số (Tiết 3)	
	7	6	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Lập kế hoạch xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của lớp.	
	8	2	Năng khiếu		

Thứ hai ngày 9 tháng 9 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Tuần 2: Sinh hoạt dưới cờ
THAM GIA HỌC TẬP, TRAO ĐỔI NỘI QUY NHÀ TRƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia học tập, trao đổi về nội quy nhà trường.
- Tham gia hướng dẫn cách thực hiện nội quy nhà trường cho các em học sinh lớp dưới.

2. Năng lực chung

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Học sinh chấp hành đúng nội quy nhà trường ; Biết chia sẻ cảm xúc của mình khi tham gia các hoạt động học tập. Tham gia học tập nghiêm túc, tích cực. Thể hiện thái độ vui vẻ, tích cực, hào hứng đến trường
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: HS rèn luyện kỹ năng tự thực hiện các hoạt động học tập

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện nội quy nhà trường theo phân công đã thống nhất; Tác phong chuẩn mực, thực hiện đúng nội quy.
- Phẩm chất nhân ái: Có tinh thần yêu thương, quan tâm và giúp đỡ bạn bè trong học tập

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho buổi chào cờ.
- Chuẩn bị cho nhóm HS đại diện lớp 5 nói về kinh nghiệm và cách thực hiện một số nội quy nhà trường (nếu lớp mình được phân công)

2. Học sinh:

- Trang phục chỉnh tề tham dự chào cờ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
a) Mục tiêu Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia học tập, trao đổi, chia sẻ với các em lớp dưới về nội quy nhà trường.	
b) Tiến trình hoạt động – GV chủ nhiệm ổn định tổ chức và quản lí HS khi Tổng phụ trách Đội hoặc Liên đội trưởng tổ chức nghi lễ chào cờ, báo cáo kết quả rèn luyện tuần trước và phổ biến nội dung học tập nội quy	- HS tham gia lễ khai giảng năm học mới.

<p>nhà trường.</p> <p>- GV phối hợp với GV Tổng phụ trách tổ chức cho HS tham gia hướng dẫn cách thực hiện nội quy nhà trường</p>	<p>- HS tham gia nghe phổ biến về nội quy nhà trường.</p>
<p>– GV chủ nhiệm phối hợp tổ chức cho HS thực hiện hướng dẫn nội quy nhà trường theo phân công thống nhất trong trường. Ví dụ: HS lớp 5A giúp các em lớp 1A. HS lớp 5B giúp các em lớp 1B.</p>	<p>– HS tham gia hướng dẫn các em học sinh lớp 1, 2 thực hiện nội quy nhà trường theo phân công đã thống nhất với Tổng Phụ trách. Ví dụ: Đi sang lớp của các em học sinh lớp 1, 2 cùng làm mẫu với bạn trên sân khấu về cách buộc dây giày, đi dép quai hậu, chỉnh đốn quần áo,... để các em quan sát được rõ hơn. Sau đó, hỗ trợ các em thực hiện động tác.</p>
<p>- GV nhắc nhở HS ghi nhớ và tuân thủ nội quy mà nhà trường đã đề ra.</p> <p>- GV hướng dẫn HS chia sẻ với bạn (có thể chia sẻ theo nhóm đôi hoặc một số HS của lớp chia sẻ trước toàn trường) về cách thực hiện nội quy của bản thân - Kết thúc, dặn dò.</p>	<p>– HS lắng nghe.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (nếu có)

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT

TUẦN 2:

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

Bài 03: TUỔI NGỰA (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con.

Đọc hiểu: Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và

hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống.....

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **Giáo dục Quyền con người:** Quyền được ước mơ.

* **Giáo dục đạo đức:** Yêu thương mẹ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1.1. Ôn bài cũ:</p> <p>- GV cho HS lên bốc thăm đọc nối tiếp bài “Cánh đồng hoa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện.</p> <p>1.2. Khởi động:</p> <p>- GV cho nhóm hoạt động: Nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch)</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS trao đổi trước lớp</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>HS quan bốc thăm đọc đoạn và trả lời câu hỏi.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- Nhóm thảo luận.</p> <p>- HS đại diện một số nhóm lên chia</p>

<p>- GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới.</p>	<p>sẽ</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú Ngựa theo trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ.</p> <p>- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ</p> <p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV chia đoạn:</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi...</p> <p>+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Ngọn gió của trăm miền”</p> <p>+ Đoạn 3: Tiếp theo Khắp đồng hoa cúc dại.</p> <p>+ Đoạn 4: Phần còn lại</p> <p>- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>triền núi đá, lóa màu trắng....</i></p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu: (Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)</p> <p>- GV HD đọc diễn cảm: câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ, đọc với giọng hào hứng, xúc động ở đoạn thơ nói về chú ngựa non rong ruổi khắp đây đó.</p> <p>- GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe GV đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.</p> <p>- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS đọc từ khó.</p> <p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.</p> <p>- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ.</p>	

<p>+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống.....</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có)</p> <p>+ Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa theo âm lịch</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài:</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?</p> <p>+ Câu 2: Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Những miền đất đã qua. . Những cảnh vật đã thấy . Những cảm nghĩ đã có. <p>+ Câu 3: Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?</p> <p>+ Câu 4: Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>1. Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây vì mẹ nói với bạn nhỏ rằng tuổi của bạn nhỏ là tuổi Ngựa. Tuổi Ngựa là tuổi đi, không yên một chỗ.</p> <p>2. Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những miền đất đã qua: miền trung du, triền núi đá, những cánh đồng hoa. + Những cảnh vật đã thấy: ngọn gió, gió xanh, gió hồng, gió đen, núi đá, cánh đồng hoa, nắng, đồng hoa cúc. + Những cảm nghĩ đã có: vui vẻ, thích thú, say mê. <p>3. Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù chú ngựa con sẽ đi xa, đi khắp nơi, nhưng chú vẫn nhớ và luôn muốn trở về bên mẹ. Đây là sự biết ơn và tình yêu thương của bạn nhỏ với người mẹ, dù có phải rời xa nhưng tình cảm vẫn không thay đổi.</p> <p>4. Bạn nhỏ trong bài thơ thể hiện sự tự</p>

<p>bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <p><i>Bạn nhỏ trong bài thơ là một cậu bé có đầy sự tự tin, ước mơ, khao khát được khám phá cuộc sống, thế giới xung quanh. Nhưng sau tất cả, sau mỗi chuyến đi cậu lại trở về với gia đình, trở về trong vòng tay đầy yêu thương, ấm áp của mẹ.</i></p> <p>3.3. Học thuộc lòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GVHD HS học thuộc lòng + HS đọc thuộc theo cặp + Xung phong đọc thuộc lòng trước lớp 	<p>tin và say mê trong việc khám phá và trải nghiệm cuộc sống. Dù còn nhỏ nhưng bạn đã có tinh thần phiêu lưu và quyết tâm đi tìm hiểu thế giới xung quanh mình. Đồng thời, sự nhạy cảm và tình cảm gia đình sâu sắc cũng được thể hiện qua tình yêu thương và mong muốn trở về bên mẹ của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. <p>-Nghe GV hướng dẫn. + HS cùng nhau đọc nhiều lần. + HS xung phong đọc.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tuổi Ngựa”. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. <p>Bạn nhỏ trong bài thơ Tuổi ngựa có tình yêu thương mẹ tha thiết và trí tưởng tượng phong phú. Em ước mơ được đi đến mọi miền đất nước: từ miền trung du xanh ngắt, đến những cao nguyên đất đỏ phì nhiêu, băng qua cánh rừng đại ngàn hay những triền núi đá... Nhưng dù đi xa đến đâu, tình yêu, nỗi nhớ mẹ sẽ giúp "chú ngựa con" - nhân vật bạn nhỏ tìm đường về bên mẹ dấu yêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

<p>* GD Quyền con người: Ước mơ là quyền mà chúng ta tự cho phép mình được nghĩ và làm theo mong muốn của bản thân. Và ai cũng có Quyền được ước mơ.</p> <p>* Giáo dục đạo đức: Qua câu chuyện của bạn nhỏ, em đã làm gì để thể hiện tình yêu thương dành cho mẹ? Vậy em cũng đã biết yêu thương mẹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS trả lời - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: ĐẠI TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS thi đọc thuộc lòng bài thơ “ Tuổi Ngựa” - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thi nhau đọc thuộc nối tiếp bài thơ - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Có thêm kiến thức mới về Đại từ. - Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh. - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung. - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 <p>Bài 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?</p> <p>a. Nắng vàng óng. Lúa cũng vậy.</p> <p>b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng thế.</p> <p>c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. Đó là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. <p>Bài 2. Nhận diện đại từ nghi vấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi? a. Cốc! Cốc Cốc! - Ai gọi đó? 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. a. “Vậy” thay thế cho từ “vàng óng”. b. “Thế” thay thế cho “cao và thẳng”. c. “Đó” thay thế cho câu trước bao gồm . - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe. a. Từ được dùng để hỏi: ai – Hỏi về người gõ cửa

– Tôi là thỏ...

(Võ Quảng)

b. Bé nằm ngấm ngấm

- Nắng ngủ ở đâu?

– Nắng ngủ nhà nắng

Mai lại gặp nhau.

(Thụy Anh)

c. Mùa nào phượng vĩ

Nở đỏ rực trời

Ở khắp nơi nơi

Ve kêu ra rả?

(Câu đố)

- GV chia nhóm thảo luận.

- GV tổ chức trình bày trước lớp.

- GV ? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào?

? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì?

- GV nhận xét chung

Bài 3: Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.



Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.

Ngô liền nói:

- **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn **cậu** sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên

b. Từ được dùng để hỏi: đâu – Hỏi về nơi ngủ của nắng.

c. Từ được dùng để hỏi: nào – Hỏi về mùa có hoa phượng nở và ve sầu kêu

- Các nhóm thảo luận.

- Đại diện các nhóm trả lời.

+ Trong câu hỏi

+ Dấu hỏi chấm.

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

<p>được dùng để làm gì?</p> <p>b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các từ in đậm. - Gv cho nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời. <p>- Lớp nhận xét.</p> <p>GV cho HS rút ra ghi nhớ: Về đại từ</p> <p>Bài 4: Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp - Bình chọn câu đáp lời hay nhất, 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc và nêu các từ in đậm - Nhóm thảo luận – chia sẻ trước lớp a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để xưng hô. b. Từ chỉ người nói: Ta, tớ - Từ chỉ người nghe: Bạn, cậu <p>-HS nắm được: Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu.... (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cùng phân vai và tham gia đóng vai trước lớp VD: Tớ xin lỗi vì đã kiêu ngạo như vậy!
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ, đại từ để lẫn lộn trong hộp. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>+ Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là đại từ có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

TUẦN 2:

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG
Bài 3: ÔN TẬP PHÂN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- So sánh được các phân số (cùng mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại)
- Xác định được phân số bé nhất, phân số lớn nhất (Trong nhóm có không quá bốn phân số)
- Sắp xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé (Trong nhóm có không quá bốn phân số)
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách so sánh phân số và xác định phân số bé nhất, lớn nhất.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số lớn nhất trong nhóm có 4 phân số ở một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

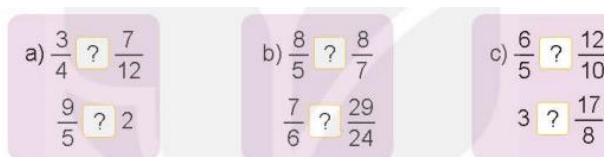
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Rút gọn phân số: $\frac{8}{12} = \dots\dots\dots$</p> <p>+ Câu 2: Chọn phân số tối giản: A. $\frac{4}{6}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{5}{10}$</p> <p>+ Câu 3: Quy đồng mẫu số: $\frac{6}{7}$ và $\frac{4}{9}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Câu 1: $\frac{2}{3}$</p> <p>+ Câu 2: B</p> <p>+ Câu 3: $\frac{6}{7} = \frac{6 \times 9}{7 \times 9} = \frac{54}{63}$, $\frac{4}{9} = \frac{4 \times 7}{9 \times 7} = \frac{28}{63}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>- So sánh được các phân số (cùng mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại)</p> <p>- Xác định được phân số bé nhất, phân số lớn nhất (Trong nhóm có không quá bốn phân số)</p> <p>- Sắp xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé (Trong nhóm có không quá bốn phân số)</p> <p>- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phân số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. > < =.</p>  <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV yêu cầu cả lớp làm việc chung.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. a) > ; < b) > ; < c) = ; > - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 2. Chọn câu trả lời đúng:</p> <p>a) Phân số nào dưới đây lớn hơn 1? A. $\frac{16}{17}$ B. $\frac{31}{29}$ C. $\frac{90}{100}$ D. $\frac{120}{125}$</p> <p>b) Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{4}{7}$? A. $\frac{5}{7}$ B. $\frac{20}{35}$ C. $\frac{13}{21}$ D. $\frac{12}{28}$</p> <p>c) Phân số nào dưới đây lớn hơn phân số $\frac{5}{8}$? A. $\frac{10}{16}$ B. $\frac{25}{32}$ C. $\frac{13}{24}$ D. $\frac{3}{8}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu yêu cầu bài. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - HS làm việc theo nhóm đôi, chọn câu trả lời đúng - Đại diện các nhóm trả lời: a) B b) D c) B - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 3. Viết các phân số đã cho theo thứ tự</p> <p>Cho các phân số $\frac{3}{4}, \frac{7}{12}, \frac{20}{16}, \frac{19}{24}$. Viết các phân số đã cho theo thứ tự</p> <p>a) Từ bé đến lớn. b) Từ lớn đến bé.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu. - GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. Nêu cách viết các phân số theo thứ tự và làm bài tập theo yêu cầu. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân làm bài vào vở. - GV thu bài, chấm và nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp lắng nghe. - HS làm việc chung. Nêu cách làm - HS làm việc cá nhân làm b a) Từ bé đến lớn: $\frac{7}{12}, \frac{3}{4}, \frac{19}{24}, \frac{20}{16}$ b) Từ lớn đến bé: $\frac{20}{16}, \frac{19}{24}, \frac{3}{4}, \frac{7}{12}$ - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).
<p>Bài 4. Quan sát tranh và số liệu trả lời câu hỏi:</p>	

Cho biết số học sinh khối 5 tham gia các môn thể thao ở Cầu lạc bộ thể thao của Trường Tiểu học Kim Đồng như sau:



Cầu lông: $\frac{1}{3}$ số học sinh của khối 5



Bóng đá: $\frac{2}{5}$ số học sinh của khối 5



Võ: $\frac{1}{5}$ số học sinh của khối 5



Bóng rổ: $\frac{4}{15}$ số học sinh của khối 5

Trong các môn thể thao trên, môn nào được học sinh khối 5 của Trường Tiểu học Kim Đồng tham gia nhiều nhất?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

- GV mời HS trả lời.

- GV cho HS nhận xét.

- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp lắng nghe.

- HS nhận ra: Môn thể thao được HS tham gia nhiều nhất là phân số lớn nhất trong 4 phân số đã cho.

KQ: Môn bóng đá được HS tham gia nhiều nhất.

- HS lắng nghe sửa sai (nếu có).

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 5: Đố vui

GV cho HS đọc bài suy nghĩ và hướng dẫn giúp HS nhận ra: Số phải tìm là tử số của phân số có mẫu số là 8 mà phân số đó vừa lớn hơn $\frac{3}{8}$ vừa bé hơn $\frac{4}{7}$ ta có phân số

$$\frac{3}{8} < \frac{4}{8} < \frac{4}{7} \quad \text{vậy số phải tìm là 4}$$

*HS khá giỏi

- GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải thích cách làm.

- GV đánh giá kết quả, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm cá nhân, giải thích cách làm: Rèn kĩ năng vận dụng linh hoạt việc so sánh hai phân số cùng mẫu số, cùng tử số để tìm một số.

KQ: $\frac{3}{8} < \frac{4}{8} < \frac{4}{7}$ số phải tìm là 4

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

Bài 1: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về những đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương đất nước.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước.

3. Phẩm chất.


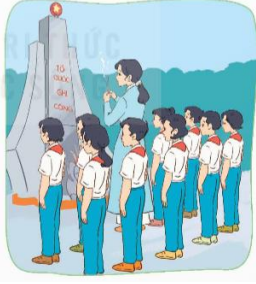
- Phẩm chất yêu nước: Thể hiện qua thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm hiểu về các nhân vật lịch sử có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới kết nối tiết 1 với tiết 2. 	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Giáo viên tổ chức cho học sinh khởi động trò chơi giải đố nêu một số đặc điểm của nhân vật lịch sử để học sinh gọi tên nhân vật đó.</p> <p>1. Ai là người bóp nát quả cam lúc nào không biết</p> <p>2. Ai là người lấy thân mình lấp lỗ Châu mai</p> <p>3. Ai là tác giả của quốc ca? Sao việt nam</p> <p>4. Ai là đại tướng đầu tiên của Việt Nam?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- Học sinh tham gia trò chơi + Đáp án.</p> <p>1. Trần Quốc Toản.</p> <p>2. Phan Đình Giót.</p> <p>3. Văn Cao.</p> <p>4. Võ Nguyên Giáp.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh giải thích được lí do vì sao phải biết ơn người có công với quê hương, đất nước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1. Tìm hiểu vì sao phải biết ơn người có công với quê hương, đất nước.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nội dung và đưa ra ý kiến.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>a)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>b)</p> </div> </div> <p>-</p> <p>GV mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nêu câu hỏi : Vì sao chúng ta cần phải biết ơn những người có công với quê hương đất nước?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và chốt:</p> <p><i>Chúng ta biết ơn những người có công với quê hương đất nước vì họ đã góp phần bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước.</i></p>	<p>- HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận nhóm.</p> <p>Đại diện các nhóm trình bày:</p> <p>+ Trường hợp a: Nói về công lao của người giúp dân vượt qua đói nghèo, xây dựng thôn giàu đẹp, yên vui.</p> <p>+ Trường hợp b: Nói về công lao của các anh hùng liệt sĩ.</p> <p>- Đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- HS trả lời theo hiểu biết của mình.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát các bức tranh và kể những việc làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước.

- Mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả.



- GV mời một số HD nêu thêm một số việc thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS làm việc nhóm, cùng quan sát và thảo luận rồi đưa ra ý kiến.

- Đại diện các nhóm báo cáo:

- + Tranh 1: Giúp đỡ bác thương binh.
- + Tranh 2: Dâng hoa ở tượng đài mẹ Suốt.
- + Tranh 3: Hát về anh Kim Đồng.
- + Tranh 4: Thi kể chuyện Bác Hồ.
- + Tranh 5: Viết thư cho các chiến sĩ ngoài đảo xa.
- + Tranh 6: Tự hào, mong ước được như vận động viên thể thao đã làm rạng danh Tổ quốc.

- HS nêu:

- + Bảo vệ thành quả do người có công gìn giữ, xây dựng.
- + Học tập tốt để tiếp nối truyền thống của người có công,...

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, Cùng nhau thảo luận và ghi lại những nội dung cơ bản đã học:

1. Vì sao cần viết ơn người có công với quê hương đất nước?

- HS làm việc theo nhóm, ghi lại những nội dung cơ bản đã học theo yêu cầu GV vào phiếu thảo luận.

<p>2. Việc cần làm thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước? - GV nhận xét, tuyên dương và chốt:</p>	<p>- Các nhóm trình bày kết quả</p>
<p>GV chốt kiến thức, yêu cầu HS nhắc lại.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>1. Vì sao cần biết ơn với người có công với quê hương, đất nước?</p> <p>Họ đã bảo vệ quê hương, đất nước để đem lại cuộc sống hoà bình cho chúng ta.</p> <p>Họ đã xây dựng quê hương, đất nước để chúng ta có cuộc sống tươi đẹp như ngày hôm nay.</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>2. Việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương, đất nước</p> <p>Tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ thành quả của thế hệ trước.</p> <p>Tích cực học tập, rèn luyện, để tiếp nối sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước mạnh giàu.</p> </div> </div>	
<p>4. Hoạt động vận dụng. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS đọc thông điệp “Uống nước nhớ nguồn” và giải thích ý nghĩa: + Nghĩa đen: Khi được uống, hưởng dòng nước mát thì hãy nhớ nơi khởi đầu cho ta dòng nước đó. + Nghĩa bóng: Lời nhắc, khuyên nhủ của ông cha ta đối với con cháu, cần phải biết ơn khi thừa hưởng thành quả công lao của người đi trước - GV tổng kết, tuyên dương. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Học sinh đọc thông điệp: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN.</p> <p>- HS nhắc lại - Lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>	

LỊCH SỬ -ĐỊA LÍ

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu,...)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về địa hình và khoáng sản Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số khoáng sản chính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về địa hình và khoáng sản Việt Nam

GV3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm địa hình, khoáng sản.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho học sinh nghe câu hát và yêu cầu HS hãy chỉ ra các từ ngữ thể hiện thiên nhiên của Việt Nam trong những câu hát sau:</p> <p>“Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi Ngắm mặt biển xanh xa tím chân trời Nghe sóng vỗ dạt dào biển cả Vút phi lao gió thổi trên bờ”</p> <p>- Cho HS chia sẻ thêm những điều em biết về thiên nhiên Việt Nam.</p>	<p>- Cả lớp theo dõi, lắng nghe.</p> <p>- Những từ ngữ thể hiện thiên nhiên Việt Nam trong câu hát trên là: biển xanh xa tím chân trời; sóng vỗ dạt dào; gió thổi,...</p> <p>- Những điều em biết về thiên nhiên Việt Nam:</p> <p>+ Việt Nam có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.</p> <p>+ Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước,...</p> <p>+ Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm</p>

<p>- GV mời một số học sinh trình bày</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về đặc điểm của nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về thiên nhiên Tổ quốc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: Bài 2 – Thiên nhiên Việt Nam.</p>	<p>gió mùa.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khoáng sản...).</p> <p>+ Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1. Địa hình và khoáng sản</p> <p>a, Địa hình</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi</p> <p>- Chỉ trên lược đồ các khu vực đồi núi và các khu vực đồng bằng ở nước ta.</p> <p>- Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.</p> <div data-bbox="395 1238 762 1675" data-label="Image"> </div> <p>- GV mời HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>b, Khoáng sản</p> <p>GV cho HS đọc thông tin và quan sát các</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>- Đặc điểm chính của địa hình nước ta:</p> <p>+ Trên phần đất liền của nước ta, đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp. Các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung.</p> <p>+ Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng.</p> <p>- Một số khoáng sản ở nước ta: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng, bô-xit, a-pa-tit,...</p> <p>- Vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế: Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp (nhiệt điện, sản xuất kim loại, hoá chất,...) và một phần để xuất khẩu.</p> <p>- HS báo cáo kết quả.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

hình 1, 2, thảo luận nhóm đôi:

- Kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản ở nước ta.
- Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV mời HS đọc mục “Em có biết”
- GV nhận xét, tuyên dương.



▲ **Hình 2.** Giàn khoan dầu khí ở mỏ Bạch Hổ (Bà Rịa – Vũng Tàu)

- HS đọc để hiểu thêm về một số khoáng sản ở nước ta.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

- + Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khoáng sản...).
- + Giúp học sinh nhớ được tên khoáng sản, địa điểm phân bố.
- + Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi:

- GV tổ chức trò chơi **Ô chữ kì diệu**
- Chuẩn bị: Hình ảnh một số khoáng sản, các mảnh ghép có các câu hỏi.
- Cách chơi: Chơi cả lớp hoặc theo nhóm., . Giáo viên lựa chọn hàng chữ, đọc câu hỏi về đặc điểm của 1 khoáng sản và cho HS suy nghĩ là 30 giây. Nếu trả lời đúng một câu hỏi ở một câu hỏi các em sẽ được 10 điểm. Sau 6 mảnh ghép học sinh phải đoán được tên từ khóa của trò chơi. Nếu đoán được tên nhân từ khóa sẽ ghi được 30 điểm. Học sinh hay nhóm nào được nhiều điểm hơn sẽ giành phần thắng cuộc.
- Tác dụng của trò chơi này: Thể hiện được các ô chữ và các câu hỏi sau mỗi ô chữ mà giáo án truyền thống không thể hiện được. Hơn nữa trên màn hình thể hiện rõ hình ảnh đẹp, dễ quan sát..
- GV tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét chung tuyên dương các

- HS lắng nghe luật chơi.
- HS tham gia chơi.

nhóm.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về đặc điểm địa hình Việt Nam. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

**ÔN TIẾNG VIỆT
LUYỆN TỪ VÀ CÂU
ĐẠI TỪ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Tiếng Việt

2. **Học sinh:** Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh			
1. Hoạt động Khởi động				
- GV tổ chức HS thi đọc thuộc lòng bài thơ “ Tuổi Ngựa” - GV dẫn dắt vào bài.	- HS thi nhau đọc thuộc nối tiếp bài thơ - HS lắng nghe.			
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành.				
<p>- Bài 1 (trang 12 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Những từ in đậm trong các câu dưới đây được dùng để thay thế cho những từ ngữ nào?</p> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung. - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 a. Nắng vàng óng. Lúa cũng vậy . b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng thế . c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. Đó là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân. - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. <p>Bài 2. (trang 12 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Gạch dưới từ để hỏi trong những đoạn trích dưới đây:</p> - GV yêu cầu HS đọc: <table border="1" data-bbox="228 2007 873 2051"> <tr> <td>a. Cốc! Cốc</td> <td>b. Bé năm</td> <td>c. Mùa nào</td> </tr> </table>	a. Cốc! Cốc	b. Bé năm	c. Mùa nào	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. a. “Vậy” thay thế cho từ “vàng óng”. b. “Thế” thay thế cho “cao và thẳng”. c. “Đó” thay thế cho câu trước bao gồm . - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.
a. Cốc! Cốc	b. Bé năm	c. Mùa nào		

<p>Cốc! - Ai gọi đó? - Tôi là thỏ... (Võ Quảng)</p>	<p>ngấm nghĩ - Nắng ngủ ở đâu? - Nắng ngủ nhà nắng Mai lại gặp nhau. (Thụy Anh)</p>	<p>phượng vĩ Nở đỏ rực trời Ổ khắp nơi nơi Ve kêu ra rả? (Câu đố)</p>	<p>Các nhóm thảo luận. - Đại diện các nhóm trả lời.</p>		
<p>- GV chia nhóm thảo luận. - GV tổ chức trình bày trước lớp.</p>			<table border="1"> <tr> <td data-bbox="898 577 1161 891"> <p>a. Cốc! Cốc! Cốc! - Ai gọi đó? - Tôi là Thỏ. (Võ Quảng)</p> </td> <td data-bbox="1161 577 1449 891"> <p>b. Bé nằm ngấm nghĩ - Nắng ngủ ở đâu? - Nắng ngủ nhà nắng Mai lại gặp nhau. (Thụy Anh)</p> </td> </tr> </table>	<p>a. Cốc! Cốc! Cốc! - Ai gọi đó? - Tôi là Thỏ. (Võ Quảng)</p>	<p>b. Bé nằm ngấm nghĩ - Nắng ngủ ở đâu? - Nắng ngủ nhà nắng Mai lại gặp nhau. (Thụy Anh)</p>
<p>a. Cốc! Cốc! Cốc! - Ai gọi đó? - Tôi là Thỏ. (Võ Quảng)</p>	<p>b. Bé nằm ngấm nghĩ - Nắng ngủ ở đâu? - Nắng ngủ nhà nắng Mai lại gặp nhau. (Thụy Anh)</p>				
<p>- GV ? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào? ? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì? - GV nhận xét chung Bài 3: (trang 12,13 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đọc Câu chuyện hạt thóc ở bài tập 3 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 21) và trả lời câu hỏi Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn: - Ta là hạt vàng đầy, các bạn ạ. Chẳng ai bằng ta được. Ngô liền nói: - Cậu ơi, tớ nghĩ cậu chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài. Hạt thóc nghe xong, im lặng. (Phan Tự Gia Bách) a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì? b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe? - Gọi 2 HS đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các</p>			<p>+ Trong câu hỏi + Dấu hỏi chấm. - Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- 2 HS đọc và nêu các từ in đậm</p>		

<p>các từ in đậm.</p> <p>- GV cho nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời.</p> <p>- GV cho HS nhắc lại kiến thức về đại từ</p> <p>Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu.... (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...</p> <p>Bài 4. (trang 13 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Tìm đại từ xưng hô trong những câu thơ dưới đây của nhà thơ Tố Hữu và cho biết từ nào chỉ người nói, từ nào chỉ người nghe.</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm vở BT</p> <p>- Cho HS làm vở BT</p> <p>a. Mình về, mình có nhớ– Từ chỉ người nói: ta Mười lăm năm ấy thiết– Từ chỉ người nghe: tha mặn nồng. Mình về mình có nhớ không Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?</p> <p>b. – Cháu đi liên lạc, – Từ chỉ người nói: Vui lắm chú à. Ở đồn Mang Cá – Từ chỉ người nghe: Thích hơn ở nhà!</p> <p>- GV thu vở, nhận xét</p> <p>Bài 5 (trang 13 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1).Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.</p>	<p>- Nhóm thảo luận – chia sẻ trước lớp</p> <p>a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để xưng hô.</p> <p>b. Từ chỉ người nói: Ta, tớ</p> <p>- Từ chỉ người nghe: Bạn, cậu</p> <p>Lớp nhận xét.</p> <p>- HS nhắc lại</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>a. Mình về, mình có nhớ– Từ chỉ người nói: ta Mười lăm năm ấy thiết– Từ chỉ người nghe: mình Mình về mình có nhớ không Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?</p> <p>b. – Cháu đi liên lạc, – Từ chỉ người nói: cháu Ở đồn Mang Cá – Từ chỉ người nghe: chú</p> <p>- HS làm vào vở BT</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời</p>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> -GV chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp - Bình chọn câu đáp lời hay nhất, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cùng phân vai và tham gia đóng vai trước lớp VD: Tớ xin lỗi vì đã kiêu ngạo như vậy!
--	--

3.Hoạt động Vận dụng

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ, đại từ để lẫn lộn trong hộp. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là đại từ có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 10 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho Hs tham gia trò chơi: Tìm “Đại từ” + GV chia 2 nhóm tổ chức các nhóm thi tìm từ nhanh ghép lên bảng. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhanh và tìm từ ghép lên bảng theo nhóm của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p>	

<p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SGK - HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại. - HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện. - HS lựa chọn cách kể sáng tạo. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau lựa chọn 1 câu chuyện - Suy nghĩ, nhớ lại và lựa chọn cách kể sáng tạo, trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lập dàn ý bài văn mình đã chọn + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn. - HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình - HS viết dàn ý vào vở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe GV gợi ý - 1 HS nhớ lại ở phần chuẩn bị, lập dàn ý bài văn Mở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.) Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách: <ul style="list-style-type: none"> – Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết). – Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em. – Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hô, cách thể

<p>- GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý.</p> <p>Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa</p> <p>- GV mời HS đọc bài viết</p> <p>- GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.</p>	<p>hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).</p> <p>Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).</p> <p>-Trình bày trước lớp để GV và các bạn góp ý, bổ sung.</p> <p>- 4-5 HS đọc yêu bài viết; Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.</p> <p>- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN

Bài 4: PHÂN SỐ THẬP PHẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số thập phân (Phân số có mẫu số là 10, 100, 1000...)
- Nhận biết được thứ tự của các phân số thập phân trên tia số, xác định được phân số thập phân còn thiếu trên tia số.

Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để chuyển một số phân số thành phân số thập phân.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và nhận biết được phân số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

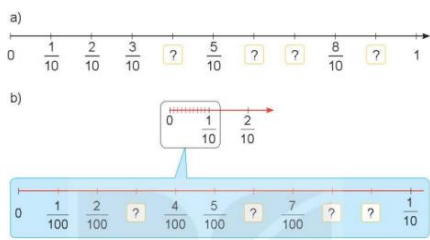
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Quy đồng mẫu số các phân số sau: $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{15}$ + Câu 2: Phân số nào trong các phân số dưới đây không bằng phân số $\frac{18}{36}$? A. $\frac{9}{18}$ B. $\frac{6}{12}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{1}{2}$ + Câu 3: Rút gọn các phân số sau $\frac{8}{12} = \dots\dots\dots$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi $+\frac{2}{3} = \frac{2 \times 5}{3 \times 5} = \frac{10}{15}; \frac{10}{15}$ và $\frac{4}{15}$ + Trả lời: C + Trả lời: $\frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3}$ - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động Khám phá</p>	

<p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phân số thập phân (Phân số có mẫu số là 10, 100, 1000...) <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chiếu hình vẽ cho HS quan sát và đọc lời thoại của Nam để nhận ra các phân số chỉ phần đã tô màu của hình và 1 HS nhận xét về mẫu số của các phân số đã cho để dẫn ra câu nói của Mai: các phân số nào có mẫu số là 10,100,1000....</p> <p>- GV giới thiệu các phân số: $\frac{3}{10}, \frac{8}{10}, \frac{57}{10}$ Là những phân số thập phân</p> <p>Các phân số $\frac{15}{10}; \frac{126}{100}; \frac{351}{1000}; \frac{1537}{1000}$ cũng là những phân số thập phân</p> <p>GV cho HS nhận xét mẫu số của các phân số đó để dẫn ra câu nói của Rô bốt</p> <p>-Gọi HS nhắc lại:</p> <p>- GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>- HS quan sát và 2 HS đọc lời thoại của Nam và Mai</p> <p>- Cả lớp nghe GV giới thiệu</p> <p>-HS nhận xét</p> <p>-2 HS nhắc lại: Các phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1000</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phân số thập phân (Phân số có mẫu số là 10, 100, 1000...) - Nhận biết được thứ tự của các phân số thập phân trên tia số, xác định được phân số thập phân còn thiếu trên tia số. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Các phân số nào dưới đây là phân số thập phân?</p> <div style="background-color: #e0e0e0; padding: 5px; border: 1px solid #ccc; margin: 10px 0;"> $\frac{7}{10}, \frac{9}{20}, \frac{63}{100}, \frac{100}{59}, \frac{178}{100}, \frac{16}{1000}, \frac{365}{1000}$ </div> <p>- GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn cách làm.</p> <p>GV mời HS làm việc nhóm đôi</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS nêu cách nhận biết và làm việc nhóm đôi.</p> <p>KQ: Các phân số là phân số thập phân là</p> $\frac{7}{10}; \frac{63}{100}; \frac{178}{100}; \frac{16}{1000}; \frac{365}{1000}$ <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Tìm phân số thập phân thích hợp.



- GV giải thích cách làm.
- GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- HS lắng nghe cách làm.
- Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.
- Đại diện các nhóm trình bày.

KQ: điền thứ tự : a) $\frac{4}{10}$; $\frac{6}{10}$ $\frac{7}{10}$ $\frac{9}{10}$

b) $\frac{3}{100}$ $\frac{6}{100}$ $\frac{8}{100}$ $\frac{9}{100}$

3. Hoạt động Luyện tập

- Mục tiêu:

- Nhận biết được phân số thập phân (Phân số có mẫu số là 10, 100, 1000...)
- Nhận biết được thứ tự của các phân số thập phân trên tia số, xác định được phân số thập phân còn thiếu trên tia số.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Số

a) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times ?}{5 \times ?} = \frac{?}{10}$ b) $\frac{25}{500} = \frac{25 : ?}{500 : ?} = \frac{?}{100}$

c) $\frac{11}{25} = \frac{11 \times ?}{25 \times ?} = \frac{?}{100}$ d) $\frac{82}{2000} = \frac{82 : ?}{2000 : ?} = \frac{?}{1000}$

- GV cho HS đọc, suy nghĩ làm nhóm đôi.
- HS trình bày bảng cả lớp nhận xét
- GV cho HS chốt: Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số của các phân số đã cho với một số thích hợp để được phân số thập phân có mẫu số là 10; 100; 1 000.

HS thảo luận nhóm đôi và trình bày

a) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 2}{5 \times 2} = \frac{6}{10}$ b) $\frac{25}{500} = \frac{25 : 5}{500 : 5} = \frac{5}{100}$

c) $\frac{11}{25} = \frac{11 \times 4}{25 \times 4} = \frac{44}{100}$ d) $\frac{82}{2000} = \frac{82 : 2}{2000 : 2} = \frac{41}{1000}$

Một số phân số có thể viết thành phân số thập phân.

-HS nhắc lại.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Viết các phân số sau thành phân số thập phân:

$$\frac{66}{60}, \frac{27}{300}, \frac{3}{4}, \frac{31}{125}$$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- Cho HS rút ra KL: Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số của các phân số đã cho với một số thích hợp để được phân số có mẫu số là 10; 100; 1 000, ...
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

$$\begin{aligned} \frac{66}{60} &= \frac{66:10}{60:10} = \frac{6}{10} \\ \frac{27}{300} &= \frac{27:3}{300:3} = \frac{9}{100} \\ \frac{3}{4} &= \frac{3 \times 25}{4 \times 25} = \frac{75}{100} \\ \frac{31}{125} &= \frac{31 \times 8}{125 \times 8} = \frac{248}{1000} \end{aligned}$$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

KHOA HỌC

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T1)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được nguyên tắc, tác hại của ô nhiễm xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm xói mòn đất.
- Đề xuất thực hiện được biện pháp giúp bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu về các nguyên nhân tác hại do ô nhiễm xói mòn đất và biện pháp bảo vệ môi trường đất qua các hoạt động sưu tầm tranh ảnh tư liệu...
- Giải quyết các vấn đề sáng tạo: Đề xuất, thực hiện được việc làm giúp bảo vệ môi trường đất giao tiếp và hợp tác tham gia nhiệm vụ nhóm chia sẻ trình bày kết quả

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức

bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về bảo vệ môi trường (nếu có); các hình ảnh trong sách giáo khoa, thông tin Suru tầm về ô nhiễm và xói mòn đất; bản ô chữ nhạc phần khởi; động cây hoa lá giấy bìa rác thải sinh hoạt thật hoặc minh họa, các loại thùng rác cho phần trò chơi;..

- Học sinh: Tranh ảnh thông tin suru tầm về ô nhiễm và xói mòn đất; bảng điều tra về ô nhiễm đất đai địa phương; tranh vẽ, kịch biểu diễn thời trang tái chế bảo vệ môi trường đất.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh																																				
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu: Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>																																					
<p>Giáo viên tổ chức chơi Tìm Chìa Khóa Vàng</p> <p>Cách chơi: Giáo viên đưa bảng ô chữ và yêu cầu học sinh Tìm các chữ các từ có nghĩa trong bảng mỗi từ một chìa khóa vàng ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng một chiếc chìa khóa vàng sau khi tìm được bốn chìa khóa vàng sẽ mở ra được kho báu là nội dung của bài học</p> <p>- Giáo viên nhận xét khen thưởng học sinh tham gia chơi</p> <p>- Giáo viên đưa bốn chìa khóa đã tìm để tìm được để giới thiệu nội dung bài học</p>	<p>HS nghe hướng dẫn cách chơi và quan sát bảng ô chữ.</p> <table border="1" data-bbox="853 1059 1206 1355"> <tr><td>X</td><td>O</td><td>I</td><td>M</td><td>O</td><td>N</td></tr> <tr><td>A</td><td>S</td><td>B</td><td>Q</td><td>N</td><td>T</td></tr> <tr><td>Đ</td><td>K</td><td>A</td><td>T</td><td>H</td><td>S</td></tr> <tr><td>A</td><td>E</td><td>O</td><td>S</td><td>I</td><td>X</td></tr> <tr><td>T</td><td>Y</td><td>V</td><td>X</td><td>E</td><td>K</td></tr> <tr><td>D</td><td>U</td><td>E</td><td>V</td><td>M</td><td>T</td></tr> </table> <p>4 từ khóa cần tìm : ô nhiễm, xói mòn , bảo vệ, đất</p> <p>HS lắng nghe,</p> <p>HS nghe và ghi vở</p>	X	O	I	M	O	N	A	S	B	Q	N	T	Đ	K	A	T	H	S	A	E	O	S	I	X	T	Y	V	X	E	K	D	U	E	V	M	T
X	O	I	M	O	N																																
A	S	B	Q	N	T																																
Đ	K	A	T	H	S																																
A	E	O	S	I	X																																
T	Y	V	X	E	K																																
D	U	E	V	M	T																																
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm đất.</p> <p>+ Nêu được một số tác hại của ô nhiễm đất đối với thực vật, động vật và con người.</p> <p>+ Nêu được một số biện pháp phòng chống ô nhiễm đất ở gia đình và địa phương.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>																																					
<p>1. Nguyên nhân tác hại và biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.</p>																																					

1.1. Các nguyên nhân gây ô nhiễm đất.

- Giáo viên gọi một học sinh đọc khung thông tin.
- Quan sát hình 1 thảo luận và cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm đất.
- các nhóm báo cáo kết quả thảo luận



Hình 1

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Ô nhiễm đất có thể do con người hoặc do các hiện tượng tự nhiên gây ra nhất định ô nhiễm chưa các chất thải nguy hại gây ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống sinh vật và sức khỏe của con người.

1.2. Thực tế tác hại của ô nhiễm đất đối với thực vật, động vật và con người.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 2 và từ thực tế cho biết tác hại của ô nhiễm môi trường đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 1 và thảo luận xác định các nguyên nhân gây ô nhiễm đất và báo cáo trước lớp:

Hình 1a: Đưa quá nhiều lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường.

Hình 1b: Hiện tượng núi lửa phun trào dung nham làm đất bị khô cứng, khó trồng trọt.

Hình 1c: Nước chưa qua xử lí thải trực tiếp ra môi trường đất.

Hình 1d: Sử dụng dư thừa thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật.

– HS: Nguyên nhân do con người gây ra: không xử lí rác và nước trước khi thải ra môi trường, sử dụng dư thừa thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật (hình 1a, 1c, 1d)

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS làm việc chung cả lớp, quan sát hình 2 và từ thực tế cho biết tác hại của ô nhiễm môi trường đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người.

Đất bị ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm, gây tác hại đối với thực



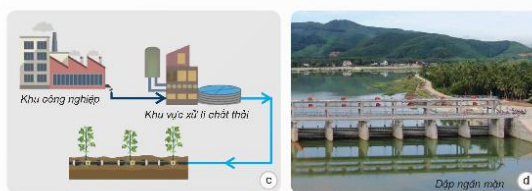
Hình 2

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Ô nhiễm đất gây tác hại đến thực vật động vật và sức khỏe của con người.

1.3. Nêu các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.

- GV mời HS quan sát hình 3 và thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống ô nhiễm đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống ô nhiễm đất (khuyến khích học sinh kể thêm càng nhiều càng tốt)
- Mời các nhóm trình bày.



Hình 3

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Chúng ta cần những biện pháp cụ thể và

vật (cây trồng chậm lớn, chất lượng sản phẩm giảm); động vật (mắc các bệnh ngoài da, rời nơi ở hiện tại đến nơi khác để sinh sống làm gián đoạn chuỗi thức ăn); con người (có thể mắc các bệnh như ung thư, bệnh mãn tính, nhiễm độc gan và một số bệnh khác,...).

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS làm việc nhóm 4, thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống ô nhiễm đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống ô nhiễm đất

- Các nhóm trình bày:

Hình 3a:Tái chế phế liệu để làm giảm chất thải ra môi trường

Hình 3b: Hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu thuốc bảo vệ thực vật.

Hình 3c:Xử lý chất thải tốt nghiệp trước khi đưa ra môi trường

Hình 3d:Ngăn chặn xâm nhập mặn ở các vùng đất ven biển.

Một số biện pháp khác: Sử dụng sản phẩm sinh học như túi ni lông, túi màng bọc thực phẩm có thể phân hủy; rửa đất ở những vùng có ô nhiễm mặn...

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<p><i>hiệu quả để phòng chống ô nhiễm đất</i></p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nêu được một số những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương.</p> <p>+ Nêu được ý nghĩa của việc phân loại rác thải sinh hoạt</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2. Luyện tập</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp làm việc cá nhân. Suy nghĩ và nêu những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương.</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương, chốt: <i>Chúng ta cần tránh các việc làm gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương.</i></p> <p>2. Vì sao phải phân loại rác thải sinh hoạt.</p> <p>- Giáo viên nêu vấn đề: các nhóm cùng thảo luận: Vì sao phải phân loại rác thải sinh hoạt khuyến khích học sinh đưa ra những lập luận ý kiến của mình để làm rõ vấn đề.</p> <p>- Giáo viên chốt kiến thức: <i>Chúng ta phân loại và xử lý rác thải cho hợp lý để bảo vệ môi trường đất</i></p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- Cả lớp làm việc cá nhân, HS ghi những việc làm đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất ở gia đình và địa phương vào vở và nêu trước lớp: Ví dụ: Địa phương có khu công nghiệp chất thải rắn hoặc nước thải chưa xử lý ra môi trường...</p> <p>Học sinh lắng nghe, góp ý, bổ sung</p> <p>- Học sinh: Vì sao phân loại rác thải sinh hoạt để có thể dễ dàng vận chuyển, tái chế; góp phần giảm lượng các rác thải ra môi trường nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường.</p> <p>Học sinh nghe và thực hiện</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số tài</p>	<p>- HS lắng nghe đề về nhà thực hiện.</p>

liệu về cách chống xói mòn đất. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - Dẫn dò về nhà	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
--	---------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ

TUẦN 2:

PHẦN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Bài 1: VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nhận biết được mặt trái khi sử dụng công nghệ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về mặt trái khi sử dụng công nghệ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng phòng tránh những tác hại do công nghệ mang lại.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về mặt trái của công nghệ và cách phòng, tránh.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về mặt trái của sản phẩm công nghệ vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC





- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Trò chơi - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập	

<p>trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi: Em yêu Việt Nam”</p> <p>- GV giới thiệu trò chơi, cách chơi.</p> <p>+ Câu hỏi trong trò chơi:</p> <p>Câu 1: Quan sát và nêu vai trò của xe đạp.</p>	<p>- HS lắng nghe cách chơi và tham gia chơi khởi động:</p> <div style="text-align: center;">  <p>a) Xe đạp</p> </div> <p>Vai trò: Giúp con người đi chuyển nhanh</p>
<p>Câu 2: Quan sát tranh và nêu vai trò tủ lạnh.</p>	<div style="text-align: center;">  <p>b) Tủ lạnh</p> </div> <p>Vai trò: Giúp bảo quản thức ăn</p>
<p>Câu 3: Quan sát tranh và nêu vai trò máy cày.</p>	<div style="text-align: center;">  <p>c) Máy cày</p> </div> <p>Vai trò: Giúp tăng năng suất lao động.</p>
<p>Câu 4: Quan sát tranh và nêu vai trò máy tính điện tử.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<div style="text-align: center;">  <p>d) Máy tính điện tử</p> </div> <p>Vai trò: Giúp học tập, làm việc là lưu trữ thông tin.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh nhận biết được mặt trái khi sử dụng công nghệ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1.</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ trong hình 2 và thảo luận, cho biết công nghệ sản xuất giấy trong sơ đồ có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường.</p>	<p>- HS quan sát hình, thảo luận và nêu kết quả thảo luận.</p> <p>+ Quá trình nghệ sản xuất giấy trong sơ đồ nếu đưa nước thải chưa qua xử lý thì sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và các sinh vật trong môi trường.</p>



Hình 2

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị những băng giấy trắng, bút dạ, băng dính. GV đưa ra yêu cầu:

+ Các nhóm quan sát các tình huống trong hình 3 và lựa chọn các thẻ phù hợp để thể hiện mặt trái khi sử dụng công nghệ trong mỗi hình.

1. Lệ thuộc vào sản phẩm công nghệ.
2. Hạn chế giao tiếp trực tiếp của con người.
3. Mất an toàn thông tin.
4. Ảnh hưởng đến sức khoẻ.



Hình 3

- GV hướng dẫn HS:

+ Các nhóm thảo luận và sắp xếp các thẻ tên phù hợp với mỗi sản phẩm công nghệ sao cho ý nghĩa của mỗi sản phẩm công nghệ phù hợp với tên thẻ đó.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Các nhóm lắng nghe nhiệm vụ

+ Chuẩn bị dụng cụ để thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

1. Lệ thuộc vào sản phẩm công nghệ.



2. Hạn chế giao tiếp trực tiếp của con người.



3. Mất an toàn thông tin.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
 - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:
Bên cạnh những ưu điểm, việc sử dụng công nghệ ít nhiều mang lại những ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống con người. Nếu sử dụng không đúng cách và hợp lý, con người có thể bị lệ thuộc và công nghệ, giảm tư duy và sáng tạo, hạn chế giao tiếp trực tiếp, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người gây mất an toàn thông tin.



4. Ảnh hưởng đến sức khỏe.



- Các lắng nghe và đọc lại để ghi nhớ.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:
- + Luyện tập, khắc sâu kiến thức vừa học về những mặt trái khi sử dụng công nghệ.
- + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: “Hiểu ý đồng đội”

- GV tổ chức trò chơi “Nếu - Thì”.
- Luật chơi:
- + GV tổ chức chia lớp thành 2 đội tham gia trò chơi tương ứng với 4 nhóm mặt trái khi sử dụng công nghệ đã nêu ở hoạt động trước.
- + Một bạn đội 1 nêu tên ở hoạt động sử dụng công nghệ mở đầu bằng từ “nếu tôi...”
- + Một bạn đội 2 nêu mặt trái của hoạt động sử dụng công nghệ mà bạn đội 1 vừa nói, bắt đầu bằng cụm từ “Thì tôi sẽ...”
- + Luân phiên đổi nhiệm vụ cho 2 đội trong 10 phút. Đội nào nêu được nhiều về đúng hơn sẽ giành chiến thắng.
- GV tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

- HS lắng nghe luật chơi.
- HS tham gia chơi.
- HS xung phong trả lời nếu đội bạn không có câu trả lời đúng.
- + Câu trả lời có dạng: Nếu tôi tính một bài toán thì tôi sẽ không dùng máy tính”...
- Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS viết vào vở “Một số thói quen của người thân trong gia đình khi sử dụng công nghệ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ”.

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

- HS viết vào vở những thói quen của người thân trong gia đình khi sử dụng công nghệ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ như yêu cầu của giáo viên.

- Học sinh tham gia chia sẻ trước lớp.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

MĨ THUẬT

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

BÀI 1: NGÀY HÈ

(Thời lượng 2 tiết– Học tiết 2)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

* Sau bài học này, HS sẽ:

- Xác định được hình ảnh, hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.

Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản, lặp lại,...trong thực hành, sáng tạo sản phẩm Mĩ thuật.

- Phân tích, đánh giá được sản phẩm mĩ thuật của mình và của bạn.

Biết chia sẻ và gìn giữ nét đẹp văn hoá truyền thống trong hoạt động ngày hè.

1. Về phẩm chất.

- Góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

+ *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ*: Nêu được tên hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.

+ *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ*: Tạo được bức tranh về ngày hè bằng cách in hoặc vẽ.

+ *Phân tích đánh giá thẩm mỹ*: Trưng bày và giới thiệu sản phẩm mĩ thuật; chia sẻ với bạn bè về nguyên lí cân bằng, tương phản lặp lại ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.

2.2. Năng lực chung.

+ *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu thông dụng để học tập, tự chủ và bộc lộ sở thích, khả năng của bản thân trong thực hành sáng tạo.

+ *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết dùng vật liệu và công cụ, họa phẩm để thực hành sáng tạo nên sản phẩm.

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm phục vụ học tập hoặc vui chơi, sinh hoạt.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

+ *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kĩ năng trình bày trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

+ *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào bài thực hành.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

+ *Phương pháp*: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

+ *Hình thức tổ chức*: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- SGK, *Mĩ thuật lớp 5. SGK, Mĩ thuật lớp 5*. Kế hoạch bài dạy.
- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).
- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.
- Một số sản phẩm Mĩ thuật của HS với chủ đề

2. Học sinh.

- SGK. VBT
- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...
- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Kế hoạch học tập.

Tiết	Bài	Nội dung	Hoạt động
1	Bài 1:		- Quan sát và nhận thức.
2	Bài 1:		- Thực hành và sáng tạo. - Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.
3	Bài 2:		- Quan sát và nhận thức.
4	Bài 2:		- Thực hành và sáng tạo. - Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở, năng lực tiếp nhận kiến thức của

HS, GV có thể chủ động điều chỉnh nội dung, linh hoạt bố trí thời gian thực hiện hoạt động ở mỗi tiết cho phù hợp nhưng phải đảm bảo HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong chủ đề.

C. PHÂN TÍCH – ĐÁNH GIÁ.

- Là hoạt động củng cố nội dung, mục đích của bài học thông qua việc trưng bày sản phẩm để cùng nhau thảo luận, phân tích và đánh giá.

* HOẠT ĐỘNG 3:	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS sinh hoạt đầu giờ. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi. <p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hoạt động, HS trưng bày và giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của em hoặc bạn theo gợi ý. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tổ chức trưng bày sản phẩm. - GV yêu cầu HS giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của em hoặc của bạn: - GV chia HS thành các nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm), yêu cầu các nhóm thảo luận, chia sẻ: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Hoạt động hoặc trò chơi nào được thể hiện trong sản phẩm?</i> + <i>Em thích sản phẩm nào nhất? Vì sao?</i> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chia sẻ với bạn về nguyên lí cân bằng, tương phản, lặp lại ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.</i> - GV hướng dẫn, đặt câu hỏi gợi mở cho các nhóm thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Em thích bài vẽ nào? Vì sao?</i> + <i>Nội dung bài vẽ là trò chơi, hoạt động nào?</i> + <i>Nguyên lí cân bằng, tương phản, lặp lại ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.</i> + <i>Theo em, nên điều chỉnh hoặc bổ sung gì để bài vẽ sinh động và hoàn thiện hơn?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS sinh hoạt. - HS trưng bày. - HS giới thiệu theo hướng dẫn. - HS làm việc nhóm. - HS thực hiện thảo luận.

<p>* Tổ chức hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 – 4 HS nêu cảm nhận của mình, phân tích được SPMT của mình và các bạn. - GV gọi HS khác bổ sung (nếu cần). - GV chốt lại các ý kiến của HS và nêu nhận xét chung. GV chọn ra 5 sản phẩm đẹp nhất để tuyên dương. <p>+ GV chốt. <i>Vậy là chúng ta đã biết trưng bày và giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của em hoặc bạn theo gợi ý ở hoạt động 3.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu cảm nhận. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
--	--

D. VẬN DỤNG.

- Là hoạt động sử dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để kết nối và giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến Mỹ thuật.

<p>* HOẠT ĐỘNG 4: Cảm nhận về một trò chơi dân gian tại địa phương mà em biết.</p>	
<p>Hoạt động của giáo viên.</p>	<p>Hoạt động của học sinh.</p>
<p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hoạt động, HS viết 4 – 5 câu nhận về một trò chơi dân gian tại địa phương mà em biết. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS viết 4 – 5 cảm nhận về một trò chơi dân gian tại địa phương mà em biết. <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi gợi ý để HS hình dung về cảnh vật, không gian của phong cảnh: <ul style="list-style-type: none"> + Đó là trò chơi gì? + Trò chơi đó chơi như thế nào? + Ý nghĩa của trò chơi là gì? + Em có cảm nhận gì về trò chơi? - GV khuyến khích HS nêu cảm nhận riêng của mình về trò chơi. - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ các em. - GV kết luận bài học: <i>Những trò chơi, hoạt động ngày hè đã trở thành một phần không thể thiếu đối với các em. Những</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện thảo luận. - HS nêu cảm nhận. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS viết theo hướng dẫn của GV. - HS lắng nghe, tiếp thu. - HS trình bày. - HS lắng nghe, ghi nhớ. - HS lắng nghe, tiếp thu.

<p>hoạt động đó đã được khắc họa lại qua những bức tranh, ảnh thể hiện bằng cả cách vẽ thông thường và cách in.</p> <p>+ GV chốt. Vậy là chúng ta đã hình dung về cảnh vật, không gian của phong cảnh ở hoạt động 4.</p> <p>* Củng cố dặn dò.</p> <p>- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.</p> <p>- GV nhắc nhở HS:</p> <p>+ Ôn lại các kiến thức đã học ở Bài 1.</p> <p>+ Hoàn thành sản phẩm Mĩ thuật về đề tài ngày hè bằng hình thức vẽ hoặc in. và chỉnh sửa lại (nếu chưa xong).</p> <p>- Chuẩn bị tiết sau.</p> <p>+ Đọc và chuẩn bị trước <i>Bài 2: Cảnh điều tuổi thơ.</i></p>	<p>- HS lắng nghe, thực hiện.</p>
---	-----------------------------------

Bổ sung:

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề:
EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Tìm hiểu khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

Thực hành kiểm soát cảm xúc phù hợp trong các tình huống.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện được:

- Tìm hiểu được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.
- Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân thông qua những tình huống cụ thể.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:
 - Thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về bản thân thông qua các hoạt động hội thảo và rèn luyện khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.
 - Có trách nhiệm: HS có trách nhiệm với bản thân hơn khi xác định được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

2. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt của bạn bè

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>– Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p> <p>– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Chanh chua – Ót cay – Cua kẹp</p> <p>Cách chơi: HS đứng lên, xếp thành hàng qua các dãy bàn. Các bàn thẳng nhau thành 1 hàng. (hoặc cả lớp xếp thành một vòng tròn. Mỗi HS, một tay xòe (có nhiệm vụ bắt lấy tay bạn) và 1 tay để như. Người chơi nghe hiệu lệnh của quản trò để hô theo, đồng thanh hô một đoạn khẩu hiệu gồm “Chanh chua” – “Ót cay” – “Cua kẹp”. Nếu hô đến “cua kẹp” thì lập tức tay xòe phải bắt lấy tay của bạn bên cạnh, đồng thời tay dùng để như phải rút lại thật nhanh.</p>	<p>– HS chơi trò chơi theo GV tổ chức.</p>
<p>– GV đề nghị HS chia sẻ cảm xúc mà mình trải qua trong khi chơi.</p>	<p>– HS: Vui vẻ, thích thú, lo lắng, hồi hộp, thất vọng,...</p>
<p>2. Tìm hiểu – Mở rộng</p>	
<p>Hoạt động 3. Tìm hiểu khả năng kiểm soát cảm xúc của em</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>HS huy động kinh nghiệm cá nhân và của bạn về khả năng kiểm soát cảm xúc từ đó rút ra được cách kiểm soát một số cảm xúc phổ biến và những cảm xúc bản thân chưa kiểm soát được và cần rèn luyện.</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>b) Cách tiến hành</p>	
<p>– GV tổ chức cho HS nêu lại tên các cảm xúc thường ngày của con người. Sau đó, kết nối vào hoạt động: <i>Hãy suy nghĩ về những cảm xúc mà con thường có như vui, buồn, tức giận, lo lắng, sợ hãi. Nhớ lại xem, mỗi khi con có cảm xúc đó, con thường làm gì và thể hiện thành sơ đồ tư duy về khả năng kiểm soát cảm xúc của con.</i></p>	<p>+ HS nghe GV hướng dẫn, sau đó thực hiện chơi theo hướng dẫn.</p>
<p>– GV tổ chức cho HS vẽ sơ đồ tư duy (cá nhân), sau đó chia sẻ trong nhóm. GV hỗ trợ HS chia sẻ trong nhóm bằng cách chiếu các câu hỏi sau trên Slide bài giảng điện tử: Trình bày sơ đồ tư duy về khả năng kiểm soát cảm xúc của con với các bạn theo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Con chia sẻ về những cảm xúc gì? – Khi có cảm xúc đó con đã làm gì, nói gì? – Những lời nói, việc làm đó có giúp con bình tĩnh / cân bằng lại cảm xúc con? – Vậy, con thấy con có khả năng kiểm soát những cảm xúc nào, và chưa có khả năng kiểm soát những cảm xúc nào? 	<ul style="list-style-type: none"> – Cá nhân HS vẽ sơ đồ tư duy về khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân. – HS chia sẻ sơ đồ của mình trong nhóm, sau đó tổ chức cho HS dán các sơ đồ của mình lên bảng lớp, bảng nhóm, hoặc trưng bày trên bàn nhóm. – HS đi tham quan triển lãm sơ đồ cảm xúc, quá trình tham quan cần tìm được: <ul style="list-style-type: none"> + Những bạn có khả năng kiểm soát cảm xúc giống mình. + Những bạn chưa có khả năng kiểm soát cảm xúc giống mình. Ví dụ: Bạn A chưa có khả năng kiểm soát cảm xúc tức giận, A đi tham quan và tìm được bạn B cũng chưa có khả năng kiểm soát cảm xúc tức giận như mình.
<p>3. GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, xác định được những cảm xúc mình chưa kiểm soát được để có hướng rèn luyện.</p> <p>– GV gợi ý cho HS một số cách rèn luyện kiểm chế cảm xúc.</p>	<p>– HS chia sẻ trước lớp (theo các câu hỏi gợi ý trên), sau đó mời bạn chưa có khả năng kiểm soát cảm xúc giống mình chia sẻ về cách rèn luyện kiểm soát cảm xúc.</p>
<p>GV tổng kết hoạt động và kết nối sang hoạt động sau: <i>Thể hiện cảm xúc cần phù hợp với tình huống giao tiếp. Những cảm xúc như buồn, tức giận, lo lắng là những cảm xúc có khả năng mang đến nhiều điều không mong muốn trong cuộc sống của chúng ta và chúng ta cần biết kiểm soát chúng.</i></p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 4. Thực hành kiểm soát cảm xúc phù hợp trong các tình huống	
<p>a) Mục tiêu</p> <p>HS có khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p>	
<p>– GV chia lớp thành nhóm, đề nghị các nhóm đọc, nghiên cứu hai tình huống trong SGK Hoạt động trải nghiệm 5 trang 9.</p>	<p>– HS làm việc theo nhóm, lần lượt đọc các tình huống để trả lời các câu hỏi thảo luận:</p> <p>+ Chuyện gì đã xảy ra?</p> <p>+ Cảm xúc của các nhân vật trong tình huống?</p> <p>+ Mỗi nhân vật trong tình huống có thể có các cách ứng xử nào? Mỗi cách ứng xử đó cho thấy cảm xúc gì của nhân vật và tác động như thế nào đến cảm xúc của nhân vật còn lại.</p>
<p>– GV đề nghị HS căn cứ vào kết quả thảo luận nhóm để sắm vai thể hiện tình huống trước lớp.</p>	<p>– Các nhóm đóng vai.</p>
<p>– GV hỏi sau khi nhóm đóng vai:</p> <p>+ Vì sao nhóm em lại chọn xử lí tình huống theo hướng đó? Cách xử lí này cho thấy sự kiểm soát cảm xúc của nhân vật như thế nào?</p> <p>+ Chia sẻ những cách xử lí khác mà nhóm đã không chọn và giải thích.</p>	<p>– Nhóm HS đóng vai nêu ý kiến.</p> <p>– Các nhóm khác chia sẻ và bình luận về các cách ứng xử khác.</p>
<p><i>Tình huống 1: Đi học về, em thấy em trai đang ngồi im trong phòng, vẻ mặt sợ sệt. Em hỏi thì biết em trai đã tự ý lấy cuốn truyện tranh của em để đọc và làm rách.</i></p>	
<p>Gợi ý: Cuốn truyện tranh này chắc chắn là cuốn truyện tranh mà em rất yêu thích và không cho em trai mượn. Vì thế, khi biết nó bị em trai làm rách em sẽ rất dễ bực tức, cáu gắt. Em trai đang rất sợ sệt, chứng tỏ đã biết lỗi của mình. Việc làm rách truyện có thể do vô tình. Vì vậy, nếu em mắng hoặc đánh em trai thì là chưa biết kiểm soát cảm xúc. Là anh chị, chúng ta nên ngồi lại, hỏi han em trai vì sao làm rách cuốn truyện, cùng em dán lại</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>cuốn truyện và dặn dò em những nguyên tắc ứng xử như: Không tự tiện lấy đồ của người khác; Cần bảo quản tốt các đồ dùng của người khác và của mình.</p>	
<p><i>Tình huống 2: Hết giờ ra chơi, em vào lớp thì thấy Mai gục đầu xuống bàn khóc thút thít. Nhìn thấy em, bạn ấy càng khóc to hơn. Mai thông báo rằng đội của em và Mai đã không được lựa chọn tham gia giao lưu với học sinh trường bạn.</i></p>	
<p>Gợi ý: Trong tình huống này, cuộc giao lưu với học sinh trường bạn chắc chắn là mục tiêu, là điều mong ước của nhóm Mai. Vì vậy, khi không được tham gia Mai mới buồn, thất vọng, khóc như vậy. Là bạn cùng nhóm với Mai, em chắc chắn cũng sẽ buồn. Tuy nhiên, nếu hai bạn cùng buồn và khóc thì cũng không giải quyết được việc gì. Vì vậy, chúng ta cần phân chấn, tiếp tục rèn luyện cho các cơ hội tiếp theo.</p>	
<p>– GV tổng kết hoạt động. Nhắc HS trong cuộc sống hằng ngày chúng ta sẽ bắt gặp nhiều tình huống tác động đến tâm lí làm ra có thể mất kiểm soát cảm xúc. Những lúc như vậy các em hãy bình tĩnh, hít thở sâu, không vội nói hay hành động gì để có thể kiểm soát cảm xúc và đưa ra quyết định hành động đúng đắn.</p>	
<p>4. Tổng kết tiết trải nghiệm</p>	
<p>– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Trò chơi Bàn tay điệu kì Yêu cầu: Học sinh đứng tại chỗ trong lớp Cách chơi: Người điều khiển hô: Bàn tay mẹ - tất cả xòe bàn tay gơ ra phía trước. Người điều khiển hô: Bồng con hát ru - tất cả vòng hai cánh tay ra phía trước và đung đưa như đang bế ru con. Người điều khiển hô: Bàn tay mẹ - tất cả xòe bàn tay gơ ra phía trước. Người điều khiển hô: Chăm chút con từng ngày – tất cả úp bàn tay lên má và nghiêng đầu.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Người điều khiển hô: Bàn tay mẹ - tất cả xòe bàn tay giờ ra phía trước.</p> <p>Người điều khiển hô: Sưởi ấm con ngày đông - tất cả đặt chéo 2 lên ngực và khẽ lắc lư người.</p> <p>Người điều khiển hô: Bàn tay mẹ - tất cả xòe bàn tay giờ ra phía trước.</p> <p>Người điều khiển hô: Là gió mát đêm hè - tất cả làm động tác như đang quạt.</p> <p>Người điều khiển hô: Bàn tay mẹ - tất cả xòe bàn tay giờ ra phía trước.</p> <p>Người điều khiển hô: Là bàn tay kì diệu – tất cả giờ 2 cánh tay lên cao và hô to “bàn tay kì diệu”</p> <p>vận động theo nhạc để tạo cảm xúc vui vẻ cho HS. Sau đó, nêu lợi ích của các cảm xúc tích cực như vui vẻ, hạnh phúc, yêu thương.</p> <p>– GV phỏng vấn một số HS sau khi chơi và dặn dò HS: Bất cứ khi nào con buồn, tức giận, lo âu,... con đều có thể chia sẻ với bố mẹ, người thân, thầy cô để giải tỏa cảm xúc. Việc chia sẻ yêu thương với người thân hằng ngày cũng làm chúng ta biết cách kiềm chế cảm xúc tốt hơn.</p>	<p>- HS nêu ý kiến của bản thân sau trò chơi.</p> <p>- HS lắng nghe cô giáo dạy.</p>
HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP	
<p>GV đề nghị học sinh về nhà thu thập sản phẩm, tư liệu về bản thân (hình ảnh, sổ sức khỏe, giấy khen, video clip,...) để chuẩn bị cho tuần học sau.</p>	<p>- HS lắng nghe để chuẩn bị cho tiết trải nghiệm sau.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT TRẢI NGHIỆM:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ tư ngày 11 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Bài 4: BẾN SÔNG TUỔI THƠ

Tiết 1 + 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Bến sông tuổi thơ”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc, ... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **Giáo dục đạo đức:** Yêu quê hương

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
1.1. Ôn bài cũ: - GV cho 2 HS lên đọc thuộc lòng bài “Tuổi ngựa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện.	HS đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.
1.2. Khởi động: - GV cho nhóm hoạt động, trả lời câu hỏi: Bạn yêu thích và tự hào về điều gì nơi mình sinh sống? - GV cùng trao đổi với HS trao đổi trước	- Nhóm thảo luận. - HS đại diện một số nhóm lên chia sẻ

<p>lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Bến sông tuổi thơ”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc đúng các từ ngữ, các dấu câu trong bài. Biết ngắt nghỉ đúng nhịp của bài đọc. - GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: Từ đầu đến vì cay + Đoạn 2: Tiếp theo đến cù lao này. + Đoạn 3: Tiếp theo chưa đến + Đoạn 4: Phần còn lại - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: (<i>lững lờ, nước ròng, cù lao...</i>) - GV hướng dẫn luyện đọc câu: (Chiều đoạn 1 hướng dẫn đọc) <p>Chiều chiều,/ gió từ phía sông thổi về man mác,/ những bông hoa bần tím tím nở xoè,/ từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước</p> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.
<p>2.2. Luyện đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: <p>Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả cảm xúc của nhân vật, hình ảnh bến sông quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn</p> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc.

<p>nhỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi. - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc nhóm đôi.
<p>2.3. Luyện đọc toàn bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc, ... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) Bần: cây to, mọc ở vùng nước lợ, có rễ phụ nhọn và xấp đâm ngược lên khỏi mặt bùn. Cù lao (đảo): vùng đất nổi lên giữa sông hoặc ở biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
<p>3.2. Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Từ khi sinh ra, hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng... đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ.

<p>+ Câu 2: Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?</p> <p>+ Câu 3: Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?</p> <p>+ Câu 4: Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình?</p> <p>* Giáo dục đạo đức</p> <p>- Việc bạn nhỏ rất tự hào về đặc sản của quê mình thể hiện điều gì?</p> <p>- Em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu quê hương?</p> <p>Vậy em cũng đã biết yêu quê hương.</p> <p>Câu 5: Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?</p>	<p>-Bạn nhỏ có kỉ niệm:</p> <p>- Mỗi chiều, tụ năm tụ bảy ở bên sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.</p> <p>- Thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rửa nhau hái những trái bần để ăn. Hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quá thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.</p> <p>Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên thông qua hình ảnh những hàng bần nở hoa tím, bắt mắt chờ gió thổi qua. Bên cạnh đó, mùi vị của trái bần chín và hương thơm của canh cá bóng sao nấu với trái bần chua cũng làm cho quê hương trở nên đặc biệt và gắn bó trong tâm trí bạn nhỏ.</p> <p>+ Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản của quê hương là trái bần và canh cá bóng sao nấu với trái bần chua.</p> <p>Chi tiết cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình: "Trái bần chua cũng là một đặc sản của quê tôi. Vì trái bần mà đem nấu canh chua cá bóng sao hay cá bông lau thì khó có món nào ngon hơn được." Sự tự hào này thể hiện qua việc mô tả về hương vị ngon lành của món ăn đặc trưng của quê hương và mong muốn chia sẻ nó với những người đến thăm quê nhà.</p> <p>- Rất yêu quê hương của mình.</p> <p>- Cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành một công dân tốt trong xã hội. Vệ sinh khu phố mình đang ở cũng như xung quanh, hạn chế thả rác bừa bãi.,...</p> <p>+ Trong bài đọc, em yêu thích hình ảnh của hàng bần nở hoa tím chờ gió thổi qua. Bởi vì hình ảnh này thể hiện sự tươi mới, sự sống động và vẻ đẹp tự nhiên</p>
--	--

<p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV gọi HS nêu nội dung bài học.</p> <p>- GV nhận xét, chốt:</p> <p><i>Bạn nhỏ trong bài đọc có tuổi thơ gắn liền với quê hương sông nước bình dị, những kỉ niệm sâu sắc với bạn bè, những món ăn đặc sản của vùng quê. Mỗi thứ đều gắn sâu trong kí ức và gom góp nên sự tự hào trong suy nghĩ, tình cảm của bạn nhỏ ấy.</i></p> <p>3.3. Luyện đọc lại:</p> <p>- GV gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc</p> <p>+ HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc</p> <p>+ Xung phong đọc trước lớp.</p> <p>3.4. Luyện tập sau khi đọc</p> <p>- GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.</p> <p>Câu 1: Từ <i>tôi</i> và <i>chúng tôi</i> ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người?</p> <p>Câu 2: a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:</p> <p>Thỉnh thoảng lại nghe những trái bần chín rớt tòm xuống sông, âm thanh rất đời quen thuộc và gần gũi với bọn trẻ sống ở xứ cù lao này.</p> <p>Mỗi chiều, bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.</p> <p>Trái bần chua cũng là một “đặc sản” của quê tôi.</p> <p>b. Qua những từ in đậm ở trên, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ? Chọn đáp án đúng.</p> <p>A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ</p>	<p>của vùng đất cù lao.</p> <p>- 1- 2 HS nêu bài học theo hiểu biết của mình.</p> <p>- 2-3 HS đọc nại nội dung bài học.</p> <p>- Nghe GV và bạn hướng dẫn đọc.</p> <p>-Nhóm phân công luân phiên bạn đọc</p> <p>- 2 -3 HS đọc bài</p> <p>- Từ "<i>tôi</i>" ở đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ một người, tức là tác giả của bài thơ.</p> <p>- Từ "<i>chúng tôi</i>" ở đoạn hai của bài đọc được dùng để chỉ nhiều người, tức là tác giả và nhóm bạn nhỏ của mình.</p> <p>a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:</p> <p>- Rớt: rơi</p> <p>- Cù lao: đảo nhỏ</p> <p>- Con nít: trẻ con</p> <p>- Trái: quả.</p> <p>b. Qua những từ in đậm ở trên, em thấy cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ rất gần gũi với trẻ em.</p> <p>A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với</p>
--	--

<p>em. B. Nhà văn dùng từ ngữ phổ biến với nhiều người. C. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. D. Nhà văn dùng những từ ngữ trừu tượng, mơ hồ. - GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>trẻ em. -HS nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Bến sông tuổi thơ”. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	

TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viênGV3. **Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Viết phân số sau thành phân số thập phân $\frac{3}{25}$</p> <p>+ Câu 2: Viết phân số sau thành phân số thập phân $\frac{55}{500}$</p> <p>+ Câu 3: Chọn phân số thập phân</p> <p>A. $\frac{5}{6}$ B. $\frac{8}{100}$ c. $\frac{4}{25}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Câu 1: $\frac{12}{100}$</p> <p>+ Câu 2: $\frac{11}{100}$</p> <p>+ Câu 3: B</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Thực hiện được các phép tính với phân số.</p> <p>- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.</p> <p>- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Tính.</p> <p>$\frac{6}{5} + \frac{7}{15}$ $\frac{15}{16} - \frac{3}{4}$ $\frac{3}{8} + 4$ $3 - \frac{16}{7}$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm bốn:</p> <p>$\frac{6}{5} + \frac{7}{15} = \frac{18}{15} + \frac{7}{15} = \frac{25}{15} = \frac{5}{3}$</p>

<p>GV lưu ý: Mỗi số tự nhiên đều viết thành phân số có mẫu số là 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung củng cố: Thực hiện rèn kỹ năng thực hiện phép tính với phân số. - GV nhận xét, tuyên dương. 	$\frac{15}{16} - \frac{3}{4} = \frac{15}{16} - \frac{12}{16} = \frac{3}{16}$ $\frac{3}{8} + 4 = \frac{3}{8} + \frac{32}{8} = \frac{34}{8}$ $3 - \frac{16}{7} = \frac{21}{7} - \frac{16}{7} = \frac{5}{7}$ <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.
<p>Bài 2. Tính giá trị biểu thức:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid gray; border-radius: 10px; padding: 5px; background-color: #f0f0f0;"> a) $\frac{4}{7} + \frac{9}{14} - \frac{5}{7}$ </div> <div style="border: 1px solid gray; border-radius: 10px; padding: 5px; background-color: #f0f0f0;"> b) $\frac{29}{12} - (2 + \frac{1}{4})$ </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - GV tổ chức chơi trò chơi ai nhanh ai đúng. Mời 2 nhóm tham gia trò chơi theo hình thức cá nhân: GV hô bắt đầu thì nhóm xung phong trả lời, giải thích vì sao. Nếu đúng sẽ được tuyên dương, nếu sai sẽ nhường câu trả lời cho bạn khác.- GV theo dõi, đánh giá quá trình chơi và tuyên dương những em nhanh, đúng (có thể thưởng nếu gv có điều kiện tổ chức). Củng cố: rèn kỹ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát. - HS tham gia chơi trò chơi ai nhanh ai đúng. Khi GV hô bắt đầu thì HS sinh nghĩ nhanh và xung phong trả lời, giải thích $a. \frac{4}{7} + \frac{9}{14} - \frac{5}{7} = \frac{8}{14} + \frac{9}{14} - \frac{10}{14} = \frac{7}{14} = \frac{1}{2}$ $b. \frac{29}{12} - (2 + \frac{1}{4}) = \frac{29}{12} - (\frac{8}{4} + \frac{1}{4}) =$ $= \frac{29}{12} - \frac{9}{4} = \frac{29}{12} - \frac{27}{12} = \frac{2}{12} = \frac{1}{6}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng:

Hai bạn Nam và Việt cùng chạy thi trên một đoạn đường. Sau một phút, Nam chạy được $\frac{3}{5}$ đoạn đường, Việt chạy được $\frac{7}{10}$ đoạn đường.



Vậy sau một phút:

- A. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{1}{10}$ đoạn đường.
- B. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{4}{10}$ đoạn đường.
- C. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{1}{10}$ đoạn đường.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời miệng nhanh, gọn.

Củng cố cách vận dụng phép trừ vào giải toán thực tế

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

Hs suy nghĩ trả lời nhanh

- HS giải thích

Ta có: $\frac{7}{10} - \frac{3}{5} = \frac{7}{10} - \frac{6}{10} = \frac{1}{10}$ vậy chọn đáp C

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4: GV cho HS đọc đề, tìm hiểu đề bài

-GV gợi ý: Phân số chỉ tổng số sách trong thư viện là 1. Để tìm được phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí trong thư viện, trước hết ta cần biết gì? (Phân số chỉ tổng số sách giáo khoa và sách tham khảo)

- HS cho nhóm đôi thảo luận, trình bày vào vở sau đó GV thu bất kỳ, chấm

- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. Củng cố: Cách giải và trình bày giải bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

Củng cố:

-HS đọc đề bài, HS suy nghĩ xung phong phân tích, lớp theo dõi và làm vở cá nhân. GV chú ý quan sát sửa sai.

Bài giải:

Phân số chỉ tổng số sách giáo khoa và sách tham trong thư viện là:

$$\frac{2}{3} + \frac{2}{9} = \frac{8}{9} \text{ (số sách trong thư viện)}$$

Phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí trong thư viện là:

$$1 - \frac{8}{9} = \frac{1}{9} \text{ (số sách trong thư viện)}$$

Đáp số: $\frac{1}{9}$ số sách trong thư viện

- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- Theo em PS giúp chúng ta biểu diễn phép tính chia nào? - NX tiết học.	
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

ÔN TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- 3. Phẩm chất.**
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Viết phân số sau thành phân số	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: $\frac{2}{10}$

<p>thập phân $\frac{16}{80}$</p> <p>+ Câu 2: Viết phân số sau thành phân số thập phân $\frac{12}{25}$</p> <p>+ Câu 3: Chọn phân số thập phân</p> <p>A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{13}{101}$ c. $\frac{34}{100}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>+ Câu 2: $\frac{48}{100}$</p> <p>+ Câu 3: C</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động :Luyện tập, thực hành</p>	
<p>Bài 1. (trang 15 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Tính.</p> <p>a) $\frac{5}{6} + \frac{11}{8} = \dots\dots\dots$ b) $\frac{21}{20} - \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$</p> <p>c) $\frac{4}{7} + 3 = \dots\dots\dots$ d) $4 - \frac{13}{6} = \dots\dots\dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.</p> <p>GV lưu ý: Mỗi số tự nhiên đều viết thành phân số có mẫu số là 1</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung cùng cô: Thực hiện rèn kỹ năng thực hiện phép tính với phân số.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm bốn:</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>a) $\frac{5}{6} + \frac{11}{8} = \frac{15}{18} + \frac{11}{18} = \frac{26}{18} = \frac{13}{9}$ b) $\frac{21}{20} - \frac{4}{5} = \frac{21}{20} - \frac{16}{20} = \frac{5}{20} = \frac{1}{4}$</p> <p>c) $\frac{4}{7} + 3 = \frac{4}{7} + \frac{21}{7} = \frac{25}{7}$ d) $4 - \frac{13}{6} = \frac{24}{6} - \frac{13}{6} = \frac{11}{6}$</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>Bài 2. (trang 15 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>1) Tính giá trị biểu thức:</p> <p>a) $\frac{3}{5} + \frac{13}{15} - \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$</p> <p> = $\dots\dots\dots$</p> <p>b) $\frac{43}{18} - \left(1 + \frac{5}{6}\right) = \dots\dots\dots$</p> <p> = $\dots\dots\dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.</p> <p>- GV tổ chức chơi trò chơi ai nhanh ai đúng. Mời 2 nhóm tham gia trò chơi theo hình thức cá nhân: GV hô bắt đầu thì nhóm xung phong trả lời, giải thích vì sao. Nếu đúng sẽ được tuyên dương, nếu sai sẽ nhường câu trả lời cho bạn khác.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát.</p> <p>- HS tham gia chơi trò chơi ai nhanh ai đúng.</p> <p>Khi GV hô bắt đầu thì HS sinh nghĩ nhanh và xung phong trả lời, giải thích</p>

<p>- GV theo dõi, đánh giá quá trình chơi và tuyên dương những em nhanh, đúng (có thể thưởng nếu gv có điều kiện tổ chức).</p> <p>Củng cố: rèn kỹ năng tính giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.</p>	<p>a) $\frac{3}{5} + \frac{13}{15} - \frac{4}{5} = \frac{22}{15} - \frac{4}{5}$ $= \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$</p> <p>b) $\frac{43}{18} - \left(1 + \frac{5}{6}\right) = \frac{43}{18} - \frac{11}{6}$ $= \frac{10}{18} = \frac{5}{9}$</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Bài 3. (trang 15 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng</p> <p>Hai bạn Việt và Nam cùng chạy thi trên một đoạn đường. Sau một phút, Việt chạy được $\frac{3}{4}$ đoạn đường, Nam chạy được $\frac{7}{12}$ đoạn đường.</p> <p>Vậy sau một phút:</p> <p>A. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{4}{12}$ đoạn đường.</p> <p>B. Việt chạy nhiều hơn Nam $\frac{1}{6}$ đoạn đường.</p> <p>C. Nam chạy nhiều hơn Việt $\frac{1}{6}$ đoạn đường.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời miệng nhanh, gọn.</p> <p>Củng cố cách vận dụng phép trừ vào giải toán thực tế</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS giải thích</p> <p>Việt chạy được: $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 3}{4 \times 3} = \frac{9}{12}$ đoạn đường</p> <p>Nam chạy được: $\frac{7}{12}$ đoạn đường.</p> <p>So sánh: $\frac{9}{12} > \frac{7}{12}$</p> <p>Ta có: $\frac{9}{12} - \frac{7}{12} = \frac{2}{12} = \frac{1}{6}$</p> <p>Vậy chọn đáp C HS suy nghĩ trả lời nhanh</p>
<p>3.Hoạt động vận dụng</p>	

Bài 4: (trang 16 VBT Toán lớp 5 Tập 1)

GV cho HS đọc đề, tìm hiểu đề bài

Ngày thứ Bảy, Mai đọc được 3535 số trang của quyển truyện. Ngày Chủ nhật, Mai đọc tiếp được 310310 số trang của quyển truyện đó. Hỏi Mai còn phải đọc bao nhiêu phần số trang của quyển truyện nữa thì mới xong quyển truyện đó?

-GV gợi ý: Phân số chỉ tổng số sách trong thư viện là 1. Để tìm được phân số chỉ số truyện thiếu nhi và tạp chí trong thư viện, trước hết ta cần biết gì? (Phân số chỉ tổng số sách giáo khoa và sách tham khảo)

- HS cho nhóm đôi thảo luận, trình bày vào vở sau đó GV thu bất kỳ, chấm

- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. Củng cố: Cách giải và trình bày giải bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 5 (trang 16 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Đố em

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.

Viết phân số $\frac{3}{4}$ thành tổng hai phân số tối giản.

- GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời miệng nhanh, gọn.

-HS đọc đề bài.

HS suy nghĩ xung phong phân tích, lớp theo dõi và làm vở cá nhân.

GV chú ý quan sát sửa sai.

Bài giải

Cả hai ngày Mai đọc được số phần trang của quyển truyện là:

$$\frac{3}{5} + \frac{3}{10} = \frac{9}{10} \text{ (quyển truyện)}$$

Mai còn phải đọc số phần của quyển truyện là:

$$1 - \frac{9}{10} = \frac{1}{10} \text{ (quyển truyện)}$$

Đáp số: (quyển truyện)

- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- HS đọc yêu cầu

- HS suy nghĩ trả lời

Viết phân số $\frac{3}{4}$ thành tổng hai phân số

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét. - GV nhận xét tiết học. <p style="text-align: center;">Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo em PS giúp chúng ta biểu diễn phép tính chia nào? - NX tiết học. 	<p>tối giản là: $\frac{3}{4} = \frac{1}{4} + \frac{1}{2}$</p> <p>Giải thích: Ta có: $\frac{3}{4} = \frac{1}{4} + \frac{2}{4} = \frac{1}{4} + \frac{1}{2}$</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT

VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS tham gia trò chơi: Tìm “Đại từ”</p> <p>+ GV chia 2 nhóm tổ chức các nhóm thi tìm từ nhanh ghép lên bảng.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS thảo luận nhanh và tìm từ ghép lên bảng theo nhóm của mình.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động Luyện tập, Thực hành</p>	
<p>1. Chuẩn bị.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện Thanh âm của gió hoặc Cánh đồng hoa.</p> <p>Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.</p> <p>GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SGK</p> <p>- HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại.</p> <p>- HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện.</p> <p>- HS lựa chọn cách kể sáng tạo.</p> <p>- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau lựa chọn 1 câu chuyện</p> <p>- Suy nghĩ, nhớ lại và lựa chọn cách kể sáng tạo, trình bày kết quả.</p> <p>- Cả lớp nhận xét nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2 Lập dàn ý</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.</p> <p>- HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình</p> <p>- HS viết dàn ý vào vở.</p> <p>- GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý.</p>	<p>- Nghe GV gợi ý</p> <p>- 1 HS nhớ lại ở phần chuẩn bị, lập dàn ý bài văn</p> <p>Mở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)</p>

<p>3. Góp ý và chỉnh sửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc bài viết - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa - GV nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. 	<p>Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết). – Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em. – Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hô, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật). <p>Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày trước lớp để GV và các bạn góp ý, bổ sung. - 4-5 HS đọc yêu bài viết; Cả lớp lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung.
<p>3.Hoạt động vận dụng</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: <p>Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em. Ghi lại những ý kiến góp ý của người thân về dàn ý của em và những ý sáng tạo trong bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 12 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT
Tiết 3: VIẾT
VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.
- Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.
- Biết đánh giá bạn cách viết hay có câu chuyện hấp dẫn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.

<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu đã viết - HS đọc lưu ý SGK và xem lại dàn ý đã lập: - Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện. - Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai. - HS đọc các đoạn văn trong SGK để tham khảo cách viết. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc 2 đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp - HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>Bài 2: Hỗ trợ HS trong quá trình viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc soát và chỉnh sửa. - Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc. - Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc. - HS viết bài văn vào vở. GV quan sát, giúp đỡ - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi viết bài 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý. -Viết vào vở (Dựa vào dàn ý) -Nghe Gv nhận xét
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: 	

+ Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hay, có cách giới thiệu hấp dẫn.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa

- GV mời 2 -3 HS đọc bài viết
- HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn

- HS đọc.
- Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn về bố cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc...

- GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa
- GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.

- 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS nhận xét, bổ sung.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:
Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:

- Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.

- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”. Cách chơi: GV đưa ra 5 phép tính cộng trừ PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi. VD: $\frac{2}{5} + \frac{3}{7}, \dots$ - Nhận xét, tuyên dương. - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + Thực hiện được các phép tính với phân số. - Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.	

- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Tính.

$\frac{5}{8} \times \frac{8}{15}$ $\frac{12}{7} : \frac{8}{7}$ $6 \times \frac{7}{9}$ $\frac{24}{5} : 4$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung củng cố: Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.
- Muốn thực hiện phép chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- Cả lớp làm việc nhóm bốn:

$$\frac{5}{8} \times \frac{8}{15} = \frac{40}{120} = \frac{1}{3}$$

$$\frac{12}{7} : \frac{8}{7} = \frac{12}{7} \times \frac{7}{8} = \frac{84}{56} = \frac{3}{2}$$

$$6 \times \frac{7}{9} = \frac{42}{9} = \frac{14}{3}$$

$$\frac{24}{5} : 4 = \frac{24}{5} \times \frac{1}{4} = \frac{24}{20} = \frac{6}{5}$$
- Đại diện các nhóm trả lời.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Tìm phân số thích hợp

Đề trang trí tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông, người ta gắn sợi dây đèn một vòng xung quanh tấm biển đó. Biết độ dài sợi dây đèn là 18 m thì vừa đủ để gắn.



- Độ dài cạnh của tấm biển quảng cáo đó là ? m.
 - Diện tích của tấm biển quảng cáo đó là ? m².
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
 - Củng cố: rèn kỹ năng tính cạnh hình vuông và diện tích hình vuông.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát.
- HS nêu cách làm và kết quả:

	<p>a. Độ dài cạnh của tấm biển quảng cáo đó là: $18 : 4 = \frac{18}{4} = \frac{9}{2}$ (m)</p> <p>b. Diện tích của tấm biển quảng cáo đó là: $\frac{9}{2} \times \frac{9}{2} = \frac{81}{4}$ (m²)</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Bài 3. Tính giá trị biểu thức:</p> <p>a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6} : 3$ b) $\frac{11}{4} : (\frac{11}{14} \times 7)$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm hoạt động.</p> <p>Củng cố: Nếu biểu thức chỉ có phép tính nhân, chia thì ta thực hiện từ trái sang phải.</p> <p>- Nếu biểu thức chứa dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.</p> <p>Bài 4: GV cho HS đọc đề, tìm hiểu đề bài</p> <p>- Một tấm kính dạng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{5}{2}$ m, chiều rộng bằng $\frac{4}{3}$ m. Chú Hòa chia tấm kính đó thành 3 phần bằng nhau (như hình vẽ) để làm mặt bàn. Tính diện tích mỗi phần tấm kính làm mặt bàn.</p> <p>- HS làm vào vở.</p> <p>GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. Củng cố: Cách tính diện tích hình chữ nhật.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS trình bày KQ:</p> <p>a) $\frac{9}{10} \times \frac{5}{6} : 3 = \frac{9 \times 5 \times 1}{10 \times 6 \times 3} = \frac{3 \times 1 \times 1}{2 \times 2 \times 3} = \frac{1}{4}$</p> <p>b) $\frac{11}{4} : (\frac{11}{14} \times 7) = \frac{11}{4} : \frac{77}{14} = \frac{11 \times 14}{4 \times 77} = \frac{7}{22}$</p> <p>HS suy nghĩ trả lời nhanh</p> <p>HS đọc đề bài, HS suy nghĩ xung phong phân tích, lớp theo dõi và làm vở cá nhân. GV chú ý quan sát sửa sai.</p> <p>Bài giải:</p> <p>Diện tích tấm kính hình chữ nhật đó là:</p> $\frac{5}{2} \times \frac{4}{3} = \frac{20}{6} \text{ (m}^2\text{)} = \frac{10}{3} \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Diện tích mỗi phần tấm kính làm mặt bàn là: $\frac{10}{3} : 3 = \frac{10}{9} \text{ (m}^2\text{)}$</p> <p>Đáp số: $\frac{10}{9} \text{ (m}^2\text{)}$</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p>	

- Cách tiến hành:

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{10}{11} \times \frac{9}{16} \times \frac{11}{10} \times \frac{8}{9}$$

- Thi trả lời đúng, nhanh.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Củng cố:

- Theo em PS giúp em hiểu được điều gì?
- Em hãy biểu diễn thời gian học tập, vui chơi, ăn uống,... của em trong 1 ngày bằng các PS.
- GV nhận xét tiết học.

-HS đọc đề tham gia thi đua trả lời nhanh, đúng:

KQ: $\frac{10}{11} \times \frac{9}{16} \times \frac{11}{10} \times \frac{8}{9} = \frac{10 \times 9 \times 11 \times 8}{11 \times 16 \times 10 \times 9} = \frac{1}{2}$

=

- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T2)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người.
- Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn đất.

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu về các nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người qua các hoạt động sưu tầm tranh ảnh tư liệu...
- Giải quyết các vấn đề sáng tạo: Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn đất

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.
- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về hiện tượng xói mòn đất, quang cảnh trồng rừng (nếu có)
- Học sinh: Tranh ảnh thông tin sưu tầm liên quan đến bài học.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh																																															
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh hứng thú để bắt đầu giờ học thông qua trò chơi kết nối vào bài học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 																																																
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh mắt. Cách chơi: Giáo viên đưa lần lượt từng dòng chữ và yêu cầu học sinh sắp xếp các từ thành các cụm từ có nghĩa chỉ hiện tượng thiên nhiên. Học sinh trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng. <table border="1" data-bbox="228 936 826 981" style="width: 100%; height: 20px;"> <tr> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> </table> <table border="1" data-bbox="228 1019 826 1064" style="width: 100%; height: 20px;"> <tr> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> </table> <table border="1" data-bbox="228 1102 826 1187" style="width: 100%; height: 38px;"> <tr> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> <tr> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, khen học sinh tham gia trò chơi. - Giáo viên đưa vào các hiện tượng thiên nhiên vừa tìm được qua trò chơi để giới thiệu bài học và ghi bảng. 																													<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. <table border="1" data-bbox="858 936 1452 981" style="width: 100%; height: 20px;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">làm</td> <td style="width: 12.5%;">mắt</td> <td style="width: 12.5%;">lốp</td> <td style="width: 12.5%;">đất</td> <td style="width: 12.5%;">trên</td> <td style="width: 12.5%;">bề</td> <td style="width: 12.5%;">mặt</td> </tr> </table> <table border="1" data-bbox="858 1019 1452 1064" style="width: 100%; height: 20px;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">phá</td> <td style="width: 12.5%;">hủy</td> <td style="width: 12.5%;">tầng</td> <td style="width: 12.5%;">đất</td> <td style="width: 12.5%;">bên</td> <td style="width: 12.5%;">dưới</td> </tr> </table> <table border="1" data-bbox="858 1102 1452 1187" style="width: 100%; height: 38px;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">nước</td> <td style="width: 12.5%;">chảy</td> <td style="width: 12.5%;">ở</td> <td style="width: 12.5%;">vùng</td> <td style="width: 12.5%;">đất</td> <td style="width: 12.5%;">đốc</td> </tr> </table> <p>Học sinh lắng nghe</p>	làm	mắt	lốp	đất	trên	bề	mặt	phá	hủy	tầng	đất	bên	dưới	nước	chảy	ở	vùng	đất	đốc
làm	mắt	lốp	đất	trên	bề	mặt																																										
phá	hủy	tầng	đất	bên	dưới																																											
nước	chảy	ở	vùng	đất	đốc																																											
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất. Một số tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người. - Cách tiến hành: 																																																
<p>1. Nguyên nhân tác hại và biện pháp phòng chống xói mòn đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu một học sinh đọc khung thông tin. - Giáo viên kết nối với nội dung học sinh tìm được ở hoạt động mở đầu dẫn dắt và hoạt động khám phá điều gì xảy ra khi môi trường đất nơi con người động vật và thực vật bị xói mòn? 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thông tin, cả lớp đọc thầm. 																																															

1.1. Một số nguyên nhân gây xói mòn đất.

- Quan sát hình 1 thảo luận và cho biết các nguyên nhân gây xói mòn đất.
- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận



Hình 4

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận: Kể thêm một số hoạt động của con người làm gia tăng xói mòn đất.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Xói mòn đất có thể do thiên nhiên hoặc con người gây ra.

1.2. Thực tế tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người.

- Giáo viên mời học sinh làm việc chung, suy nghĩ và nêu tác hại của xói mòn đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ

- Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 1 và thảo luận xác định các nguyên nhân gây xói mòn đất và báo cáo trước lớp:

- Các nhóm quan sát thảo luận các hiện tượng tự nhiên diễn ra trong sách giáo khoa và tránh sưu tầm nêu được một số nguyên nhân gây xói mòn đất.

Hình 4a: Xói mòn do nước chảy.

Hình 4b: Xói mòn do độ dốc của ở đất.

Hình 4c: Xói mòn do gió

Hình 4d: Xói mòn do con người chặt phá rừng.

Nguyên nhân ở hình 4d do con người trực tiếp gây ra

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

- Học sinh có thể kể thêm khai thác đất quán cho phép không cải tạo đất làm mặt lớp đất che phủ bên trên mặt đất...

Học sinh lắng nghe và ghi nhớ kiến thức

- HS làm việc chung cả lớp, suy nghĩ và nêu tác hại của xói mòn đất đối với thực vật động vật và sức khỏe con người.

- Cá nhân nêu những tác hại của xói mòn đất đối với thực vật, động vật và con người và chia sẻ trước lớp:


+ Cuốn trôi tất cả dưỡng chất của đất, phá huỷ nhanh chóng kết cấu của đất.


+ Tạo các khe rãnh lớn gây xói mòn làm mất đất.

+ Cuốn các hạt đất bay đi làm mất đất.

+ Thành phần đất và các chất hữu cơ bị suy giảm.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<p>sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: <i>Đất bị xói mòn dẫn đến mất đất, cuốn trôi dưỡng chất, phá huỷ kết cấu của đất làm đất cần cỗi, khó gieo, trồng, ảnh hưởng trực tiếp đến thực vật, động vật và con người.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>1.3. Một số biện pháp phòng chống xói mòn đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS quan sát hình 5, thảo luận nhóm để nêu các biện pháp chống xói mòn đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống xói mòn đất (khuyến khích học sinh kể thêm càng nhiều càng tốt) - Mời các nhóm trình bày. <div style="text-align: center;">  <p>a) Trồng cây gây rừng b) Trồng thảm cỏ c) Xây bờ kè</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu thêm các biện pháp khác - GV mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: <i>Chúng ta cần những biện pháp cụ thể và hiệu quả để phòng chống xói mòn đất</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm 4, thảo luận nhóm để xác định các biện pháp chống xói mòn đất. Đồng thời nêu thêm một số biện pháp phòng chống xói mòn đất - Các nhóm trình bày: Hình 5a: Trồng cây gây rừng phủ xanh đất trống, đòi trực để nước mưa không xói thẳng xuống mặt đất, giữ nước trong đất, hạn chế dòng nước chảy. Hình 5b: Trồng thảm cỏ giúp nước mưa thấm vào lòng đất, hạn chế tác động xói mòn khi mưa rơi xuống. Hình 5c: Xây bờ kè giảm tốc độ của dòng nước từ cao xuống thấp, giữ cho đất chặt hơn. - Biện pháp khác phòng chống xói mòn đất: Làm ruộng bậc thang; Trồng cây chắn gió, tưới nước để duy trì độ ẩm cho đất,.. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng đối với việc chống xói mòn đất. - Cách tiến hành: 	
<p>2. Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài. Cả lớp làm 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài.

<p>việc cá nhân. Suy nghĩ và nêu nguyên nhân vì sao trồng cây gây rừng là biện pháp hiệu quả nhất để phòng chống xói mòn đất?</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV hỏi thêm: Ở địa phương em có hiện tượng xói mòn đất không? Hiện tượng đó đang diễn ra như thế nào? - Giáo viên nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- Cả lớp làm việc cá nhân, HS ghi những ý kiến của mình vào vở và nêu trước lớp: + Rừng bảo vệ và cải tạo đất. Nhờ có tán lá xoè rộng như chiếc ô, nước mưa không xối thẳng xuống mặt đất, nắng không đốt cháy mặt đất, nên lớp đất trên mặt khó bị rửa trôi theo nước mưa. + Đất rừng hầu như tự bón phân, vì cành lá rơi rụng từ cây sẽ bị phân huỷ, tạo thành các chất dinh dưỡng, làm tăng độ màu mỡ của đất. Đất phì nhiêu, tơi xốp sẽ thấm tốt, giữ nước tốt và hạn chế xói mòn. + Rừng có tác dụng điều hoà dòng chảy trong sông ngòi và dưới đất. Những vùng có nhiều rừng che phủ sẽ giảm bớt được thiên tai hạn hán và lũ lụt. Học sinh lắng nghe, góp ý, bổ sung - HS trả lời theo hiểu biết của mình tại địa phương.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu: Ở Việt Nam, xói mòn đất do gió thường xảy ra ở một số dải đất cát ven biển miền trung, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và giao thông</p> 	<p>- HS theo dõi</p>

- GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số tài liệu về bảo vệ môi trường đất. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - Dẫn dò về nhà	- HS lắng nghe đề về nhà thực hiện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...).

- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số sông hồ chính.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về khí hậu, sông hồ Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số con sông chính.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số sông hồ chính.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về khí hậu, sông hồ Việt Nam

GV3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm khí hậu, sông hồ

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	
- GV cho HS thi kể tên các con sông mà em	- Cả lớp thi nhau kể: Sông Đòng

<p>biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GVmời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <p>Vừa rồi các em đã kể tên được một số con sông, vậy nước ta có mạng lưới sông ngòi như thế nào? Sông nước ta có đặc điểm như thế nào?. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé:“Thiên nhiên Việt Nam–Tiết 2”</p>	<p>Nai, sông Hồng, sông Mê Công, sông La,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...). + Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số sông hồ chính. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động khám phá 1. Khí hậu và sông hồ a, Khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin, bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, quan sát các hình 3, 4, em hãy: + Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi: <p>Đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. + Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). + Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm. + Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông chủ yếu có hướng đông bắc và gió mùa mùa hạ chủ yếu có hướng tây nam, đông nam. - Khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam (ranh giới là dãy núi Bạch Mã) có sự khác nhau. + Ở miền Bắc có hai mùa chính: mùa hạ nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít. + Ở miền Nam nóng quanh năm, có

+ Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

BẢNG NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình (°C)		
	Cả năm	Tháng 1	Tháng 7
Hà Nội	24	17	29
Thành phố Hồ Chí Minh	28	27	28

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dự báo khí tượng thủy văn)



▲ Hình 3. Rau và đồng ở tỉnh Thái Bình



▲ Hình 4. Ngập lụt do mưa lớn ở tỉnh Quảng Trị năm 2020

- GV mời HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương.

b, Sông hồ

- Yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy thảo luận nhóm 4:
- Trình bày đặc điểm của sông, hồ ở nước ta.
- Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.



▲ Hình 5. Sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh Đồng Tháp



▲ Hình 6. Hồ Ba Bể ở tỉnh Bắc Kạn

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.

hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

Những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

- Thuận lợi:

+ Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao.

+ Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền nên sản phẩm nông nghiệp đa dạng.

- Khó khăn: chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,...

Đặc điểm

- Việt Nam có rất nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ, tuy nhiên cũng có một số sông lớn như sông Hồng, sông Cửu Long,... Lượng nước sông thay đổi theo mùa.

+ Mùa lũ mực nước sông dâng cao, có thể gây lũ lụt, ngập úng.

+ Mùa cạn, mực nước sông hạ thấp, có tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực.

- Nước ta có nhiều hồ, gồm hồ tự nhiên và hồ nhân tạo. Một số hồ lớn như: hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh),...

Vai trò

- Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy

	sản, du lịch, giao thông đường thủy, thủy điện,...
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức về một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...). + Kể được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...). + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động trò chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Rung chuông vàng - Mục đích: Giúp học sinh nhớ được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: khí hậu, sông hồ, ...). - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và ghi điểm. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về một con sông đẹp mà em biết. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

ÔN TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- GV3. Phẩm chất.**
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

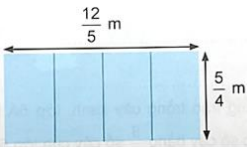
1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán
2. *Học sinh:* Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”. Cách chơi: GV đưa ra 5 phép tính cộng trừ PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi. VD: $\frac{2}{3} + \frac{3}{5}, \dots$ - Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi

<p>- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động Luyện tập, thực hành</p>	
<p>Bài 1.(trang 16 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Tính.</p> <p>a) $\frac{4}{7} \times \frac{7}{16} = \dots\dots\dots$</p> <p>b) $\frac{14}{9} : \frac{8}{9} = \dots\dots\dots$</p> <p>c) $5 \times \frac{3}{10} = \dots\dots\dots$</p> <p>d) $\frac{18}{7} : 6 = \dots\dots\dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung củng cố: Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.</p> <p>- Muốn thực hiện phép chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm bốn:</p> <p>a) $\frac{4}{7} \times \frac{7}{16} = \frac{4 \times 7}{7 \times 4 \times 4} = \frac{1}{4}$</p> <p>b) $\frac{14}{9} : \frac{8}{9} = \frac{14}{9} \times \frac{9}{8} = \frac{2 \times 7 \times 9}{9 \times 2 \times 4} = \frac{7}{4}$</p> <p>c) $5 \times \frac{3}{10} = \frac{5}{1} \times \frac{3}{10} = \frac{5 \times 3}{1 \times 5 \times 2} = \frac{3}{2}$</p> <p>d) $\frac{18}{7} : 6 = \frac{18}{7} \times \frac{1}{6} = \frac{3 \times 6 \times 1}{7 \times 6} = \frac{3}{7}$</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>
<p>Bài 2..(trang 17 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>Người ta làm một hàng rào xung quanh bồn hoa hình vuông. Biết tổng độ dài hàng rào đó là 14 m.</p> <p>a) Độ dài cạnh của bồn hoa đó là m.</p> <p>b) Diện tích của bồn hoa đó là m².</p>	

<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.</p> <p>- GV hướng dẫn học sinh cách làm.</p> <p>- GV cho HS làm vào nháp</p> <p>- Cùng cố: rèn kĩ năng tính cạnh hình vuông và diện tích hình vuông.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát.</p> <p>- HS nêu cách làm và kết quả</p> <p>a. Độ dài cạnh vườn hoa là:</p> $14 : 4 = \frac{14}{4} = \frac{7}{2} \text{ (m)}$ <p>b. Diện tích vườn hoa là:</p> $\frac{7}{2} \times \frac{7}{2} = \frac{49}{4} \text{ (m}^2\text{)}$ <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Bài 3(trang 17 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Tính giá trị biểu thức:</p> <p>a) $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} : 2 = \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$</p> <p>b) $\frac{13}{9} : (\frac{13}{16} \times 4) = \dots\dots\dots$ $= \dots\dots\dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm hoạt động.</p> <p>Củng cố: Nếu biểu thức chỉ có phép tính nhân, chia thì ta thực hiện từ trái sang phải.</p> <p>- Nếu biểu thức chứa dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>Bài 4: (trang 17 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Một tấm tôn dạng hình chữ nhật có chiều dài $\frac{12}{5}$m, chiều rộng 5454m. Bác Sơn chia tấm tôn đó thành 4 phần bằng nhau (như hình vẽ) để làm thùng. Tính diện tích mỗi phần tấm tôn làm thùng .GV cho HS đọc đề, tìm hiểu đề bài</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS trình bày KQ:</p> <p>a) $\frac{8}{15} \times \frac{5}{4} : 2 = \frac{8}{15} \times \frac{5}{4} \times \frac{1}{2}$ $= \frac{4 \times 2 \times 5 \times 1}{3 \times 5 \times 4 \times 2} = \frac{1}{3}$</p> <p>b) $\frac{13}{9} : (\frac{13}{16} \times 4) = \frac{13}{9} : \frac{13 \times 4}{4 \times 4} = \frac{13}{9} : \frac{13}{4}$ $= \frac{13}{9} \times \frac{4}{13} = \frac{4}{9}$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>Hs suy nghĩ trả lời nhanh</p> <p>HS đọc đề bài,</p>

 <p>- HS làm vào vở.</p> <p>GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. Củng cố: Cách tính diện tích hình chữ nhật.</p>	<p>HS suy nghĩ xung phong phân tích, lớp theo dõi và làm vở cá nhân. GV chú ý quan sát sửa sai.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải:</p> <p>Diện tích tấm tôn ban đầu đó là:</p> $\frac{12}{5} \times \frac{5}{4} = 3 \text{ (m}^2\text{)}$ <p>Diện tích mỗi phần tấm tôn làm thùng là: $3 : 4 = \frac{3}{4} \text{ (m}^2\text{)}$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: $\frac{3}{4} \text{ (m}^2\text{)}$</p>
--	--

3.Hoạt động Vận dụng

<p>Bài 5:(trang 18 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Tính bằng cách thuận tiện</p> <p>a/ $\frac{7}{9} \times \frac{13}{17} \times \frac{17}{13} = \dots\dots\dots$</p> <p>b/ $\frac{15}{14} \times \frac{8}{11} \times \frac{7}{15} \times \frac{11}{8} = \dots\dots\dots$</p> <p>- Thi trả lời đúng, nhanh.</p> <p>- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p style="text-align: center;">Củng cố:</p> <p>- Theo em PS giúp em hiểu được điều gì?</p> <p>- Em hãy biểu diễn thời gian học tập, vui chơi, ăn uống,... của em trong 1 ngày bằng các PS.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>	<p>-HS đọc đề tham gia thi đua trả lời nhanh, đúng:</p> <p>a) $\frac{7}{9} \times \frac{13}{17} \times \frac{17}{13} = \frac{7}{9} \times \left(\frac{13}{17} \times \frac{17}{13}\right) = \frac{7}{9} \times 1 = \frac{7}{9}$</p> <p>b) $\frac{15}{14} \times \frac{8}{11} \times \frac{7}{15} \times \frac{11}{8} = \left(\frac{15}{14} \times \frac{7}{15}\right) \times \left(\frac{8}{11} \times \frac{11}{8}\right) = \frac{1}{2} \times 1 = \frac{1}{2}$</p> <p>- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).</p>
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT

VIẾT: VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết bài văn bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.
- Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.
- Biết đánh giá bạn cách viết hay có câu chuyện hấp dẫn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1: (trang 15 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài. - GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu đã viết - HS đọc lưu ý SGK và xem lại dàn ý đã	- 1 HS đọc 2 đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp

<p>lập: - Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.</p> <p>- Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết</p> <p>- Cả lớp nhận xét nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>- Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <p>- Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.</p> <p>- Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.</p> <p>- HS đọc các đoạn văn trong SGK để tham khảo cách viết.</p> <p>- HS viết bài văn vào vở. GV quan sát, giúp đỡ</p> <p>- GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi viết bài</p>	<p>-HS đọc</p> <p>-Viết vào vở (Dựa vào dàn ý)</p> <p>-Nghe Gv nhận xét</p>
<p>Bài 2.(trang 15 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1 Đọc lại bài văn em đã viết, ghi lại các lỗi cần sửa trong bài làm của mình và sửa lỗi.</p> <p>- GV mời 2 -3 HS đọc bài viết</p> <p>- HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn</p> <p>- GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa</p> <p>- GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc.</p> <p>- Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn và bóc bọc, nội dung, trình tự xảy ra sự việc...</p> <p>- 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung.</p>
<p>2. Hoạt động Vận dụng</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.</p> <p>- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 13 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT
Tiết 4: NÓI VÀ NGHE
NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.
- Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.

<p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Chuẩn bị.</p> <p>- GV mời học sinh đọc yêu cầu</p> <p>- GV HD:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ lại câu chuyện đã được đọc, được nghe mà em thích. + Làm việc cá nhân: <p>- HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu.</p> <p>- GV theo dõi nhận xét chung,</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm việc cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ lại câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tên tác giả, nội dung câu chuyện. + Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện.... <p>- Thực hiện ghi chép</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>Bài 2: Thảo luận</p> <p>- Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học</p> <p>- HD HS thảo luận nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp <p>-Tiến hành trình bày trước lớp</p> <p>- GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm.</p>	<p>- 2 HS đọc</p> <p>-Nhóm thảo luận các nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu tên nội dung chính của câu chuyện. + Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện + Nêu suy nghĩ cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện. <p>-Đại diện trình bày – Lớp nhận xét</p> <p>-Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Viết bài văn mình đã chọn + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 3. Đánh giá</p> <p>- GV cho HS bình chọn</p> <p>- GV đánh giá kết quả học tập của Hs</p> <p>- GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị khác để Hs biết mà tìm đọc.</p>	<p>- Hs tham gia bình chọn</p> <p>- Nghe GV đánh giá</p> <p>- Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc.</p>

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất

- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:

- Em chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất và lắng nghe ý kiến của người thân.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

**ÂM NHẠC
 TIẾT 2**

- Ôn tập bài hát: **Niềm vui của em**
- Đọc nhạc: **Bài đọc nhạc số 1**

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái bài *Niềm vui của em*.
- Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm và vận động. Biết hát với các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.
- Nghe bài *Những bông hoa*, những bài ca kết hợp vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.
- Qua bài hát giáo dục học sinh biết thể hiện tình cảm yêu mến và gắn bó với mái trường thông qua những hành động như: giúp đỡ bạn bè, kính trọng thầy cô, giữ gìn vệ sinh trong trường học..

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên

- Đàn phím điện tử
- Video bài hát *Những bông hoa*, *những bài ca*

2. Học sinh.





- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập
- Có một số nhạc cụ gõ

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
<p>1. HĐ khởi động.</p> <p>- Gv: Nhắc HS giữ trật tự khi học. Cùng khởi động theo điệu nhạc Aram sam sam</p> <p>-Kiểm tra bài cũ:</p> <p>- Gv: Nhận xét, liên hệ vào bài mới</p>	<p>- Hs khởi động</p> <p>- Hs trả lời bài cũ</p> <p>- Hs nghe nhận xét</p>								
<p>2. HĐ thực hành luyện tập.</p> <p>a. ND1: ôn tập bài hát “Niềm vui của em”</p> <p>- Hỏi? Bạn nào cho cô biết bài hát “Niềm vui của em” do ai sáng tác? Nêu nội dung của bài</p> <p>- Gv: Nhận xét và liên hệ bài</p> <p>- Gv: Cho học sinh nghe lại bài hát 1 lần.</p> <p>- Hỏi? Nhắc lại sắc thái bài hát cho cô?</p> <p>- Gv: Nhận xét</p> <p>- Gv: Cho cả lớp hát lại bài thể hiện đúng tính chất sắc thái của bài hát.</p> <p>- Hỏi? Tiết học trước cô đã dạy các con cách gõ đệm nào?</p> <p>- Gv: Nhận xét</p> <p>- Gv: Cho cả lớp hát và gõ nhịp lại bài hát 1 lần (sử dụng mõ)</p> <p>- Gv: Nhận xét</p> <p>- Gv: Gọi 1 nhóm hát, 1 nhóm gõ đệm rồi đổi bên.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tập hát nối tiếp kết hợp đọc lời theo tiết tấu:</p>	<p>- Hs lắng nghe</p> <p>- Hs trả lời</p> <p>- Hs nghe nhận xét</p> <p>- Hs nghe lại giai điệu bài hát.</p> <p>- Hs trả lời</p> <p>- Hs nghe nhận xét</p> <p>- Hs hát</p> <p>- Hs trả lời</p> <p>- Hs nghe nhận xét</p> <p>- Hs hát và gõ nhịp</p> <p>- Hs nghe nhận xét</p> <p>- Hs thực hiện theo quy định.</p> <p>- HS tập hát nối tiếp kết hợp đọc lời theo tiết tấu:</p>								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">Người hát</th> <th style="width: 80%;">Câu hát</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Nhóm 1</td> <td><i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Nhóm 2</td> <td><i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Nhóm 3</td> <td><i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i></td> </tr> </tbody> </table>	Người hát	Câu hát	Nhóm 1	<i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i>	Nhóm 2	<i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i>	Nhóm 3	<i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i>	<p>- HS quan sát, theo dõi và làm theo HD GV</p>
Người hát	Câu hát								
Nhóm 1	<i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i>								
Nhóm 2	<i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i>								
Nhóm 3	<i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i>								

Nhóm 1	<i>Khi ông Mặt Trời đi ngủ, mẹ đến lớp bên ánh đèn, bản làng em rộn vang tiếng hát.</i>	<p>- GV mời nhóm, tổ trình bày hát nối tiếp kết hợp đọc lời theo tiết tấu.</p> <p>- GV hướng dẫn HS hát kết hợp vận động (tham khảo gợi ý sau):</p>								
Nhóm 2	<i>Niềm tin bao la mẹ viết trang đầu, vàng trắng lên cao trong sáng một màu.</i>									
Nhóm 3	<i>Ơi con gà rừng nào gáy đâu đây, em nghe lòng mình niềm vui đong đầy.</i>									
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="229 965 560 1021">Câu hát</th> <th data-bbox="560 965 858 1021">Động tác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="229 1021 560 1413"> <i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i> </td> <td data-bbox="560 1021 858 1413"> Hai tay mở cao từ trong ra ngoài. Tay trái đặt lên vai trái, tay phải đặt lên vai phải, chân nhún nhẹ. Hai tay chụm lên miệng như chim hót. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="229 1413 560 1659"> <i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i> </td> <td data-bbox="560 1413 858 1659"> Tay phải đặt lên vai trái, tay trái đặt lên vai phải. Hai cổ tay chụm dưới cằm, chân nhún nhẹ. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="229 1659 560 2076"> <i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i> </td> <td data-bbox="560 1659 858 2076"> Tay phải đưa chéo lên cao, tay trái đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay hướng vào trong lắc nhẹ. Tay trái đưa chéo lên cao, tay phải đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay </td> </tr> </tbody> </table>		Câu hát	Động tác	<i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i>	Hai tay mở cao từ trong ra ngoài. Tay trái đặt lên vai trái, tay phải đặt lên vai phải, chân nhún nhẹ. Hai tay chụm lên miệng như chim hót.	<i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i>	Tay phải đặt lên vai trái, tay trái đặt lên vai phải. Hai cổ tay chụm dưới cằm, chân nhún nhẹ.	<i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i>	Tay phải đưa chéo lên cao, tay trái đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay hướng vào trong lắc nhẹ. Tay trái đưa chéo lên cao, tay phải đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay	<p>- HS tập biểu diễn bài hát theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm</p> <p>-HS trình bày theo nhóm, tổ, cá nhân</p> <p>- HS theo dõi và lắng nghe</p> <p>-Hs quan sát và thực hiện theo hướng dẫn của GV</p>
Câu hát	Động tác									
<i>Khi ông Mặt Trời thức dậy, mẹ lên rẫy em đến trường, cùng đàn chim hoà vang tiếng hát.</i>	Hai tay mở cao từ trong ra ngoài. Tay trái đặt lên vai trái, tay phải đặt lên vai phải, chân nhún nhẹ. Hai tay chụm lên miệng như chim hót.									
<i>Hạt sương long lanh nhẹ thấm trên vai, nụ hoa xinh tươi luôn hé môi cười.</i>	Tay phải đặt lên vai trái, tay trái đặt lên vai phải. Hai cổ tay chụm dưới cằm, chân nhún nhẹ.									
<i>Đưa em vào đời đẹp những ước mơ, đưa em vào đời đẹp những ước mơ.</i>	Tay phải đưa chéo lên cao, tay trái đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay hướng vào trong lắc nhẹ. Tay trái đưa chéo lên cao, tay phải đưa chéo trước ngực, lòng bàn tay									

	hướng vào trong lắc nhẹ.	
<i>Khi ông Mặt Trời đi ngủ, mẹ đến lớp bên ánh đèn, bản làng em rộn vang tiếng hát.</i>	Hai tay áp vào má phải. Tay trái đặt lên vai trái, tay phải đặt lên vai phải. Hai tay mở cao từ trong ra ngoài.	
<i>Niềm tin bao la mẹ viết trang đầu, vầng trăng lên cao trong sáng một màu.</i>	Hai tay đặt trước ngực mô phỏng động tác trang sách. Hai tay mở cao từ trong ra ngoài, lòng bàn tay hướng ra ngoài.	
<i>Oi con gà rừng nào gáy đâu đây, em nghe lòng mình niềm vui đong đầy.</i>	Hai tay chụm lên miệng như gà gáy. Tay phải đặt lên vai trái, tay trái đặt lên vai phải.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tập biểu diễn bài hát theo hình thức cá nhân, theo cặp hoặc nhóm. - GV gọi nhóm, tổ, cá nhân trình bày - Gv: Tuyên dương và nhận xét, khuyến khích HS. 		<ul style="list-style-type: none"> -Hs thực hành biểu diễn theo các hình thức: +Nhóm +Tổ + Cá nhân -Hs lắng nghe
<p>3. HĐ khám phá.</p> <p style="text-align: center;">Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 1 (khoảng 15 phút)</p> <p>-GV dùng nhạc cụ (ĐPĐT) lấy cao độ chuẩn, rồi hướng dẫn HS đọc cao độ gam Đô trưởng bằng kí hiệu bàn tay.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe và đọc cao độ theo hướng dẫn -Hs đọc cao độ theo hướng dẫn

<p>Đọc gam đô trưởng:</p>  <p>-GV giới thiệu về nốt đen chấm đôi: ngân dài bằng 1 nốt đen + 1 nốt móc đơn.</p>  <p>Luyện tập tiết tấu:</p>  <p>- GV hướng dẫn HS luyện tập tiết tấu (ví dụ: vỗ tay theo tiết tấu), thực hiện ngắn gọn, khoảng 1 – 2 phút.</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc <i>Bài đọc nhạc số 1</i> theo kí hiệu bàn tay. GV yêu cầu các em vừa đọc vừa làm kí hiệu bàn tay.</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc <i>Bài đọc nhạc số 1</i> theo bản nhạc trong SGK với nhịp độ vừa phải, kết hợp gõ đệm theo nhịp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS trình bày <i>Bài đọc nhạc số 1</i> kết hợp vận động (phần vận dụng).</p> <p>- GV mời HS đọc nhạc hình thức cá nhân, cặp, nhóm, tổ; hoặc mời HS xung phong làm kí hiệu bàn tay để các bạn đọc nhạc.</p> 	<p>- Hs luyện tiết tấu Và tìm hiểu về dấu chấm đôi</p> <p>-HS luyện tiết tấu</p> <p>- Hs đọc nhạc theo hướng dẫn</p> <p>-Hs đọc từng câu nhạc</p> <p>-Hs thực hiện với nhiều hình thức -Hs thực hiện</p> <p>-Hs đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay</p>
<p>4. HD ứng dụng</p> <p>- Hỏi? Bài học hôm nay các con được học mấy phần?</p>	<p>- Hs trả lời - Hs hát và múa lại bài 1 lần, đọc nhạc</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Gv: Đàn và cho học sinh tập biểu diễn bài hát lại 1 lần, đọc nhạc 1 lần. - Gv: Nhận xét giờ học ngày hôm nay, động viên các em có tinh thần học tập tốt, cần phát huy trong các tiết học sau. - Gv: Dặn dò học sinh về nhà xem lại bài hôm nay và chuẩn bị sách vở cho giờ học ngày hôm sau. 	<p>theo kí hiệu bàn tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe - Hs ghi nhớ lời cô dặn
--	---

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

.....

TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến tính chất của phép nhân phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<p>Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.</p> <p>Cách chơi: GV đưa ra 5 phép tính nhân, chia PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi.</p> <p style="text-align: center;">VD: $\frac{2}{5} \times \frac{3}{7}, \dots$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ? - GVNX. .- GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. - Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số. - Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Đ, S.</p> <p>a) $\frac{11}{12} - \frac{1}{4} = \frac{8}{12} = \frac{2}{3}$? b) $\frac{5}{9} + \frac{4}{3} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$?</p> <p>c) $\frac{3}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{15}{60} = \frac{1}{4}$? d) $\frac{15}{8} : \frac{3}{4} = \frac{60}{24} = \frac{5}{2}$?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp làm việc nhóm bốn: <div style="text-align: center;"> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Tính giá trị biểu thức

$$a) \frac{9}{7} \times \left(\frac{7}{9} - \frac{2}{3} \right)$$

$$b) \frac{20}{24} + \frac{10}{4} : 3$$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.

- Thực hiện

- Cùng cố: Nếu biểu thức có phép tính cộng, trừ và phép tính nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Nếu biểu thức chứa dấu ngoặc thì ta thực hiện trong ngoặc trước.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, thực hiện

- HS nêu cách làm và kết quả:

$$a) \frac{9}{7} \times \left(\frac{7}{9} - \frac{2}{3} \right) = \frac{9}{7} \times \left(\frac{7}{9} - \frac{6}{9} \right) = \frac{9}{7} \times \frac{1}{9} = \frac{1}{7}$$

$$b) \frac{20}{24} + \frac{10}{4} : 3 = \frac{20}{24} + \frac{10}{4} \times \frac{1}{3} = \frac{20}{24} + \frac{10}{12} = \frac{20}{24} + \frac{20}{24} = \frac{40}{24} = \frac{5}{3}$$

Hoặc:

$$b) \frac{20}{24} + \frac{10}{4} : 3 = \frac{5}{6} + \frac{10}{4} \times \frac{1}{3} = \frac{5}{6} + \frac{5}{6} = \frac{10}{6} = \frac{5}{3}$$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài 3. Thực hiện bài giải

Hưởng ứng phong trào quyên góp sách vào thư viện trường học, lớp 5A quyên góp được 96 quyển sách, lớp 5B quyên góp được số quyển sách bằng $\frac{7}{8}$ số quyển sách của lớp 5A. Hỏi cả lớp 5A và lớp 5B quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV yêu cầu HS nhóm, cá nhân hoạt động.

Tóm tắt

Lớp 5A: 96 quyển

Lớp 5B: $\frac{7}{8}$ số sách của lớp 5A

Cả hai lớp: ? quyển sách

GV cho HS trình bày, HS nhận xét.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS trình bày KQ:

Số sách lớp 5 B quyên góp được là

$$96 \times \frac{7}{8} = 84 \text{ (quyển sách)}$$

Số sách cả lớp 5 A và 5B quyên góp được là: $96 + 84 = 180$ (quyển sách)

Đáp số: 180 quyển sách

Hs chấm,, chữa bài

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{5}{6} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{7}{6}$$

HS đọc làm bảng con sau đó chữa bài
Củng cố: Áp dụng nhân một số với một tổng để tính giá trị biểu thức:
 $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

-HS đọc YC , làm bảng con

- KQ:

$$\frac{5}{6} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{7}{6} = \frac{3}{7} \times \left(\frac{5}{6} + \frac{7}{6} \right) = \frac{3}{7} \times \frac{12}{6} = \frac{3}{7} \times 2 = \frac{6}{7}$$

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4: Đố vui:

- HS tham gia trò chơi đoán nhanh



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm cá nhân, giải thích cách làm:
 Chia đoạn dây $\frac{2}{3}$ m ra thành 4 phần bằng nhau bằng cách gấp đôi đoạn dây đó rồi lại gấp đôi đoạn dây tiếp, đánh dấu các điểm gấp sau đó mở ra ta có 4 đoạn nhỏ bằng nhau. Cắt lấy 3 đoạn nhỏ đó được $\frac{3}{6}$ m hay $\frac{1}{2}$ m

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Củng cố:

- Theo em PS giúp em hiểu được điều gì?

- GV nhận xét tiết học.

- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ÔN TOÁN

Bài 5: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến tính chất của phép nhân phân số.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được các phép tính với phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với phân số.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”. Cách chơi: GV đưa ra 5 phép tính nhân, chia PS khác mẫu và gọi 5 HS làm bạn nào làm nhanh sẽ là người chiến thắng trò chơi. VD: $\frac{2}{5} \times \frac{3}{7}, \dots$ - Nhận xét, tuyên dương. - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ? - GV nhận xét .- GV dẫn dắt vào bài.	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	

- Mục tiêu:

- + Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phân số.
- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phân số.

- Cách tiến hành:

Bài 1.(trang 18 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Đ, S ?

a) $\frac{11}{15} - \frac{2}{3} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$ b) $\frac{13}{18} + \frac{5}{6} = \frac{28}{18} = \frac{14}{9}$

c) $\frac{5}{14} \times \frac{7}{3} = \frac{35}{42} = \frac{5}{6}$ d) $\frac{20}{27} : \frac{4}{3} = \frac{60}{108} = \frac{5}{9}$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV mời lớp làm việc nhóm 4: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- Cả lớp làm việc nhóm 4.

- Đại diện các nhóm trả lời.

a) $\frac{11}{15} - \frac{2}{3} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$ S b) $\frac{13}{18} + \frac{5}{6} = \frac{28}{18} = \frac{14}{9}$ Đ

c) $\frac{5}{14} \times \frac{7}{3} = \frac{35}{42} = \frac{5}{6}$ Đ d) $\frac{20}{27} : \frac{4}{3} = \frac{60}{108} = \frac{5}{9}$ Đ

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.(trang 18 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Đ, S ? Tính giá trị của biểu thức

a) $\frac{8}{9} \times (\frac{1}{8} + \frac{3}{4}) = \dots\dots\dots$

b) $\frac{28}{24} - \frac{4}{6} : 2 = \dots\dots\dots$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.

- Thực hiện

- Cùng cố: Nếu biểu thức có phép tính cộng, trừ và phép tính nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

- Nếu biểu thức chứa dấu ngoặc thì ta thực hiện trong ngoặc trước.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, thực hiện

- HS nêu cách làm và kết quả:

a) $\frac{8}{15} \times (\frac{1}{8} + \frac{3}{4}) = \frac{8}{15} \times \frac{7}{8} = \frac{7}{15}$

b) $\frac{28}{24} - \frac{4}{6} : 2 = \frac{28}{24} - \frac{1}{3} = \frac{28}{24} - \frac{8}{24} = \frac{20}{24} = \frac{5}{6}$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

<p>Bài 3. (trang 18 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Đ, S ?Hưởng ứng phong trào trồng cây xanh, lớp 5A trồng được 72 cây, lớp 5B trồng được số cây bằng $\frac{8}{9}$ số cây của lớp 5A. Hỏi cả lớp 5A và lớp 5B trồng được bao nhiêu cây?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. - GV yêu cầu HS nhóm, cá nhân hoạt động - GV cho HS trình bày, HS nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe. - HS trình bày KQ: Số cây lớp 5 B trồng được là $72 \times \frac{8}{9} = 64$ (cây) Số cây cả lớp 5 A và 5B trồng được là: $72 + 64 = 136$ (cây) Đáp số: 136 cây HS chữa bài
<p>Bài 4. (trang 19 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Đ, S ?Tính bằng cách thuận tiện</p> <p>a) $\frac{5}{13} \times \frac{3}{8} + \frac{8}{13} \times \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$</p> <p>b) $\frac{7}{8} \times \frac{11}{6} + \frac{1}{6} \times \frac{7}{8} = \dots\dots\dots$</p> <p>HS đọc làm bảng con sau đó chữa bài</p> <p>Củng cố: Áp dụng nhân một số với một tổng để tính giá trị biểu thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$</p>	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc YC , làm bảng con - Kết quả: $\begin{aligned} \text{a) } \frac{5}{13} \times \frac{3}{8} + \frac{8}{13} \times \frac{3}{8} &= \frac{3}{8} \times \left(\frac{5}{13} + \frac{8}{13} \right) \\ &= \frac{3}{8} \times \frac{13}{13} = \frac{3}{8} \end{aligned}$ $\begin{aligned} \text{b) } \frac{7}{8} \times \frac{11}{6} + \frac{1}{6} \times \frac{7}{8} &= \frac{7}{8} \times \left(\frac{11}{6} + \frac{1}{6} \right) \\ &= \frac{7}{8} \times \frac{12}{6} = \frac{7 \times \cancel{2} \times \cancel{2}}{4 \times \cancel{2} \times \cancel{2}} = \frac{7}{4} \end{aligned}$
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. 	

- Cách tiến hành:

Bài 5: (trang 19 VBT Toán lớp 5 Tập

1) Đ, S ?Đố em!

-



HS tham gia trò chơi đoán nhanh

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Củng cố:

- Theo em PS giúp em hiểu được điều gì?

- GV nhận xét tiết học.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm cá nhân, giải thích cách làm: Chia đoạn dây $\frac{4}{3}$ m ra thành 4 phần bằng nhau bằng cách gấp đôi đoạn dây đó rồi lại gấp đôi đoạn dây tiếp, đánh dấu các điểm gấp sau đó mở ra ta có 4 đoạn nhỏ bằng nhau. Cắt lấy 3 đoạn nhỏ đó.

Mai gấp băng giấy làm đôi 2 lần. Mai sẽ được 4 đoạn dây có kích thước mỗi đoạn:

$$\frac{4}{3} : 4 = \frac{1}{3} \text{ (m)}$$

Để lấy 1 m thì Mai lấy số đoạn dây là:

$$1 : \frac{1}{3} = 3 \text{ (đoạn dây)}$$

- 1 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

SHL: Lập kế hoạch xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh của lớp

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Lập được bản kế hoạch thực hiện việc mình / nhóm mình sẽ làm để tham gia xây dựng Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tổ chức hoạt động: Xác định được mục tiêu cá nhân trong kế hoạch thực hiện việc mình / nhóm mình sẽ làm để tham gia xây dựng trong Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh; Thực hiện được các việc làm theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phối hợp với bạn cùng nhóm để hoàn thành công việc theo kế hoạch.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, chia sẻ cùng bạn trong sinh hoạt

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nề nếp, nội quy lớp học tôn trọng và trách nhiệm với các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>a) Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS hát một bài hài về Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh mà các em đã được học (hoặc thuộc). Ví dụ: <i>Hành khúc Đội TNTP Hồ Chí Minh, Bay cao tiếng hát ước mơ, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng,...</i></p> <p>- GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.</p>	<p>- HS hát và vận động.</p> <p>- HS chia sẻ cảm xúc của mình về những bài hát của Đội thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh.</p>
<p>2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 1 và phương hướng hoạt động tuần 2 (Làm việc theo tổ)</p>	
<p>a) Mục tiêu:</p> <p>Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.</p>	
<p>b) Cách tiến hành:</p>	
<p>* Đánh giá kết quả tuần 2</p> <p>- GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh</p>	<p>- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh</p>

<p>hoạt:</p> <p>Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) <p>* Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. <p>- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.</p>	<p>hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Lập kế hoạch xây dựng Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của lớp</p>	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý kiến về những việc làm góp 	

<p>phần xây dựng Đội Thiếu niên Tiên Phong Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn thành bản kế hoạch tham gia xây dựng Đội Thiếu niên Tiên Phong Hồ Chí Minh. 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – GV giao nhiệm vụ cho Ban Cán sự lớp / Chi đội điều hành. GV hỗ trợ. – GV hỗ trợ Ban cán sự / Chi đội tổ chức cho các bạn nêu nhanh ý kiến về các hoạt động em muốn làm để xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh của trường. – GV ghi tên các việc HS đề xuất lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS trong lớp tự do nêu ý kiến: <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tập văn nghệ để chuẩn bị cho Hội diễn văn nghệ; – Tập võ để tham gia hội thao của trường; – Viết kịch bản và tập luyện để biểu diễn vào giờ chào cờ; – Tham gia câu lạc bộ STEM nghiên cứu khoa học; – Tham gia hoạt động tình nguyện; – Tham gia hỗ trợ các em học sinh lớp dưới; – Phụ trách sao nhi đồng; – Thực hiện công trình măng non; – Thực hiện chương trình phát thanh măng non...
<ul style="list-style-type: none"> – GV tổ chức cho HS chia lại nhóm trong lớp. Những em có chung mong muốn về việc làm xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh của trường thành 1 nhóm. – GV đề nghị HS trong nhóm trao đổi về việc mà các em sẽ làm để xây dựng Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh của trường sau đó lập thành kế hoạch cụ thể. – GV nhắc các nhóm tham khảo ý kiến cô giáo, Ban Chấp hành Chi đội, các bạn,... để hoàn thiện kế hoạch của nhóm trong 1 tuần. Tuần sau, các nhóm sẽ báo cáo Kế hoạch trước lớp. 	
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> – GV động viên và nhắc HS các việc cần 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

chú ý thực hiện để thực hiện tốt nội dung em đã chọn để góp phần xây dựng Đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ SINH HOẠT LỚP:

.....
.....
.....

KÝ DUYỆT

Ngày 5 tháng 9 năm 2024

Tổ trưởng



Nguyễn Thị Hoài Thanh

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 3
TỪ NGÀY 16/09 – 20/09/2024

	Tiết	Tiết PPC T	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Thứ hai (16/09)	1	7	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Hoạt động vui trung thu	
	2	15	Tiếng Việt	Đọc: Tiếng hạt nảy mầm	GD QCN
	3	16	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ	
	4	11	Toán	Bài 6: Cộng, trừ hai phân số (Tiết 1)	
	5				
	6	3	Đạo đức	Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 3)	GD QPAN
	7	5	LS-ĐL	Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 3)	
	8	7	Ôn TV	Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ	
Thứ ba (17/09)	1	17	Tiếng Việt	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo	
	2	12	Toán	Bài 6: Cộng, trừ hai phân số (Tiết 2)	
	3	5	Khoa học	Bài 2: Ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất (Tiết 3)	GD STEM
	4	3	Công nghệ	Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 1)	
	5	3	Mĩ thuật	Bài 2: Cánh điều tuổi thơ (Tiết 1)	
	6	9	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day	
	7	8	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Nhận diện về sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, sản phẩm thu thập được. - Khám phá về sự thay đổi của bản thân.	
	8	5	Thể dục	Bài 2: Bài tập phối hợp đội ngũ hàng dọc, biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang (Tiết 2)	
	1	18	Tiếng Việt	Đọc: Ngôi sao sân cỏ (Tiết 1)	

Thứ tư (18/09)	2	19	Tiếng Việt	Đọc: Ngôi sao sân cỏ (Tiết 2)	GD QCN
	3	13	Toán	Bài 7: Hỗn số (Tiết 1)	
	4	10	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day	
	5	11	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day	
	6	3	Tin học	Bài 2. Tìm kiếm thông tin trên website (Tiết 1)	
	7	7	Ôn Toán	Bài 7: Hỗn số (Tiết 1)	
Thứ năm (19/09)	8	8	Ôn TV	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo	
	1	20	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc	
	2	14	Toán	Bài 7: Hỗn số (Tiết 2)	
	3	6	Khoa học	Bài 3: Hỗn hợp và dung dịch (Tiết 1)	
	4	6	LS-ĐL	Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 4)	
	5				
	6	8	Ôn Toán	Bài 7: Hỗn số (Tiết 2)	
	7	6	Thể dục	Bài 2: Bài tập phối hợp đội ngũ hàng dọc, biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang (Tiết 3)	
	8	9	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc	
	9	3	KNS		
Thứ sáu (20/09)	1	21	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	
	2	3	Âm nhạc	Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu - Nhạc cụ thể hiện giai điệu Thường thức âm nhạc – Hình thức biểu diễn: Độc tấu, hoà tấu	
	3	15	Toán	Bài 8: Ôn tập hình học và đo lường (Tiết 1)	
	4	12	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day	
	5				
	6	9	Ôn Toán	Bài 8: Ôn tập hình học và đo lường (Tiết 1)	
	7	9	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Báo cáo kế hoạch xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của lớp.	
	8	3	Năng khiếu		

Thứ hai ngày 16 tháng 9 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Tuần 3: Sinh hoạt dưới cờ
HOẠT ĐỘNG VUI TRUNG THU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia diễn tiểu phẩm theo chủ đề Trung thu
- Học sinh tham gia các trò chơi dân gian dịp tết Trung thu
- Chia sẻ được cảm xúc của em khi tham gia các hoạt động vui Trung thu

2. Năng lực chung

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về Tết Trung thu, tham gia tích cực các trò chơi dân gian dịp tết Trung thu

Thể hiện thái độ vui vẻ khi tham gia lễ hội Trung thu

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: HS rèn luyện kỹ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động để phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động chào đón Tết Trung thu

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc khi tham gia các hoạt động vui Trung thu. Tham gia tích cực các trò chơi dân gian dịp tết Trung thu .

- Phẩm chất nhân ái: Có tinh thần nhân ái, biết chia sẻ quà bánh, trao tặng lồng đèn

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị sân khấu
- Tổ chức luyện tập cho sinh các tiết mục văn nghệ

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ để biểu diễn
- Trang phục chỉnh tề, nghề ngồi ngay ngắn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia các hoạt động vui Trung Thu. - Chia sẻ được cảm xúc của em khi tham gia 	

các hoạt động vui Trung thu	
b) Tiến trình hoạt động	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS tham gia vui Trung thu theo kế hoạch của nhà trường: + Tham gia biểu diễn văn nghệ, diễn tiểu phẩm theo chủ đề vui Trung thu. + Tham gia các trò chơi dân gian dịp tết Trung thu. + Tham gia phá cỗ Trung thu. - GV chủ nhiệm hỗ trợ GV Tổng phụ trách Đội trong quá trình chuẩn bị, tổ chức cho HS biểu diễn và tham gia giám sát, hướng dẫn HS chơi các trò chơi dân gian nhân dịp tết Trung thu. - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm về cảm xúc của bản thân khi tham gia các hoạt động vui Trung thu. - Kết thúc, dặn dò. 	- HS tham gia vui trung thu ở trường.

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (nếu có)

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT

TUẦN 3:

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ

Bài 05: TIẾNG HẠT NẢY MÀM (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Tiếng hạt nảy mầm”. Biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – Lớp học của trẻ khiếm thính; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.

Đọc hiểu: Hiểu bài thơ viết về một tiết học với bao nghĩ suy, cảm xúc, mong ước của cô giáo và học trò, nhận ra được mối liên hệ giữa các chi tiết về hình ảnh và âm thanh mà cô giáo mong muốn truyền tải đến các em học sinh thiệt thòi về khả năng nghe, khả năng nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các em học sinh như những cánh chim non, tất cả đều được chấp cánh bay cao, bay xa bởi tình yêu thương vô bờ và sự tận tâm với nghề của thầy cô giáo.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **Giáo dục Quyền con người:** Quyền được chăm sóc, học tập để phát triển toàn diện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và tranh ảnh cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Ôn bài cũ:</p> <p>- GV gọi 2 HS đọc nối tiếp bài “ Bẽn sông tuổi thơ</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp:</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khởi động</p> <p>- Chơi trò chơi: Nghe từ ngữ, đoán âm thanh.</p> <p>Cách chơi: Một bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, một bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào.</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe hướng dẫn cách chơi trò chơi. Ví dụ:</p> <p>- Xào xạc -> Tiếng lá rơi</p> <p>- Véo von -> Tiếng chim hót</p> <p>- Rì rào -> Tiếng sóng vỗ</p> <p>- Lộp độp -> Tiếng mưa rơi</p> <p>- Ào ào -> Tiếng thác chảy</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p>	

<p>- Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Tiếng hạt nảy mầm”. Biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – Lớp học của trẻ khiếm thính; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về suy nghĩ, cảm xúc của các bạn nhỏ và của cô giáo trong giờ học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài thơ, biết thể hiện giọng đọc khác nhau, phù hợp với lời thơ nói về các em học sinh hoặc nói về cô giáo trong lớp học đặc biệt – Lớp học của trẻ khiếm thính.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV chia 3 đoạn: + Đoạn 1: 2 Khổ thơ đầu + Đoạn 2: 2 khổ thơ tiếp theo + Đoạn 3: Phần còn lại.</p> <p>- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>nụ môi hồng, nắng vàng, lặng chằm, nảy mầm, lo toan...</i></p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng: <i>tung bùng,</i> <i>Vụt qua sông, inh ỏi, ran vách đá....</i></p> <p>- GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật,</p> <p>- GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.</p> <p>- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS đọc từ khó.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Hiểu bài thơ viết về một tiết học với bao nghĩ suy, cảm xúc, mong ước của cô giáo và học trò, nhận ra được mối liên hệ giữa các chi tiết về hình ảnh và âm thanh mà cô giáo mong muốn truyền tải đến các em học sinh thiết thòi về khả năng nghe, khả năng nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các em học sinh như những cánh chim non, tất cả đều được chấp cánh bay cao, bay xa bởi tình yêu thương vô bờ và sự tận tâm với nghề của thầy cô giáo.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p>	

<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ Ảnh ôi: giọng ngân vang lạnh lót</p> <p>+ Tung bừng: quang cảnh, không khí nhộn nhịp, vui vẻ.</p> <p>+ Lặng chẫm: im lặng và chăm chú.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính (mắt khả năng nghe hoặc nghe kém)?</p> <p>GV giải thích thêm: Vì ngôn ngữ của người khiếm thính là ngôn ngữ ký hiệu sử dụng bằng tay.</p> <p>+ Câu 2: Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?</p> <p>+ Câu 3: Cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Chi tiết giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính là: Đôi tay cô cụp mở/ Bao tung bừng thanh âm.</p> <p>Trong bài thơ, các bạn học sinh gặp phải khó khăn và thiệt thòi của việc khiếm thính. Họ phải đối mặt với việc không thể nghe được như bình thường, điều này làm cho việc tiếp thu kiến thức và giao tiếp trở nên khó khăn hơn so với các bạn không khiếm thính.</p> <p>+ Cô giáo đã gọi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh của cuộc sống:</p> <p>- Hình ảnh:</p> <p>+ Con tàu biển buông neo</p> <p>+ Ngôi sao mọc rừng chiều</p> <p>- Âm thanh:</p> <p>+ Tiếng hạt nảy mầm</p> <p>+ Tiếng lá động trong vườn</p>

<p>+ Câu 4: Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?</p> <p>+ Câu 5: Em có suy nghĩ gì về cô giáo của lớp học đặc biệt này qua 2 khổ thơ cuối?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p><i>Những bạn nhỏ trong lớp học đều là người khiếm thính, tuy các bạn có thêm một số khó khăn nhưng ai cũng đều chăm chú, háo hức học tập, hình thành được cho mình những hình ảnh và âm thanh của cuộc sống. Có được điều này nhờ sự tận tâm, đam mê với nghề của người giáo viên.</i></p> <p>3.3. Luyện đọc lại:</p> <p>- Gv cho HS đọc theo nhóm, đọc thuộc bài thơ.</p> <p>- HS xung phong đọc thuộc lòng</p>	<p>+ Tiếng sớm mai mẹ gọi</p> <p>+ Tiếng cuộc đời sâu vợi</p> <p>+ Vó ngựa ra vách đá.</p> <p>+ Những chi tiết cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú:</p> <p>+ Các bé vẫn lặng chăm/ Nhìn theo cô mấp máy</p> <p>- Giờ học của cô giáo cuốn hút các bạn bởi cô giáo tạo ra một môi trường học tập sôi động và đầy sáng tạo. Bằng cách sử dụng ngôn ngữ hình ảnh và âm thanh sinh động, cô giáo làm cho việc học trở nên thú vị và hấp dẫn hơn đối với các bạn học sinh.</p> <p>+ Thông qua hai khổ thơ cuối, ta có thể nhận thấy cô giáo của lớp học đặc biệt này là một người giáo viên tận tâm và đầy nhiệt huyết. Cô giáo không chỉ giảng dạy kiến thức mà còn gợi lên trong tâm trí học trò những trải nghiệm đầy ý nghĩa về cuộc sống và tự nhiên. Sự chăm sóc và sự quan tâm của cô giáo đã tạo ra một môi trường học tập tích cực và động viên cho các bạn học sinh khiến cho họ cảm thấy được yêu thương và động viên trong quá trình học tập.</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học</p> <p>- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.</p> <p>-Thực hiện theo YC của GV</p>
--	--

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tiếng hạt nảy mầm”

*** Giáo dục Quyền con người:**

Trẻ em đều được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân. Ở đó trẻ em được phát huy những tiềm năng, năng khiếu, thể mạnh chưa được khai thác, biết đến. Mỗi trẻ em đều có **Quyền được chăm sóc, học tập để phát triển toàn diện.**

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TIẾNG VIỆT

**Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
 LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Có thêm ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn.
- Hiểu được chức năng của chúng, biết cách sử dụng những đại từ cho phù hợp.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Trò chơi: Gv chiếu một số từ ngữ cho HS nhận biết từ ngữ nào là đại từ</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi nhận biết</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>- Có thêm ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn.</p> <p>- Hiểu được chức năng của chúng, biết cách sử dụng những đại từ cho phù hợp.</p> <p>- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Tìm các từ dùng để xưng hô trong mỗi đoạn dưới đây. Nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó.</p> <p>a. Trông thấy tôi theo mẹ vào đến cổng, bà buông cái chổi, chạy ra nắm tay tôi.</p> <p>– Cu Dũng lớn ngần này rồi ư?</p> <p>Bà hăng hái xuống bếp lấy dao ra vườn chặt mía đem vào.</p> <p>– Mía ngọt lắm, mẹ con ăn đi cho đỡ khát.</p> <p>Bà róc, bà tiện, bà chè từng khẩu mía đưa cho tôi:</p> <p>– Ăn đi! Cháu ăn đi! Răng bà yếu rồi, bà chả nhai được đâu.</p> <p>(Theo Vũ Tú Nam)</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm, xác định nội dung yêu cầu.</p> <p>- Các nhóm trình bày:</p> <p>a. Các từ dùng để xưng hô: Bà, cháu</p> <p>Thái độ của người nói qua các từ này là triu mến, quan tâm và ân cần. Từ "bà" thể hiện sự kính trọng và tôn trọng đối với người phụ nữ lớn tuổi, có thể là người giữ vai trò của một bà nội, trong khi "cháu" thể hiện sự thân thiết và quan hệ gia đình.</p> <p>b. Trong đoạn này, từ xưng hô được sử</p>

b. Cánh cam vùng chạy, nhón nhác tìm lối thoát. Chuột cống cười phá lên:

- Ha ha! Ta đã cho bịt kín tất cả lối ra vào. Nhà người chớ có nhọc công vô ích! Tất cả các người đã trở thành nô lệ của ta. Dưới cổng này, ta là chúa tể, các người không biết sao?

(Vũ Tú Nam)

- GV mời 2 HS đọc 2 đoạn trích.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Trò chơi: Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa (**đó, ấy, thế, vậy, này**) và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.

a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác thật lạ.

b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì , con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín.

c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều .

- GV yêu cầu HS đọc đoạn đầu của bài “Thanh âm của gió”.

- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng.

- GV nhận xét chung trò chơi.

Câu 3: Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.

a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm
e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân

dụng là "ta" và “nhà người, "các người".

Thái độ của người nói qua các từ này là kiêu ngạo, tự cao và áp đặt. Từ "ta" thể hiện sự tự phát và quyền lực của người nói, trong khi “nhà người”, "các người" thể hiện sự khinh thường và coi thường đối với người khác.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác **này** thật lạ.

b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì **thế**, con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín.

c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều **đó**.

- Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

-Nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, trình bày trước lớp.

a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm
e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân

<p>GV cho HS thảo luận nhóm đôi, phát phiếu nối trình bày trước lớp. -GV cho HS hiểu được các đại từ sử dụng nghi vấn</p>	<p>-HS nắm được mục đích sử dụng đại từ nghi vấn.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm: 1 nhóm đưa câu hỏi có từ chỉ đại từ nghi vấn 1 nhóm nêu mục đích sử dụng của câu hỏi nhóm đưa ra và đội Đố nào nêu và trả lời được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	

TOÁN

TUẦN 3:

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 6: CỘNG, TRỪ HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.
- Hiểu được cách tính cộng, trừ hai phân số khác mẫu số bằng cách quy đồng mẫu

số (lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số).

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

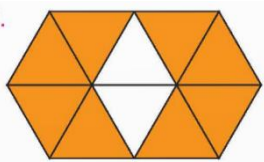
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

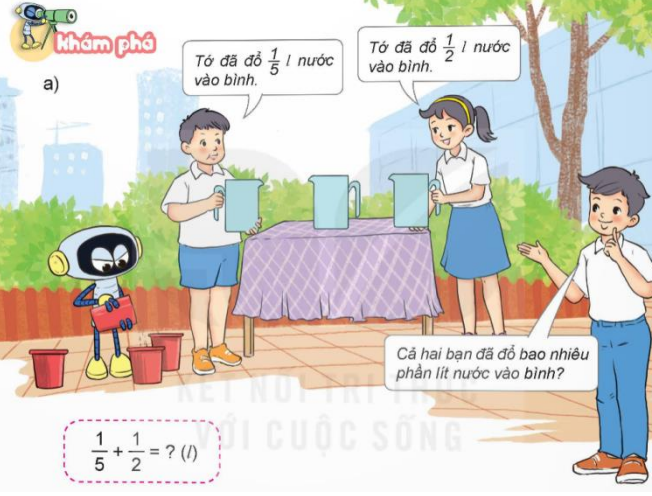
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?</p> $c) \frac{3}{10} \times \frac{5}{6} = \frac{15}{60} = \frac{1}{4} \quad ?$ <p>+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?</p> $\frac{15}{8} : \frac{3}{4} = \frac{60}{24} = \frac{5}{2} \quad ?$ <p>+ Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau:</p> $\frac{9}{5} \text{ và } \frac{21}{40}$ <p>Câu 4: Quan sát hình sau và ghi phân số chỉ phần đã tô màu cam:</p> 	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: Ba trăm hai mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi bảy</p> <p>+ Trả lời: Đ.</p> <p>+ Trả lời: Đ</p> <p>+ Trả lời: $\frac{9 \times 8}{5 \times 8} = \frac{72}{40}$ cùng mẫu $\frac{21}{40}$</p> <p>+ Trả lời: $\frac{8}{10}$</p>

<p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.</p> <p>+ Hiểu được cách tính cộng, trừ hai phân số khác mẫu số bằng cách quy đồng mẫu số (lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số).</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:</p>  <p>- Tình huống a:</p> <p>+ Viết đổ vào bình bao nhiêu lít nước?</p> <p>+ Mai đổ vào bình bao nhiêu lít nước?</p> <p>+ Cả hai bạn đổ vào bình bao nhiêu lít nước?</p> <p>- GV chốt: phép cộng $\frac{1}{5} + \frac{1}{2}$ là phép cộng 2 phân số khác mẫu số.</p> <p>- Để thực hiện được phép cộng trên ta làm thế nào?</p> <p>- GV cùng HS thực hiện cách quy đồng.</p> <p>- Khi đã quy đồng 2 mẫu số, ta thực hiện phép cộng 2 phân số như thế nào?</p>	<p>- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:</p> <p>+ Viết đổ vào bình $\frac{1}{5}$ lít nước.</p> <p>+ Mai đổ vào bình $\frac{1}{2}$ lít nước.</p> <p>+ Cả hai bạn đổ vào bình $\frac{1}{5} + \frac{1}{2}$ lít nước?</p> <p>- Ta phải quy đồng mẫu số của 2 phân số</p> <p>- 2 mẫu số 5 và 2 không chia hết cho nhau. Ta lấy lấy mẫu số chung : $5 \times 2 = 10$</p> $\frac{1}{5} = \frac{1 \times 2}{5 \times 2} = \frac{2}{10}; \frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}$ <p>- Ta cộng tử số với tử số, giữ nguyên mẫu số.</p>

	$\frac{1}{5} + \frac{1}{2} = \frac{2}{10} + \frac{5}{10} = \frac{7}{10}l$
<p>Tình huống b:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mai và Việt, ai đổ nước vào bình nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít nước? - Để thực hiện được phép trừ trên ta làm thế nào? - GV cùng HS thực hiện cách quy đồng. - Khi đã quy đồng 2 mẫu số, ta thực hiện phép cộng 2 phân số như thế nào? - GV nhận xét, chốt quy tắc: Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng mẫu số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bạn Mai đổ nhiều hơn bạn Việt, ta có phép trừ: $\frac{1}{2} - \frac{1}{5}$ - Ta phải quy đồng mẫu số của 2 phân số $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}; \frac{1}{5} = \frac{1 \times 2}{5 \times 2} = \frac{2}{10};$ - Ta trừ tử số với tử số, giữ nguyên mẫu số. $\frac{1}{2} - \frac{1}{5} = \frac{5}{10} - \frac{2}{10} = \frac{3}{10}l$ - 2-3 HS nhắc lại quy tắc
<p>2. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS thực hiện được quy đồng 2 phân số và thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân số đã quy đồng mẫu số. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Tính.</p> <p>a) $\frac{1}{7} + \frac{1}{9}$ $\frac{3}{11} + \frac{7}{12}$ $\frac{13}{5} + \frac{7}{6}$</p> <p>b) $\frac{1}{4} - \frac{1}{9}$ $\frac{2}{5} - \frac{1}{4}$ $\frac{11}{7} - \frac{5}{8}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện cộng, trừ các phân số trong bài tập 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm đôi: thực hiện cộng, trừ các phân số trong bài tập 1: <p>a) $\frac{1}{7} + \frac{1}{9}$</p> <p>- QĐ MS: $\frac{1}{7} = \frac{1 \times 9}{7 \times 9} = \frac{9}{63}; \frac{1}{9} = \frac{1 \times 7}{9 \times 7} = \frac{7}{63}$</p> <p>- Tính: $\frac{1}{7} + \frac{1}{9} = \frac{9}{63} + \frac{7}{63} = \frac{16}{63}$</p> <p>a) $\frac{3}{11} + \frac{7}{12}$</p>

<p>- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>- QĐ MS: $\frac{3}{11} = \frac{3 \times 12}{11 \times 12} = \frac{36}{132}; \frac{7}{12} = \frac{7 \times 11}{12 \times 11} = \frac{77}{132}$</p> <p>- Tính: $\frac{3}{11} + \frac{7}{12} = \frac{36}{132} + \frac{77}{132} = \frac{113}{132}$</p> <p>a) $\frac{13}{5} + \frac{7}{6}$</p> <p>- QĐ MS: $\frac{13}{5} = \frac{13 \times 6}{5 \times 6} = \frac{78}{30}; \frac{7}{6} = \frac{7 \times 5}{6 \times 5} = \frac{35}{30}$</p> <p>- Tính: $\frac{13}{5} + \frac{7}{6} = \frac{78}{30} + \frac{35}{30} = \frac{113}{30}$</p> <p>b) $\frac{1}{4} - \frac{1}{9}$</p> <p>- QĐ MS: $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 9}{4 \times 9} = \frac{9}{36}; \frac{1}{9} = \frac{1 \times 4}{9 \times 4} = \frac{4}{36}$</p> <p>- Tính: $\frac{1}{4} - \frac{1}{9} = \frac{9}{36} - \frac{4}{36} = \frac{5}{36}$</p> <p>b) $\frac{2}{5} - \frac{1}{4}$</p> <p>- QĐ MS: $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 4}{5 \times 4} = \frac{8}{20}; \frac{1}{4} = \frac{1 \times 5}{4 \times 5} = \frac{5}{20}$</p> <p>- Tính: $\frac{2}{5} - \frac{1}{4} = \frac{8}{20} - \frac{5}{20} = \frac{3}{20}$</p> <p>b) $\frac{11}{7} - \frac{5}{8}$</p> <p>- QĐ MS: $\frac{11}{7} = \frac{11 \times 8}{7 \times 8} = \frac{88}{56}; \frac{5}{8} = \frac{5 \times 7}{8 \times 7} = \frac{35}{56}$</p> <p>- Tính: $\frac{11}{7} - \frac{5}{8} = \frac{88}{56} - \frac{35}{56} = \frac{53}{56}$</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p>
<p>Bài 2. Có hai vòi nước cùng chảy vào một</p>	

<p>bể. Vòi thứ nhất chảy được $\frac{1}{2}$ bể. Vòi thứ hai chảy được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi cả hai vòi chảy được bao nhiêu phần của bể nước?</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV cùng HS tóm tắt bài toán.</p> <p>- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.</p> <p>- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi</p> <p>- HS tóm tắt bài toán:</p> <p>+ Vòi thứ nhất chảy: $\frac{1}{2}$ bể</p> <p>+ Vòi thứ hai chảy: $\frac{2}{5}$ bể</p> <p>+ Cả hai vòi chảy được: ? phần bể nước.</p> <p>- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Giải:</p> <p>Cả hai vòi chảy được số phần của bể nước là:</p> $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \frac{5}{10} + \frac{4}{10} = \frac{9}{10} \text{ (bể)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số $\frac{9}{10}$ bể</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>- Cách chơi: GV đưa cho HS một số loại hoa quả (quả ổi, cam,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV hô cô cần 1/5 quả ổi, cô cần 2/3 số táo,... tức thì các nhóm nhóm cắt ổi hoặc chặt táo sao cho đúng với số phần GV yêu cầu. Nhóm nào làm đúng được nhận loại trái cây đó. Nhóm sai trả lại trái cây cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.</p> <p>- GV tổ chức trò chơi.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe luật chơi.</p> <p>- Các nhóm tham gia chơi.</p>

- | | |
|--|---------------------------|
| - Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. | Các nhóm rút kinh nghiệm. |
|--|---------------------------|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

BÀI 1: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về những đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương đất nước.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thể hiện qua thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm hiểu về các nhân vật lịch sử có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.


* **GD Quốc phòng an ninh:** Biết những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới kết nối tiết 1 với tiết 2. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh xem video bài hát “Nhớ ơn Bác” (sáng tác của Phan Huỳnh Điểu). - GV cùng HS chia sẻ nội dung và cảm xúc về bài hát. + Ai yêu Bác Hồ nhất? + Ai yêu các cháu thiếu nhi? + Các cháu thiếu nhi đã làm gì để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem bài hát, hiểu nội dung và chia sẻ cảm xúc cùng giáo viên. + Các cháu nhi đồng. + Bác Hồ + Các bạn nhi đồng dâng hoa để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ.
<p>2. Hoạt động luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lý tình huống về lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài tập 1. Lựa chọn đúng, sai.</p> <p>Theo em, ai là người có công với quê hương, đất nước?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc chung cả lớp, đọc các thông tin dưới đây và lựa chọn.  <ul style="list-style-type: none"> a Người lính chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. b Mẹ Việt Nam Anh hùng. c Tất cả những người lao động. d Người sáng lập nên một nghề (ông tổ nghề). e Người lập nên một làng. g Tất cả các ca sĩ, diễn viên. h Nhà khoa học có nhiều cống hiến. i Tất cả những người giàu có, thành đạt. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt : <p><i>Không phải tất cả những người lao động đều có công với quê hương đất nước nếu công việc của họ không mang tính chất cống hiến.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc chung, cùng đọc thông tin và đưa ra lựa chọn đúng về ai là người có công với quê hương đất nước: + Người có công với quê hương đất nước là: a, b, d, e, h. + HS giải thích vì sao em chọn đáp án đó. - HS lắng nghe.

Bài tập 2: bày tỏ ý kiến

- GV tổ chức cho HS sinh hoạt nhóm, thảo luận và tranh biện đồng tình hay không đồng tình, vì sao với những tình huống tổng SGK:

a An: "Những người có công với quê hương, đất nước là người mang lại hoà bình cho chúng ta".
Đạt: "Những người có đóng góp trong mọi lĩnh vực đều là người có công với quê hương, đất nước".

b Tinh: "Đền ơn đáp nghĩa trách nhiệm của mọi công dân".
Thanh: "Việc đền ơn đáp nghĩa chỉ là trách nhiệm của Nhà nước và người lớn tuổi".

c Thực: "Phải quan tâm, chăm sóc những gia đình thương binh, liệt sĩ mới là biết ơn người có công với quê hương, đất nước".
Nghĩa: "Học tập chăm chỉ để trở thành người có ích cho xã hội cũng là biết ơn người có công với quê hương, đất nước".

d Bình: "Chúng ta cần biết ơn người có công với quê hương, đất nước là những người nổi tiếng".
Minh: "Chúng ta cần biết ơn cả những người có đóng góp thầm lặng trong cuộc sống hằng ngày cho quê hương, đất nước".

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS làm việc nhóm, cùng đọc tình huống và thảo luận rồi đưa ra ý kiến.

- Đại diện các nhóm báo cáo:

a. Đồng tình với Đạt, không đồng tình với An.

Vì những người có công với quê hương đất nước là cống hiến trên mọi lĩnh vực, mang lại mọi điều tốt đẹp cho mọi người.

b. Đồng tình với Tinh, không đồng tình với Thanh.

Vì: Đền ơn đáp nghĩa là việc làm đạo lí thể hiện lòng biết ơn nên đây là trách nhiệm của mọi người.

c. Đồng tình với Nghĩa, không đồng tình với Thực.

Vì: Khi học tập tốt, làm nhiều việc có ích cho xã hội thì mới thể hiện được lòng biết ơn với những người có công với quê hương đất nước.

d. Đồng tình với Minh, không đồng tình với Bình.

Vì: Những người có công với quê hương đất nước không chỉ là nổi tiếng mà họ có nhiều hi sinh thầm lặng nên chúng ta cũng phải biết ơn họ.

Bài tập 3; Lựa chọn hành vi.

- GV tổ chức cho HS sinh hoạt nhóm, thảo luận và lựa chọn hành vi đúng thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước.

a Chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

b Cố gắng học giỏi để sau này góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

c Tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí.

d Tìm hiểu, tuyên truyền về lịch sử quê hương.

e Viết về tấm gương người có công với quê hương, đất nước.

g Tham quan danh lam thắng cảnh của đất nước.

- HS làm việc nhóm, cùng đọc tình huống và thảo luận rồi đưa ra ý kiến.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Việc làm thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương, đất nước.

+ Hành vi a, b, d, e

+ Hành vi c, g là những hoạt động thoải mái nu cầu của bản thân mỗi người, không phải là hoạt động thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước.

<p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>(HS giải thích lí do theo hiểu biết của mình)</p>
<p>Bài tập 4: Nhận xét thái độ, hành vi.</p> <p>- GV tổ chức cho HS sinh hoạt nhóm, thảo luận và lựa chọn thái độ, hành vi của các bạn trong các trường hợp dưới đây:</p> <div style="background-color: #e0f2f7; padding: 5px; border-radius: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>a Giờ ra chơi, Thắng lấy bút để tô màu và vẽ thêm râu, tóc vào ảnh một danh nhân trong sách giáo khoa.</p> </div> <div style="background-color: #e0f2f7; padding: 5px; border-radius: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>b Vân rất thích tìm hiểu về lịch sử dân tộc, đặc biệt là đọc truyện về anh hùng đất Việt.</p> </div> <div style="background-color: #e0f2f7; padding: 5px; border-radius: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>c Thảo và các bạn cùng khu phố rủ nhau đến chia buồn và giúp đỡ gia đình người lính cứu hoả đã hi sinh trong khi làm nhiệm vụ. Phúc không đi vì cho rằng mình không quen người lính ấy.</p> </div> <div style="background-color: #e0f2f7; padding: 5px; border-radius: 10px;"> <p>d Nhà trường phát động cuộc thi "Tìm hiểu về những người có công với quê hương, đất nước". Kha không muốn tham gia vì sợ ảnh hưởng tới thời gian học.</p> </div> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS sinh hoạt nhóm, thảo luận và lựa chọn thái độ, hành vi của các bạn trong các trường hợp đó:</p> <p>a. Thắng làm thế là thiếu tôn trọng các danh nhân và công lao những người làm sách giáo khoa. Lời khuyên: Không nên vẽ vào hình ảnh danh nhân trong SGK để tỏ lòng tôn kính danh nhân và để tặng SGK cho các em lớp sau.</p> <p>b. Việc làm đúng. Lời khuyên: Chúng ta cần học tập bạn Vân.</p> <p>c. Thảo và các bạn đúng, Phúc không đúng. Lời khuyên: Phúc nên đi cùng các bạn.</p> <p>d. Kha không đúng Lời khuyên: Ngoài việc học, học sinh còn cần tham gia những hoạt động khác nữa.</p>
<p>4. Hoạt động vận dụng.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS trao đổi nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một bạn đưa ra một số tình huống để bạn tổng bàn giải quyết tình huống đó. + Nhóm nào đưa ra tình huống tốt và giải quyết hợp lý thì được tuyên dương. <p>* GD Quốc phòng an ninh:</p> <p>Nêu những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc? Em đã biết những tấm gương dũng cảm của tuổi trẻ Việt Nam trong xây</p>	<p>- Học sinh tham gia trao đổi theo hướng dẫn của giáo viên.</p> <p>- HS nêu</p>

<p>dựng và bảo vệ tổ quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết, tuyên dương. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại - Lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	

LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ
LỊCH SỬ
BÀI 13: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng....).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số loại đất, rừng chính.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về đất và rừng Việt Nam. Trình bày được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số đất, rừng chính.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giới thiệu được một số một số loại đất, rừng chính.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về đặc điểm về một số loại đất, rừng chính ở Việt Nam

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về đặc điểm một số loại đất, rừng chính
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. 	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS thi kể tên một số loại đất mà em biết</p> <p>- GV mời một số học sinh trình bày</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Vừa rồi các em đã kể tên được một số loại đất, vậy nước ta có mấy loại đất chính? Đất nước ta có đặc điểm và vai trò như thế nào?. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Thiên nhiên Việt Nam – Tiết 3”</p>	<p>- Cả lớp thi nhau kể: đất phù sa, đất đỏ ba dan, đất feralit,...</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh trình bày được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng...).</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá . Đất và rừng</p> <p>a, Đất</p> <p>- GV yêu cầu hs đọc thông tin, quan sát các hình 7, 8 ; thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Trình bày đặc điểm của các loại đất ở nước ta.</p> <p>+ Nêu vai trò của đất đối với sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>- Việt Nam có hai nhóm đất chính là nhóm đất phe-ra-lít (feralit) và nhóm đất phù sa.</p> <p>+ Nhóm đất phe-ra-lít phân bố ở vùng đồi núi, với đặc điểm chua và nghèo mùn, thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.</p> <p>+ Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, nhìn chung tơi xốp, màu mỡ, ận lợi trồng cây lương thực (đặc biệt là nước), rau đậu, cây ăn quả, ...</p> <p>i trò</p> <p>rong nông nghiệp: tài nguyên đất được ui thác để trồng các cây công nghiệp lâu n, cây dược liệu, cây lương thực, cây ăn i,...; phát triển chăn nuôi gia súc</p>
 <p>▲ Hình 7. Vườn vải thiều ở vùng đồi núi phía Bắc (Bắc Giang)</p>	 <p>▲ Hình 8. Cảnh đồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long (An Giang)</p>
<p>- GV mời HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>b, Rừng</p> <p>- Yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, trả lời câu hỏi:</p>	<p>Đặc điểm</p> <p>- Trên lãnh thổ Việt Nam, rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.</p>

<p>Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đặc điểm của rừng ở nước ta. - Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất. <div data-bbox="233 495 536 734"> </div> <div data-bbox="555 495 858 734"> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, diện tích rừng nước ta tăng lên do có nhiều rừng trồng mới, tuy nhiên một số khu rừng tự nhiên vẫn bị khai thác quá mức. <p>Vai trò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rừng có vai trò quan trọng: cung cấp gỗ và nhiều sản vật phục vụ cho sản xuất, đời sống của con người (thực phẩm, dược liệu,...); hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,...
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức về đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng...). - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động trò chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Tôi là ai? - Mục đích: Giúp học sinh nhớ được tên, một số đặc điểm liên quan đến các loại đất, rừng - Chuẩn bị: Hình ảnh đất, rừng hoặc câu hỏi liên quan - Cách chơi: Chơi cả lớp hoặc theo nhóm. Cho cả lớp nhìn hình ảnh hoặc đọc câu hỏi để tìm ra đây là loại đất, loại rừng gì? - Tác dụng của trò chơi này: Thể hiện được các đặc điểm của rừng, đất và các câu hỏi sau mỗi hình ảnh mà giáo án truyền thống không thể hiện được. Hơn nữa trên màn hình thể hiện rõ hình ảnh đẹp, dễ quan sát. - GV tổng kết trò chơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.

<p>- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.</p>	
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS chia sẻ về một loại đất, một loại rừng mà em biết.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video)</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p> <p>- Dẫn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh tham gia chia sẻ.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT
LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Có thêm ba nhóm đại từ: đại từ xưng hô, đại từ thay thế, đại từ nghi vấn.
- Hiểu được chức năng của chúng, biết cách sử dụng những đại từ cho phù hợp.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.



1. **Giáo viên:** Vở bài tập Tiếng Việt

2. **Học sinh:** Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- Trò chơi: Gv chiếu một số từ ngữ cho HS nhận biết từ ngữ nào là đại từ - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi nhận biết - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1: (trang 18 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Tìm các từ dùng để xưng hô trong mỗi đoạn văn ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 29). Nhận xét thái độ của người nói qua các từ đó.</p> <p>a. Các từ dùng để xưng hô:</p> <p>- Người bà xưng là:....., gọi Dũng là:</p> <p>- Cách xưng hô này thể hiện:</p> <p>b. Các từ dùng để xưng hô:</p> <p>- Chuột cống xưng là:, gọi cánh cam và các con vật khác là:</p> <p>- Cách xưng hô này thể hiện:</p> <p>- GV mời 2 HS đọc 2 đoạn trích.</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc nhóm</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm, xác định nội dung yêu cầu.</p> <p>- Các nhóm trình bày:</p> <p>a. Các từ dùng để xưng hô: cu, mẹ con, cháu, bà.</p> <p>- Người bà xưng là: bà, gọi Dũng là: cu, cháu</p> <p>- Cách xưng hô này thể hiện: bà yêu quý và gần gũi với cháu và mẹ, cách xưng hô giản dị đầy yêu thương và quan tâm.</p> <p>Các từ dùng để xưng hô: ta, nhà người, nô lệ, người.</p> <p>- Chuột cống xưng là: ta, gọi cánh cam và các con vật khác là: người, nhà người, nô lệ.</p> <p>- Cách xưng hô này thể hiện: sự kiêu ngạo, không tôn trọng người khác và cho</p>

<p>- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.</p> <p>Bài 2. (trang 19 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Chọn các đại từ thay thế thích hợp để điền vào chỗ trống và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.</p> <p>đó, thế, ấy, vậy, này</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn đầu của bài “Thanh âm của gió”. - GV cho HS chơi trò chơi thực hiện thi đua điền các từ vào chỗ trống</p> <p>- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng. - GV nhận xét chung trò chơi.</p> <p>Bài 3: (Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 trang 19) Gạch dưới 2 đại từ thay thế trong đoạn trích dưới đây. Có thể thay các đại từ đó bằng từ nào?</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4 - GV mời đại diện nhóm trả lời</p>	<p>mình ở thế thượng đẳng, hơn người.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS chơi</p> <p>a. Cô dạy mình động tác bơi éch. Động tác này thật lạ.</p> <p>b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì thế, con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín.</p> <p>c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều đó .</p> <p>- Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện nhóm trả lời</p> <p>Cách đây không lâu, lãnh đạo hội đồng một thành phố ở nước Anh đã quyết định phạt tiền các công chức nói hoặc viết tiếng Anh không đúng chuẩn. Theo quyết định này, mỗi lần mắc lỗi, công chức bị phạt 1 bảng. Ông Chủ tịch Hội đồng thành phố sẽ không kí bất cứ văn bản nào có lỗi ngữ pháp và chính tả. Đây là một biện pháp mạnh mẽ nhằm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Anh.</p> <p>- Đại từ “này” có thể thay bằng đại từ: ấy</p>
--	--

<p>- GV mời HS nhận xét - GV nhận xét</p>	<p>- Đại từ “Đây” có thể thay bằng đại từ: Đó - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe</p>
<p>Bài 4 : (trang 20 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Nói mỗi câu dưới đây với mục đích sử dụng tương ứng của đại từ nghi vấn trong câu.</p>  <p>GV cho HS thảo luận nhóm đôi, phát phiếu nói trình bày trước lớp.</p> <p>-GV cho HS hiểu được các đại từ sử dụng nghi vấn - GV nhận xét</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>-Nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, trình bày trước lớp.</p>  <p>-HS nắm được mục đích sử dụng đại từ nghi vấn.</p>
<p>Bài 5.(trang 20 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đặt câu hỏi với đại từ nghi vấn phù hợp cho các trường hợp sau: a. Hỏi để biết giá tiền một cuốn sách. b. Hỏi để biết tên một người. c. Hỏi để biết nơi ở của một người. d. Hỏi để biết bài tập về nhà mà cô giáo giao cho. - GV cho HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- GV mời HS nhận xét, bổ sung</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi - Các nhóm trình bày</p> <p>a. Cô ơi, cho cháu hỏi cuốn sách này bao nhiêu tiền ạ? b. Cậu tên là gì thế? c. Nhà của cậu ở đâu? d. Lan ơi, cô giáo giao những bài tập nào về nhà thế? - HS lắng nghe</p>

3.Hoạt động Vận dụng

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- + Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm:
- 1 nhóm đưa câu hỏi có từ chỉ đại từ nghi vấn
- 1 nhóm nêu mục đích sử dụng của câu hỏi nhóm đưa ra và đội nào nêu và trả lời được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.
- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 17 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo (Sáng tạo chi tiết, sáng tạo kết thúc, đóng vai kể chuyện)
- Biết quan tâm, giúp đỡ, thể hiện sự đồng cảm sẻ chia với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và bài văn làm tốt của học sinh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mở nhạc HS khởi động đầu tiết học.</p> <p>- HS nêu cảm nhận khi tham gia khởi động.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS nghe nhạc và tham gia khởi động cả lớp.</p> <p>- Hs nêu cảm nhận của mình.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo (Sáng tạo chi tiết, sáng tạo kết thúc, đóng vai kể chuyện)</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Giáo viên trả bài, nhận xét.</p> <p>- Gv nhận xét bài làm của học sinh. Nhận xét cụ thể một số lỗi các em hay mắc.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách sửa lỗi sau khi GV nhận xét.</p> <p>- Chọn 2 bài làm tốt nhất để học sinh</p>	<p>- Em lắng nghe thầy cô giáo nhận xét chung.</p> <p>- HS nghe</p> <p>-2 HS đọc cả lớp nghe.</p>

tham khảo. (2 HS đọc)	
<p>Bài 2: Chỉnh sửa bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tự đọc bài của mình và sửa lỗi theo GV nhận xét. - GV cho HS thảo luận theo nhóm trao đổi bài viết để đọc và và góp ý cho nhau. - GV bao quát lớp để hỗ trợ. - Nhận xét khen ngợi HS viết bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS thảo luận - Em tiến hành trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn dựa vào gợi ý.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: <p>1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo.</p> <p>2/ Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. 1/. Em ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo. - HS tìm đọc và chuẩn bị cho tiết sau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 6: Cộng, trừ hai phân số (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Luyện tập, củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.
- Biết cách cộng, trừ phân số với một số tự nhiên; áp dụng vào giải quyết các bài

toán thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

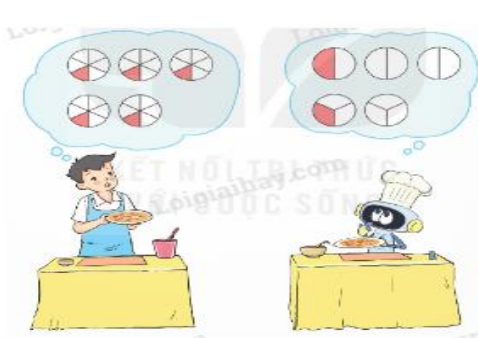
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Tính</p> $\frac{1}{7} + \frac{1}{9}$ <p>+ Câu 2: Tính</p> $\frac{11}{7} - \frac{5}{8}$ <p>+ Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau:</p> $\frac{1}{2} + \frac{2}{5}$ <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: $\frac{1}{7} + \frac{1}{9} = \frac{9}{63} + \frac{7}{63} = \frac{16}{63}$</p> <p>+ Trả lời:</p> $\frac{11}{7} - \frac{5}{8} = \frac{88}{56} - \frac{35}{56} = \frac{53}{56}$ <p>+ Trả lời: $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \frac{5}{10} + \frac{4}{10} = \frac{9}{10}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

<p>Luyện tập, củng cố phép cộng, phép trừ hai phân số khác mẫu số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Tính.</p> <p>a) $\frac{6}{11} + \frac{1}{2}$ $\frac{3}{10} + \frac{5}{21}$</p> <p>b) $\frac{11}{4} - \frac{7}{5}$ $\frac{20}{18} - \frac{2}{5}$</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1.</p> <p>- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p> <p>CC: Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số đã quy đồng mẫu số.</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1:</p> <p>a) $\frac{6}{11} + \frac{1}{2} = \frac{12}{22} + \frac{11}{22} = \frac{23}{22}$</p> <p>b) $\frac{3}{10} + \frac{5}{21} = \frac{63}{210} + \frac{50}{210} = \frac{113}{210}$</p> <p>c) $\frac{11}{4} - \frac{7}{5} = \frac{55}{20} - \frac{28}{20} = \frac{27}{20}$</p> <p>d) $\frac{20}{18} - \frac{2}{5} = \frac{100}{90} - \frac{36}{90} = \frac{64}{90}$</p> <p>Hoặc</p> <p>$\frac{20}{18} - \frac{2}{5} = \frac{10}{9} - \frac{2}{5} = \frac{50}{45} - \frac{18}{45} = \frac{32}{45}$</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p>
<p>Bài 2. Chọn dấu “+” dấu “-” thích hợp thay cho dấu “?”.</p> <p>$\frac{1}{20} ? \frac{2}{3} = \frac{43}{60}$</p> <p>$\frac{7}{11} ? \frac{5}{8} = \frac{1}{88}$</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét và tuyên dương cc: Có thể dùng dấu thử kết quả.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu cả lớp theo dõi</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi và chia sẻ trước lớp</p> <p style="text-align: center;">$\frac{1}{20} + \frac{2}{3} = \frac{43}{60}$ $\frac{7}{11} - \frac{5}{8} = \frac{1}{88}$</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>Bài 3: Tính</p> <p>$7 + \frac{1}{5}$ $\frac{14}{5} + 1$ $3 - \frac{11}{8}$ $\frac{31}{10} - 2$</p>	

<p>GV cho HS đọc yêu cầu rồi làm bài.</p> <p>-GV gọi HS lên bảng làm bài, HS khác làm bài vào vở rồi so sánh đối chiếu, chữa bài cùng bạn trên bảng</p> <p>- CC: Phép tính cộng, trừ phân số với một số tự nhiên.</p>	<p>- HS đọc trước lớp sau đó cả lớp làm vào vở.</p> <p>- 4 HS lên bảng làm, cả lớp cùng chữa bài. KQ</p> $7 + \frac{1}{5} = \frac{35}{5} + \frac{1}{5} = \frac{36}{5}$ $\frac{14}{5} + 1 = \frac{14}{5} + \frac{5}{5} = \frac{19}{5}$ $3 - \frac{11}{8} = \frac{24}{8} - \frac{11}{8} = \frac{13}{8}$ $\frac{31}{10} - 2 = \frac{31}{10} - \frac{20}{10} = \frac{11}{10}$
<p>Bài 4: Để chia đều 5 chiếc bánh cho 6 người, hai bạn Nam và Rô-bốt đã đề xuất cách làm như hình dưới đây (phần bánh của mỗi người thể hiện bằng các phần tô màu đỏ).</p> <p>a) Em hãy mô tả cách chia bánh của mỗi bạn.</p> <p>b) Em hãy giải thích vì sao với cách chia bánh của Rô-bốt thì mỗi bạn được $\frac{5}{6}$ cái bánh.</p>  <p>-GV cho HS đọc yêu cầu bài toán và nêu cách chia bánh của mỗi bạn.</p> <p>- Với mỗi cách chia đó GV yêu cầu HS viết phép tính mô tả số bánh mà mỗi bạn nhận được.</p>	<p>-2 HS đọc bài toán, cả lớp theo dõi và nêu cách chia bánh của mỗi bạn.</p> <p>- Làm bảng con: HS viết phép tính mô tả số bánh mà mỗi bạn nhận được.</p> <p>a) Bạn Nam chia mỗi chiếc bánh thành 6 phần bằng nhau. Mỗi người được nhận 1 phần trên mỗi chiếc bánh đó.</p> <p>Bạn Rô-bốt chia chiếc bánh thứ nhất thành 2 phần, chiếc bánh thứ hai thành</p>

<p>- GV hỏi HS về cách kiểm tra, so sánh số bánh của mỗi bạn với $\frac{5}{6}$ (cái bánh)</p>	<p>3 phần. Mỗi người được nhận 1 phần trên mỗi chiếc bánh đó. b) Ta có $\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{5}{6}$ Vậy với cách chia bánh của Rô-bốt thì mỗi bạn được $\frac{5}{6}$ cái bánh. -HS nêu cách kiểm tra</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>- Cách chơi: GV cử 3 HS lên cầm thẻ.(1 em cầm dấu phép tính, 2 em cầm chữ số) Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm 6 HS. GV cho 3 HS đồng thời giơ lên tạo thành phép tính thì các nhóm tìm trên tay mình kết quả nào phù hợp với phép tính của 3 bạn tạo thành sao cho đúng yêu cầu. Nhóm nào làm đúng , nhanh thì dành chiến thắng. Nhóm sai trả lại cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút.</p> <p>- GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. Ví dụ: HS1 $\frac{2}{3}$; HS 2: $\frac{3}{4}$ và HS 3: dấu + Kq dưới nhóm phải chọn đúng là: $\frac{17}{12}$</p> <p>- Các nhóm tham gia chơi. Các nhóm rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....



KHOA HỌC
BÀI 2: Ô NHIỄM XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (T3)

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất. Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất.

2. Năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tích cực và chủ động tìm hiểu ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giải quyết các vấn đề sáng tạo: Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

* **Giáo dục STEM:** : “Tờ rơi” tuyên truyền bảo vệ môi trường đất

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Video về bảo vệ môi trường đất (nếu có); các hình ảnh trong sách giáo khoa, thông tin Sưu tầm về một số việc làm để bảo vệ môi trường đất

- Học sinh: Tranh ảnh thông tin sưu tầm về một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- Giáo viên tổ chức cho học sinh múa hát bài <i>Chung tay bảo vệ môi trường</i> - Giáo viên nhận xét khen học sinh tham gia. - Giáo viên đưa nội dung bài hát để giới thiệu nội dung tiết học ghi bảng.	Học sinh múa hát theo giai điệu của bài hát. Học sinh nghe
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nêu được ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.. + Kể được việc làm để bảo vệ môi trường đất. + Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường thực hiện được việc làm giúp	

bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện.

- Cách tiến hành:

1. Bảo vệ môi trường đất.

1.1. Ý nghĩa của một số việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giáo viên gọi một học sinh đọc khung thông tin.
- Quan sát hình 7 thảo luận và cho biết ý nghĩa các hoạt động trong hình.
- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận



Hình 7

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm và chốt:

Để giảm lượng rác thải ra mỗi ra môi trường tăng lượng rác thải có thể tái chế và tuyên truyền để mọi người nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đất.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Cả lớp làm việc nhóm 4, quan sát hình 7 và thảo luận nêu ý nghĩa các hoạt động trong hình và báo cáo trước lớp:

Hình 7a: Phân loại để giảm lượng rác thải ra mỗi ra môi trường tăng lượng rác thải có thể tái chế.

Hình 7b: tuyên truyền vận động để nâng cao ý thức của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường đất.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

1.2. Kế được việc làm để bảo vệ môi trường đất.

- Giáo viên phát cho mỗi nhóm một số bông hoa bằng giấy yêu cầu học sinh viết các việc làm em đã bảo vệ môi trường đất vào các bông hoa rồi dán lên cây xanh được gắn trên bảng
- Giáo viên đọc nội dung được ghi trên một số bông hoa và yêu cầu học sinh cùng nhận xét.
- Giáo viên tuyên dương học sinh đã có những việc làm tốt để bảo vệ môi trường đất.

- Học sinh viết vào bông hoa rồi dán lên cây xanh trên bảng ví dụ: trên bông hoa giấy viết phân loại rác thải sử dụng sản phẩm tái chế.

Học sinh nghe và nhận xét các việc làm được ghi trên hoa giấy của các bạn.

Học sinh lắng nghe

1.3. Đề xuất được những việc làm để bảo vệ môi trường.

Giáo dục STEM: “Tờ rơi” tuyên truyền bảo

<p>+ Tiêu đề của tờ rơi là gì? + Tờ rơi có các nội dung chính nào? Các hoạt động bảo vệ môi trường đất mà em lựa chọn để vận động mọi người cùng thực hiện là gì? + Em chọn những hình ảnh nào để minh hoạ các thông tin của tờ rơi? + Thông tin dạng chữ và thông tin dạng hình được sắp xếp như thế nào trên mỗi mặt của tờ rơi? + Màu sắc chủ đạo của tờ rơi là màu gì? – GV cho HS làm việc theo nhóm 4 trong 20 phút, thảo luận nhóm các câu hỏi định hướng của GV và tiến hành phác thảo “tờ rơi” vào Phiếu học tập số 1. - GV mời đại diện nhóm trình bày - Mời HS nhận xét – GV cho HS lựa chọn vật liệu, dụng cụ</p> <p>– GV nhận xét kết quả hoạt động nhóm và góp ý cho ý tưởng thiết kế tờ rơi bảo vệ môi trường đất của các nhóm.</p> <p>c) Chế tạo sản phẩm, thử nghiệm và đánh giá –GV cho HS thực hành. - GV cho HS tự đánh giá</p> <p>d) Chia sẻ, thảo luận và điều chỉnh – GV cho các nhóm trưng bày sản phẩm</p> <p>– GV tuyên dương các nhóm có sản phẩm đạt đủ các tiêu chí; khích lệ các nhóm có kết quả còn hạn chế và cho các nhóm nêu các mong muốn cải tiến sản phẩm (nếu có). – GV cung cấp cho HS thêm thông tin về một số hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường đất mà trẻ em có thể thực hiện, một số biện pháp phòng chống ô nhiễm, xói mòn đất, trong đó có biện pháp xây dựng ruộng bậc thang</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4</p> <p>– Đại diện 2 nhóm HS báo cáo ý tưởng thiết kế “tờ rơi”.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>- HS dựa trên ý tưởng thiết kế, lựa chọn các vật liệu, dụng cụ đã chuẩn bị để làm một tờ rơi tuyên truyền bảo vệ môi trường đất.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Các nhóm phân công nhiệm vụ (điền vào bảng 1 – Phiếu học tập số 2) và cùng làm tờ rơi bảo vệ môi trường đất. HS tự đánh giá tờ rơi đã thiết kế dựa vào bảng 2 – Phiếu học tập số 2.</p> <p>- Các nhóm HS trưng bày sản phẩm và chia sẻ về sản phẩm tờ rơi của nhóm mình.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p>	

<p>- Mục tiêu: Nêu được một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh cùng tham gia bảo vệ môi trường đất.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2. Luyện tập</p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4 hoặc 6 học sinh, nêu một số việc làm để thực hiện và vận động những người xung quanh tham gia vào việc bảo vệ môi trường đất.</p> <p>-Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày kết quả các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>- Giáo viên chốt kiến thức: <i>Cần tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng tham gia.</i></p>	<p>- Học sinh tham gia thảo luận nhóm và cùng lựa chọn nội dung cách trình bày bảo vệ môi trường đất của nhóm mình.</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả với nhiều hình thức khác nhau như tranh vẽ, diễn kịch, biểu diễn thời trang tái chế, hát về hùng biện... về việc làm để thể hiện và vận động những người xung quanh tham gia vào việc bảo vệ môi trường đất.</p> <p>- Học sinh nghe và ghi nhớ.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Giáo viên tổ chức cho học sinh tổng kết bài học theo nội dung mục: Em đã học.</p> <p>-Giáo viên khuyến khích học sinh chia sẻ với mọi người xung quanh vì sao phải trồng cây gây rừng và phủ xanh rất trống đồi chập và vì sao phải thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình.</p> <p>Dặn dò: Học sinh hiểu nội dung Bài 3 hỗn hợp và dung dịch chuẩn bị đồ thí nghiệm cho tiết học.</p>	<p>- Đại diện học sinh đọc học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh nghe và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>Học sinh chuẩn bị trước khi đến lớp</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ

PHẦN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Hiểu và nhận thức được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: HS được khuyến khích tìm hiểu về vai trò các sáng chế được sử dụng trong gia đình và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có ý tưởng cải tiến sản phẩm phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS trả lời tương tác với giáo viên để lĩnh hội tri thức và biết phối hợp, làm việc với bạn để giải quyết các nhiệm vụ được giao trong tiết học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn các sáng chế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi: “<i>Ai nhanh, ai đúng</i>” để khởi động bài học.</p> <p>- Cách chơi: GV lần lượt đưa ra các câu hỏi để HS trả lời:</p> <p>+ Câu 1: Thân dài đầu nhọn có bi Nếu đè lên giấy chữ thì ra ngay (Là cái gì)</p>	<p>- HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi</p> <p>+ Câu 1: Bút bi</p>

<p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Hoạt động luyện tập 1.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc yêu cầu phần hoạt động luyện tập</p> <p>Hỏi: Ngoài những sáng chế ở hình 1 các em còn biết những sáng chế nào khác và vai trò của sáng chế đó đối với đời sống con người?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>Hoạt động khám phá 2.</p> <p>- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Trong hình 2 nhắc đến sáng chế nào?</p> <p>+ Sáng chế đã làm công nghệ thay đổi và phát triển như thế nào?</p> <p>GV nhận xét, tuyên dương</p> <p><i>Chốt: Nhờ sáng chế các sản phẩm công nghệ được cải tiến ngày càng hiện đại hơn, mang lại nhiều tiện ích hơn cho con người.</i></p> <p>Hoạt động luyện tập 2.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc yêu cầu phần hoạt động luyện tập và thảo luận nhóm đôi</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét</p> <p>GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>Kết luận: Ghi nhớ (SGK trang 10)</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS trả lời nối tiếp. Ví dụ: Máy bay giúp con người di chuyển nhanh hơn,...</p> <p>+ Bút chì, giấy</p> <p>+ HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- HS đọc và thảo luận nhóm đôi</p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>- Nhận xét, bổ sung</p> <p>- HS đọc</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>+ Trò chơi kể tên các sáng chế trong thực tế cuộc sống</p> <p>+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.</p> <p>+ Mỗi lần đưa ra đáp án đúng sẽ được</p>	<p>+ Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.</p> <p>+ HS tham gia trò chơi</p>

nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

MĨ THUẬT
BÀI 2: CÁNH DIỀU TUỔI THƠ (TIẾT 1)
(2 Tiết)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

- Biết quan sát các hình ảnh thường gặp trong hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.

- Cảm nhận được vẻ đẹp, giá trị văn hoá, biết trân trọng bảo vệ giữ gìn nét đẹp văn hoá của dân tộc.

- Lựa chọn được hình ảnh ấn tượng, điển hình nhất đưa vào thể hiện sản phẩm.

- Thực hiện được bài thực hành về thế giới tuổi thơ, cụ thể là hoạt động ngày hè và thực hiện được một sản phẩm điều với chất liệu tự chọn.

- Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của bức tranh, sản phẩm điều và nêu được những công dụng của SPMT trong đời sống hằng ngày, đưa ra hướng phát triển mở rộng thêm SPMT bằng nhiều chất liệu.

- Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

1. Mục tiêu bài học

- Nhận biết được đặc điểm tạo hình sản phẩm điều.

- Sử dụng được ngôn ngữ màu sắc, đường nét,... để tạo hình và trang trí điều.

- Chia sẻ và đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn.

- Có ý thức sáng tạo và giữ gìn đồ chơi.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.

PC2: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

PC3: Trách nhiệm: Sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu trong thực hành, sáng tạo.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

***Năng lực chung**

NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.

NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.

NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

***Năng lực đặc thù**

NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát các SPMT và chỉ ra công dụng của sản phẩm, vật liệu và hình thức thực hiện.

NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Sáng tạo được một SPMT về đề tài cánh điều tuối thơ. Biết cách làm điều và chơi điều an toàn.

NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết trưng bày, chia sẻ cảm nhận về SPMT.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Máy chiếu, ti vi, máy tính,... (nếu dạy trình chiếu). KHBD, SGK.

Hình minh hoạ về sản phẩm điều; tranh minh hoạ các bước thực hiện,...

Giấy vẽ, bút chì, bút lông, màu vẽ,...

2. Học sinh

SGK, VBT (nếu có).

Giấy vẽ, bút chì, bút lông, màu vẽ,...

Giấy màu/ ni lông, que tre/ nhựa, keo dán,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức</p> <p>Khởi động: Vận động theo nhạc bài hát Quê hương</p> <p>– GV đưa ra yêu cầu: Em hãy quan sát bài hát sau qua video và trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Đoạn phim có nội dung gì?</p> <p>+ Hình ảnh lặp đi, lặp lại trong đoạn phim là gì?</p> <p>+ Màu sắc, hình dáng của cánh điều trong đoạn phim như thế nào?</p> <p>+ câu hát nào nhắc đến điều?</p>	<p>HS quan sát video.</p> <p>HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý của GV.</p>

– GV chiếu đoạn video có hình ảnh cánh diều và bài hát Quê hương – nhạc sĩ Đỗ Trung Quân.

→ Giới thiệu vào bài mới: Bài 2: cánh diều tuổi thơ. (tiết 1)

Nhiệm vụ:

GV hướng dẫn cho HS quan sát và nhận thức những SPMT về hình ảnh cánh diều trang 11 trong SGK.

Gợi ý cách thức tổ chức:

– GV tạo cơ hội cho HS nhận biết được vẻ đẹp của cánh diều qua các yếu tố tạo hình trong SPMT.

– câu hỏi gợi ý:

Em hãy quan sát và mô tả đặc điểm của các loại diều về:

+ Hình dáng, màu sắc, vật liệu.

+ Hình thức trang trí.

HS cần nhớ: Thả diều là một trò chơi dân gian không chỉ mang lại niềm vui cho người chơi mà còn góp phần truyền tải những giá trị văn hoá, kỹ năng thủ công và tinh thần tương tác...

Hoạt động 2. Luyện tập và sáng tạo

Nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS thực hiện SPMT.

Thực hiện sản phẩm tạo hình một loại diều mà em yêu thích.

Gợi ý cách thức tổ chức:

GV yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ các bước trong SGK trang 12.

Sau đó, GV cho HS chơi trò chơi: Nghệ nhân tài ba. GV yêu cầu: HS cắt SGK, GV đưa cho mỗi nhóm một số hình ảnh các bước thực hiện sản phẩm tạo hình diều được sắp xếp lộn xộn. Đội sắp xếp nhanh và đúng nhất thì thắng cuộc.

Gợi ý các bước thực hiện:

– HS trả lời:

“Quê hương là con diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng”.

HS thảo luận nhóm.

Đại diện các nhóm HS trả lời.

– Lưu ý để ghi nhớ.

– HS thảo luận, sắm vai nghệ nhân làm diều và sắp xếp lại các bước thực hiện.

Bước 1: Tìm ý tưởng, tạo khung hình.

Bước 2: căn ni lông tạo áo cho điều.

Bước 3: Trang trí và tạo hình đuôi điều.

Bước 4: Vẽ chi tiết và hoàn thành sản phẩm.

– câu hỏi gợi ý:

+ Nhóm em chọn ý tưởng như thế nào? Điều hình dạng gì?

+ Nhóm em chọn chất liệu nào thực hiện?

+ Nhóm em phân công các thành viên như thế nào?

– Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS thực hiện sản phẩm tạo hình một loại điều mà em yêu thích.

– GV quan sát HS thực hành, tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.

Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá

Nhiệm vụ:

HS trưng bày sản phẩm điều và nêu cảm nhận của em về sản phẩm của bạn theo gợi ý của GV.

Gợi ý cách thức tổ chức:

– GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ SPMT. Nêu nhận xét của em về SPMT của bạn.

– câu hỏi gợi ý:

+ chất liệu thực hiện SPMT?

+ Trình bày cách thức sử dụng màu sắc, đường nét, tạo hình và trang trí cánh điều.

+ Em hãy chia sẻ về cách làm, kỹ thuật thực hiện SPMT của mình.

– GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS.

Hoạt động 4. Vận dụng

Nhiệm vụ:

GV tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về làng điều truyền thống Bá Dương Nội, xã Hồng Hà,

– HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận.

– HS thảo luận nhóm, phân công công việc theo nhóm và thực hành theo sự sáng tạo của mình. Ở tiết 1 chỉ thực hiện bước 1 và 2.

HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận.

<p>huyện Đan Phượng, Hà Nội. Gợi ý cách thức tổ chức: GV chiếu ảnh chụp làng nghề làm điều trong SGK trang 13. GV yêu cầu HS đọc đoạn văn giới thiệu làng nghề trong SGK trang 13: Bá Dương nội là làng làm điều sáo truyền thống với các loại cánh đặc trưng: điều cánh muôn, điều cánh bầu, điều cánh mộc, điều cánh chanh, điều cánh tiên,...</p> <p>Hàng năm lễ hội thi thả điều truyền thống của làng được tổ chức vào rằm tháng ba âm lịch. Trong lễ hội, độ cao, độ cứng của điều và độ vang ngân từ sáo điều sẽ là tiêu chí để chấm giải.</p> <p>– câu hỏi gợi ý: + Làng nghề làm điều Bá Dương Nội ở đâu? + Em hãy kể tên các loại cánh điều đặc trưng? + Lễ hội thả điều của làng thường được diễn ra trong thời gian nào? + Người ta căn cứ vào yếu tố nào để làm tiêu chí chấm điều? – GV cũng cố lại kiến thức.</p> <p>Củng cố, dặn dò Củng cố: Nhắc lại các bước thực hiện một SPMT. Dặn dò: Giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.</p>	<p>– HS trả lời theo gợi ý của GV.</p> <p>– HS chia nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>– HS quan sát, lắng nghe và trả lời.</p> <p>– HS chuẩn bị cho bài học sau.</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề:

EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Nhận diện về sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, sản phẩm thu thập

được.

Khám phá về sự thay đổi của bản thân.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện được:

– Nhận diện được về sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, sản phẩm thu thập được.

– Khám phá sự thay đổi bản thân về cả ngoại hình và khả năng.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

– Thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về bản thân và môi trường sống thông qua hoạt động thu gom, sắp xếp các tư liệu để nhận biết sự thay đổi của bản thân;

– Thiết kế và tổ chức hoạt động: HS rèn luyện kỹ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động để phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động thông qua việc tham gia các hoạt động giáo dục của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt của bạn bè

– Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với bản thân hơn thông qua hoạt động nhận diện sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ; có trách nhiệm với nhà trường và xã hội thông qua việc tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
a) Mục tiêu – Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.	
b) Cách tiến hành	
– GV tổ chức trò chơi: “Khi còn bé, tôi đã từng...”	– HS nghe GV hướng dẫn sau đó tham gia trò chơi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Cách tiến hành: GV chuẩn bị nền nhạc sôi động, và 1 quả bóng. GV bật nhạc, HS tung bóng tự do. Bóng đến tay bạn nào thì bạn đó chia sẻ một việc làm, hành động, suy nghĩ, ước mơ,... của mình khi còn nhỏ theo mẫu câu “Khi còn bé, tôi đã từng...”. GV có thể đề nghị HS chia sẻ những việc làm đáng yêu, ngộ nghĩnh và có thể gây cười để không khí lớp vui vẻ.</p>	
<p>– GV phỏng vấn HS sau khi chơi: Bây giờ, con có còn thực hiện việc làm / lời nói / suy nghĩ / mơ ước / ... như khi còn bé nữa không? Vì sao?</p>	<p>– Nhiều HS trả lời.</p>
<p>– GV dẫn dắt vào chủ đề: Mỗi chúng ta đều sẽ lớn lên về cả thể chất, tinh thần, khả năng. Trong tiết trải nghiệm hôm nay, chúng ta cùng nhau nhìn lại quá trình lớn lên, thay đổi của bản thân.</p>	
<p>Hoạt động 5. Nhận diện về sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, sản phẩm thu thập được</p>	
<p>a) Mục tiêu HS sắp xếp được tư liệu, sản phẩm thu thập được và giới thiệu được sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tư liệu sản phẩm.</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p>	
<p>– GV giới thiệu hoạt động: <i>Trong tuần vừa qua, chúng ta đã cùng thu thập tư liệu, sản phẩm thu thập được các tư liệu, sản phẩm về bản thân mình. Sau đây, các em hãy tự mình kiểm đếm và sắp xếp những gì mình thu thập được để nhận diện quá trình lớn lên của bản thân.</i></p>	
<p>– GV đề nghị HS quan sát hình bạn nhỏ trong sách giáo khoa và hỏi: + Bạn nhỏ đang sắp xếp tư liệu, sản phẩm theo cách nào?</p>	<p>– HS quan sát hình và trả lời: Bạn nhỏ đang sắp xếp tư liệu, sản phẩm của bản thân theo độ tuổi.</p>
<p>+ Các độ tuổi mà bạn nhỏ sắp xếp là gì?</p>	<p>+ Bạn nhỏ sắp xếp theo 4 tuổi, 6 tuổi, 8</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																																										
<p>+ Theo em, vì sao bạn nhỏ ko sắp xếp các độ tuổi khác</p>	<p>tuổi, 10 tuổi. - HS đưa ra dự đoán. Ví dụ: Vì bạn nhỏ không có tư liệu, sản phẩm ở những độ tuổi khác; Vì bạn nhỏ muốn thể hiện sự thay đổi cách đều năm,...</p>																																										
<p>+ Chúng ta có thể sắp xếp theo các cách nào khác ngoài cách theo độ tuổi.</p>	<p>– Nhiều HS nêu ý kiến. Ví dụ: + Sắp xếp tư liệu, sản phẩm theo lớp + Sắp xếp tư liệu, sản phẩm theo loại + Sắp xếp tư liệu, sản phẩm theo chủ đề (năng khiếu của em, thành tích của em, kỉ niệm của em,...) + ...</p>																																										
<p>– GV đề nghị học sinh tự lựa chọn cách sắp xếp tư liệu, sản phẩm theo ý tưởng của bản thân. GV có thể hỗ trợ các HS chưa tìm được cách sắp xếp bằng cách đề nghị các em sắp xếp theo phiếu học tập sau.</p>	<p>– HS chủ động lựa chọn cách sắp xếp tư liệu, sản phẩm. – HS tham khảo phiếu của GV để sắp xếp (nếu cần)</p>																																										
<p>– GV phát cho HS phiếu sắp xếp tư liệu, đề nghị HS làm việc cá nhân với tư liệu của bản thân để hoàn thành phiếu. Chú ý, phiếu dưới đây là gợi ý, HS có thể tự điền độ tuổi theo mong muốn cá nhân, miễn là thấy được quá trình thay đổi của bản thân</p>	<div data-bbox="852 1070 1369 1321" style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p style="text-align: center;">PHIẾU TỔNG HỢP TƯ LIỆU, SẢN PHẨM CÁ NHÂN</p> <p style="text-align: center;">Họ và tên:</p> <p>Đánh dấu vào cột độ tuổi thể hiện em có loại tư liệu đó.</p> <p>Viết thêm các tư liệu khác của em và đánh dấu độ tuổi mà tư liệu đó thể hiện.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%;">Độ tuổi</th> <th style="width: 10%;">Dưới 6 tuổi</th> <th style="width: 10%;">Lớp 1</th> <th style="width: 10%;">Lớp 2</th> <th style="width: 10%;">Lớp 3</th> <th style="width: 10%;">Lớp 4</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Loại tư liệu, sản phẩm</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Ảnh</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Clip</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số sức khỏe</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Giấy khen</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> </div>	Độ tuổi	Dưới 6 tuổi	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Loại tư liệu, sản phẩm						Ảnh						Clip						Số sức khỏe						Giấy khen											
Độ tuổi	Dưới 6 tuổi	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4																																						
Loại tư liệu, sản phẩm																																											
Ảnh																																											
Clip																																											
Số sức khỏe																																											
Giấy khen																																											
<p>– GV tổ chức cho HS giới thiệu những thay đổi của bản thân thông qua tư liệu em thu thập trong nhóm được theo các nội dung: + Những tư liệu, sản phẩm em thu thập được. + Quá trình lớn lên của em thể hiện qua các tư liệu.</p>	<p>– HS giới thiệu những thay đổi của bản thân thông qua tư liệu em thu thập được trong nhóm của mình. Lần lượt các bạn chia sẻ, các bạn khác cùng nhóm có thể hỏi thêm. Ví dụ: Minh đã thu thập được rất nhiều ảnh của bản thân. Đây là ảnh lúc 4 tháng tuổi, biết lẫy. Đây là ảnh lúc 1 tuổi, biết đi. Đây là ảnh lúc 3 tuổi, 4 bắt đầu đi nhà trẻ. Đây là ảnh lúc 4 vào lớp 1, 4 cao hơn các bạn đấy...</p>																																										
<p>– GV tổ chức cho HS báo cáo trước lớp, sau đó hỏi:</p>	<p>– HS giới thiệu trước lớp. Đồng thời, trả lời câu hỏi của GV. Ví dụ: Em tặng chiều</p>																																										

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>– Em thấy mình đã thay đổi như thế nào từ lúc sinh ra đến giờ?</p>	<p>cao, cân nặng, biết và thực hiện được nhiều hoạt động hơn, khả năng đi, đứng, chạy, nhảy, ca hát, học tập, vui chơi, giao tiếp,... của em cũng lớn dần lên theo độ tuổi.</p>
<p>– GV nhận xét chung về các tư liệu, sản phẩm mà HS thu thập được, sau đó kết nối sang hoạt động 6: <i>Chúng ta đã nhận ra chúng ta có nhiều thay đổi từ lúc sinh ra đến bây giờ, sự thay đổi đó cụ thể là những thay đổi gì, chúng ta cùng khám phá.</i></p>	
<p>Hoạt động 6. Khám phá về sự thay đổi của bản thân</p>	
<p><i>a) Mục tiêu</i> HS nhận biết và chia sẻ được sự thay đổi của bản thân về thể chất, khả năng từ trước đến thời điểm hiện tại.</p>	
<p><i>b) Cách tiến hành</i></p>	
<p><i>* Tổ chức cho HS nhận biết về sự thay đổi của bản thân</i></p>	
<p>– GV mời HS đọc nhiệm vụ 1 trang 12, SGK Hoạt động trải nghiệm 5.</p>	<p>– HS nêu: + Nhớ lại cân nặng, chiều cao của em khi học lớp 4 (có thể xem trong sổ sức khỏe); + So sánh và chia sẻ sự thay đổi về cân nặng, chiều cao của em trong một năm qua.</p>
<p>– GV trao đổi để làm rõ nhiệm vụ: + <i>Nhiệm vụ yêu cầu chúng ta làm gì?</i></p> <p>+ <i>Những bạn nào đã thu thập được sổ sức khỏe của mình?</i> GV hỗ trợ những HS không thu thập được sổ sức khỏe bằng cách cho các em bản phô tô sổ sức khỏe của các em ở phòng y tế của trường.</p>	<p>– HS trả lời theo suy nghĩ. Ví dụ: Nhớ lại cân nặng, chiều cao của em khi học lớp 4, so sánh và chia sẻ sự thay đổi chiều cao, cân nặng của em trong một năm qua) –HS có thể giơ tay để xác nhận mình có thu thập được sổ sức khỏe, hoặc không.</p>
<p>– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, chia sẻ</p>	<p>– HS làm việc theo nhóm, nhóm chia sẻ</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>trong nhóm theo các nội dung gợi ý như (GV chiếu Slide các câu hỏi gợi ý):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cân nặng và chiều cao của em ở lớp 4 + Cân nặng và chiều cao của em khi vào lớp 5 + Nhận xét về chiều cao cân, nặng của em sau 1 năm + Em dự định rèn luyện như thế nào để vóc dáng bản thân phát triển tốt hơn (ăn uống, tập luyện để tăng cân / giảm cân / tăng chiều cao /...) + Ngoài chiều cao, cân nặng, hình dáng bên ngoài của em trong năm vừa qua còn có điều gì thay đổi? (tóc dài hơn / em đã dậy thì/...) 	<p>với nhau về sự thay đổi của mình và những dự định rèn luyện.</p>
<p>– GV mời HS chia sẻ theo tinh thần xung phong.</p>	<p>– Cá nhân HS chia sẻ trước lớp.</p>
<p>– GV tổng kết: Hằng ngày, chúng ta cần ăn uống đủ chất, vệ sinh sạch sẽ, tập thể dục đều đặn để đảm bảo thể chất của chúng ta phát triển tốt, mạnh khỏe, như vậy mới có thể học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động xã hội thoải mái và thành công.</p>	
<p><i>* Tổ chức hoạt động chia sẻ sự thay đổi về khả năng của em ở thời điểm hiện tại so với trước kia</i></p>	
<p>– GV mời HS đọc nhiệm vụ 2, SGK Hoạt động trải nghiệm 5, trang 12.</p>	<p>– HS nêu: Chia sẻ sự thay đổi về khả năng của em ở thời điểm hiện tại so với trước kia.</p>
<p>– GV cho HS quan sát tranh, đề nghị HS đọc nội dung chia sẻ của nhân vật, sau đó trao đổi để làm rõ nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Khả năng mà bạn nam chia sẻ là gì? Khả năng của bạn thay đổi như thế nào?</i> + <i>Bạn nữ chia sẻ về khả năng của bạn ấy như thế nào?</i> 	<p>– HS thực hiện yêu cầu và trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạn nam chia sẻ về khả năng nói tiếng Anh. Năm ngoái, bạn ngại nói tiếng Anh nhưng năm nay đã có thể giao tiếp tốt bằng tiếng Anh. + Bạn nữ chia sẻ năm ngoái bạn chỉ bơi được 1 vòng nhưng năm nay đã bơi được 3 vòng quanh bể.
<p>– GV định hướng: Mỗi chúng ta có nhiều khả năng khác nhau, ví dụ như cô có thể</p>	<p>– HS làm việc cá nhân, viết các khả năng vào bông hoa của mình.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>hát, hùng biện, viết chữ đẹp, kể chuyện cho các em. Sau đây, hãy suy nghĩ về các khả năng của em và viết tên khả năng đó vào bông hoa của em. (GV phát cho mỗi HS 1 bông hoa được cắt từ khổ giấy A4)</p>	
<p>– GV đề nghị HS hoạt động nhóm, chia sẻ với các bạn trong nhóm về sự thay đổi khả năng của em ở thời điểm hiện tại so với trước kia sau đó chia sẻ trước lớp. GV lưu ý, có những khả năng sẽ phát triển tốt nhưng cũng có những khả năng mà HS không phát triển nữa, ở hoạt động này, HS nói về sự thay đổi là cơ bản, tránh tình trạng yêu cầu các em chia sẻ mọi thứ đều tốt.</p>	<p>– HS thực hiện chia sẻ sự thay đổi khả năng của mình trong nhóm và trước lớp. HS có thể lí giải thêm về sự thay đổi đó của bản thân.</p>
<p>– GV động viên học sinh cả lớp để những em có khả năng liên quan đến việc trình diễn có thể thể hiện cho các bạn cùng xem, ví dụ như khả năng ca hát, múa, nhảy, võ, kể chuyện, tấu hài, làm thơ, tổ chức trò chơi,...</p> <p>– GV tổng kết hoạt động, động viên các em học tập, rèn luyện hằng ngày để cơ thể phát triển tốt, thêm nhiều khả năng phát triển tốt sẽ giúp các em tự tin và thành công hơn.</p>	<p>– HS biểu diễn khả năng trước lớp.</p>
<p>4. Tổng kết tiết trải nghiệm</p>	
<p>– GV khen ngợi những học sinh hoạt động tốt, động viên những học sinh chưa tích cực lần sau tích cực hơn.</p>	<p>- HS theo dõi.</p>
<p>HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP</p>	
<p>GV đề nghị học sinh về nhà tiếp tục thu thập sản phẩm, tư liệu về bản thân (hình ảnh, sổ sức khoẻ, giấy khen, video clip,...), chuẩn bị đồ dùng để làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân theo hướng dẫn ở hoạt động 7.</p>	<p>- HS lắng nghe để chuẩn bị cho tiết trải nghiệm sau.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT TRẢI NGHIỆM: </p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p>

Thứ tư ngày 18 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Bài 6: NGÔI SAO SÂN CỎ

Tiết 1 +2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ âu chuyện *Ngôi sao sân cỏ*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong một tập thể, mỗi cá nhân đều cần biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý mọi người, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **GD Quyền con người:** Quyền được vui chơi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, ảnh tư liệu trong câu chuyện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	

<p>1.1. Ôn bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho 2 HS nêu tên bài đọc trước và tên các nhân vật trong bài đọc, nói về điều em thích nhất trong bài đọc đó. 	<p>HS thực hiện theo yêu cầu của GV</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>1.2. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chơi trò chơi: Kể nhanh tên các môn thể thao cá nhân và các môn thể thao đồng đội. Cách chơi: Chia lớp thành 2 nhóm, nhóm nào kể được nhiều tên hơn nhóm đó chiến thắng. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 Nhóm tham gia trò chơi - Tên các môn thể thao cá nhân: Bơi lội, Chạy bộ, Đua xe đạp, Leo núi - Tên các môn thể thao đồng đội: Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền, Bóng bầu dục, Quần vợt đôi, Bóng chày, Cầu lông đôi, Bóng ném - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ âu chuyện <i>Ngôi sao sân cỏ</i>. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật. - GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: Từ đầu đến ghi liền hai bàn + Đoạn 2: Tiếp theo đến nóng bừng mặt + Đoạn 3: Phần còn lại - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: (<i>lăn xả, xô lên, lạng lẽ, làu làu, nóng bừng...</i>) - GV hướng dẫn luyện đọc những câu dài: (Chiều đoạn 1 hướng dẫn đọc) <ul style="list-style-type: none"> + Nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C/ vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó.

<p>+ Tôi ngẩn ra giây lát/ rồi tức tốc chạy theo Vĩnh,/ cứ như vừa đón được một đường bóng/ đồng đội chuyền đến cho tôi.</p> <p>-GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn hoàn thành câu chuyện.</p> <p>- HS đọc cá nhân</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>-Đọc nhẩm toàn bài 1 lượt</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.</p> <p>+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong một tập thể, mỗi cá nhân đều cần biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có)</p> <p>Vòng cấm địa</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài:</p> <p>- GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Tìm các thông tin về câu chuyện theo gợi ý: Thời gian, Địa điểm, Các nhân vật, Nhân vật chính</p> <p>+ Câu 2: Việt được giới thiệu như thế nào ở đầu câu chuyện?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Thời gian: sáng nay</p> <p>- Địa điểm: trường học</p> <p>- Các nhân vật: Việt, Mạnh, Chiến, Vĩnh, Long và đội hình lớp C.</p> <p>- Nhân vật chính: Việt</p> <p>+ Việt được giới thiệu là một cầu thủ xuất sắc được công nhận bởi bạn bè khu phố. Việt chờ đợi để có cơ hội ra mắt "giới hâm</p>

<p>+ Câu 3: Ở đâu trận bóng, hành động của Mạnh và Việt khác nhau ra sao? Những hành động đó cho biết điều gì về hai bạn?</p> <p>+ Câu 4: Vì sao Việt không đá hiệp hai nữa? Theo em, Việt đã nhận ra được điều gì khi xem hiệp đấu thứ hai không có mình?</p> <p>Câu 5: Em hiểu như thế nào về câu cuối cùng trong bài đọc?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương. - GV yêu cầu HS nêu ND bài học. - GV nhận xét, chốt ND:</p> <p><i>Trong một tập thể, mỗi cá nhân đều cần biết phối hợp hài hoà với những người còn lại, không thể chỉ nghĩ đến việc toả sáng cho riêng mình.</i></p>	<p>mộ bóng đá trường nhà" trong trận đấu với lớp 5C.</p> <p>+ Ở đâu trận bóng, hành động của Mạnh là cướp bóng và chuyền cho Việt dẫn xuống vòng cấm địa. Trong khi đó, Việt vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C vì không muốn cho ai cơ hội ghi bàn mặc cho việc thủ môn đã lao lên bắt bóng.</p> <p>Hành động này cho thấy Mạnh chơi đồng đội và hợp tác, trong khi Việt có phần ích kỷ và muốn ghi bàn mặc cho cơ hội của đồng đội.</p> <p>+ Việt không đá hiệp hai nữa vì Việt giận dữ và nghĩ rằng không có mình sẽ không ai làm được gì khi bị đồng đội nhắc nhở đừng ích kỉ.</p> <p>Việt nhận ra rằng việc khi không có mình, đồng đội chơi rất tốt, tự ý giữ bóng không phải lúc nào cũng tốt cho đội bóng và quan trọng hơn là đồng đội cần được tôn trọng và hợp tác.</p> <p>Đoạn cuối cùng của bài đọc miêu tả cảm xúc và hành động của nhân vật chính, Việt. Sau khi thấy đồng đội ghi bàn và nhận được sự khích lệ từ đội hình, Việt ngẩng ra giây lát rồi tức tốc chạy theo Vĩnh, như thể vừa nhận được một đường bóng đồng đội. Đoạn này có thể thể hiện sự nhận thức và sự nhận ra của Việt về tầm quan trọng của việc hợp tác và hỗ trợ đồng đội, cũng như sự hài lòng và sự hào hứng khi đội bóng của mình ghi bàn.</p> <p>- 2-3 HS nêu theo hiểu biết của mình.</p> <p>-3-4 HS đọc lại ND bài.</p> <p>- Nghe GV hướng dẫn đọc diễn cảm</p>
---	--

<p>3.3. Luyện đọc lại:</p> <p>- GV gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc</p> <p>+ 3 HS đọc 3 đoạn + HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc + Xung phong đọc trước lớp.</p> <p>3.4. Luyện tập sau khi đọc</p> <p>- GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.</p> <p>Câu 1: Những từ ngữ nào trong đoạn dưới đây chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá?</p> <p>Mạnh lăn xả cướp bóng rồi chuyền cho tôi dẫn xuống vòng cấm địa. Hậu vệ lớp C xô lên chặn. Mạnh và Chiến đã lên kịp, nhưng tôi vẫn cố hất bóng qua hậu vệ lớp C vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. Chậm rãi, thủ môn đã lao lên bắt bóng.</p> <p>Câu 2: Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động trong một trận đấu bóng đá.</p> <p>Câu 3: Đặt câu nối tiếp câu cho trước, trong đó có sử dụng đại từ thay thế cho phần in đậm.</p> <p>M: Mạnh lăn xả cướp bóng. → Mạnh lăn xả cướp bóng. Hậu vệ lớp C cũng vậy.</p> <p>a. Bộ ba Long, Chiến, Mạnh chuyền bóng rất ăn ý.</p> <p>b. Lớp tôi càng đá càng hay.</p> <p>- GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- 3 HS đọc – Lớp nhận xét cách đọc của bạn</p> <p>-Nhóm phân công luân phiên bạn đọc</p> <p>-2 -3 HS đọc bài</p> <p>-Thảo luận thống nhất trình bày trước lớp:</p> <p>+ Từ chỉ sự vật: bóng, vòng cấm địa, hậu vệ, cơ hội ghi bàn, thủ môn.</p> <p>- Từ chỉ hoạt động: lăn xả, cướp, chuyền, dẫn, xô, chặn, hất, ghi bàn, lao lên, bắt.</p> <p>-Từ ngữ chỉ sự vật trong một trận đấu bóng đá: Bàn thắng, Hậu vệ, Khung thành, Tiền đạo, Hiệp, Sân</p> <p>Từ ngữ chỉ hoạt động trong trận đấu bóng đá: Sút, Kèm, Tạt, Phạt, thổi còi, tăng bóng, phá bóng</p> <p>a. Bộ ba Long, Chiến, Mạnh chuyền bóng rất ăn ý. Họ ghi rất nhiều bàn thắng.</p> <p>b. Lớp tôi càng đá càng hay. Lớp 5C cũng vậy.</p> <p>-HS nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

<p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Ngôi sao sân cỏ”. * GD Quyền con người: Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà chia sẻ người thân bài em đã được học.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: </p>	

TOÁN
Bài 7: HỖN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phần nguyên, phần phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.
- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phần nguyên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu khái niệm về hỗn số
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng viết được hỗn số dưới dạng tổng phần nguyên và phân số, viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

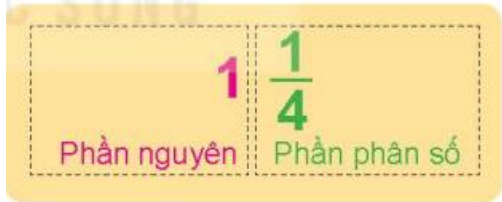
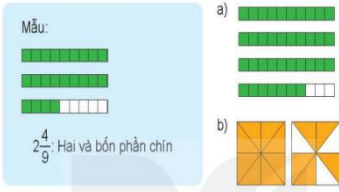
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

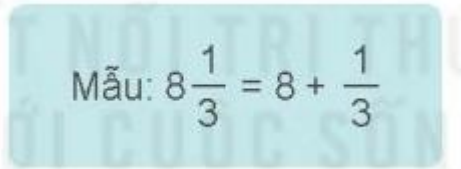
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tính $5 + \frac{1}{5}$ + Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ? $5 - \frac{1}{5}$ + Câu 3: Tính $\frac{9}{5} + \frac{21}{40}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dựa vào kết quả của 3 bài HS đã chơi dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: $5 + \frac{1}{5} = \frac{25}{5} + \frac{1}{5} = \frac{26}{5}$ + Trả lời: $5 - \frac{1}{5} = \frac{25}{5} - \frac{1}{5} = \frac{24}{5}$. + Trả lời: $\frac{9}{5} + \frac{21}{40} = \frac{72}{40} + \frac{21}{40} = \frac{93}{40}$ - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số - Nhận biết được phần nguyên, phần phân số. - Đọc, viết được hỗn số. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và HS xung phong nhập vai đọc lời thoại của nhân vật để tìm ra cách chia bánh. GV hỏi: Mỗi người được bao nhiêu phần của cái bánh và nhận xét sự khác nhau so với cách chia ban đầu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và xung phong nhập vai -HS nêu được: + Mỗi bạn có 1 cái bánh và $\frac{1}{4}$ cái bánh - Nêu được sự khác nhau so với cách



<p>- GV hướng dẫn:</p> <p>+ Mỗi bạn có 1 cái bánh và $\frac{1}{4}$ cái bánh có thể viết gọn là $1\frac{1}{4}$</p> <p>+ $1\frac{1}{4}$ là hỗn số, đọc là một và một phần tư</p> <p>+ $1\frac{1}{4}$ có phần nguyên là 1 và phần phân số là $\frac{1}{4}$</p> <div data-bbox="256 831 759 1032" style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;">  </div> <p>- GV chốt:</p> <p>+ Mỗi hỗn số gồm hai phần: Phần nguyên là số tự nhiên và phần phân số bé hơn 1</p> <p>+ Để đọc hỗn số, ta đọc phần nguyên, chữ “và” rồi đến phần phân số.</p>	<p>chia ban đầu.</p> <p>-GV nghe GV hướng dẫn để hiểu và nêu được hỗn số.</p> <p>-HS nêu lại</p>
<p>2. Hoạt động</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Viết và đọc được hỗn số, nhận biết được phần nguyên và phân số.</p> <p>+ Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phần nguyên và phân số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Viết và đọc được hỗn số thích hợp theo mỗi hình.</p> <p>- GV mời HS làm việc nhóm đôi.</p> <div data-bbox="331 1805 671 1995" style="border: 1px solid gray; padding: 5px;"> <p>Mẫu:</p>  </div>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi:</p>

<p>- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>- Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>a) $3\frac{7}{10}$: Ba và bảy phần mười b) $1\frac{5}{8}$: Một và năm phần tám</p> <p>- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p>
<p>Bài 2. Hãy chỉ ra phần nguyên và phần phân số trong mỗi hỗn số.</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>$3\frac{1}{4}$ $5\frac{5}{6}$ $12\frac{7}{10}$ $100\frac{59}{100}$</p> <p>- GV cho HS lần lượt đọc nối tiếp, lớp nghe nhận xét, sửa sai</p> <p>- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở</p> <p>- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi</p> <p>- HS đọc nối tiếp:</p> <p>$3\frac{1}{4}$ Phần nguyên là 3, phần phân số là $\frac{1}{4}$ $5\frac{5}{6}$ Phần nguyên là 5, phần phân số là $\frac{5}{6}$ $12\frac{7}{10}$ Phần nguyên là 12, phần phân số là $\frac{7}{10}$ $100\frac{59}{100}$ Phần nguyên là 100, phần phân số là $\frac{59}{100}$</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>Bài 3: Viết theo mẫu</p> <p></p> <p>Mẫu: $8\frac{1}{3} = 8 + \frac{1}{3}$</p> <p>GV cho HS giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở</p> <p>$1\frac{5}{7}$ $4\frac{1}{2}$ $2\frac{13}{100}$ $5\frac{3}{10}$</p> <p>-HS lên bảng làm. -GV chấm, chữa bài</p>	<p>- HS quan sát mẫu và nêu cách hiểu - Làm vào vở</p> <p>- 4 HS lên chữa bài - Cả lớp cùng nhận xét</p> <p>$1\frac{5}{7} = 1 + \frac{5}{7}$ $4\frac{1}{2} = 4 + \frac{1}{2}$</p>

	$2 \frac{13}{100} = 2 + \frac{13}{100} \quad 5 \frac{3}{10} = 5 + \frac{3}{10}$ <p>- Nghe sửa sai</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. - Cách chơi: GV đưa ra một số thẻ có ghi hỗn số. HS quan sát thẻ giơ tay đọc nhanh số đó, em nào đọc đúng được nhận phần thưởng. em đọc sai thì phạt hình thức khác. Thời gian chơi từ 2-3 phút. - GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe trò chơi. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. -HS rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TOÁN
Bài 7: HỖN SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phân nguyên, phân phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.
- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phân nguyên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu khái niệm về hỗn số
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng viết được hỗn số dưới dạng tổng phần nguyên và phân số, viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

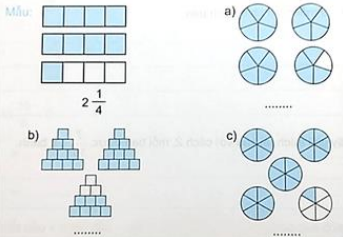
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán

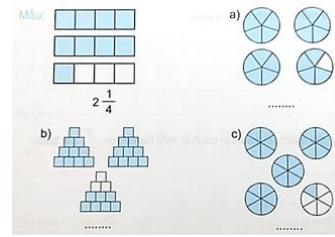
2. *Học sinh:* Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Tính</p> $5 + \frac{1}{5}$ <p>+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?</p> $5 - \frac{1}{5}$ <p>+ Câu 3: Tính</p> $\frac{9}{5} + \frac{21}{40}$ <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dựa vào kết quả của 3 bài HS đã chơi dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: $5 + \frac{1}{5} = \frac{25}{5} + \frac{1}{5} = \frac{26}{5}$</p> <p>+ Trả lời: $5 - \frac{1}{5} = \frac{25}{5} - \frac{1}{5} = \frac{24}{5}$.</p> <p>+ Trả lời: $\frac{9}{5} + \frac{21}{40} = \frac{72}{40} + \frac{21}{40} = \frac{93}{40}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1. (trang 24 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Viết và đọc được hỗn số thích hợp theo mỗi hình.</p> <p>- GV mời HS làm việc nhóm đôi.</p> 	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi:</p>

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm báo cáo kết quả.



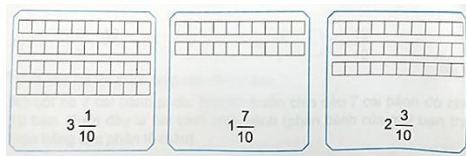
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. (trang 24 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Tô màu theo hỗn số cho trước.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi



- GV cho HS xác định phần nguyên và phần thập phân của mỗi hình
- GV mời HS tô màu vào VBT

- HS thực hiện

- HS tô màu

$3\frac{1}{10}$: Tô màu 3 hàng và 1 ô ở hàng còn lại.

$1\frac{7}{10}$: Tô màu 1 hàng và 7 ô ở hàng còn lại.

$2\frac{3}{10}$: tô màu 2 hàng và 3 ô ở hàng còn lại.

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

Bài 3: (trang 25 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Hoàn thành bảng sau.

Phần nguyên	3		1	7	
Phần phân số	$\frac{1}{4}$		$\frac{5}{9}$	$\frac{1}{10}$	
Hỗn số	$3\frac{1}{4}$	$5\frac{7}{15}$			$4\frac{9}{10}$

- HS quan sát mẫu và nêu cách hiểu

GV cho HS giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào phiếu BT

- HS Làm vào phiếu BT

- 4 HS lên chữa bài

Phần nguyên	3	5	1	7	4
Phần phân số	$\frac{1}{4}$	$\frac{7}{15}$	$\frac{5}{9}$	$\frac{1}{10}$	$\frac{9}{10}$
Hỗn số	$3\frac{1}{4}$	$5\frac{7}{15}$	$1\frac{5}{9}$	$7\frac{1}{10}$	$4\frac{9}{10}$

Cả lớp cùng nhận xét

- Viết được bài văn kể chuyện sáng tạo (Sáng tạo chi tiết, sáng tạo kết thúc, đóng vai kể chuyện)

- Biết quan tâm, giúp đỡ, thể hiện sự đồng cảm sẻ chia với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiết thời.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Tiếng Việt

2. **Học sinh:** Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV mở nhạc HS khởi động đầu tiết học. - HS nêu cảm nhận khi tham gia khởi động. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.	- HS nghe nhạc và tham gia khởi động cả lớp. - Hs nêu cảm nhận của mình. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1: (trang 20 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Ghi lại những điều em muốn học tập sau khi đọc bài của bạn. - GV cho học sinh đôi vở đọc bài của bạn. - GV hướng dẫn HS cách ghi những điều mình muốn học. - GV cho HS chia sẻ cả lớp cùng nghe	- HS đọc - Em ghi lại những điều muốn học - HS nghe
Bài 2: (trang 21 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Viết lại một đoạn văn trong bài của em cho hay hơn.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tự đọc bài của mình và sửa lỗi theo GV nhận xét. - GV cho HS thảo luận theo nhóm trao đổi bài viết để góp ý cho nhau. - GV cho HS viết lại - Chọn vài bạn đọc - Nhận xét khen ngợi HS viết bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận - Em tiến hành trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn dựa vào gợi ý. - HS viết - HS đọc cả lớp nghe
<p>3. Hoạt động Vận dụng</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: 1/ Nêu những điều em học được để viết bài văn kể lại câu chuyện sáng tạo. 2/ Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em. Viết tên bài thơ và tên tác giả của bài thơ đó. Tên bài thơ: Tác giả: - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. 1/. Học sinh nêu những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo. - HS tìm đọc và chuẩn bị cho tiết sau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 19 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách viết báo cáo phù hợp với lứa tuổi.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng hiểu biết về cách viết báo cáo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và mẫu báo cáo công việc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu một bản báo cáo – gọi HS đọc và nêu nhận xét - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được cách viết báo cáo phù hợp với lứa tuổi. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Đọc bản báo cáo dưới đây và</p>	<p>- 2 HS đọc bản báo cáo; Cả lớp lắng nghe</p>

<p>trả lời câu hỏi:</p> <p>a. Bản báo cáo trên viết về điều gì?</p> <p>b. Bản báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó?</p> <p>c. Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo. Phần đầu Phần chính Phần cuối</p> <p>d. Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo. – Về hình thức – Về nội dung</p> <p>- GV nêu mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của bài tập: đọc báo cáo và thực hiện trả lời câu hỏi. - GV mời 1 HS đọc bản báo cáo. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV cho HS thực hiện sau đó đối chiếu kết quả thảo luận và thống nhất ý kiến - HS đại diện nhóm trình bày trước lớp. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết</p>	<p>bạn đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp - HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết. -Đại diện nhóm trình bày. - Lớp nhận xét, thống nhất kết quả. <p>a. Bản báo cáo trên viết về hoạt động của Tổ 1 trong lớp 5C của Trường Tiểu học Kim Đồng trong tháng 9.</p> <p>b. Bản báo cáo được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp 5C. Người viết bản báo cáo là tổ trưởng của Tổ 1, Nguyễn Đức Việt.</p> <p>c.- Phần đầu: Bao gồm tiêu đề và thông tin về ngày tháng và địa điểm. - Phần chính: Bao gồm các mục về học tập, việc thực hiện nội quy của trường và lớp, các hoạt động khác. Mỗi mục có các thông tin chi tiết về hoạt động và thành viên của tổ. - Phần cuối: Gồm chữ ký của tổ trưởng và tên của người viết báo cáo.</p> <p>d. Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo: - Về hình thức: + Phần đầu: Được trình bày rõ ràng, có tiêu đề và thông tin về ngày tháng và địa điểm. + Phần chính: Có cấu trúc rõ ràng với các mục được liệt kê một cách logic và dễ hiểu. + Phần cuối: Kết thúc bằng chữ ký của tổ trưởng, tạo sự hoàn thiện cho bản báo cáo. - Về nội dung: + Thông tin được trình bày một cách cụ thể và chi tiết, cho thấy sự tổ chức và quản lý tốt của tổ trưởng. + Cung cấp thông tin về hoạt động học tập, thực hiện nội quy và các hoạt động khác của tổ một cách minh bạch và công bằng.</p>
<p>Bài 2: Trao đổi những điều cần lưu ý khi viết báo cáo công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc câu gợi ý - Cho HS tiến hành thảo luận 	<p>-HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý.</p> <p>Trước khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần xác định mục tiêu và kết quả của

<p>- Trình bày trước lớp</p> <p><i>Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo công việc.</i></p> <p>Trước khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào đâu để xác định những nội dung cần báo cáo? - Bằng cách nào có thể thu thập đầy đủ thông tin, số liệu cần thiết? - Vì sao cần lập bảng biểu trong bản báo cáo? <p>Trong khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần chú ý điều gì khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ (hoặc tên tổ chức)? - Trình bày các công việc như thế nào để dễ theo dõi? - Làm thế nào để trình bày bảng biểu khoa học, đẹp mắt? <p>Sau khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát nội dung báo cáo như thế nào để phát hiện lỗi? - Căn cứ vào đâu để biết bản báo cáo được trình bày đúng yêu cầu? 	<p>công việc để xác định những nội dung cần báo cáo. Điều này có thể dựa trên yêu cầu của tổ chức hoặc dự án, các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất, và các mục tiêu cụ thể của công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể thu thập thông tin thông qua ghi chú, báo cáo hàng ngày, gặp gỡ trực tiếp với những người liên quan, sử dụng các hệ thống thông tin và công cụ quản lý dự án. Số liệu có thể được thu thập từ hệ thống quản lý dự án, bảng tính hoặc các tài liệu liên quan. - Bảng biểu giúp trực quan hóa thông tin, giúp người đọc dễ dàng hiểu được số liệu và xu hướng. Nó cũng giúp làm nổi bật các thông tin quan trọng và tạo ra sự cấu trúc cho bản báo cáo. <p>Trong khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên tổ chức, cần chú ý đến sự chính xác và sự chính thống. Cần sử dụng đúng chính tả và viết theo quy định, đồng thời giữ cho nó dễ hiểu và dễ nhớ. - Các công việc nên được trình bày theo thứ tự logic và có cấu trúc rõ ràng. Cần sử dụng các mục tiêu và tiêu đề để phân loại thông tin và tạo ra các đoạn văn ngắn và dễ đọc. - Bảng biểu cần được thiết kế đơn giản và dễ hiểu, với các tiêu đề và nhóm thông tin rõ ràng. Cần sử dụng màu sắc và đồ họa một cách cân nhắc để làm nổi bật thông tin quan trọng. <p>Sau khi viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần đọc lại bản báo cáo một cách kỹ lưỡng, kiểm tra chính xác của thông tin và số liệu. Nên sử dụng các công cụ kiểm tra chính tả và ngữ pháp để phát hiện và sửa lỗi. - Có thể căn cứ vào yêu cầu của tổ chức
--	--

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét HS trình bày – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi trao đổi bài. - GV cho HS rút ra Ghi nhớ: - Cho HS nhắc lại nhiều lần 	<p>hoặc dự án, so sánh với các mẫu báo cáo tiêu chuẩn, và nhận phản hồi từ người đọc hoặc người kiểm duyệt.</p> <p>-Nghe GV nhận xét</p> <p>HS nêu được ghi nhớ: Bản báo cáo công việc gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên tổ chức (Đội, Đoàn,...) và địa điểm, thời gian viết báo cáo. - Phần chính: tiêu đề, người nhận, nội dung báo cáo (các công việc đã thực hiện). - Phần cuối: người viết báo cáo (chữ kí, họ và tên). <p>Nội dung báo cáo trình bày theo mục để dễ theo dõi.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: <p>Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về những điều em đã tìm hiểu về cách viết báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân cùng góp ý - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN
Bài 7: HỖN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phân nguyên, phân phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.
- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phân nguyên và phân số.
- Viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu khái niệm về hỗn số
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng viết được hỗn số dưới dạng tổng phân nguyên và phân số, viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

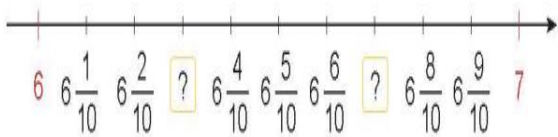
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc số $5\frac{1}{5}$ + Câu 2: Viết hỗn số sau thành tổng ? $6\frac{1}{5}$ + Câu 3: Chuyển tổng của phân số sau thành hỗn số 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: Năm và một phần năm + Trả lời: $6\frac{1}{5} = 6 + \frac{1}{5}$ + Trả lời: $1 + \frac{2}{10} = 2\frac{2}{10}$

$1 + \frac{2}{10}$ <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dựa vào kq của 3 bài HS đã chơi dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Viết và đọc được hỗn số, nhận biết được phần nguyên và phân số. + Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phần nguyên và phân số. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Nêu mỗi hỗn số thích hợp với mỗi vạch của tia số.</p>  <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc cá nhân - GV mời HS báo cáo kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc cá nhân - 3 HS báo cáo kết quả. - Các HS khác nhận xét, bổ sung <p>$6\frac{3}{10}$: sáu và ba phần mười</p> <p>b) $6\frac{7}{10}$: sáu và bảy phần mười</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
<p>Bài 2. Chuyển hỗn số thành phân số</p> <div style="background-color: #e0f2f1; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>Mẫu: $2\frac{7}{10} = 2 + \frac{7}{10} = \frac{27}{10}$</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc mẫu, giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở <p>$5\frac{1}{10}$ $1\frac{9}{100}$ $3\frac{5}{10}$ $4\frac{9}{100}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng làm. - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc, quan sát mẫu và nêu cách hiểu - Làm vào vở - 4 HS lên chữa bài $5\frac{1}{10} = 5 + \frac{1}{10} = \frac{51}{10}$ $1\frac{9}{100} = 1 + \frac{9}{100} = \frac{109}{100}$ $3\frac{5}{10} = 3 + \frac{5}{10} = \frac{35}{10}$ $4\frac{9}{100} = 4 + \frac{9}{100} = \frac{409}{100}$ <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp cùng nhận xét - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>Bài 3: Viết theo mẫu</p> <div style="background-color: #e0f2f1; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>Mẫu: $\frac{31}{10} = \frac{30+1}{10} = \frac{30}{10} + \frac{1}{10} = 3 + \frac{1}{10} = 3\frac{1}{10}$</p> </div>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát mẫu và nêu cách hiểu - Làm vào vở

<p>GV cho HS giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở</p> $\frac{57}{10} = \frac{50+7}{10} = \frac{50}{10} + \frac{7}{10} = 5 + \frac{7}{10} = 5\frac{7}{10}$ $\frac{703}{100} = \frac{700+3}{100} = \frac{700}{100} + \frac{3}{100} = 7 + \frac{3}{100}$ $\frac{63}{10} = \frac{60+3}{10} = \frac{60}{10} + \frac{3}{10} = 6 + \frac{3}{10} = 6\frac{3}{10}$ $\frac{3005}{1000} = \frac{3000+5}{1000} = \frac{3000}{1000} + \frac{5}{1000} = 3\frac{5}{1000}$ <p>-HS lên bảng làm. -GV chấm, chữa bài</p>	<p>- 4 HS lên chữa bài - Cả lớp cùng nhận xét</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Chọn đáp án sai”.</p> <p>- Cách chơi: GV đưa ra bài toán 4 SGK cho HS đọc và giơ bảng con. Thời gian chơi từ 2-3 phút.</p> <p>Chọn đáp án sai: Cô Dung có 23 phong kẹo, mỗi phong có 10 viên kẹo. Cô chia đều số kẹo đó cho 10 bạn. Vậy mỗi bạn nhận được:</p> <p>A. 23 viên kẹo B. $\frac{23}{10}$ phong kẹo</p> <p>C. $2\frac{3}{10}$ viên kẹo D. $2\frac{3}{10}$ phong kẹo</p> <p>- GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi. - Các nhóm lắng nghe luật chơi.</p> <p>- HS tham gia chơi chọn đáp án C - HS giải thích. -HS rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

KHOA HỌC
CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp qua các hoạt động: sưu tầm tranh ảnh, vật thật để tiến hành thí nghiệm, ...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số hỗn hợp và dung dịch; tạo được 1 số hỗn hợp và dung dịch ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của hỗn hợp và dung dịch trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về hỗn hợp và dung dịch vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích khi làm thí nghiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Dụng cụ thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Nhà ẩm thực thông thái. - GV chia nhóm - Cách chơi: GV đưa ra 4 loại nước: nước đường, nước muối, nước coca, nước khoáng đựng trong 4 chai bịt kín giống nhau. GV đố HS tìm được chai chứa nước muối.	- HS nghe hướng dẫn cách chơi và tham gia. Mỗi nhóm cử một đại diện lên chơi. HS có thể uống một ngụm nước trong chai để tìm một chai nước muối. - Vì nó mặn

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen học sinh tham gia chơi. - Vì sao em biết đây là nước muối? - Vì sao nước muối có vị mặn? - Trong tự nhiên em biết nước nào có vị mặn? - GV nhận xét và GTB: Nước biển là một ví dụ sinh động về hỗn hợp và dung dịch mà chúng ta có thể dễ dàng liên hệ trong cuộc sống hàng ngày. Hiểu về hỗn hợp và dung dịch không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn về cấu tạo của các chất xung quanh chúng ta mà còn áp dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong khoa học và đời sống. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Hỗn hợp và dung dịch”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước muối mặn vì có muối. - Nước biển - HS lắng nghe.
---	---

2. Hoạt động khám phá:

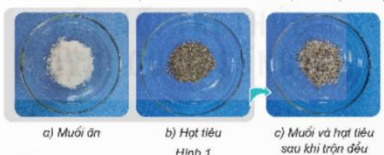
- Mục tiêu:
- + HS thực hiện được thí nghiệm tạo hỗn hợp và dung dịch.
- + Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: thực hiện được thí nghiệm tạo hỗn hợp và dung dịch.

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm H1,2 theo phân công
- GV nhận xét việc chuẩn bị của các nhóm.
- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:
- + Quan sát H1 và H2

Tiến hành:

- Lấy 1 thìa muối ăn, 1 thìa hạt tiêu cho vào đĩa và trộn đều (hình 1).



- Lấy 1 thìa muối ăn cho vào cốc thủy tinh chứa nước và khuấy đều (hình 2).



- HS đọc thông tin.
- Đại diện các nhóm báo cáo
- Các nhóm làm thí nghiệm và hoàn thành phiếu thí nghiệm.


Nhóm:

PHIẾU TN

Phân biệt hỗn hợp và dung dịch

Chuẩn bị	cách tiến hành	hiện tượng	kết luận
một thìa muối ăn, một	trộn muối ăn và hạt tiêu vào	Sau khi trộn vẫn	Tạo ra hỗn hợp.

<p>+ Tiến hành làm thí nghiệm. + Dựa vào thông tin TLCH: thí nghiệm nào tạo ra hỗn hợp? Thí nghiệm nào tạo ra dung dịch? Vì sao em biết</p>	thìa hạt tiêu	nhau.	nhìn thấy hạt muối và hạt tiêu.	
	Một thìa muối ăn, cốc thủy tinh chứa nước.	Cho muối ăn vào cốc thủy tinh chứa nước và khuấy đều.	Sau khi khuấy tan không còn nhìn thấy muối ăn.	Tạo ra dung dịch; dung dịch cũng là một hỗn hợp.
<p>- GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng nhóm để hoàn thiện phiếu TN của nhóm. - Tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét và bổ sung. - GV hỏi: + Trong hỗn hợp ở TN1 nhận xét về tính chất của muối và hạt tiêu sau khi trộn vào nhau. + Trong dung dịch ở TN2, nhận xét về tính chất của muối và nước sau khi khuấy tan vào nhau. - GVKL: <i>hỗn hợp được tạo thành từ 2 hay nhiều chất trộn lẫn với nhau. Hỗn hợp chất lỏng với chất rắn hoặc hỗn hợp chất lỏng với chất lỏng hòa tan, phân bố đều vào nhau tạo thành dung dịch. Dung dịch là một trường hợp đặc biệt của hỗn hợp.</i> - GV nhận xét, tuyên dương. Hoạt động 2: Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo</p>	<p>- Trong hỗn hợp ở TN1, sau khi trộn vào nhau muối và hạt tiêu giữ nguyên tính chất của nó. - Trong dung dịch ở TN2, sau khi khuấy muối vào nước thì hòa tan, phân bố đều vào nhau. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.</p>			
<p>- HS trao đổi và hoàn thiện sản phẩm làm việc nhóm: hỗn hợp H3c, 3d là</p>				

<p>kỹ thuật khăn trải bàn.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm quan sát H3, thảo luận và cho biết hỗn hợp nào là dung dịch. Giải thích</p>  <p>- Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung,</p> <p>- GVKL: <i>trong cuộc sống có rất nhiều các hỗn hợp và dung dịch được tạo ra từ các chất. Hỗn hợp hay dung dịch được phân biệt dựa vào độ hòa tan và phân bố đều của các chất trong đó.</i></p>	<p>dung dịch vì cốc trong suốt và không nhìn thấy giấm, đường ở trong cốc sau khi khuấy đều và để vài phút.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày.</p> <p>- HS nghe và ghi nhớ kiến thức</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập, vận dụng.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ HS nêu được một số ví dụ về hỗn hợp và dung dịch trong cuộc sống.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi truyền điện: yêu cầu HS lấy thêm ví dụ về hỗn hợp, dung dịch trong cuộc sống mà em biết.</p> <p>- GV tổng kết trò chơi.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia chơi.</p> <p>+ Hỗn hợp: nước cam, nước chanh, gia vị muối tiêu, gói ngũ cốc, ...</p> <p>+ Dung dịch: rượu hòa tan vào nước phải thực phẩm màu hòa tan trong nước, nước mắm hòa tan trong nước,</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò:</p> <p>+ Về nhà thực hành tạo ra các hỗn hợp và dung dịch có sẵn trong cuộc sống hàng</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS nghe và thực hiện</p>

ngày và chia sẻ với bạn cách làm vào tiết học sau.

+ Tìm hiểu tác dụng của nước muối 0,9% trong cuộc sống ở mục “Em có biết?” Và cách tách muối ra khỏi dung dịch muối

- HS tìm hiểu về tác dụng của nước muối 0,9% và chuẩn bị cho tiết học sau theo yêu cầu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

LỊCH SỬ -ĐỊA LÍ

BÀI 2: THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đặc điểm về vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng và giữ gìn địa hình đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. 	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS thi kể tên một số biện pháp mà em biết để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên</p> <p>- GV mời một số học sinh trình bày</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Vừa rồi các em đã biện pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ngoài những biện pháp đó chúng ta còn những biện pháp nào nữa hay không? Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Thiên nhiên Việt Nam – Tiết 4”</p>	<p>- Cả lớp thi nhau kể: trồng cây gây rừng, sử dụng năng lượng mặt trời, không chặt phá cây,...</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh trình bày được đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (đất, rừng...).</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1. Biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.</p> <p>- GV cho HS đọc thông tin, quan sát hình 11 và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.</p>	<p>- Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:</p> <p>+ Khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên</p> <p>+ Dự báo và cảnh báo sớm thiên tai</p> <p>+ Trồng rừng và bảo vệ rừng</p> <p>+ Rèn luyện các kĩ năng phòng, chống thiên tai</p> <p>+ Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió, ...)</p> <p>+ Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai</p>
<p>▲ Hình 11. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai</p>	
<p>- GV mời HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

<p>+ Củng cố những kiến thức về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống con người theo bảng</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho Hs thảo luận nhóm làm bảng</p> <p>- GV mời HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe và thực hiện theo nhóm.</p> <p>- HS trình bày theo bảng dưới.</p>
Thành phần thiên nhiên	Vai trò
<p>Địa hình và khoáng sản</p>	<p>- Địa hình:</p> <p>+ Địa hình đồi núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp và lâm nghiệp; một số vùng núi có lợi thế về thủy điện, khai thác khoáng sản và phát triển du lịch,...</p> <p>+ Địa hình đồng bằng thuận lợi cho việc tập trung dân cư, hình thành các trung tâm kinh tế...</p> <p>- Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và một phần để xuất khẩu.</p>
<p>Khí hậu</p>	<p>- Nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao.</p> <p>- Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng miền</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS chia sẻ về chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video)</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p>	<p>- Học sinh tham gia chia sẻ.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

- Dẫn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

ÔN TOÁN
Bài 7: HỖN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về hỗn số
- Nhận biết được phân nguyên, phân phân số.
- Đọc, viết được hỗn số.
- Nhận biết được hỗn số liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.
- Viết được hỗn số dưới dạng tổng của phân nguyên và phân số.
- Viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học trong thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu khái niệm về hỗn số
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng viết được hỗn số dưới dạng tổng phân nguyên và phân số, viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

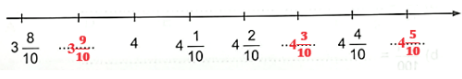
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

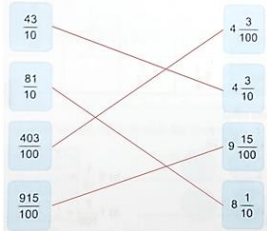
1. Giáo viên: Vở bài tập Toán

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc số	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: Năm và một phần năm

$5\frac{1}{5}$	+ Trả lời: $6\frac{1}{5} = 6 + \frac{1}{5}$
+ Câu 2: Viết hỗn số sau thành tổng ?	+ Trả lời: $1 + \frac{2}{10} = 2\frac{2}{10}$
$6\frac{1}{5}$	
+ Câu 3: Chuyển tổng của phân số sau thành hỗn số	- HS lắng nghe.
$1 + \frac{2}{10}$	
- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dựa vào kq của 3 bài HS đã chơi dẫn dắt vào bài mới	
2. Hoạt động Thực hành, Luyện tập	
Bài 1. (trang 25 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Viết hỗn số thích hợp vào chỗ chấm dưới vạch của tia số. - GV mời HS làm việc cá nhân - GV mời HS báo cáo kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc cá nhân - 3 HS báo cáo kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
Bài 2. (trang 25 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Chuyển hỗn số thành phân số thập phân (theo mẫu). Mẫu: $2\frac{3}{10} = 2 + \frac{3}{10} = \frac{23}{10}$ - GV mời HS đọc mẫu, giải thích hiểu theo mẫu và sau đó làm vào vở - HS lên bảng làm. - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.	- 1 HS đọc, quan sát mẫu và nêu cách hiểu - Làm vào vở - 4 HS lên chữa bài $\text{a) } 3\frac{1}{10} = 3 + \frac{1}{10} = \frac{31}{10}$ $\text{b) } 6\frac{8}{10} = 6 + \frac{8}{10} = \frac{68}{10}$ $\text{c) } 2\frac{9}{100} = 2 + \frac{9}{100} = \frac{209}{100}$ $\text{d) } 7\frac{37}{100} = 7 + \frac{37}{100} = \frac{737}{100}$ - Cả lớp cùng nhận xét - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
Bài 3: (trang 26 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Nói phân số thập phân với hỗn số thích	- HS đọc yêu cầu - HS lắng nghe

<p>hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS - GV cho HS làm vào PHT <p>-GV chấm, chữa bài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm vào PHT - 4 HS lên chữa bài  <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp cùng nhận xét -Nghe sửa sai
<p>3. Hoạt động Vận dụng</p>	
<p>- Bài 4: (trang 26 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Viết các phân số thập phân thành hỗn số (theo mẫu)</p> <p>Mẫu: $\frac{47}{10} = \frac{40+7}{10} = \frac{40}{10} + \frac{7}{10} = 4 + \frac{7}{10} = 4\frac{7}{10}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và phân tích mẫu <p>- GV mời HS nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu -HS phân tích mẫu - HS làm vào VBT <p>a) $\frac{61}{10} = \frac{60+1}{10} = \frac{60}{10} + \frac{1}{10} = 6 + \frac{1}{10} = 6\frac{1}{10}$</p> <p>b) $\frac{271}{100} = \frac{200+71}{100} = \frac{200}{100} + \frac{71}{100} = 2 + \frac{71}{100} = 2\frac{71}{100}$</p> <p>c) $\frac{79}{10} = \frac{70+9}{10} = \frac{70}{10} + \frac{9}{10} = 7 + \frac{9}{10} = 7\frac{9}{10}$</p> <p>d) $\frac{2\ 083}{1\ 000} = \frac{2\ 000+83}{1\ 000} = \frac{2\ 000}{1\ 000} + \frac{83}{1\ 000} = 2 + \frac{83}{1\ 000} = 2\frac{83}{1\ 000}$</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách viết báo cáo phù hợp với lứa tuổi.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng hiểu biết về cách viết báo cáo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV chiếu một bản báo cáo – gọi HS đọc và nêu nhận xét - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1: (trang 21 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đọc bản báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi:</p> <p>a. Bản báo cáo trên viết về điều gì? b. Bản báo cáo được gửi cho ai? Ai là người viết báo cáo đó? c. Nêu thông tin của mỗi phần trong bản báo cáo. Phần đầu Phần chính Phần cuối d. Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo.</p> <p>- GV nêu mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của bài tập: đọc báo cáo và thực hiện trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV mời HS đọc bản báo cáo. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV cho HS thực hiện sau đó đối chiếu kết quả thảo luận và thống nhất ý kiến</p> <p>- HS đại diện nhóm trình bày trước lớp.</p>	<p>- 2 HS đọc bản báo cáo; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp</p> <p>- HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết.</p> <p>-Đại diện nhóm trình bày.</p>

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.

- Lớp nhận xét, thống nhất kết quả.
 a. Bản báo cáo trên viết về hoạt động của Tổ 1 trong lớp 5C của Trường Tiểu học Kim Đồng trong tháng 9.
 b. Bản báo cáo được gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp 5C. Người viết bản báo cáo là tổ trưởng của Tổ 1, Nguyễn Đức Việt.
 c.- Phần đầu: Bao gồm tiêu đề và thông tin về ngày tháng và địa điểm.
 - Phần chính: Bao gồm các mục về học tập, việc thực hiện nội quy của trường và lớp, các hoạt động khác. Mỗi mục có các thông tin chi tiết về hoạt động và thành viên của tổ.
 - Phần cuối: Gồm chữ ký của tổ trưởng và tên của người viết báo cáo.
 d. Nhận xét về cách thức trình bày của từng phần trong bản báo cáo:

Phần	Cách thức trình bày	
	Về hình thức	Về nội dung
Phần đầu	Đầy đủ, viết in hoa quốc hiệu và tên báo cáo; in nghiêng ngày tháng.	Đầy đủ quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm, thời gian viết báo cáo; tên báo cáo.
Phần chính	Rõ ràng, mạch lạc từng phần, dễ nhìn; từng nội dung được bôi đậm; kẻ bảng, tô khác màu	Đầy đủ các mục
Phần cuối	Tô đậm và in nghiêng tên người viết báo cáo	Chức vụ và chữ kí

- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết

**Bài 2: (trang 22,23 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1)
 Trao đổi những điều cần lưu ý khi viết báo cáo công việc:**

- Đọc câu gợi ý
- Cho HS tiến hành thảo luận
- Trình bày trước lớp

Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo công việc.

Trước khi viết:

- Dựa vào đâu để xác định những nội dung cần báo cáo?

- Bằng cách nào có thể thu thập đầy đủ thông tin, số liệu cần thiết?

-HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý.

Trước khi viết:

- Cần xác định mục tiêu và kết quả của công việc để xác định những nội dung cần báo cáo. Điều này có thể dựa trên yêu cầu của tổ chức hoặc dự án, các chỉ tiêu đánh giá hiệu suất, và các mục tiêu cụ thể của công việc.
- Có thể thu thập thông tin thông qua ghi chú, báo cáo hàng ngày, gặp gỡ trực tiếp với những người liên quan, sử dụng các hệ thống thông tin và công cụ quản lý dự án. Số liệu

<p>- Vì sao cần lập bảng biểu trong bản báo cáo?</p> <p>Trong khi viết:</p> <p>- Cần chú ý điều gì khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ (hoặc tên tổ chức)?</p> <p>- Trình bày các công việc như thế nào để dễ theo dõi?</p> <p>- Làm thế nào để trình bày bảng biểu khoa học, đẹp mắt?</p> <p>Sau khi viết:</p> <p>- Rà soát nội dung báo cáo như thế nào để phát hiện lỗi?</p> <p>- Căn cứ vào đâu để biết bản báo cáo được trình bày đúng yêu cầu?</p> <p>- GV nhận xét HS trình bày – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi trao đổi bài.</p> <p>- GV cho HS rút ra Ghi nhớ: _Cho HS nhắc lại nhiều lần</p>	<p>có thể được thu thập từ hệ thống quản lý dự án, bảng tính hoặc các tài liệu liên quan.</p> <p>- Bảng biểu giúp trực quan hóa thông tin, giúp người đọc dễ dàng hiểu được số liệu và xu hướng. Nó cũng giúp làm nổi bật các thông tin quan trọng và tạo ra sự cấu trúc cho bản báo cáo.</p> <p>Trong khi viết:</p> <p>- Khi viết quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên tổ chức, cần chú ý đến sự chính xác và sự chính thống. Cần sử dụng đúng chính tả và viết theo quy định, đồng thời giữ cho nó dễ hiểu và dễ nhớ.</p> <p>- Các công việc nên được trình bày theo thứ tự logic và có cấu trúc rõ ràng. Cần sử dụng các mục tiêu và tiêu đề để phân loại thông tin và tạo ra các đoạn văn ngắn và dễ đọc.</p> <p>- Bảng biểu cần được thiết kế đơn giản và dễ hiểu, với các tiêu đề và nhóm thông tin rõ ràng. Cần sử dụng màu sắc và đồ họa một cách cân nhắc để làm nổi bật thông tin quan trọng.</p> <p>Sau khi viết:</p> <p>- Cần đọc lại bản báo cáo một cách kỹ lưỡng, kiểm tra chính xác của thông tin và số liệu. Nên sử dụng các công cụ kiểm tra chính tả và ngữ pháp để phát hiện và sửa lỗi.</p> <p>- Có thể căn cứ vào yêu cầu của tổ chức hoặc dự án, so sánh với các mẫu báo cáo tiêu chuẩn, và nhận phản hồi từ người đọc hoặc người kiểm duyệt.</p> <p>-Nghe GV nhận xét</p> <p>HS nêu được ghi nhớ: Bản báo cáo công việc gồm 3 phần:</p> <p>- Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ hoặc tên tổ chức (Đội, Đoàn,...) và địa điểm, thời gian viết báo cáo.</p> <p>- Phần chính: tiêu đề, người nhận, nội dung</p>
---	---

	<p>báo cáo (các công việc đã thực hiện).</p> <p>- Phần cuối: người viết báo cáo (chữ kí, họ và tên).</p> <p>Nội dung báo cáo trình bày theo mục để dễ theo dõi.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:</p> <p>Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về những điều em đã tìm hiểu về cách viết báo cáo.</p> <p>- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:</p> <p>- Em tiến hành chia sẻ với người thân cùng góp ý</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 20 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT
Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc bài thơ viết về trẻ em, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về bài thơ (Về câu thơ hay, hình ảnh thơ đẹp).
- Biết rèn luyện, phấn đấu vì mục tiêu của bản thân, biết cách phối hợp để làm việc trong một tập thể, biết nhận lỗi và sửa lỗi.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng kể chuyện .
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết cách phối hợp để làm việc trong một tập thể, biết nhận lỗi và sửa lỗi.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và sách báo chuẩn bị cho tiết đọc mở rộng

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu cho HS xem một số hoạt động của trẻ em và nêu hiểu biết của mình về những hình ảnh đó. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: 	

<p>- Đọc bài thơ viết về trẻ em, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về bài thơ (Về câu thơ hay, hình ảnh thơ đẹp).</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc bài thơ viết về trẻ em và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <p>- GV mời học sinh đọc yêu cầu</p> <p>- Gọi HS đọc gợi ý – Cả lớp theo dõi gợi ý về cách tìm bài thơ phù hợp với yêu cầu, với chủ điểm Thế giới tuổi thơ.</p> <p>- Làm việc cá nhân.</p> <p>- GV theo dõi nhận xét chung.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS đọc cả lớp theo dõi, trao đổi</p> <p>- HS làm việc cá nhân</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>Bài 2: Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.</p> <p>- GV cho HS HĐ nhóm.</p> <p>- HD HS thảo luận nhóm: Nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về điều các bạn chia sẻ.</p> <p>+ Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp</p> <p>-Tiến hành trình bày trước lớp</p> <p>- GV tổng kết tiết học, khen ngợi các học sinh được nhiều bài thơ, chia sẻ cho bạn bè sách báo chùng để đọc.</p>	<p>-Nhóm thảo luận các nội dung</p> <p>+ Lần lượt từng bạn đọc bài thơ mình sưu tầm.</p> <p>VD: Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ:</p> <p>Sau khi đọc bài thơ "Trẻ em như búp trên cành", em cảm thấy ấm áp và biết ơn đến sự chăm sóc của gia đình và xã hội đối với sự phát triển của trẻ em. Bài thơ đã khiến em suy ngẫm về giai đoạn tuổi thơ của mình và ý nghĩa của việc trải qua quãng thời gian đó trong cuộc đời. Đồng thời bài thơ đã để lại trong em một cảm giác khích lệ và sự mong muốn trở thành người có ích và đầy ý nghĩa trong xã hội như những lời khuyên của bác trong bài thơ.</p> <p>-Đại diện trình bày – Lớp nhận xét.</p> <p>- Nghe rút kinh nghiệm</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về bài thơ mình đã chia sẻ cùng các bạn trong lớp.</p> <p>-Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.</p> <p>- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Cùng cố:</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà: Em tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích qua sách báo, internet,...</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:</p> <p>- Em chia sẻ với người thân của em</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>-HS nêu được nội dung của bài 6</p> <p>-Nghe về nhà thực hiện chuẩn bị bài 7</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ÂM NHẠC

TIẾT 3

- **Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu - Nhạc cụ thể hiện giai điệu**
- **Thường thức âm nhạc – Hình thức biểu diễn: Độc tấu, hòa tấu**

I. Yêu cầu cần đạt:

- Thể hiện đúng trường độ bài tập tiết tấu, biết sử dụng một số nhạc cụ gõ để đệm cho bài hát. Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài tập giai điệu bằng recorder hoặc kèn phím, duy trì được tốc độ ổn định.
- Nêu được một vài đặc điểm của hình thức độc tấu, hòa tấu

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên.

- Đàn phím điện tử, recorder và kèn phím.
- Thể hiện được bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.
- Thể hiện được bài tập giai điệu bằng recorder và kèn phím.
- Video tiết mục Xen-lô biểu diễn bản nhạc *Bài ca hòa bình* (Trích trong giao hưởng số 9 của Betthoven)


2. Học sinh.

- Có một trong số các nhạc cụ gõ như: thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bơ-rin,

trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát, hoặc nhạc cụ gõ tự làm.

- Có một trong hai nhạc cụ thể hiện giai điệu: recorder hoặc kèn phím.

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
<p>1. Hoạt động khởi động GV: Cho cả lớp vận động theo 1 bài nhạc vui nhộn đã chuẩn bị sẵn - GV: Nhận xét và liên hệ vào bài mới.</p>	<p>- HS khởi động - HS nghe cô nhận xét</p>								
<p>2. Hoạt động khám phá. 1.1/ Nhạc cụ thể hiện tiết tấu. - GV: Cho học sinh quan sát câu tiết tấu.  - Cách 1: vừa chơi nhạc cụ, vừa đếm: 1 – 2 – 3 – 4 – 5; 6 – 7 – 8; 9 – 10 – 11. Cách 2: vừa chơi nhạc cụ, vừa đọc: đơn – đơn – đơn – đơn – đen; đơn – đơn – đen; đơn – đơn – đen. -GV mời cá nhân, nhóm, tổ thể hiện tiết tấu thứ nhất. -GV hướng dẫn cả lớp thể hiện tiết tấu thứ nhất, đồng thời GV thể hiện tiết tấu thứ hai, hoà tấu cùng HS. 1.2 Nhạc cụ thể hiện giai điệu (khoảng 14) - GV hướng dẫn HS luyện tập:</p>	<p>- HS quan sát câu tiết tấu - HS xem cô làm mẫu - HS luyện tập câu tiết tấu 1 - HS thực hiện theo nhóm, tổ, cá nhân - HS thực hiện - HS thực hiện theo HDGV - HS quan sát - HS luyện tập - HS thực hiện theo HDGV</p>								
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">Sáo ri-coóc-đơ</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">Kèn phím</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">- Bước 1: GV thể hiện giai điệu làm mẫu.</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="text-align: center;">- Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc hoặc hát giai điệu.</td> </tr> <tr> <td style="vertical-align: top;"> - Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Đô 2 (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Đô 2 (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Son, La, Si, Đô. GV </td> <td style="vertical-align: top;"> - Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Pha (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Pha (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Đô, Rê, Mi, Pha. GV </td> </tr> </tbody> </table>	Sáo ri-coóc-đơ	Kèn phím	- Bước 1: GV thể hiện giai điệu làm mẫu.		- Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc hoặc hát giai điệu.		- Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Đô 2 (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Đô 2 (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Son, La, Si, Đô. GV	- Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Pha (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Pha (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Đô, Rê, Mi, Pha. GV	<p>- HS thực hiện theo HDGV - HS thực hiện theo HDGV - HS thực hiện theo HDGV -HS luyện tập</p>
Sáo ri-coóc-đơ	Kèn phím								
- Bước 1: GV thể hiện giai điệu làm mẫu.									
- Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc hoặc hát giai điệu.									
- Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Đô 2 (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Đô 2 (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Son, La, Si, Đô. GV	- Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Pha (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Pha (thổi nhẹ nhàng). + Tập bấm và thổi nốt Đô, Rê, Mi, Pha. GV								

<p>hướng dẫn cách chơi nốt Đô theo kí hiệu bàn tay. + Luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc).</p>	<p>hướng dẫn cách chơi nốt Đô theo kí hiệu bàn tay. + Luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc).</p>	<p>- HS thực hiện -HS lắng nghe</p>
<p>- Bước 4: HS thể hiện giai điệu cùng nhạc đệm.</p>		<p>-HS quan sát</p>
<p>-GV nhận xét, sửa sai nếu có</p> <p>2. Nội dung 2: Thường thức âm nhạc – Hình thức biểu diễn: Độc tấu, hoà tấu (khoảng 15 phút)</p> <p>-GV giới thiệu ngắn gọn (tham khảo thông tin sau): Độc tấu và hoà tấu là những hình thức biểu diễn nhạc cụ. Độc tấu là hình thức biểu diễn nhạc cụ do một người thực hiện. Song tấu là hình thức biểu diễn nhạc cụ do 2 người thực hiện. Tam tấu hình thức biểu diễn nhạc cụ do 3 người thực hiện. Tứ tấu hình thức biểu diễn nhạc cụ do 4 người thực hiện. Ngoài ra, còn có hình thức hoà tấu nhiều nhạc cụ.</p> <p>-GV mở một số video tiết mục độc tấu, hoà tấu để HS nhận biết về từng hình thức biểu diễn. GV có thể hỏi: Đó là hình thức nào? Do những nhạc cụ nào trình bày? Hãy nêu cảm nhận của em về tiết mục biểu diễn. GV để HS trả lời theo cảm nhận riêng.</p>		<p>- HS lắng nghe -HS quan sát, lắng nghe</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- GV: cho HS tham khảo 1 số video về biểu diễn nhạc cụ</p> <p>-GV mời HS chia sẻ với các bạn về hình thức biểu diễn độc tấu, hoà tấu mà các em biết (phần vận dụng).</p> <p>-GV mời HS trong lớp lên chơi nhạc cụ theo hình thức độc tấu, hoà tấu (nếu có).</p>		<p>-HS quan sát video và lắng nghe, cảm nhận</p> <p>-HS chia sẻ</p> <p>-HS thực hiện</p>

<p>4.Hoạt động ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi? Bài học hôm nay các con được học mấy phần? - Hỏi? Tên nhạc cụ mà các em vừa được học? - Gv: Nhận xét - Gv: Tuyên dương các em có tinh thần học tập tốt, cần phát huy trong các giờ học sau, dặn dò các em về nhà xem lại bài và chuẩn bị sách vở cho các giờ học ngày hôm sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS trả lời - HS nghe nhận xét - HS lắng nghe và ghi nhớ lời cô.
---	---

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

TOÁN

Bài 8: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng như tấn, tạ, yên, ki- lô – gam; sử dụng được ê ke phân biệt các góc nhọn, góc tù, góc vuông, thực hiện được đo các góc 60°, 90°, 120°; Vẽ được các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo khối lượng ;

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng đã học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng e ke để đo các góc, đo các góc; Biết vận dụng vẽ các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được các bài toán hình học về diện tích hình chữ nhật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

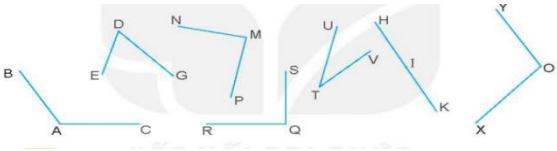
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

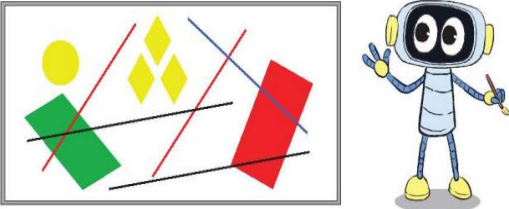
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Đọc hỗn số sau $2\frac{7}{10}$</p> <p>+ Câu 2: Số : 6 tạ = ... yến</p> <p>+ Câu 3: Tính: $\frac{1}{2} + 5$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: ba và bảy phần mười</p> <p>+ Trả lời: 6 tạ = 60 yến</p> <p>+ Trả lời: $\frac{1}{2} + 5 = \frac{1}{2} + \frac{10}{2} = \frac{11}{2}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>Chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng như tấn, tạ, yến, ki- lô – gam; sử dụng được ê ke phân biệt các góc nhọn, góc tù, góc vuông, thực hiện được đo các góc 60°, 90°, 120°; Vẽ được các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo khối lượng ;</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Số</p> <p>- GV cho HS nêu câu trả lời sau đó làm lại vào vở</p> <p>a) 6 yến = ? kg 2 tạ = ? kg 2 tấn = ? kg</p> <p>b) 5 tấn = ? tạ 1 tấn = ? yến 9 tạ = ? yến</p> <p>- GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>- HS đọc và nêu KQ</p> <p>- HS làm việc cá nhân vào vở</p> <p>6 yến = 60 kg</p> <p>2 tạ = 200 kg</p> <p>2 tấn = 2 000 kg</p> <p>b) 5 tấn = 50 tạ</p> <p>1 tấn = 100 yến</p> <p>9 tạ = 90 yến</p>
<p>Bài 2. Cho các góc như hình vẽ dưới đây.</p> 	<p>- HS nêu yêu cầu</p> <p>- HS trả lời miệng:</p> <p>a) Trong các góc đã cho có: 2 góc vuông; 2 góc nhọn; 2 góc tù.</p> <p>b) Góc có số đo bằng 60° là: góc đỉnh D, cạnh DE, DG</p>

<p>a) Số? Trong các góc đã cho có: ? góc vuông; ? góc nhọn; ? góc tù. b) Dùng thước đo góc để kiểm tra xem trong các góc đã cho, góc nào có số đo bằng 60o, 90o, 120o. Nêu tên các góc đó. - GV cho HS quan sát nêu yêu cầu đề bài - GV cho HS trả lời miệng - GV cho HS dùng em ke lên kiểm chứng - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>Góc có số đo bằng 90° là: góc đỉnh M, cạnh MN, MP; góc đỉnh Q, cạnh QR, QS Góc có số đo bằng 120° là: góc đỉnh A, cạnh AB, AC</p> <p>- 3HS dùng e ke để kiểm tra các góc. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 3. Rô-bốt đã vẽ một bức tranh như hình dưới đây.</p>  <p>a) Em hãy chỉ ra các cặp đường thẳng song song, các cặp đường thẳng vuông góc. b) Rô-bốt đã vẽ những dạng hình phẳng nào trong bức tranh? GV cho HS quan sát hình vẽ (Chiếu lên bảng) GV cho HS dùng e ke để kiểm tra các cặp đường thẳng vuông góc. - GV khuyến khích HS vẽ khác SGK - GV chấm, nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>-HS quan sát và nêu</p> <p>-HS dùng em ke để kiểm tra các cặp vuông góc... Nhóm đôi hoạt động thống nhất trình bày trước lớp:</p> <p>a) Các cặp đường thẳng song song với nhau: cặp đường thẳng màu đỏ, cặp đường thẳng màu đen. Cặp đường thẳng vuông góc: đường thẳng màu đỏ và đường thẳng màu xanh b) Rô-bốt đã vẽ hình bình hành, hình tròn, hình thoi, hình chữ nhật. - Nghe GV nhận xét, bổ sung</p>
<p>Bài 4: Bác Năm thu hoạch được 1 tấn 250 kg cam. Số cam đó được chia thành cam loại I và cam loại II. Biết rằng số cam loại I chiếm $\frac{3}{10}$ tổng số cam thu hoạch. Tính số ki-lô-gam cam mỗi loại. -GV cho HS đọc yêu cầu bài, trình bày hướng làm -Cá nhân làm vào vở</p>	<p>HS đọc và trình bày tóm tắt. Tóm tắt Thu hoạch: 1 tấn 250 kg Loại I: $\frac{3}{10}$ tổng số cam Loại I: ? kg Loại II: ? kg HS nêu cách làm và làm vào vở sau đó 21 em gắn bài lên bảng chữa bài:</p> <p>Bài giải Đổi: 1 tấn 250 kg = 1 250 kg Số ki-lô-gam cam loại I là: $1250 \times \frac{3}{10} = 375$ (kg) Số ki-lô-gam cam loại II là:</p>

<p>-HS lên bảng chữa, nhận xét</p>	<p style="text-align: center;">$1\ 250 - 375 = 875$ (kg) Đáp số: loại I: 375 kg; loại II: 875 kg -HS chữa bài (nếu sai)</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>- Cách chơi: GV đưa ra một số thẻ có ghi đổi một số đơn vị đo khối lượng. HS quan sát thẻ giơ tay đọc nhanh kết quả, em nào đọc đúng được nhận phần thưởng. em đọc sai thì phạt hình thức khác. Thời gian chơi từ 2-3 phút.</p> <p>- GV tổ chức trò chơi.</p> <p>- Đánh giá tổng kết trò chơi.</p> <p>- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe luật chơi.</p> <p>- HS tham gia chơi.</p> <p>-HS rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

Bài 8: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng như tấn, tạ, yên, ki- lô – gam; sử dụng được ê ke phân biệt các góc nhọn, góc tù, góc vuông, thực hiện được đo các góc $60^\circ, 90^\circ, 120^\circ$; Vẽ được các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị đo khối lượng ;
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng đã học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng e ke để đo các góc, đo các góc; Biết vận dụng vẽ các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được các bài toán hình học về diện tích hình chữ nhật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.




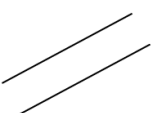
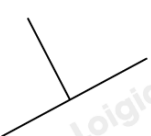
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc hỗn số sau $2\frac{6}{10}$ + Câu 2: Số : 7 tạ = ... yến + Câu 3: Tính: $\frac{1}{3} + 4$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: hai và sáu phần mười + Trả lời: 7 tạ = 70 yến + Trả lời: $\frac{1}{3} + 4 = \frac{1}{3} + \frac{12}{3} = \frac{13}{3}$ - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1.(trang 27 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm. - GV cho HS nêu câu trả lời sau đó làm lại vào vở - GV mời HS làm việc cá nhân vào vở : a) 3 yến =kg 6 tạ =kg 5 tấn = ... kg b) 8 tấn = 2 tấn =yến 7 tạ =yến - GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS đọc và nêu KQ - HS làm việc cá nhân vào vở 3 yến = 30 kg 6 tạ = 600 kg 5 tấn = 5 000 kg b) 8 tấn = 80 tạ 2 tấn = 200 yến 7 tạ = 70 yến
Bài 2. (trang 27 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Khoanh vào các góc nhọn trong hình dưới đây	

 <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát nêu yêu cầu đề bài - GV cho HS trả lời miệng - GV cho HS dùng em ke để đo - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS trả lời miệng: Quan sát hình vẽ rồi khoanh vào các góc nhọn có trong hình (góc nhọn có số đo nhỏ hơn 90°). Góc nhọn < góc vuông < góc tù. - HS dùng e ke để kiểm tra các góc.  <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 3(trang 27 VBT Toán lớp 5 Tập 1) . Cho các góc như hình dưới đây, viết tên các góc tù có số đo bằng 120° vào chỗ chấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát nêu yêu cầu đề bài - GV cho HS dùng thước đo góc để kiểm tra xem trong các góc đã cho, góc nào có số đo bằng 120°. Nêu tên các góc đó. - GV cho HS nêu - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS dùng e ke để kiểm tra các góc. - HS trả lời miệng: Góc có số đo bằng 120° là: Góc đỉnh E, cạnh ED, EF.
<p>Bài 4. (trang 27 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Cho đường thẳng như hình dưới đây.</p>  <p>a) Vẽ một đường thẳng song song với đường thẳng đã cho. b) Vẽ một đường thẳng vuông góc với đường thẳng đã cho.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhắc lại khái niệm hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song - GV cho HS nhắc lại khái niệm hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song - GV cho HS dùng thước vẽ vào sách VBT - GV chấm, nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS quan sát và nêu - HS nhắc lại Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau. Hai đường thẳng vuông góc cắt nhau và tạo một góc bằng 90°. <p>a)</p>  <p>b)</p> 
<p>Bài 5:(trang 28 VBT Toán lớp 5 Tập 1)</p> <p>Mai đang gấp con hạc giấy để làm một “lọ ước”. Mục tiêu của Mai là phải gấp được 250 con hạc giấy. Biết rằng, bạn ấy đã gấp được số hạc giấy bằng $\frac{2}{5}$ mục</p>	<p>HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> -

<p>tiêu đề ra. Tính số hạc giấy mà Mai cần gấp thêm để đạt được mục tiêu.</p> <p>-GV cho HS đọc yêu cầu bài, trình bày hướng làm</p> <p>-Cá nhân làm vào vở</p> <p>-HS lên bảng chữa, nhận xét</p>	<p>- HS nêu cách làm và làm vào vở sau đó lên bảng chữa bài:</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Bạn Mai đã gấp được số hạc giấy là:</p> $250 \times \frac{2}{5} = 100 \text{ (con)}$ <p>Số hạc giấy mà Mai cần gấp thêm để đạt được mục tiêu là:</p> $250 - 100 = 150 \text{ (con)}$ <p>Đáp số: 150 con hạc giấy</p> <p>-HS chữa bài (nếu sai)</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>- Cách chơi: GV đưa ra một số thẻ có ghi đổi một số đơn vị đo khối lượng. HS quan sát thẻ giơ tay đọc nhanh kết quả, em nào đọc đúng được nhận phần thưởng. em đọc sai thì phạt hình thức khác. Thời gian chơi từ 2-3 phút.</p> <p>- GV tổ chức trò chơi.</p> <p>- Đánh giá tổng kết trò chơi.</p> <p>- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe luật chơi.</p> <p>- HS tham gia chơi.</p> <p>-HS rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU
SINH HOẠT LỚP: Báo cáo kế hoạch xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của lớp

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Trình bày được được bản kế hoạch thực hiện việc mình / nhóm mình sẽ làm để tham gia xây dựng Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh ở tiết SHL tuần trước.

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tổ chức hoạt động: Điều chỉnh kế hoạch thực hiện việc mình / nhóm mình sẽ làm để tham gia xây dựng trong Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh cho phù hợp sau góp ý của thầy cô và các bạn; Thực hiện được các việc làm theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phối hợp với bạn cùng nhóm để hoàn thành công việc theo kế hoạch.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, chia sẻ cùng bạn trong sinh hoạt
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học tôn trọng và trách nhiệm với các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: a) <i>Mục tiêu:</i> Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS thi quàng khăn đỏ. - GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.</p>	<p>- HS vừa nghe nhạc, vừa thi quàng khăn đỏ. - HS chia sẻ cảm xúc của mình về Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, những em HS chưa được vào Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh sẽ nêu một vài nguyện vọng, mong ước của mình.</p>
<p>2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 3 và phương hướng hoạt động tuần 4 (Làm việc theo tổ) a) <i>Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần,</p>	

<p>đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.</p>	
<p>b) Cách tiến hành:</p>	
<p>* Đánh giá kết quả tuần 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời lớp trưởng điều hành phân sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: <ul style="list-style-type: none"> + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) <p>* Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp trưởng lên điều hành phân sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Lập kế hoạch xây dựng Đội thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh của lớp</p>	

<p>a) <i>Mục tiêu:</i></p> <p>– Điều chỉnh kế hoạch thực hiện việc mình / nhóm mình sẽ làm để tham gia xây dựng trong Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh cho phù hợp sau góp ý của thầy cô và các bạn;</p>	
<p>b) <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>GV giao nhiệm vụ cho Ban Cán sự lớp / Chi đội điều hành. GV hỗ trợ.</p> <p>– Tổ chức cho các nhóm trình bày Kế hoạch xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của trường của nhóm mình đã chuẩn bị. Sau mỗi nhóm trình bày, mời các nhóm khác đóng góp ý kiến cho nhóm bạn.</p> <p>– GV góp ý trực tiếp cho từng kế hoạch của HS để đảm bảo tính khả thi. GV nên hỏi HS đã xác định có thuận lợi, khó khăn gì, nếu HS không dự đoán được thì GV dự đoán và hỏi các em phương án giải quyết, thảo luận sâu về những điều này.</p> <p>– GV hướng dẫn HS các theo dõi tiến độ thực hiện Kế hoạch: <i>Hàng tuần, nhóm nên có buổi trao đổi, các bạn báo cáo các việc đã làm được, chưa làm được để cùng nhau rút kinh nghiệm, có thể phải điều chỉnh, phân công lại.</i></p>	<p>– HS các nhóm trình bày kế hoạch mà nhóm mình đã chuẩn bị, sau đó, mời các nhóm bạn góp ý, mời thầy cô góp ý.</p>
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<p>– GV tổng kết tiết sinh hoạt lớp, nếu lớp có phân công tiết mục văn nghệ ở giờ</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>

SHDC tuần sau thì GV kiểm tra lại công tác chuẩn bị và hỗ trợ các em.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ SINH HOẠT LỚP:

.....
.....

KÝ DUYỆT

Ngày 5 tháng 9 năm 2024

Tổ trưởng



Nguyễn Thị Hoài Thanh

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 4
TỪ NGÀY 23/09 – 27/09/2024

	Tiết	Tiết PPC T	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Thứ hai (23/09)	1	10	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Văn nghệ theo chủ đề “Trường học thân yêu của em”	
	2	22	Tiếng Việt	Đọc: Bộ sưu tập độc đáo	GD QCN
	3	23	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ (tiếp theo)	
	4	16	Toán	Bài 8: Ôn tập hình học và đo lường (Tiết 2)	
	5				
	6	4	Đạo đức	Bài 1. Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước (tiết 4)	GD QCN
	7	7	LS-ĐL	Bài 3: Biển, đảo Việt Nam (Tiết 1)	
	8	10	Ôn TV	Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ (tiếp theo)	
Thứ ba (24/09)	1	24	Tiếng Việt	Viết: Viết báo cáo công việc	
	2	17	Toán	Bài 9: Luyện tập chung (Tiết 1)	
	3	7	Khoa học	Bài 3: Hỗn hợp và dung dịch (Tiết 2)	
	4	4	Công nghệ	Bài 2. Nhà sáng chế (Tiết 2)	
	5	4	Mĩ thuật	Bài 2: Cánh diều tuổi thơ (Tiết 2)	
	6	13	Tiếng Anh	Unit 1 Jim’s day (cont)	
	7	11	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân. - Triển lãm “Tôi đang lớn”.	
	8	7	Thẻ đục	Bài 2: Bài tập phối hợp đội ngũ hàng dọc, biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang (Tiết 4)	
	1	25	Tiếng Việt	Đọc: Hành tinh kì lạ (Tiết 1)	
	2	26	Tiếng Việt	Đọc: Hành tinh kì lạ (Tiết 2)	GDDD

Thứ tư (25/09)	3	18	Toán	Bài 9: Luyện tập chung (Tiết 2)		
	4	14	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day (cont)		
	5	15	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day (cont)		
	6	4	Tin học	Bài 2. Tìm kiếm thông tin trên website (Tiết 2)		
	7	10	Ôn Toán	Bài 9: Luyện tập chung (Tiết 2)		
	8	11	Ôn TV	Viết: Viết báo cáo công việc		
	1	20	Tiếng Việt	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc		
	2	19	Toán	Bài 9: Luyện tập chung (Tiết 3)		
	3	8	Khoa học	Bài 4: Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất (Tiết 2)		
Thứ năm (26/09)	4	8	LS-ĐL	Bài 3: Biển, đảo Việt Nam (Tiết 2)	GD GD QPAN	
	5					
	6	11	Ôn Toán	Bài 9: Luyện tập chung (Tiết 3)		
	7	8	Thể dục	Bài 3: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình từ một thành nhiều hàng ngang, hàng dọc, vòng tròn (Tiết 1)		
	8	12	Ôn TV	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc		
	9	4	KNS			
	Thứ sáu (27/09)	1	21	Tiếng Việt	Nói và nghe: Những điểm vui chơi lí thú	
		2	4	Âm nhạc	Ôn tập nhạc cụ Vận dụng	
		3	20	Toán	Bài 10: Khái niệm số thập phân (Tiết 1)	
4		16	Tiếng Anh	Unit 1 Jim's day (cont)		
5						
6		12	Ôn Toán	Bài 10: Khái niệm số thập phân (Tiết 1)		
7		12	HDTN	Sinh hoạt lớp: Thể hiện hiểu biết, khả năng của em trong phong trào xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của trường.		
8		4	Năng khiếu			

Thứ hai ngày 23 tháng 9 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ 1: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU
Sinh hoạt dưới cờ
Văn nghệ theo chủ đề “Trường học thân yêu của em”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia văn nghệ theo chủ đề “Trường học thân yêu của em”
- Chia sẻ được cảm xúc của em về mái trường mến yêu.

2. Năng lực chung

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Học sinh biết chia sẻ cảm xúc của mình khi xem văn nghệ và tham gia các hoạt động..
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tham gia hoạt động do nhà trường tổ chức và thực hiện đúng nhiệm vụ của mình trong quá trình tham gia.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Trách nhiệm với công việc được giao trong buổi biểu diễn văn nghệ.
- Phẩm chất nhân ái: Thể hiện sự tin tưởng, hào hứng, cổ vũ động viên các bạn biểu diễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị sân khấu
- Tổ chức luyện tập cho sinh các tiết mục văn nghệ

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ để biểu diễn
- Trang phục chỉnh tề, ghế ngồi ngay ngắn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia văn nghệ theo chủ đề “Trường học thân yêu của em” - Chia sẻ được cảm xúc của em về mái trường mến yêu. 	
<p>b) Tiến trình hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS tham gia biểu diễn văn 	- HS có nhiệm vụ thực hiện theo

<p>nghệ theo kế hoạch của nhà trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV tổ chức cho HS tham gia múa hát tập thể theo chủ đề “Trường học thân yêu của em” theo kế hoạch của nhà trường. – GV cho HS chia sẻ nhóm đôi về điều em cảm thấy thích thú nhất khi tham gia hoạt động này. - Kết thúc, dặn dò. 	<p>phân công. Các HS khác cổ vũ các bạn với tinh thần văn minh.</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

TUẦN 4: CHỮ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ
Bài 07: BỘ SƯU TẬP ĐỌC ĐÁO (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài “Bộ sưu tập đọc đảo”. Biết nhả giọng vào các từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.

Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật, nhận biết các sự việc xảy ra trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Mỗi sự vật trong cuộc sống đều có ý nghĩa riêng, không phải do giá trị vật chất mà có là do giá trị tinh thần của chúng mang lại. Nếu biết trân trọng các sự vật quanh mình, ta sẽ phát hiện ra giá trị ấy.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: Biết trân trọng các sự vật quanh mình
 - Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý, trân trọng bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* **GD Quyền con người:** Quyền được vui chơi, học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho nhóm hoạt động: Em quan sát kĩ bức tranh minh họa và nhan đề bài đọc để đưa ra dự đoán về nội dung câu chuyện. - Làm việc nhóm - 2 -3 HS đại diện nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. - GV và cả lớp thống nhất đáp án. - GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm TL: từng thành phần nêu ý kiến, các thành viên khác trao đổi, gợi ý và thống nhất. Hs làm việc theo hướng dẫn theo nhóm trưởng - HS đại diện một số nhóm lên chia sẻ - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài “Bộ sưu tập độc đáo”. Biết nhấn giọng vào các từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc đúng và diễn cảm bài “Bộ sưu tập độc đáo”. Biết nhấn giọng vào các từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến đã ghi âm được xong... + Đoạn 2: Phần còn lại. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: <i>triển lãm, giọng nói, cười lãn, liến thoắng, liên tiếp, xen lẫn...</i>) - GV hướng dẫn luyện đọc câu: (Chiếu đoạn 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó.

<p>hướng dẫn đọc)</p> <p>Cách ngắt giọng ở những câu: Thấy bố,/ vốn là một giáo viên,/nghe lại băng ghi âm các bài giảng,/ Loan chợt nảy ra ý tưởng suu tâm giọng nói của cả lớp.</p> <p>- GV HD đọc diễn cảm và đúng giọng các câu thể hiện thái độ, cảm xúc và cá tính của nhân vật: Chúc tình bạn của chúng mình thật lâu bền! (Giọng dịu dàng, mềm mại)– Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua.(Giọng liền thoáng, lém lỉnh)</p> <p>- GV mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.</p> <p>- 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật, nhận biết các sự việc xảy ra trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Mỗi sự vật trong cuộc sống đều có ý nghĩa riêng, không phải do giá trị vật chất mà có là do giá trị tinh thần của chúng mang lại. Nếu biết trân trọng các sự vật quanh mình, ta sẽ phát hiện ra giá trị ấy.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ Triển lãm: trưng bày sản phẩm để mọi người xem.</p> <p>+ Phát thanh viên: Người đọc tin, bài trên đài phát thanh, đài truyền hình.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài:</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p>

<p>+ Câu 1: Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động gì? Các bạn trong lớp có thái độ như thế nào với hoạt động ấy?</p> <p>+ Câu 2: Đóng vai Loan, kể lại quá trình nảy ra ý tưởng và thực hiện ý tưởng cho bộ sưu tập.</p> <p>+ Câu 3: Các bạn cảm thấy thế nào về bộ sưu tập của Loan?</p> <p>+ Câu 4: Theo em, vì sao thầy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo?</p> <p>+ Câu 5: Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm món đồ gì? Vì sao?</p>	<p>+ Thầy Dương muốn cả lớp thực hiện hoạt động sưu tầm một món đồ và sau đó ra Tết sẽ tổ chức một triển lãm. Các bạn trong lớp có thái độ phấn khích và hứng thú với hoạt động này, như được thể hiện qua việc ò lên và chủ động tìm kiếm món đồ để sưu tầm. Nhưng Loan thì hơi lo lắng vì chưa biết sưu tầm gì. Sau khi nghe thầy đưa ra hoạt động sưu tầm để tổ chức triển lãm, tớ đã suy nghĩ mãi không biết nên sưu tầm gì. Chợt thấy bố, vốn là giáo viên đang nghe lại băng ghi âm các bài giảng, tớ nảy ra ý tưởng sưu tầm giọng nói của cả lớp. Tớ nhận ra rằng việc thu thập giọng nói có thể là một cách ý nghĩa để ghi lại những khoảnh khắc đặc biệt của lớp. Tớ mượn máy ghi âm của bố và gặp từng bạn trong lớp để thu âm những câu chúc.</p> <p>+ Các bạn cảm thấy rất ấn tượng và xúc động về bộ sưu tập của Loan. Họ cảm nhận được sự ý nghĩa sâu sắc của việc thu thập giọng nói, khi mỗi giọng nói đều chứa đựng những cảm xúc và kỷ niệm đặc biệt của từng người trong lớp. Bộ sưu tập không chỉ độc đáo mà còn mang lại cho họ một cảm giác gần gũi và thân thuộc với nhau hơn.</p> <p>+ Thầy Dương cho rằng bộ sưu tập đó rất độc đáo vì nó không chỉ là việc sưu tầm vật phẩm vật chất mà còn là việc thu thập và lưu giữ những khoảnh khắc, cảm xúc, và kỷ niệm của cả lớp thông qua giọng nói. Sự sáng tạo và ý nghĩa sâu sắc của ý tưởng đã khiến cho bộ sưu tập trở nên đặc biệt và đáng nhớ.</p> <p>+ Nếu lớp em cũng tổ chức một buổi triển lãm giống lớp của Loan, em sẽ sưu tầm những bức ảnh hoặc video ghi</p>
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <p><i>Bộ sưu tập giọng nói của Loan không chỉ mang lại sự mới lạ, độc đáo (vì chưa từng có những bộ sưu tập như thế xuất hiện) mà còn mang lại giá trị tinh thần sâu sắc, gắn kết tình bạn, tình đoàn kết của cả lớp.</i></p> <p>3.3. Luyện đọc lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc. + Làm việc chung cả lớp, cả lớp nghe bạn đọc góp ý cách đọc diễn cảm + Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài 	<p>lại những khoảnh khắc đáng nhớ, những chia sẻ, câu chuyện của từng thành viên trong lớp. Bởi vì những hình ảnh và video có thể ghi lại được nhiều thông điệp và cảm xúc, giúp mọi người nhớ lại những khoảnh khắc đáng nhớ và tạo ra sự gắn kết mạnh mẽ hơn trong lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. <p>-2 HS đọc trước lớp – HS nhận xét góp ý -Cá nhân tự đọc</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Bộ sưu tập độc đáo” - Nhận xét, tuyên dương. * GD Quyền con người: Quyền được vui chơi, học tập. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn lại kiến thức về 3 loại đại từ: xưng hô, thay thế và nghi vấn, củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng sử dụng đại từ, hiểu thêm về tác dụng rút gọn văn bản và tránh lặp từ của đại từ thay thế.

- Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi: Chia lớp thành 2 nhóm (mỗi nhóm cử đại diện 4 bạn) GV phát 1 số thẻ có chứa đại từ các nhóm sắp xếp các đại từ đó vào các nhóm thích hợp. Nhóm</p>	<p>- HS tham gia trò chơi theo sự phân công của nhóm.</p>

<p>nào làm nhanh, đúng thì nhóm đó thắng cuộc. - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập. - Mục tiêu: - Ôn lại kiến thức về 3 loại đại từ: xưng hô, thay thế và nghi vấn, củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng sử dụng đại từ, hiểu thêm về tác dụng rút gọn văn bản và tránh lặp từ của đại từ thay thế. - Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người. - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Thực hiện các yêu cầu: a. Chọn các từ dùng để xưng hô (tôi, anh, chúng ta) thích hợp với mỗi bông hoa để hoàn chỉnh câu chuyện vui dưới đây: Suy luận của Sơ-lốc Hôm (1) Sơ-lốc Hôm và bác sĩ Oát-xon đi cắm trại. (2) Hai người nằm ngủ trong một chiếc lều. (3) Gần sáng, Sơ-lốc Hôm lay bạn dậy và hỏi: - (4) Oát-xon, nhìn xem, <input type="checkbox"/> thấy cái gì? - (5) <input type="checkbox"/> thấy rất nhiều sao. - (6) Theo anh, thế có nghĩa là gì? - (7) Nghĩa là <input type="checkbox"/> sẽ có một ngày đẹp trời. (8) Còn <input type="checkbox"/>, <input type="checkbox"/> nghĩ sao? - (9) Theo <input type="checkbox"/>, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của <input type="checkbox"/> b. Tìm đại từ thay thế trong câu 6. Những đại từ nào có thể thay thế cho đại từ đó? c. Thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng một đại từ nghi vấn khác. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. Suy luận của Sơ-lốc Hôm (1) Sơ-lốc Hôm và bác sĩ Oát-xon đi cắm trại. (2) Hai người nằm ngủ trong một chiếc lều. (3) Gần sáng, Sơ-lốc Hôm lay bạn dậy và hỏi: - (4) Oát-xon, nhìn xem, anh thấy cái gì? - (5) Tôi thấy rất nhiều sao. - (6) Theo anh, thế có nghĩa là gì? - (7) Nghĩa là chúng ta sẽ có một ngày đẹp trời. (8) Còn anh, anh nghĩ sao? - (9) Theo tôi, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của chúng ta. (6) Theo anh, thế có nghĩa là gì? (Đại từ thay thế trong câu này là “thế”). - Các đại từ có thể thay thế là: vậy, đó,... - Thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng một đại từ nghi vấn khác: gì, thế nào,... - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

<p>- GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.</p> <p>Bài 2.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn Trả lời câu hỏi 2 trang 38 SGK Tiếng Việt 5 Kết nối tri thức</p> <p>Dùng đại từ để thay thế cho những từ ngữ lặp lại trong mỗi đoạn dưới đây và cho biết việc dùng đại từ thay thế như vậy có tác dụng gì.</p> <p>a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc Thành tặng tôi một quyển truyện tranh làm tôi rất xúc động. b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài cái khung cửa mở rộng là một khu vườn xanh mát. c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chị tôi cũng thích xem phim hoạt hình.</p> <p>- GV cùng cả lớp tranh luận kết quả</p> <p>- GV nhận xét chung</p> <p>Bài 3: Trả lời câu hỏi 3 trang 38 SGK Tiếng Việt 5 Kết nối tri thức</p> <p>Đóng vai bác sĩ Oát-xơn trong câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hôm, viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ.</p> <p>-GV cho nhóm đôi thảo luận và trình bày trước lớp.</p> <p>-GV nhận xét cùng cả lớp.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu, Cả lớp lắng nghe. - HS thực hiện cá nhân trình bày trước lớp</p> <p>a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc đó làm tôi rất xúc động. b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài đó là một khu vườn xanh mát. c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chị tôi cũng thế.</p> <p>=> Tác dụng: Tránh lặp từ.</p> <p>- Cả lớp cùng tranh luận và cùng thống nhất. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Nhóm đôi đọc kĩ câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hôm, suy nghĩ và viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ. VD: Anh thật là hài hước! Đại từ xưng hô: anh Hoặc: Ừ nhỉ! Chúng ta phải làm gì bây giờ? (Chúng ta là đại từ xưng hô, gì là đại từ nghi vấn) -Nghe rút kinh nghiệm</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số đoạn văn trong đó có chứa đại từ. + Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là đại từ có trong đoạn văn. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

TUẦN 4:

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 8: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian; xác định được các đường thẳng song song, vuông góc trong đời sống; Thực hiện được vẽ trang trí bằng cách áp dụng cách vẽ các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết được các bài toán hình học về diện tích hình chữ nhật.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được Thực hiện được vẽ trang trí bằng cách áp dụng cách vẽ các đường thẳng song song, vuông góc, giải quyết

được các bài toán hình học về diện tích hình chữ nhật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

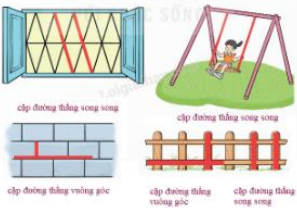
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

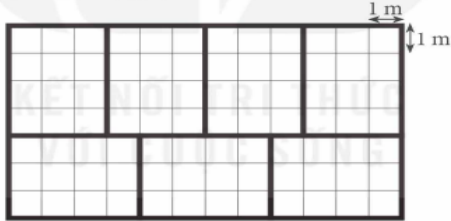
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Số 7 yến = ... kg + Câu 2: Số : 8 tạ = ... yến + Câu 3: Tính: $\frac{1}{2} : 5$ Câu 4: Hình chữ nhật biết chiều dài là $\frac{12}{10}$ m và chiều rộng là $\frac{9}{10}$ m. Diện tích hình chữ nhật là m - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: 7 yến = 70 kg + Trả lời: 8 tạ = 80 yến + Trả lời: $\frac{1}{2} : 5 = \frac{1}{2} \times \frac{1}{5} = \frac{1}{10}$ + Trả lời: $\frac{108}{100}$ m² - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - HS chuyển đổi được các đơn vị đo thời gian; xác định được các đường thẳng song song, vuông góc trong đời sống; - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Số</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn bài mẫu. - GV mời HS làm việc cá nhân: Số 	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài tập và hướng dẫn bài mẫu. - GV mời HS làm việc cá nhân sau đó

<p>a) 5 giờ = ? phút 7 thế kỉ = ? năm $\frac{1}{10}$ giờ = ? phút</p> <p>b) 2 giờ 30 phút = ? phút 4 phút 5 giây = ? giây $\frac{7}{100}$ thế kỉ = ? năm</p> <p>- GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>xung phong nêu kết quả nối tiếp: 5 giờ = 300 phút 2 giờ 30 phút = 150 phút 7 thế kỉ = 700 năm; 4 phút 5 giây = 245 giây $\frac{1}{10}$ giờ = 6 phút $\frac{7}{100}$ thế kỉ = 7 năm</p> <p>-HS giải thích cách làm.</p>
<p>Bài 2. Quan sát</p> <p>- GV cho HS nêu yêu cầu đề bài</p> <p>- GV cho HS mô tả hình ảnh và cho biết các đường thẳng trong hình đó là vuông góc hay song song.</p> <p>- GV cho HS tìm các hình ảnh thực tế trong lớp học có các đường thẳng song song, vuông góc.</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu</p> <p>- HS mô tả trước lớp</p>  <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 3. Thực hành vẽ đường thẳng song song, vuông góc</p> <p>GV cho HS quan sát hình vẽ (Chiếu lên bảng) Nêu một số đặc điểm đặc biệt của hình vẽ. Sau đó cho HS nêu yêu cầu đề bài và thực hiện vẽ vào vở</p> <p>- GV khuyến khích HS vẽ khác SGK</p> <p>- GV chấm, nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>-HS quan sát và nêu</p> <p>-2 HS nêu YC đề bài</p> <p>-HS thực hành vẽ Có thể vẽ khác SGK</p> <p>- Nghe GV nhận xét, bổ sung</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 4. Di Sáu có một mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 7m. Di chia đều mảnh đất thành 7 ô đất để xây các phòng trọ.</p> <p>a) Mỗi phòng trọ được xây trên ô đất có diện tích là bao nhiêu mét vuông?</p> <p>b) Hãy tìm cách chia mảnh đất nhà Di Sáu thành 7 ô đất hình chữ nhật, mỗi ô</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.</p> <p>- Lớp làm việc cá nhân làm vào vở</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>a) Diện tích của mảnh đất là</p> $12 \times 7 = 84 \text{ (m}^2\text{)}$

<p>có chiều dài 4m, chiều rộng 3m.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV cho HS làm bài vào vở, GV quan sát, hỗ trợ - GV lên trình bày bài giải - GV cho Hs nhận xét, tuyên dương. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>Mỗi phòng trọ được xây trên ô đất có diện tích là:</p> $84 : 7 = 12 (m^2)$ <p>b) Ta có thể chia mảnh đất như sau:</p> 
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

BÀI 1: BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (T4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên và đóng góp của những người có công với quê hương đất nước.
- Biết vì sao phải biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về những đóng góp của những người có công với quê hương, đất nước.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhắc nhở bạn bè có thái độ, hành vi biết ơn những người có công với quê hương đất nước.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về những đóng góp của người có công với quê hương, đất nước.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thể hiện qua thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện lòng biết ơn những người có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm hiểu về các nhân vật lịch sử có công với quê hương, đất nước.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

* **GD Quyền con người:** Bồn phận giữ gìn phát, huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới kết nối tiết 1 với tiết 2. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh xem video bài hát “Nhớ ơn anh Bộ đội” (sáng tác của Trương Duy Huyền). - GV cùng HS chia sẻ nội dung và cảm xúc về bài hát. + Các bạn nhỏ thích nhất điều gì ở anh bộ đội? + Các bạn nhỏ sẽ làm gì để nhớ ơn anh bộ đội? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem bài hát, hiểu nội dung và chia sẻ cảm xúc cùng giáo viên. + Các bạn thích anh đi đều bước. + Các bạn nhỏ chăm học, chăm ngoan.
<p>2. Hoạt động luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng thông qua bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống về lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài tập 5. Xử lí tình huống</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc nhóm, đọc tình huống, xây dựng kịch bản và đưa ra cách xử lí. <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid orange; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 30%;"> <p>a Các bạn trong lớp tích cực tham gia phong trào “Chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”. Sơn nói với các bạn: “Tớ không tham gia đâu vì ông tớ cũng là thương binh”.</p> <p><i>Nếu có mặt ở đó, em sẽ nói gì với Sơn?</i></p> </div> <div style="border: 1px solid blue; border-radius: 10px; padding: 5px; width: 30%;"> <p>b Páo ước mơ sau này được trở thành người lính biên phòng ngày đêm canh giữ biên cương. Khánh thắc mắc: “Bây giờ đất nước đã hoà bình rồi, sao bạn không mơ ước trở thành doanh nhân hay kĩ sư, bác sĩ?”.</p> <p><i>Nếu là Páo, em sẽ nói gì với bạn?</i></p> </div> </div>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm, cùng đọc thông tin, thảo luận và đưa ra cách xử lí các tình huống, sau đó thống nhất chọn ý kiến phù hợp nhất: + Tình huống 1: Khuyến Sơn nên tham gia cùng các bạn và rủ các bạn về nhà chơi, trò chuyện, thăm hỏi ông. + Tình huống 2: Páo nên nói với bạn: Đất nước đã hoà bình rồi nhưng vẫn cần có những người lính bảo vệ đất nước, để

<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%; border: 1px solid #ccc; border-radius: 10px; padding: 5px; background-color: #fff9c4;"> <p>c Nhờ sự tài trợ của một số doanh nhân trong chương trình "Nhịp cầu hạnh phúc", bác của Sừ đã có chiếc cầu bắc qua suối. Biết ơn các nhà tài trợ, mọi người trong bản bàn nhau bảo vệ cây cầu bằng cách làm biển cấm những xe chở hàng nặng đi qua. Nhưng một số bạn lại nói: "Sao phải làm thế! Hồng cây cầu này thì họ lại tài trợ để làm cây cầu khác mà!".</p> <p><i>Nếu là Sừ, em sẽ nói gì với các bạn?</i></p> </div> <div style="width: 45%; border: 1px solid #ccc; border-radius: 10px; padding: 5px; background-color: #e1f5fe;"> <p>d Bác Phú nhận nuôi nhiều trẻ em mồ côi không nơi nương tựa. Thịnh thoảng, Thu và các bạn mang đồ ăn, quần áo, sách vở đến cho các em và giúp bác chăm sóc, dạy dỗ các em nhỏ. Gần đây, gia đình Thu muốn bạn dành nhiều thời gian hơn cho học tập nên khuyến bạn không tiếp tục công việc đó nữa. Thu rất buồn nhưng không biết phải làm sao.</p> <p><i>Nếu là Thu, em sẽ làm gì?</i></p> </div> </div> <p style="margin-top: 20px;">- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>phòng nguy cơ chiến tranh có thể xảy ra. Mỗi người có một ước mơ khác nhau nhưng đều góp phần bảo vệ dựng xây đất nước, giữ gìn, phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước.</p> <p>+ Tình huống 3: Sừ nên nói với các bạn: Nguồn tài trợ là có giới hạn, nhiều nơi có khó khăn cần sự giúp đỡ của các nhà tài trợ. Vì vậy không nên ỷ lại, trông chờ mà phải biết bảo vệ, gìn giữ cây cầu để được dài lâu.</p> <p>+ Tình huống 4: Thu nên nói với thầy, cô giáo và nhiều bạn hơn nữa để cùng chung tay giúp đỡ các em nhỏ. Thu có thể sắp xếp thời gian phù hợp để vừa học tốt vừa có thể chăm sóc, dạy dỗ các em nhỏ cùng với các bạn và gia đình bác Phú.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>4. Hoạt động vận dụng.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó thể hiện được lòng biết ơn bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Liên hệ bản thân:</p> <p>- GV tổ chức cho HS sắm vai MC, phỏng vấn các bạn trong lớp để thực hiện bài tập vận dụng số 1:</p> <p><i>Hãy chia sẻ những việc em đã làm và sẽ làm để bày tỏ lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước.</i></p> <p>* GD Quyền con người:</p> <p>Qua các việc làm trên em đã biết giữ gìn phát, huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.</p>	<p>- HS tham gia sắm vai và thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>- Các bạn trong lớp trả lời phỏng vấn, chia sẻ những việc em đã làm và sẽ làm để bày tỏ lòng biết ơn những người có công với quê hương đất nước.</p>
<p>2. Sáng tạo sản phẩm.</p> <p>- GV tổ chức cho lớp làm việc cá nhân, thực hiện bài tập vận dụng số 2:</p> <p><i>Hãy tạo một sản phẩm (Viết đoạn văn, vẽ bức tranh, thiết kế Poster,...) thể hiện lòng</i></p>	<p>- HS có thể làm trên lớp hoặc về nhà.</p> <p>- Giờ học sau nộp sản phẩm và báo cáo kết quả với giáo viên.</p>

biết ơn những người có công với quê hương đất nước.

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV đánh giá tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ

TUẦN 4: CHỮ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

Bài 3: Biển, đảo Việt Nam (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

-Phát triển năng lực tìm tòi khám phá thông qua việc xác định vị trí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Có khả năng sưu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất

-Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

-Trách nhiệm nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC


- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

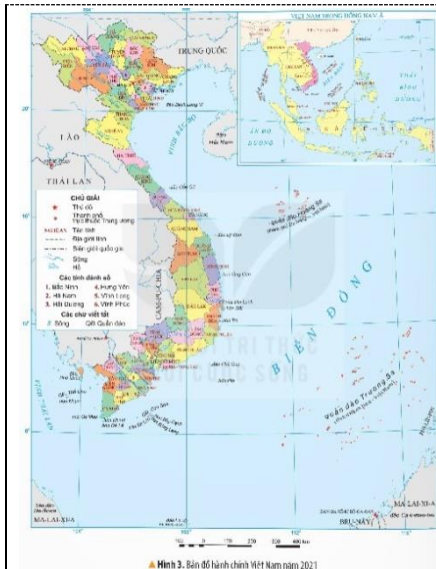
+Lược đồ hoặc bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Kết nối những điều học sinh đã biết với những điều học sinh chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của học sinh để dẫn dắt vào bài mới.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 16).</p>  <p>Hình 1. Đảo Trường Sa Lớn (Khánh Hoà)</p> <p>+ GV tổ chức cho HS thi kể tên một số đảo, quần đảo của Việt Nam thông qua trò chơi “Xì điện”.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Với trên 3.260 km đường bờ biển và trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, bao gồm 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tiềm năng và lợi thế lớn về tài nguyên biển và hải đảo. Biển và hải đảo có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng như thế nào về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nhé.</p>	<p>- Cả lớp quan sát tranh.</p> <p>- HS kể tên một số đảo, quần đảo mà em biết.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (trang 6), hãy xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.</p>	<p>- HS quan sát tranh, thảo luận và nêu xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.</p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>-Vùng biển Việt Nam là một phần của</p>



GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt: Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Đường bờ biển của Việt Nam kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến mũi Cà Mau (Cà Mau). Trong vùng biển có hàng nghìn đảo, nhiều đảo tập hợp thành quần đảo, trong đó lớn nhất là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Biển Đông.

-Vùng biển có hàng nghìn đảo, tiêu biểu:

+Đảo Bạch Long Vĩ, Cát Bà (Hải Phòng)

+Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)

+Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)

+Đảo Côn Sơn (Bà Rịa-Vũng Tàu)

+Đảo Phú Quốc (Kiên Giang),...

-Các quần đảo:

+Quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng)

+Quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa)

- Nhận xét lẫn nhau.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức về vị trí địa lí vùng biển, các đảo, quần đảo Việt Nam.

+ Rèn luyện kĩ năng quan sát, ghi nhớ, thuyết trình, hợp tác nhóm.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: “Tôi yêu Việt Nam”

- GV tổ chức trò chơi “Tôi yêu Việt Nam”.

- Luật chơi: GV chia HS thành 3 đội. Mỗi đội được cấp một bộ tranh ảnh về các đảo, quần đảo của Việt Nam. Nhiệm vụ của mỗi đội là sắp xếp các đảo, quần đảo theo khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.


- HS lắng nghe luật chơi.

- HS tham gia chơi.

+Miền Bắc: đảo Cát Bà, Cô Tô.

+Miền Trung: đảo Bình Ba, Lý Sơn, Cù Lao Chàm.

+Miền Nam: đảo Phú Quốc, Phú Quý,

 <p>-GV tổ chức cho HS chơi trong 5 phút. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.</p>	<p>Nam Du, Côn Sơn</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó giúp học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ cảnh quan vùng biển, hải đảo. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS kể lại những cảnh quan biển, hải đảo mà em đã từng đến thăm.</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Là một học sinh, theo em cần làm những gì để bảo vệ vẻ đẹp của biển đảo quê hương? - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.</p>	<p>- HS thi kể. Ví dụ minh họa: Em đã được đi đến vịnh Hạ Long. Nơi đây có gần 2000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều đảo đá, hang động và bãi tắm đẹp. Vịnh Hạ Long được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới. -HS trả lời. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

**ÔN TIẾNG VIỆT
LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ (Tiếp theo)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn lại kiến thức về 3 loại đại từ: xưng hô, thay thế và nghi vấn, củng cố kiến thức, nâng cao kĩ năng sử dụng đại từ, hiểu thêm về tác dụng rút gọn văn bản và tránh lặp từ của đại từ thay thế.

- Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi: Chia lớp thành 2 nhóm (mỗi nhóm cử đại diện 4 bạn) GV phát 1 số thẻ có chứa đại từ các nhóm sắp xếp các đại từ đó vào các nhóm thích hợp. Nhóm nào làm nhanh, đúng thì nhóm đó thắng cuộc. - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi theo sự phân công của nhóm. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1:(trang 24 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Thực hiện các yêu cầu: a. Điền các đại từ dùng để xưng hô <i>tôi, anh, chúng ta</i> vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu chuyện vui dưới đây:	

Suy luận của Sơ-lốc Hôm

(1) Sơ-lốc Hôm và bác sĩ Oát-xon đi cắm trại. (2) Hai người nằm ngủ trong một chiếc lều. (3) Gần sáng, Sơ-lốc Hôm lay bạn dậy và hỏi:

- (4) Oát-xon, nhìn xem, thấy cái gì?

- (5) thấy rất nhiều sao.

- (6) Theo anh, thế có nghĩa là gì?

- (7) Nghĩa là sẽ có một ngày đẹp trời. (8) Còn , nghĩ sao?

- (9) Theo, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của

b) Xác định đại từ thay thế trong câu 6.

Thay đại từ đó bằng một đại từ khác.

Đại từ thay thế trong câu 6 là:.....

Có thể thay từ này bằng từ.....

c. Thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng một đại từ nghi vấn khác và viết lại câu.

Có thể thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng đại từ

Viết câu

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

- GV mời các nhóm trình bày.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

Suy luận của Sơ-lốc Hôm

(1) Sơ-lốc Hôm và bác sĩ Oát-xon đi cắm trại. (2) Hai người nằm ngủ trong một chiếc lều. (3) Gần sáng, Sơ-lốc Hôm lay bạn dậy và hỏi:

- (4) Oát-xon, nhìn xem, **anh** thấy cái gì?

- (5) **Tôi** thấy rất nhiều sao.

- (6) Theo anh, thế có nghĩa là gì?

- (7) Nghĩa là **chúng ta** sẽ có một ngày đẹp trời. (8) Còn **anh, anh** nghĩ sao?

- (9) Theo **tôi**, điều này có nghĩa là ai đó đã đánh cắp cái lều của **chúng ta**.

<p>- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.</p> <p>Bài 2.(trang 26 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) - GV yêu cầu HS</p> <p>Gạch dưới các từ ngữ lặp lại trong mỗi đoạn dưới đây. Dùng đại từ để thay thế cho từ ngữ đó và cho biết việc dùng đại từ thay thế như vậy có tác dụng gì.</p> <p>a. Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc Thành tặng tôi một quyển truyện tranh làm tôi rất xúc động.</p> <p>b. Thanh nhìn ra cái khung cửa mở rộng. Ngoài cái khung cửa mở rộng là một khu vườn xanh mát.</p> <p>c. Tôi thích xem phim hoạt hình. Chị tôi cũng thích xem phim hoạt hình.</p> <p>=> Việc sử dụng các đại từ thay thế trên có tác dụng</p> <p>- GV cùng cả lớp tranh luận kết quả</p>	<p>(6) Theo anh, thế có nghĩa là gì? (Đại từ thay thế trong câu này là “thế”).</p> <p>- Đại từ thay thế trong câu 6 là: vậy, đó,... - Có thể thay từ này bằng từ: gì, thế nào,...</p> <p>- Các nhóm trình bày Có thể thay đại từ nghi vấn trong câu 8 bằng đại từ: gì, thế nào, như nào – Viết lại câu: Còn anh, anh nghĩ thế nào? - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu, Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện cá nhân trình bày trước lớp</p> <p>a. <u>Thành tặng tôi một quyển truyện tranh. Việc Thành tặng tôi một quyển truyện tranh làm tôi rất xúc động.</u> - Đại từ thay thế cho từ ngữ lặp lại: này,</p>
--	---

<p>- GV nhận xét chung</p> <p>Bài 3: (trang 26 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Đóng vai bác sĩ Oát-xơn trong câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hôm, viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ.</p> <p>-GV cho nhóm đôi thảo luận và trình bày trước lớp.</p> <p>-GV nhận xét cùng cả lớp.</p>	<p>đó.</p> <p>b. Thanh nhìn ra <u>cái khung cửa mở rộng</u>. Ngoài <u>cái khung cửa mở rộng</u> là một khu vườn xanh mát.</p> <p>- Đại từ thay thế cho từ ngữ lặp lại: đó.</p> <p>c. Tôi <u>thích xem phim hoạt hình</u>. Chị tôi cũng <u>thích xem phim hoạt hình</u>.</p> <p>- Đại từ thay thế cho từ ngữ lặp lại: thế</p> <p>=> Việc sử dụng các đại từ thay thế trên có tác dụng: rút ngắn câu văn, giảm lượng thông tin thừa đã biết và câu văn được hay hơn.</p> <p>- Cả lớp cùng tranh luận và cùng thống nhất.</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- Nhóm đôi đọc kĩ câu chuyện Suy luận của Sơ-lốc Hôm, suy nghĩ và viết câu đáp lại lời của Sơ-lốc Hôm, trong đó có chứa một đại từ.</p> <p>VD: Anh thật là hài hước!</p> <p>Đại từ xưng hô: anh</p> <p>Hoặc: Ủ nhỉ! Chúng ta phải làm gì bây giờ? (Chúng ta là đại từ xưng hô, gì là đại từ nghi vấn)</p> <p>-Nghe rút kinh nghiệm</p>
<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:.</p> <p>Bài 4: (trang 26 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Những từ in đậm trong các câu dưới đây thay thế cho từ ngữ nào? Có thể dùng những từ nào khác để thay thế?</p> <p style="text-align: center;">Bức ảnh</p> <p>Lớp tiểu học của Giôn-ni có một chuyến tham quan thực tế tới đồn cảnh sát địa phương. Ở đó, lũ trẻ nhìn thấy trên bảng</p>	

<p>tin những bức ảnh của một người đàn ông đang bị truy nã. Giôn-ni chỉ vào một bức ảnh và hỏi một chú cảnh sát:</p> <p>– Chú ơi! Đây có phải là ảnh của một kẻ truy nã không ạ?</p> <p>– Đúng rồi, cháu ạ. – Chú cảnh sát đáp.</p> <p>– Sao chú không bắt luôn khi chú chụp ảnh hắn?</p> <p style="text-align: center;">(Truyện cười song ngữ)</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc cá nhân</p> <p>- GV mời HS trình bày</p> <p>- Mời HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét kết luận và tuyên dương</p>	<p>- HS nêu:</p> <table border="1" data-bbox="821 577 1422 974"> <thead> <tr> <th>Từ in đậm</th> <th>Từ ngữ được thay thế</th> <th>Những từ khác để thay thế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>đó</td> <td>đồn cảnh sát địa phương</td> <td>đây, đấy</td> </tr> <tr> <td>Đây</td> <td>bức ảnh</td> <td>đó</td> </tr> <tr> <td>hắn</td> <td>một kẻ truy nã</td> <td>gã ta, hắn ta, ông ta</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS lắng nghe</p>	Từ in đậm	Từ ngữ được thay thế	Những từ khác để thay thế	đó	đồn cảnh sát địa phương	đây, đấy	Đây	bức ảnh	đó	hắn	một kẻ truy nã	gã ta, hắn ta, ông ta
Từ in đậm	Từ ngữ được thay thế	Những từ khác để thay thế											
đó	đồn cảnh sát địa phương	đây, đấy											
Đây	bức ảnh	đó											
hắn	một kẻ truy nã	gã ta, hắn ta, ông ta											
<p style="text-align: center;">3.Hoạt động vận dụng</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>													
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>+ GV chuẩn bị một số đoạn văn trong đó có chứa đại từ.</p> <p>+ Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)</p> <p>+ Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là đại từ có trong đoạn văn. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>												

- Dẫn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 24 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.
- Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc 1 bản báo cáo và nhận xét. - Nhắc lại những điểm cần ghi nhớ khi viết một bản báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và tự nhận xét theo hiểu biết của mình. - 2 HS nhắc lại. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát.

<p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Viết được báo cáo công việc theo dàn ý đã lập. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Chuẩn bị:</p> <p>- GV mời 2 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. Viết báo cáo công việc theo 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Trong vai tổ trưởng hoặc lớp trưởng, báo cáo thầy cô về các hoạt động của tổ hoặc của lớp trong tháng qua.</p> <p>Đề 2: Trong vai chi đội trưởng, báo cáo thầy cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động của chi đội trong tháng qua.</p> <p>- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, nêu được những ưu điểm và hạn chế:</p> <p>Ưu điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những việc hoàn thành tốt + Những kết quả vượt trội + Những thành viên tích cực... <p>Hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những việc chưa hoàn thành, lí do + Những sai sót cần khắc phục + Những thành viên cần cố gắng <p>- Gv cho HS dựa vào dàn ý đã làm tiết trước để trình bày.</p> <p>- GV chốt cách thực hiện các việc khi viết báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xem lại cách viết quốc hiệu, tiêu ngữ... <p>Trong báo cáo mẫu ở hoạt động viết bài 6</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thu thập số liệu để viết báo cáo theo đúng các hoạt động và kết quả có thực. + Lập bảng biểu ra giấy trước khi viết báo cáo. + Chú ý cách đánh số thứ tự các mục để liệt kê các ý trong phần nội dung báo cáo. 	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>-HS trong nhóm đọc đề bài</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- Cả lớp nhận xét nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:
 - Viết được báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.
 - Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.
 - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Cách tiến hành:

Bài 2: Viết báo cáo

- GV cho HS làm việc cá nhân, viết báo cáo theo mẫu đã chọn và nội dung đã chuẩn bị.
- GV quan sát HS viết, ghi chép những nội dung cần góp ý.
- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt:

Bài 3: Đọc soát và chỉnh sửa.

- HS làm việc nhóm
- Đọc chéo bài cho nhau để sửa lỗi
- Chỉnh sửa báo cáo

- HS thực hiện theo yêu cầu viết báo cáo vào vở.

-Nhóm thực hiện, đọc chéo để sửa lỗi cho nhau.
- Chỉnh sửa báo cáo

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:
 - 1/ Những hoạt động em đã tham gia trong tháng vừa qua.
 - 2/ Những mong muốn dự định của em trong tháng tiếp.
- GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập.
- GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để lên kế hoạch lao động, học tập cũng như vui chơi, giải trí trong tháng tới một cách hợp lí.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Củng cố, dặn dò bài về nhà. Chuẩn bị sưu tầm tranh để chuẩn bị cho bài 8: Hành tinh kì lạ.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV đánh giá kĩ năng vận dụng vào thực tiễn.
- HS chia sẻ trước lớp
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

-Nghe về nhà thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được giá trị của chữ số theo vị trí trong số tự nhiên
- HS viết được phân số thập phân dưới dạng hỗn số; xác định được số lớn nhất trong 4 số tự nhiên, phân số bé nhất trong bốn phân số đã cho.
- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số tự nhiên;
- Giải bài toán thực tế có đến bốn bước tính.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi: HS dựa vào PS đã

<p>“Ai nhanh, ai đúng”, GV đưa ra một số PS và yêu cầu HS tìm PS mới bằng PS đã cho.</p> <p style="text-align: center;">VD: $\frac{42}{100}, \frac{25}{50}, \frac{4}{8}, \dots$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. - Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<p>cho có thể rút gọn hoặc nhân PS đó với một số tự nhiên khác 0 để được một PS mới bằng PS đã cho.</p> <p style="text-align: center;">- $\frac{42}{100} = \frac{21}{50}, \dots$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ - HS lắng nghe, ghi bài - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS vận dụng được việc đọc, viết, so sánh, làm tròn số tự nhiên để giải quyết một số tình huống thực tế. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc cá nhân đọc và trả lời nhanh <p>a) Giá trị của chữ số 6 trong số 960 730 là: A. 60 B. 600 C. 6 000 D. 60 000</p> <p>b) Số lớn nhất trong các số 109 989; 105 789; 110 200; 99 000 là: A. 109 989 B. 105 789 C. 110 200 D. 99 000</p> <p>c) Phân số bé nhất trong các phân số $\frac{23}{36}, \frac{11}{12}, \frac{7}{9}, \frac{2}{3}$ là: A. $\frac{23}{36}$ B. $\frac{11}{12}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{2}{3}$</p> <p>d) Phân số $\frac{143}{100}$ viết ở dạng hỗn số là: A. $14\frac{3}{100}$ B. $1\frac{43}{100}$ C. $140\frac{3}{100}$ D. $3\frac{14}{100}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân, nhằm trả lời nhanh: - HS trình bày: a) D b) C c) A d) B
<p>Bài 2. Tính</p> <p>415076 + 92 380 56 830 – 7 450</p> <p>407 × 63 39 872 : 56</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm vào vở, sau đó 4 em lên bảng lớp làm, cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS làm vở, sau đó 4 em lên chữa đặt tính rồi tính. KQ: 507 456 ; 49 380 25641 ; 712 - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Số:

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu để biết được bài toán có bốn bước tính.

Một bút bi giá 4 500 đồng, một quyển vở giá 7 000 đồng. Nam mua 2 bút bi và 7 quyển vở. Nam đưa cho cô bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Nam bao nhiêu tiền?

Bài giải

Số tiền Nam mua 2 bút bi là:
 $4\ 500 \times 2 = 9\ 000$ (đồng)

Số tiền Nam mua 7 quyển vở là:
 $7\ 000 \times 7 = 49\ 000$ (đồng)

Số tiền Nam mua bút bi và vở là:
 $9\ 000 + 49\ 000 = 58\ 000$ (đồng)

Số tiền cô bán hàng trả lại Nam là:
 $100\ 000 - 58\ 000 = 42\ 000$ (đồng)

Đáp số: 42 000 đồng.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc nhóm 4, thực hiện theo yêu cầu.

Số tiền Nam mua 2 bút bi là:

$$4\ 500 \times 2 = 9\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền Nam mua 7 quyển vở là:

$$7\ 000 \times 7 = 49\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền Nam mua bút bi và vở là:

$$9\ 000 + 49\ 000 = 58\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền cô bán hàng trả lại Nam là:

$$100\ 000 - 58\ 000 = 42\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 42 000 đồng

- Đại diện các nhóm trình bày và nghe GV hỏi nhận ra bài toán có 4 bước tính

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Vận dụng giải toán

Sân trường của trường Tiểu học Đoàn kết có chu vi 84m, chiều dài hơn chiều rộng 8 m. Tính diện tích sân trường đó.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
 - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
 - GV mời HS trả lời.
 - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Củng cố dạng giải bài toán bằng 4 bước tính

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân vào vở
- HS trả lời:

Nửa chu vi sân trường là:

$$84 : 2 = 42 \text{ (m)}$$

Chiều dài sân trường là:

$$(42 + 8) : 2 = 25 \text{ (m)}$$

Chiều rộng sân trường là:

$$42 - 25 = 17 \text{ (m)}$$

Diện tích sân trường là:

$$25 \times 17 = 425 \text{ (m}^2\text{)}$$

- GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
--	---------------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

TUẦN 4:

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ.
SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí và sự biến đổi trạng thái của chất trong đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.


- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (Hình 1) kết hợp cho HS xem video “Chú quạ thông minh”. + GV tổ chức cho HS chia sẻ về hiểu biết của mình qua câu hỏi: + Theo em, con quạ có thể uống nước được không? + Vì sao? - GV mời một số học sinh chia sẻ.</p>	<p>- Cả lớp quan sát tranh. - HS1: Con quạ có thể uống nước được. - HS2: Vì khi thả viên sỏi vào bình thì nước trong bình sẽ dâng lên cao hơn so với ban đầu.</p>
 <p>Hình 1</p>	
<p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Nhờ có viên sỏi mà quạ đã uống được nước. Viên sỏi tồn tại ở dạng rắn và không bị tan trong nước. Vậy đặc điểm của chất ở các trạng thái khác nhau như rắn, lỏng, khí sẽ như thế nào? Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất”.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1. Phân biệt ba trạng thái của chất. - GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm 4:</p>	<p>- HS thảo luận và sắp xếp các chất đã cho vào vị trí thích hợp.</p>

Sắp xếp các chất: muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
?	?	?

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV cho HS thi kể thêm các chất tồn tại ở ba thể rắn, lỏng, khí.

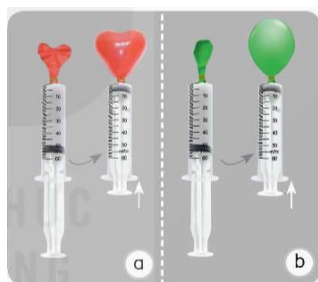
- GV kết luận: **Các chất có thể tồn tại ở ba thể: lỏng thể rắn, thể khí.**
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2. Đặc điểm cơ bản của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

- GV tổ chức GV chia lớp thành 6 nhóm chuyên gia, tổ chức dạy học theo trạm: Ở mỗi trạm, HS quan sát hình để trả lời câu hỏi và ghi kết quả theo mẫu bảng gợi ý.

Nhóm 1 và nhóm 4:

- + HS quan sát phần không khí trong bơm tiêm



và trong bóng bay ở hình 2 để trả lời câu hỏi: **Chất ở trạng thái khí có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?**

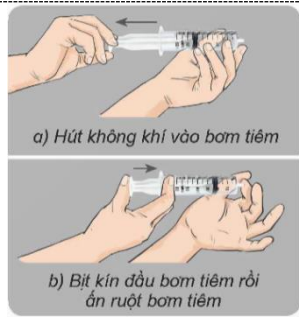
Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
muối ăn, nhôm, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường)	nước uống, dầu ăn, giấm ăn	hơi nước, ni-tơ, ô-xi

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- HS kể tên:
 - + Trạng thái rắn: Bánh mì, sắt, cốc,...
 - + Trạng thái lỏng: Sữa, xăng, coca,...
 - + Trạng thái khí: Khói, hi-đrô-rô,...
- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.
- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- + Kết quả quan sát hình 2, 3:

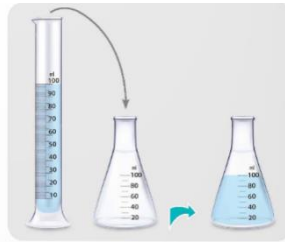
Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không gian
Khí	Không xác định/có hình dạng của vật chứa	Không xác định



+ HS tiếp tục quan sát vị trí của ruột bơm tiêm ở hình 3 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái khí chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*

Nhóm 2 và nhóm 5:

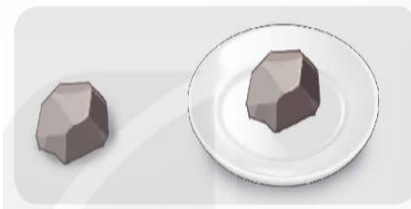
+ HS quan sát hình dạng của nước khi thay đổi vật chứa ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng có hình dạng xác định hay có hình dạng của vật chứa nó?*



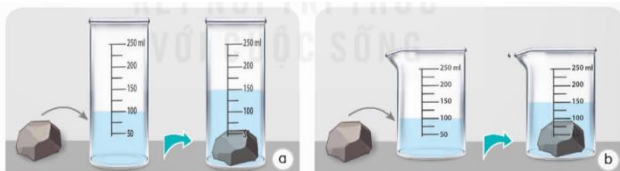
+ HS tiếp tục quan sát để so sánh số mi-li-lít nước trong ống đong và bình tam giác ở hình 4 để trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái lỏng chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*

Nhóm 3 và nhóm 6:

+ HS đọc thông tin, quan sát hình 5 để nhận xét đặc điểm về hình dạng của chất ở trạng thái rắn.



+ HS tiếp tục quan sát mức nước trước và sau khi thả viên đá ở hình 6 và trả lời câu hỏi: *Chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định hay không xác định?*



- GV yêu cầu các nhóm 1, 2, 3 và 4, 5, 6 di chuyển tạo thành các nhóm mới có đủ các nội dung thảo luận từ nhóm chuyên gia và trình bày trong nhóm mới.
- GV mời đại diện 1 nhóm lên trình bày, các

+ Kết quả quan sát hình 4:

Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không gian
Lỏng	Không xác định/có hình dạng của vật chứa	Xác định

+ Kết quả quan sát hình 5,6:

Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không gian
Rắn	Xác định	Xác định

- Các nhóm di chuyển và tạo thành nhóm mới.

- Đại diện nhóm chia sẻ.

- HS lắng nghe và chốt kiến thức.

nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

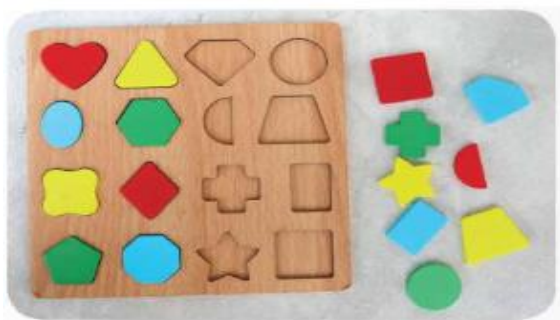
Trạng thái	Hình dạng	Chiếm khoảng không gian
Khí	Không xác định	Không xác định
Lỏng	và có hình dạng của vật chứa	Xác định
Rắn	Xác định	Xác định

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức về đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.
- Cách tiến hành:

3.1. Hoạt động trò chơi: “Nhà tớ ở đâu?”

- GV tổ chức trò chơi “Nhà tớ ở đâu?”
 - Luật chơi:
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tìm hình để đưa mảnh ghép vào.



- Người ta đã vận dụng đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn trong trò chơi xếp hình ở hình 7?
- GV nhận xét, khen ngợi HS có câu trả lời tốt.

3.2. Phản hồi thông tin

- GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:
- Con quạ trong hoạt động mở đầu đã làm gì để nước dâng lên trong bình? Lượng nước dâng lên thể hiện rõ đặc điểm nào của chất ở trạng thái rắn?*
- GV mời 1 HS trả lời, các HS khác chú ý lắng nghe để nhận xét và bổ sung.
 - GV nhận xét, chốt kiến thức: ***Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống cần dựa vào***

- HS lắng nghe luật chơi.
- HS tham gia chơi.

- Vận dụng được đặc điểm của chất ở trạng thái rắn có hình dạng xác định.

- Để mực nước trong bình dâng lên, con quạ đã gấp sỏi cho vào bình chứa nước. Lượng nước dâng lên thể hiện rõ chất ở trạng thái rắn chiếm khoảng không gian xác định.

- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.

đặc điểm của chất để giải quyết vấn đề.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ về một số vật chất xung quanh trong lớp và cho biết chất đó tồn tại ở thể nào? - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vật chất xung quang và xác định thể tồn tại của chất đó. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

CÔNG NGHỆ

TUẦN 4: PHÂN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG
Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Khuyến khích HS tìm hiểu thông tin về các nhà sáng chế trong lịch sử loài người
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có ý tưởng cải tiến sản phẩm phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS trả lời tương tác với giáo viên để lĩnh hội tri thức và biết phối hợp, làm việc với bạn để giải quyết các nhiệm vụ được giao trong tiết học.










3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng

chế mà họ đóng góp cho xã hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh										
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>											
<p>- GV cho HS xem video câu chuyện “Nhà bác học và bà cụ” để khởi động bài học và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Câu chuyện nói đến nhà bác học nào?</p> <p>+ Ê-đi-xon sáng chế ra cái gì trong câu chuyện?</p> <p>+ Đèn điện, xe điện có vai trò gì đối với đời sống con người?</p> <p>GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:</p>	<p>- HS xem video và trả lời câu hỏi</p> <p>+ Ê-đi-xon</p> <p>+ Ê-đi-xon sáng chế ra đèn điện, xe điện</p> <p>+ HS trả lời theo hiểu biết</p> <p>- Lắng nghe</p>										
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ HS hiểu được các thông tin cơ bản về một số nhà sáng chế tiêu biểu.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>											
<p>Hoạt động khám phá 1.</p> <p>- Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát hình 3 SGK và thảo luận nhóm 4 vào phiếu</p> <p> Quan sát Hình 3, ghép tên nhà sáng chế và sáng chế của họ cho phù hợp.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>a) Giem-oát (1736 – 1819)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>b) Các Ben (1844 – 1929)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>c) A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo (1847 – 1922)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>d) Tô-mát Ê-đi-xon (1847 – 1931)</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;">  <p>1) Bóng đèn sợi đốt được cấp bằng sáng chế năm 1879</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>2) Động cơ hơi nước được cấp bằng sáng chế năm 1784</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>3) Điện thoại được cấp bằng sáng chế năm 1876</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>4) Ô tô được cấp bằng sáng chế năm 1886</p> </div> </div> <p style="text-align: center; margin-top: 5px;">Hình 3</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p>	<p>- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.</p> <table border="1" data-bbox="842 1444 1441 2067"> <thead> <tr> <th data-bbox="842 1444 1050 1541">Tên nhà sáng chế</th> <th data-bbox="1050 1444 1441 1541">Sáng chế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="842 1541 1050 1686">a) Giem-oát</td> <td data-bbox="1050 1541 1441 1686">2. Động cơ hơi nước được cấp bằng sáng chế năm 1784</td> </tr> <tr> <td data-bbox="842 1686 1050 1783">b) Các Ben</td> <td data-bbox="1050 1686 1441 1783">4. Ô tô được cấp bằng sáng chế năm 1886</td> </tr> <tr> <td data-bbox="842 1783 1050 1928">c) A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo</td> <td data-bbox="1050 1783 1441 1928">3. Điện thoại được cấp bằng sáng chế năm 1876</td> </tr> <tr> <td data-bbox="842 1928 1050 2067">d) Tô-mát Ê-đi-xon</td> <td data-bbox="1050 1928 1441 2067">1. Bóng đèn sợi đốt được cấp bằng sáng chế năm 1879</td> </tr> </tbody> </table>	Tên nhà sáng chế	Sáng chế	a) Giem-oát	2. Động cơ hơi nước được cấp bằng sáng chế năm 1784	b) Các Ben	4. Ô tô được cấp bằng sáng chế năm 1886	c) A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo	3. Điện thoại được cấp bằng sáng chế năm 1876	d) Tô-mát Ê-đi-xon	1. Bóng đèn sợi đốt được cấp bằng sáng chế năm 1879
Tên nhà sáng chế	Sáng chế										
a) Giem-oát	2. Động cơ hơi nước được cấp bằng sáng chế năm 1784										
b) Các Ben	4. Ô tô được cấp bằng sáng chế năm 1886										
c) A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo	3. Điện thoại được cấp bằng sáng chế năm 1876										
d) Tô-mát Ê-đi-xon	1. Bóng đèn sợi đốt được cấp bằng sáng chế năm 1879										

- Gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc thông tin về các nhà sáng chế trong SGK thảo luận theo nhóm đôi theo tổ điền vào phiếu.

Tổ 1: Giêm-oát

Giêm Oát (James Watt) (_____ - _____)

- Là một nhà sáng chế, kĩ sư người _____.
- Sáng chế tiêu biểu: _____.
- Quá trình sáng chế:
 - 1763: bắt đầu _____ với mô hình dạng sơ khai.
 - 1765: _____ ra đời, _____ nhiên liệu hơn, hiệu suất làm việc _____.
 - _____ được cấp bằng sáng chế.
- Sáng chế của ông mở ra một thời đại máy hơi nước, tạo ra một _____ của thế kỉ XIX.




- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung
- HS lắng nghe

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

Giêm Oát (James Watt) (1736 - 1819)


- Là một nhà sáng chế, kĩ sư người **Xcốt-len**.
- Sáng chế tiêu biểu: **động cơ hơi nước**.
- Quá trình sáng chế:
 - 1763: bắt đầu **thí nghiệm** với mô hình dạng sơ khai.
 - 1765: **ý tưởng** ra đời, **tiết kiệm** nhiên liệu hơn, hiệu suất làm việc **tăng lên**.
 - 1784**: được cấp bằng sáng chế.
- Sáng chế của ông mở ra một thời đại máy hơi nước, tạo ra một **cuộc cách mạng công nghiệp** của thế kỉ XIX.



Tổ 2: Tô-mát Ê-đi-xơn


Tô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) (_____ - _____)

- Là một nhà phát minh, nhà sáng chế đã phát minh ra rất nhiều thiết bị ảnh hưởng lớn tới cuộc sống.
- Sinh ra và lớn lên tại _____.
- Sáng chế tiêu biểu: _____.
- Quá trình sáng chế:
 - Tháng 3/1878: _____ bóng đèn sợi đốt.
 - 1879: _____ thành công sau nhiều lần thất bại và nỗ lực.
- Bóng đèn điện ra đời giúp con người thuận tiện hơn trong _____ đường phố và nhà máy.



Tô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) (1847 - 1931)


- Là một nhà phát minh, nhà sáng chế đã phát minh ra rất nhiều thiết bị có ảnh hưởng lớn tới cuộc sống.
- Sinh ra và lớn lên tại **Mỹ**.
- Sáng chế tiêu biểu: **bóng đèn sợi đốt**.
- Quá trình sáng chế:
 - Tháng 3/1878: **bắt đầu nghiên cứu** bóng đèn sợi đốt.
 - 1879: **chế tạo** thành công **bóng đèn sợi đốt** sau nhiều lần thất bại và nhận **bằng sáng chế**.
- Bóng đèn điện ra đời giúp con người thuận tiện hơn trong **buổi tối, thấp sáng** đường phố và nhà máy.



Tổ 3: A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo

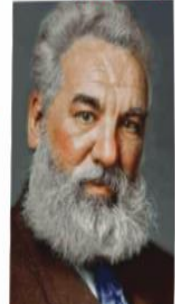
A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo (Alexander Graham Bell) (_____ - _____)

- Là một nhà sáng chế người _____.
- Sáng chế tiêu biểu: _____.
- Quá trình sáng chế:
 - 1874: chế tạo chiếc máy có thể _____ qua 1 đường dây.
 - 1875: cải tiến chiếc máy có thể truyền _____ qua đường dây.
 - _____ được cấp bằng sáng chế.
- Sáng chế của ông thay đổi _____ của con người, giúp dễ dàng liên lạc từ _____.





A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo (Alexander Graham Bell) (1874 - 1922)

- Là một nhà sáng chế người **Xcốt-len**.
- Sáng chế tiêu biểu: **điện thoại**.
- Quá trình sáng chế:
 - 1874: chế tạo chiếc máy có thể **truyền tin điện báo** qua 1 đường dây.
 - 1875: cải tiến chiếc máy có thể truyền **giọng nói** qua đường dây.
 - 1876**: được cấp bằng sáng chế.
- Sáng chế của ông thay đổi **phương thức liên lạc** của con người, giúp dễ dàng liên lạc từ **khoảng cách xa**.



Tổ 4: Các Ben

<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <p style="text-align: center;">Các Ben (Karl Benz) (_____ - _____)</p>  <ul style="list-style-type: none"> • Là một kĩ sư cơ khí người _____ • Sáng chế tiêu biểu: _____ • Quá trình sáng chế: 1870: Thiết kế động cơ chạy _____ - 1 bộ phận quan trọng Đầu năm 1886, _____ hoàn thiện và được cấp bằng sáng chế • Sáng chế của ông mở đầu thời tạo các mẫu _____ mới, giúp _____ của con người trở nên thuận tiện hơn. </div> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- Ngoài những nhà sáng chế nêu trên em còn biết những nhà sáng chế nào khác?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Trong lịch sử loài người có rất nhiều sáng chế đã làm cho cuộc sống của con người hiện đại hơn, văn minh hơn.</p>	<p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- HS trả lời theo hiểu biết.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 10px;"> <p style="text-align: center;">Các Ben (Karl Benz) (1844 - 1929)</p>  <ul style="list-style-type: none"> • Là một kĩ sư cơ khí người Đức. • Sáng chế tiêu biểu: xe ô tô. • Quá trình sáng chế: 1870: Thiết kế động cơ chạy bằng xăng - 1 bộ phận quan trọng. Đầu năm 1886, chiếc ô tô hoàn thiện và được cấp bằng sáng chế. • Sáng chế của ông mở đầu thời kì chế tạo các mẫu ô tô mới, giúp phương thức di chuyển của con người trở nên thuận tiện hơn. </div>	

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

<p>+ GV chiếu cho HS xem video “<i>tốp 10 phát minh vĩ đại nhất trong lịch sử loài người</i>”</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>+ Học sinh xem video</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

MĨ THUẬT

BÀI 2: CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ (TIẾT 2)

(2 Tiết)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

- II. - Biết quan sát các hình ảnh thường gặp trong hoạt động, trò chơi gắn với tuổi thơ trong ngày hè.**
- Cảm nhận được vẻ đẹp, giá trị văn hoá, biết trân trọng bảo vệ giữ gìn nét đẹp văn hoá của dân tộc.
 - Lựa chọn được hình ảnh ấn tượng, điển hình nhất đưa vào thể hiện sản phẩm.
 - Thực hiện được bài thực hành về thể giới tuổi thơ, cụ thể là hoạt động ngày hè và thực hiện được một sản phẩm điều với chất liệu tự chọn.

- Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của bức tranh, sản phẩm điều và nêu được những công dụng của SPMT trong đời sống hằng ngày, đưa ra hướng phát triển mở rộng thêm SPMT bằng nhiều chất liệu.

- Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

1. Mục tiêu bài học

- Nhận biết được đặc điểm tạo hình sản phẩm điều.
- Sử dụng được ngôn ngữ màu sắc, đường nét,... để tạo hình và trang trí điều.
- Chia sẻ và đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn.
- Có ý thức sáng tạo và giữ gìn đồ chơi.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.

PC2: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

PC3: Trách nhiệm: Sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu trong thực hành, sáng tạo.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

***Năng lực chung**

NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.

NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.

NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

***Năng lực đặc thù**

NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát các SPMT và chỉ ra công dụng của sản phẩm, vật liệu và hình thức thực hiện.

NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Sáng tạo được một SPMT về đề tài cánh điều tuổi thơ. Biết cách làm điều và chơi điều an toàn.

NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết trưng bày, chia sẻ cảm nhận về SPMT.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

4. Giáo viên

Máy chiếu, ti vi, máy tính,... (nếu dạy trình chiếu). KHBD, SGK.

Hình minh hoạ về sản phẩm điều; tranh minh hoạ các bước thực hiện,...

Giấy vẽ, bút chì, bút lông, màu vẽ,...

5. Học sinh

SGK, VBT (nếu có).

Giấy vẽ, bút chì, bút lông, màu vẽ,...

Giấy màu/ ni lông, que tre/ nhựa, keo dán,...

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 2

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

<p>Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức Khởi động: Trò chơi Hiểu ý đồng đội GV chuẩn bị một chiếc hộp trong đó có một số dụng cụ, vật liệu cần thiết để làm điều và một số thẻ ảnh về dụng cụ làm điều. GV chia lớp ra thành các đội. Mỗi đội cử 2 bạn. Bạn số 1 rút 1 thẻ ảnh bất kì và diễn tả bằng cử chỉ (không được nói hay viết), bạn số 2 đoán ý và tìm vật dụng trong hộp. Khi lấy vật dụng ra khỏi thùng, bạn số 1 có thể gật đầu nếu đúng, lắc đầu nếu sai. Nếu sai, bạn số 2 tìm lại. cứ thế lần lượt các bạn thực hiện. Trong thời gian quy định đội tìm được nhiều đồ vật nhất là đội chiến thắng.</p>	<p>– HS tham gia chơi.</p>
<p>Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức Khởi động: Trò chơi Hiểu ý đồng đội GV chuẩn bị một chiếc hộp trong đó có một số dụng cụ, vật liệu cần thiết để làm điều và một số thẻ ảnh về dụng cụ làm điều. GV chia lớp ra thành các đội. Mỗi đội cử 2 bạn. Bạn số 1 rút 1 thẻ ảnh bất kì và diễn tả bằng cử chỉ (không được nói hay viết), bạn số 2 đoán ý và tìm vật dụng trong hộp. Khi lấy vật dụng ra khỏi thùng, bạn số 1 có thể gật đầu nếu đúng, lắc đầu nếu sai. Nếu sai, bạn số 2 tìm lại. cứ thế lần lượt các bạn thực hiện. Trong thời gian quy định đội tìm được nhiều đồ vật nhất là đội chiến thắng.</p> <p>→ Giới thiệu vào bài mới: Bài 2: cánh diều tuổi thơ. (tiết 2) Nhiệm vụ: GV hướng dẫn cho HS quan sát và nhận thức những SPMT về hình dáng, màu sắc, vật liệu, hình thức trang trí diều.</p> <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p> <p>– GV tạo cơ hội cho HS nhận biết được vẻ đẹp của diều qua các yếu tố tạo hình trong SPMT.</p> <p>– GV có thể chiếu video về nghề làm diều và diều gắn bó với tuổi thơ như thế nào.</p> <p>– GV đặt câu hỏi gợi ý: + Video nói về nội dung gì?</p>	<p>– HS tham gia chơi.</p> <p>– HS trả lời theo gợi ý của GV.</p>

- + Điều thường có những hình dạng, màu sắc, kích thước như thế nào?
- + Làm thế nào để điều bay lên?
- + Người chơi điều thường thả điều ở đâu và vì sao phải có gió mới thả được điều?
- + GV có thể liên hệ thực tế ở địa phương mình.

HS cần biết: Điều đa dạng về màu sắc, hình dáng, chất liệu, kích thước. Để bay lên điều cần có gió, có sợi dây chắc chắn để neo lại. Người chơi điều thường thả điều ở khu đất trống, cánh đồng,...

Hoạt động 2. Luyện tập và sáng tạo

Nhiệm vụ:

– GV hướng dẫn HS hoàn thiện các công đoạn làm điều.

HS hoàn thiện được một SPMT là tạo ra một con điều.

Gợi ý cách thức tổ chức:

GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa các bước làm điều trong SGK trang 12. GV nêu câu hỏi, HS thảo luận để biết cách thực hiện một SPMT.

Gợi ý các bước thực hiện:

Bước 1: Tìm ý tưởng, tạo khung hình.

Bước 2: căn nilông tạo áo cho điều.

Bước 3: Trang trí và tạo hình đuôi điều.

Bước 4: Vẽ chi tiết và hoàn thành sản phẩm.

– câu hỏi gợi ý:

+ Nhóm em sẽ làm gì để tạo hình và trang trí đuôi điều?

+ Nhóm em sẽ làm gì để hoàn thiện SPMT điều.

Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm tạo hình một loại điều mà em yêu thích.

GV quan sát HS thực hành, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.

Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá

Nhiệm vụ:

HS trưng bày sản phẩm và nêu cảm nhận của em về sản phẩm của bạn theo gợi ý của GV.

Gợi ý cách thức tổ chức:

– GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm theo

– Lưu ý để ghi nhớ.

– HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận.

– HS thảo luận nhóm, phân công công việc và thực hành theo sự sáng tạo của mình. Ở tiết 2 thực hiện bước 3 và 4.

– HS trưng bày sản phẩm, trình bày và

nhóm, trình bày và chia sẻ SPMT. Nêu nhận xét của em về SPMT của nhóm bạn.

- câu hỏi gợi ý:
- + chất liệu thực hiện làm điều?
- + Hình dáng và kích thước điều thế nào?
- + Những hình vẽ, màu sắc và bố cục trang trí điều được thực hiện như thế nào?
- + Phán đoán khả năng bay của điều?
- + Em hãy chia sẻ về cách làm, kĩ thuật làm điều của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS.

Hoạt động 4. Vận dụng

Nhiệm vụ:

GV tạo cơ hội cho HS tìm hiểu, chia sẻ cảm nhận về cánh điều tuổi thơ và cách chơi điều an toàn.

Gợi ý cách thức tổ chức:

GV nêu câu hỏi để HS chia sẻ cảm nhận của mình về quá trình làm điều, chơi thả điều.

GV tổ chức HS chơi trò chơi tiếp sức: Ai là nhà thông thái. GV chuẩn bị các thẻ từ nói về sự an toàn khi chơi điều.

GV chia lớp thành các đội chơi, mỗi đội 5 HS. HS đứng theo hàng và lần lượt tiếp sức gắn các thẻ từ lên bảng nhóm những điều cần tránh và những điều nên làm khi thả điều. Đội thực hiện nhanh và đúng nhất sẽ là đội chiến thắng.

GV chốt lại, củng cố kiến thức cho HS.

Củng cố, dặn dò

Củng cố: Nhắc lại các bước làm điều và cách chơi điều an toàn.

Dặn dò: Giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.

chia sẻ cảm nhận.

- HS trả lời theo gợi ý của GV.

- HS tham gia chơi trò chơi.

- HS nhắc lại các nội dung cần ghi nhớ về những điều cần tránh và những điều nên làm khi thả điều.

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời.

- HS chuẩn bị cho bài học sau.

ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề:

EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

Làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân.

Triển lãm “Tôi đang lớn”.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện được:

– Làm được sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân có sử dụng các tư liệu, sản phẩm thu thập được.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

– Thích ứng với cuộc sống: Học sinh hiểu biết hơn về bản thân và môi trường sống thông qua hoạt động thu gom, sắp xếp các tư liệu để làm sản phẩm về sự thay đổi của bản thân;

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương bản thân, tôn trọng sự khác biệt của bạn bè

– Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với bản thân hơn thông qua hoạt động nhận diện sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ; có trách nhiệm với nhà trường và xã hội thông qua việc tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
a) Mục tiêu	
– Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.	
b) Cách tiến hành	
– GV tổ chức cho HS vận động theo nhạc có nội dung gần gũi với chủ đề.	– HS nghe GV hướng dẫn sau đó tham gia trò chơi.
– GV dẫn dắt vào chủ đề: Trong tiết trải nghiệm hôm nay chúng ta cùng làm sản phẩm để giới thiệu sự thay đổi của bản thân và cùng nhau thực hiện buổi triển lãm sản phẩm đã làm được nhé.	
Hoạt động 7. Nhận diện về sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, sản phẩm thu thập được	
a) Mục tiêu	
Làm được sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân có sử dụng các tư liệu, sản phẩm thu	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
thập được theo ý tưởng của cá nhân.	
b) Cách tiến hành	
<p>* Nêu ý tưởng và cách làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân</p> <p>– GV tổ chức trao đổi để nêu vấn đề về việc làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân:</p> <p>+ <i>Em có cảm xúc gì khi tự mình tập hợp tư liệu, sản phẩm và khám phá quá trình thay đổi của bản thân mình?</i></p> <p>+ <i>Em có muốn làm sản phẩm để lưu lại quá trình thay đổi của bản thân mình không?</i></p> <p>+ <i>Sản phẩm em định làm để giới thiệu về sự thay đổi của bản thân mình là gì?</i></p>	<p>– HS phát biểu ý tưởng cá nhân thoải mái nêu ý tưởng: Làm clip, làm bài trình chiếu trên PowerPoint, làm an bum, làm cuốn phim, làm sổ kỉ niệm,....</p>
<p>– GV gợi mở đề HS đề xuất tiêu chí của sản phẩm trước khi làm:</p> <p>+ <i>Theo em, để giới thiệu được sự thay đổi của bản thân thì sản phẩm cần có những tiêu chí gì?</i></p>	<p>– Nhiều HS nêu ý kiến. Các em có thể tập trung vào các ý kiến như:</p> <p>+ <i>Sản phẩm có hình ảnh, tư liệu,... được sắp xếp theo độ tuổi;</i></p> <p>+ <i>Sản phẩm có mô tả thông tin về sự thay đổi thể chất, khả năng theo độ tuổi;...</i></p>
<p>+ <i>Để sản phẩm mang lại hiệu quả cao trong khi giới thiệu, sử dụng, ... chúng ta cần thêm tiêu chí gì? (Hoặc, để sản phẩm đẹp, bền chúng ta cần thêm tiêu chí gì?)</i></p>	<p>+ <i>Sản phẩm trang trí hài hoà, đảm bảo tính thẩm mỹ, chắc chắn và sử dụng được nhiều lần.</i></p>
<p>– GV tổ chức cho HS thảo luận để xây dựng giải pháp thực hiện sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân theo ý tưởng của mình. GV phát cho mỗi HS 1 phiếu học tập để trình bày ý tưởng như sau:</p>	
<p style="text-align: center;">PHÁC THẢO SẢN PHẨM GIỚI THIỆU VỀ SỰ THAY ĐỔI CỦA BẢN THÂN</p> <p>HỌ VÀ TÊN.....</p> <p>1. Hãy ghi tên sản phẩm và vẽ phác thảo sản phẩm của em (hình dạng, kích thước, vật liệu, dụng cụ cần dùng)</p>	<p>– HS nhận phiếu, thực hiện phác thảo sản phẩm và trình bày cách làm của mình trong nhóm và nghe các bạn trong nhóm góp ý.</p>

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh						
<p>2. Ghi chú các thành phần:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Độ tuổi</td> <td style="width: 50%;">Tư liệu minh</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>		Độ tuổi	Tư liệu minh					
Độ tuổi	Tư liệu minh							
<p>3. Cách thực hiện:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>								
<p>– GV tổ chức cho HS trình bày ý tưởng làm sản phẩm của mình, mời các bạn trong nhóm góp ý.</p>		<p>– Các học sinh trình bày bản thiết kế sản phẩm của mình. Mỗi phần trình bày đại diện cho 1 hình thức của sản phẩm.</p> <p>+ 1 HS trình bày về làm album,</p> <p>+ 1 HS trình bày về làm sổ tay kỉ niệm.</p> <p>+ 1 em trình bày về làm bản thuyết trình Power point.</p> <p>+ ...</p> <p>Sau đó, GV góp ý để ý tưởng khả thi.</p>						
<p>– GV tổ chức cho HS làm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân, chuẩn bị Triển lãm “Tôi đang lớn”.</p>								
<p>Hoạt động 8. Triển lãm “Tôi đang lớn”</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>HS sử dụng sản phẩm để giới thiệu được quá trình thay đổi của bản thân thông qua tư liệu và sản phẩm. Đồng thời, thấy được sự lớn lên của</p>								

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
các bạn.	
b) Cách tiến hành	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cùng HS sắp xếp ghế ngồi, cất gọn đồ dùng để có nhiều không gian trưng bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cất gọn đồ dùng, kê bàn ghế,... chuẩn bị không gian trưng bày. Có thể kê bàn ghế theo hình chữ U để trưng bày.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS có thể làm thêm biển tên cho mỗi khu trưng bày của mỗi nhóm, thêm sản phẩm mỹ thuật sẵn có để khu trưng bày của nhóm mình thật sinh động, đẹp mắt. Những tư liệu, sản phẩm không đưa được vào sản phẩm cũng có thể trở thành đồ dùng để trưng bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm thêm biển tên sản phẩm, làm thêm các sản phẩm khác để khu trưng bày được đẹp mắt.
<ul style="list-style-type: none"> - GV quy ước các em cách di chuyển xem triển lãm, sau đó tổ chức cho HS đi xem triển lãm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đi theo chiều kim đồng hồ. Dừng ở mỗi gian trưng bày khoảng 2 phút.
<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, chia sẻ trong và sau khi đi triển lãm: <ul style="list-style-type: none"> + Em ấn tượng với sản phẩm của bạn nào? + Em thấy bạn đã thay đổi về thể chất và khả năng như thế nào? + Em học được gì hoặc có lời gì muốn nói với bạn để chúng ta cùng phát triển tốt hơn không? + Em dự định dùng sản phẩm của mình để làm gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ ý kiến.
4. Tổng kết tiết trải nghiệm	
GV tổng kết tiết học, đề nghị HS có thể hoàn thiện thêm sản phẩm giới thiệu về sự thay đổi của bản thân, tích cực giữ gìn các tư liệu của bản thân và gia đình, vừa làm những kỉ niệm đẹp, vừa có thể làm minh chứng cho quá trình lớn lên của bản thân.	- HS theo dõi.
HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP	
GV đề nghị học sinh về nhà tìm hiểu về Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh để tham gia tiết sinh hoạt cuối tuần.	- HS lắng nghe để chuẩn bị cho tiết trải nghiệm sau.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT TRẢI NGHIỆM: <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ tư ngày 25 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Bài 8: HÀNH TINH KÌ LẠ

Tiết 1 +2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện “Hành tinh kì lạ”. Biết đọc đúng lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp.

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ, Nhận biết được cách liên tưởng, so sánh... Trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được; Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước, quê hương mình.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục đạo đức:** Yêu quê hương

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1.1. Ôn bài cũ:</p>	

<p>- GV cho 2 HS lên đọc diễn cảm bài “Bộ sưu tập đọc đáo” và trả lời 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.</p>	<p>HS đọc diễn cảm và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.</p>
<p>1.2. Khởi động:</p> <p>- GV cho cá nhân trả lời câu hỏi: Tưởng tượng em đến một hành tinh ngoài Trái Đất, em sẽ thấy những gì?</p> <p>- GV cho HS trao đổi trước lớp</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới.</p>	<p>- HS nghe suy nghĩ</p> <p>- HS lên chia sẻ: Ví dụ: Cảnh quan địa hình khác lạ: Đó là một thành phố hiện đại với các tòa nhà cao tầng và kiến trúc đặc biệt chưa từng xuất hiện ở trái đất. Tất cả mọi thứ ở đây đều có kỹ thuật hiện đại. - Khí hậu đặc biệt: Khí hậu trên hành tinh rất khác biệt so với Trái Đất, khí hậu lạnh giá. - Đời sống sinh vật: các sinh vật và thực vật hoàn toàn mới lạ và không giống bất kỳ thứ gì em đã thấy trên Trái Đất. Đó là các sinh vật thông minh với nền văn hóa và xã hội riêng, họ có hình dạng đầu to, mình nhỏ, không mặc quần áo và giao tiếp với nhau bằng một ngôn ngữ lạ. - Vũ trụ và thiên văn: những cảnh tượng thiên văn kỳ diệu xuất hiện ngay trên bầu trời, rất gần, như các dải sao, những hiện tượng vũ trụ như các thiên thạch và sao băng. - Văn hóa và nền kinh tế: Hành tinh ngoài Trái Đất có văn hóa và nền kinh tế khác biệt hoàn toàn, với các giá trị và phong tục lệ độc đáo. - HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: - Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện “Hành tinh kì lạ”. Biết đọc đúng lời kể chuyện, lời nói của nhân vật với giọng điệu phù hợp.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p>	

<p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV chia đoạn:</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến trái đất nhi?</p> <p>+ Đoạn 2: Phần còn lại</p> <p>- GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó để phát âm sai: (<i>hành lang lửa, thám hiểm, buồng lái, rối loạn, huých, dờn non, lạ thường, gốc rễ, xì xì.....</i>)</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật: (Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)</p> <p>+ Giọng thông báo hào hứng nhưng phải kiềm chế để nói nhỏ: người máy.</p> <p>+ Giọng pha trò: Chắc họ chỉ quen dờn non, lấp biển.</p> <p>+ Giọng nhỏ, chậm rãi, suy tư: Thế là dài hơn hay ngắn hơn Trái đất nhi?</p> <p>+ Đọc ngắt giọng ở những câu dài:</p> <p>Khi họ đưa chúng tôi vào thành phố,/ tôi quan sát những người xung quanh/ mới nhận ra sự khác biệt.//</p> <p>Mỗi ngày mười giờ,/ một tuần mười ngày,/ mỗi tháng mười tuần,/ một năm mười tháng.//</p> <p>Ở Trái Đất,/ 30 độ chưa nóng lắm,/ nhưng ở đây/ oi bức lạ thường/ mặc dù có rất nhiều cây.//</p> <p>- GV mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn hoàn thành câu chuyện.</p> <p>- HS đọc theo nhóm 2.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe GV đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.</p> <p>- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS đọc từ khó.</p> <p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- Mỗi HS đọc 1 đoạn và đổi nược lại</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ, Nhận biết được cách liên tưởng, so sánh... Trong việc xây dựng nhân vật và diễn biến câu chuyện. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến</p>	

<p>tính cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được; Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương mình.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ Đáp xuống: hạ xuống và dừng lại.</p> <p>+ Sĩ quan: cán bộ thuộc lực lượng vũ trang (quân đội, cảnh sát, công an) của một quốc gia.)</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>
<p>3.2. Tìm hiểu bài:</p> <p>- GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.</p> <p>+ Câu 2: Hai nhà du hành phát hiện ra những điều gì đặc biệt ở hành tinh đó?</p> <p>+ Câu 3: Vì sao nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>Chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất:</p> <p>- Phía trước bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy.</p> <p>- Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa</p> <p>- Hai nhà du hành phát hiện ra những điều đặc biệt ở hành tinh đó:</p> <p>+ Sự đa dạng về màu sắc của da người dân trên hành tinh, với các màu như hồng, xanh, vàng nghệ, tím.</p> <p>+ Sự khác biệt về cấu trúc cơ thể, như những cánh tay bằng thép mà một số người dân có.</p> <p>+ Sự tự động hóa cao trong các hoạt động hàng ngày, từ xây dựng đến các công việc như cắt tóc, tắm giặt.</p> <p>Nhân vật “tôi” cảm thấy nhớ Trái Đất vì:</p>

<p>- GV cho HS nêu ND bài học. - GV nhận xét, chốt ND: <i>Người máy có thể làm rất nhiều việc thay cho con người, nhưng những điều liên quan đến tình cảm, cảm xúc thì người máy không thể thay con người được; Ai cũng có tình cảm gắn bó với quê hương mình.</i></p> <p>3.3. Luyện đọc lại: - GV đọc diễn cảm toàn bài và cho HS đọc + HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc + Xung phong đọc trước lớp.</p> <p>3.4. Luyện tập sau khi đọc - GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.</p> <p>Câu 1: Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ sự vật trong vũ trụ.</p> <p>Câu 2: Tìm các đại từ trong đoạn dưới đây và cho biết mỗi đại từ đó dùng để xưng hô hay để thay thế. Tôi thích nhất những chiếc ô tô vừa chạy vừa bay. Chúng hoạt động theo yêu cầu bằng giọng nói của chủ nhân.</p> <p>Câu 3: Viết tiếp câu dưới đây, trong đó có sử dụng đại từ thay thế. Tôi lại gần một cây đại thụ. *</p> <p>- GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>tôi vừa thăm. - 1-2 HS nêu ND bài học theo hiểu biết của mình.</p> <p>- Nghe GV đọc và nhóm đôi thực hiện đọc: Nhóm phân công luân phiên bạn đọc HS xung phong đọc trước lớp.</p> <p>2 -3 HS đọc bài</p> <p>Những từ ngữ chỉ sự vật trong vũ trụ: tàu vũ trụ, sao Kim, mặt trời, sao Thổ, người ngoài hành tinh, mặt trăng, sao băng, thiên thạch,....</p> <p>- Tôi: được sử dụng để xưng hô cho nhân vật chính. - Chúng: được sử dụng để thay thế cho “những chiếc ô tô”.</p> <p>Tôi lại gần một cây đại thụ. Nó to lớn, gốc rễ mạnh mẽ, cành lá xanh tươi, nhưng khi tôi sờ vào thân cây, tôi phát hiện ra nó cũng chỉ là một cái máy mang hình cây. “Nó” thay thế cho “cây đại thụ”. -HS nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS sưu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài trái đất. Chia sẻ với người thân về một điều thú vị em tìm hiểu</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và chia sẻ với người thân</p>

<p>được.</p> <p>*Giáo dục đạo đức:</p> <p>- Em đã làm gì thể hiện tình cảm với quê hương?</p> <p>Các em đã biết làm một số việc để thể hiện tình yêu quê hương</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà đọc lại bài chia sẻ với người thân.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>HS trả lời</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, hai phân số (Mẫu chung là tích hai mẫu số) và phép nhân, chia phân số;
- Tính được giá trị biểu thức có và không có dấu ngoặc với số tự nhiên và phân số;
- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân chia hai phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Thực hiện phép tính: $4\ 755 + 2\ 368$</p> <p>+ Câu 2: Thực hiện phép tính: $9\ 871 - 685$</p> <p>+ Câu 3: Thực hiện phép tính: 356×2</p> <p>+ Câu 4: Thực hiện phép tính: $768 : 4$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Câu 1: 7 123</p> <p>+ Câu 2: 9 186</p> <p>+ Câu 3: 712</p> <p>+ Câu 4: 192</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, hai phân số (Mẫu chung là tích hai mẫu số) và phép nhân, chia phân số;</p> <p>- Tính được giá trị biểu thức có và không có dấu ngoặc với số tự nhiên và phân số;</p> <p>- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Đặt tính rồi tính.</p> <p>$\frac{5}{4} + \frac{4}{3}$ $\frac{10}{9} - \frac{3}{5}$ $\frac{9}{8} \times \frac{4}{7}$ $12 : \frac{6}{5}$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV mời lớp làm việc nhóm: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- Chia nhóm thực hiện. KQ:</p> <p>$\frac{5}{4} + \frac{4}{3} = \frac{15}{12} + \frac{16}{12} = \frac{31}{12}$</p> <p>$\frac{10}{9} - \frac{3}{5} = \frac{50}{45} - \frac{27}{45} = \frac{23}{45}$</p> <p>$\frac{9}{8} \times \frac{4}{7} = \frac{9 \times 4}{8 \times 7} = \frac{9 \times 4}{4 \times 2 \times 7} = \frac{9}{14}$</p> <p>$12 : \frac{6}{5} = 12 \times \frac{5}{6} = \frac{60}{6} = 10$</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.
<p>Bài 2. Tính giá trị biểu thức</p> <p>a) $35\ 700 : 50 + 68 \times 46$</p> <p>b) $\frac{16}{9} \times \left(6 : \frac{32}{9}\right) - \frac{7}{5} =$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức. <p>- Cho HS làm vở sau 2 em xung phong lên chữa bài, GV cho Hs đối chéo chấm chữa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS nhắc thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức . - Làm bài vào vở. Kq: $35\ 700 : 50 + 68 \times 46 = 714 + 3\ 128$ $= 3\ 842$ $\frac{16}{9} \times \left(6 : \frac{32}{9}\right) - \frac{7}{5} = \frac{16}{9} \times \left(6 \times \frac{9}{32}\right) - \frac{7}{5}$ $= \frac{16}{9} \times \frac{27}{32} - \frac{7}{5} = 3 - \frac{7}{5} = \frac{15}{5} - \frac{7}{5} = \frac{8}{5}$ - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>Bài 3. Tìm phân số thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. <p>a) $3\text{ mm} = ?\text{ cm}$ b) $5\text{ g} = ?\text{ kg}$ c) $2\text{ dm } 7\text{ cm} = ?\text{ dm}$ $6\text{ cm} = ?\text{ m}$ $30\text{ g} = ?\text{ kg}$ $4\text{ m } 35\text{ cm} = ?\text{ m}$ $52\text{ cm} = ?\text{ m}$ $274\text{ g} = ?\text{ kg}$ $5\text{ kg } 680\text{ g} = ?\text{ kg}$ $750\text{ m} = ?\text{ km}$ $903\text{ kg} = ?\text{ tấn}$ $1\text{ tấn } 78\text{ kg} = ?\text{ tấn}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở. - GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. <p>Củng cố: Viết số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe. - HS làm vào vở, sau đó lần lượt nói tiếp nêu kết quả: <p>$3\text{mm} = \frac{3}{10}\text{ cm};$ $5\text{g} = \frac{5}{1000}\text{ kg};$ $2\text{dm}7\text{cm} = 2\frac{7}{10}\text{ dm}$ $30\text{g} = \frac{30}{1000}\text{ kg}$ $6\text{cm} = \frac{6}{100}\text{ m}$ $4\text{m}35\text{cm} = 4\frac{35}{100}\text{ m}$ $52\text{cm} = \frac{52}{100}\text{ m}$ $274\text{g} = \frac{274}{1000}\text{ kg}$ $5\text{kg}680\text{g} = 5\frac{680}{1000}\text{ kg}$ $750\text{m} = \frac{750}{1000}\text{ km}$ $903\text{kg} = \frac{903}{1000}\text{ tấn}$ $1\text{tấn}78\text{kg} = 1\frac{78}{1000}\text{ tấn}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. 	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Một đoàn xe ô tô chở học sinh đi tham quan gồm 6 xe, mỗi xe chở 35 học sinh và 9 xe, mỗi xe chở 40 học sinh. Hỏi trung bình mỗi xe ô tô đó chở bao nhiêu học sinh?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Gọi HS tóm tắt
- GV mời cá nhân suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

Tóm tắt:

6 xe: 35 học sinh/ xe

9 xe: 40 học sinh/ xen

Trung bình mỗi xe: ? Học sinh.

- Lớp làm việc cá nhân.

Bài giải:

Tổng số xe chở học sinh là:

$$6 + 9 = 15 \text{ (xe)}$$

Số học sinh 6 xe chở là:

$$35 \times 6 = 210 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh 9 xe chở là:

$$40 \times 9 = 360 \text{ (học sinh)}$$

Trung bình mỗi xe chở số học sinh là:

$$(210 + 360) : 15 = 38 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 38 học sinh

- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, hai phân số (Mẫu chung là tích hai mẫu số) và phép nhân, chia phân số;
- Tính được giá trị biểu thức có và không có dấu ngoặc với số tự nhiên và phân số;
- Giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân chia hai phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng giải được bài toán về tìm số trung bình cộng; viết được số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán

2. *Học sinh:* Vở bài tập toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Thực hiện phép tính: $3\ 546 + 1\ 325$ + Câu 2: Thực hiện phép tính: $9\ 243 - 564$ + Câu 3: Thực hiện phép tính: 234×3 + Câu 4: Thực hiện phép tính: $524 : 4$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: 4871 + Câu 2: 7 679 + Câu 3: 702 + Câu 4: 131 - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1. (trang 32 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Tính.	

<p>a) $\frac{4}{7} + \frac{2}{3} = \dots$ $= \dots$</p> <p>c) $\frac{11}{8} - \frac{2}{5} = \dots$ $= \dots$</p> <p>b) $\frac{8}{9} \times \frac{3}{7} = \dots$ $= \dots$</p> <p>d) $15 : \frac{5}{4} = \dots$ $= \dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV mời lớp làm việc nhóm: Cùng nhau thảo luận và thực hiện các phép tính trên.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Chia nhóm thực hiện. KQ:</p> <p>a) $\frac{4}{7} + \frac{2}{3} = \frac{12}{21} + \frac{14}{21} = \frac{26}{21}$</p> <p>c) $\frac{11}{8} - \frac{2}{5} = \frac{55}{40} - \frac{16}{40} = \frac{39}{40}$</p> <p>b) $\frac{8}{9} \times \frac{3}{7} = \frac{8 \times 3}{3 \times 3 \times 7} = \frac{8}{21}$</p> <p>d) $15 : \frac{5}{4} = \frac{15}{1} \times \frac{4}{5} = \frac{5 \times 3 \times 4}{1 \times 5} = 12$</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>
<p>Bài 2. (trang 32,33 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Tính giá trị biểu thức</p> <p>a) $42\ 300 : 60 + 84 \times 37 = \dots$ $= \dots$</p> <p>b) $\frac{15}{8} \times \left(9 : \frac{45}{8}\right) - \frac{8}{3} = \dots$ $= \dots$</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức.</p> <p>- Cho HS làm vở BT sau đó 2 em xung phong lên chữa bài,</p> <p>GV cho HS đổi chéo chấm chữa.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS nhắc thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức . - Làm bài vào vở BT. Kết quả:</p> <p>b) $\frac{15}{8} \times \left(9 : \frac{45}{8}\right) - \frac{8}{3} = \frac{15}{8} \times \left(\frac{9}{1} \times \frac{8}{45}\right) - \frac{8}{3}$ $= \frac{15}{8} \times \frac{8}{5} - \frac{8}{3}$ $= \frac{\cancel{15} \times 3}{\cancel{8}} \times \frac{\cancel{8}}{\cancel{5}} - \frac{8}{3}$ $= \frac{3}{1} - \frac{8}{3}$ $= \frac{9}{3} - \frac{8}{3} = \frac{1}{3}$</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

Bài 3. (trang 33 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Viết phân số thập phân hoặc hỗn số thích hợp vào chỗ chấm.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| a) 4 mm = cm | 63 cm = m |
| 7 cm = m | 840 m = km |
| b) 7 g = kg | 365 g = kg |
| 40 g = kg | 851 kg = tấn |
| c) 3 dm 9 cm = dm | 6 kg 450 g = kg |
| 5 m 42 cm = m | 2 tấn 84 kg = tấn |

- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở BT.

- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.

Củng cố: Viết số đo đại lượng dưới dạng phân số thập phân.

Bài 4.(trang 33 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Một bộ truyện thiếu nhi gồm 6 tập, mỗi tập có 80 trang và 9 tập còn lại, mỗi tập có 60 trang. Hỏi trung bình mỗi tập truyện có bao nhiêu trang.-GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Gọi HS tóm tắt
- GV mời cá nhân suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm vào vở BT, sau đó lần lượt nối tiếp nêu kết quả:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| a) 4 mm = $\frac{4}{10}$ cm | 63 cm = $\frac{63}{100}$ m |
| 7 cm = $\frac{7}{100}$ m | 840 m = $\frac{840}{1000}$ km |
| b) 7 g = $\frac{7}{1000}$ kg | 365 g = $\frac{365}{1000}$ kg |
| 40 g = $\frac{40}{1000}$ kg | 851 kg = $\frac{851}{1000}$ tấn |
| c) 3 dm 9 cm = $3\frac{9}{10}$ dm | 6 kg 450 g = $6\frac{450}{1000}$ kg |
| 5 m 42 cm = $5\frac{42}{100}$ m | 2 tấn 84 kg = $2\frac{84}{1000}$ tấn |

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

Tóm tắt:

- 6 tập : 80trang/tập
- 9 tập : 600trang/tập
- Trung bình mỗi tập: ? trang

- Lớp làm việc cá nhân.

Bài giải:

6 tập đầu có số trang là:

$$80 \times 6 = 480 \text{ (trang)}$$

9 tập còn lại có số trang là:

$$60 \times 9 = 540 \text{ (trang)}$$

Bộ truyện có số tập là:

<p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>$6 + 9 = 15$ (tập)</p> <p>Trung bình mỗi tập truyện có số trang là:</p> <p>$(480 + 540) : 15 = 68$ (trang)</p> <p>Đáp số: 68 trang</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).</p>
<p>3.Hoạt động vận dụng Bài 5: (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 33) Đố em! <small>Viết phân số $\frac{1}{2}$ thành tổng hai phân số có tử số là 1 và mẫu số khác nhau.</small></p> <p>.....</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu</p> <p>- GV Cho HS làm bảng con</p> <p>- GV mời HS nhận xét</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS làm bảng con</p> <p><small>Viết phân số $\frac{1}{2}$ thành tổng hai phân số có tử số là 1 và mẫu số khác nhau là: $\frac{1}{2} = \frac{1}{6} + \frac{1}{3}$</small></p> <p>- HS nhận xét</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT
VIẾT: VIẾT BÁO CÁO CÔNG VIỆC.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được báo cáo công việc theo dàn ý đã lập.
- Biết trân trọng các giá trị tinh thần của mọi thứ xung quanh, có ý thức quan sát, cảm nhận để phát hiện ra giá đó; biết yêu quý và bày tỏ lòng yêu quý với mọi người.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- GV cho HS đọc 1 bản báo cáo và nhận xét. - Nhắc lại những điểm cần ghi nhớ khi viết một bản báo cáo. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.	- HS đọc và tự nhận xét theo hiểu biết của mình. - 2 HS nhắc lại. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1:(trang 27 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Chuẩn bị. Để chuẩn bị nội dung cho bản báo cáo, em cần tìm hiểu, ghi chép số liệu, thông tin chính xác về các hoạt động của tổ, của lớp hoặc của chi đội trong tháng qua và lập bảng biểu thích hợp.</p> - GV mời 2 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. Viết báo cáo công việc theo 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Trong vai tổ trưởng hoặc lớp trưởng, báo cáo thầy cô về các hoạt động của tổ hoặc của lớp trong tháng qua. Đề 2: Trong vai chi đội trưởng, báo cáo thầy cô Tổng phụ trách Đội về các hoạt động của chi đội trong tháng qua. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. -HS trong nhóm đọc đề bài

Thứ năm ngày 26 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV chiếu một bản báo cáo công việc - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
- Mục tiêu: + Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	

<p>Bài 1: Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết nêu rõ ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức báo cáo, đặc biệt cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo. - GV chiếu một số báo cáo của HS; hướng dẫn HS nhận xét, góp ý - GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác - HS đọc lại báo cáo đã viết và tự phát hiện lỗi - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe GV nhận xét - Quan sát báo cáo GV chiếu - Nghe GV nhận xét - HS đọc của mình và sau đổi cho nhau để sửa lỗi cho nhau. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hay, có cách giới thiệu hấp dẫn. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Chỉnh sửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 -3 HS đọc bài viết - HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn về bố cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc... - 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài báo cáo - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết báo cáo. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà. 	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ước lượng được và làm tròn số trong tính toán đơn giản;
- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện;
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực nhớ lại cách làm tròn số trong tính toán đơn giản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng để tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập 	

<p>trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Trò chơi: Trả lời nhanh</p> <p>Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 23 456</p> <p>Câu 2: Tìm phân số thích hợp: 5kg = ... Yên</p> <p>Câu 3: Tìm phân số thích hợp: 5kg600g = ... Kg</p> <p>- GV động viên HS tích cực, chăm chỉ</p> <p>- Dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS quan sát, lắng nghe, trả lời nhanh</p> <p>Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 23 456 là số: 23 000</p> <p>Câu 2: Tìm phân số thích hợp: $5\text{kg} = \frac{.5}{10}$ Yên</p> <p>Câu 3: Tìm phân số thích hợp: $5\text{kg}600\text{g} = 5 \frac{600}{1000} \dots \text{Kg}$</p>
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <p>- Mục tiêu: HS vận dụng được việc thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, với số tự nhiên, các tính chất của phép tính để giải quyết một số tình huống thực tế.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Ước lượng kết quả phép tính.</p> <p>a) Kết quả phép tính 12 020 – 6 915 khoảng mấy nghìn?</p> <p>b) Kết quả phép tính 36 070 + 23 950 khoảng mấy chục nghìn?</p> <p>c) Kết quả phép tính 598 600 – 101 500 khoảng mấy trăm nghìn?</p> <p>d) Kết quả phép tính 4 180 300 + 3 990 700 khoảng mấy triệu?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ sau đó trả lời nối tiếp</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- 1 HS nêu:</p> <p>a) Làm tròn số 12 020 và 6 915 đến hàng nghìn được số 12 000 và 7 000. Vậy kết quả phép tính 12 020 – 6 915 khoảng $12\ 000 - 7\ 000 = 5\ 000$</p> <p>b) Làm tròn số 36 070 và 23 950 đến hàng chục nghìn được số 40 000 và 20 000. Vậy kết quả phép tính $36\ 070 + 23\ 950$ khoảng $40\ 000 + 20\ 000 = 60\ 000$</p> <p>c) Làm tròn số 598 600 và 101 500 đến hàng trăm nghìn được số 600 000 và 100 000. Vậy kết quả phép tính $598\ 600 - 101\ 500$ khoảng $600\ 000 - 100\ 000 = 500\ 000$</p> <p>d) Làm tròn số 4 180 300 và 3 990 700 đến hàng triệu được số 4 000 000 Vậy kết quả phép tính $4\ 180\ 300 + 3\ 990\ 700$ khoảng $4\ 000\ 000 + 4\ 000\ 000 = 8$</p>

<p>- GV nhận xét, tuyên dương, sửa sai</p> <p>- Cùng cố: Rèn kĩ năng làm tròn số để ước lượng kết quả phép cộng, phép trừ số tự nhiên.</p>	<p>000 000</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 2.</p> <p>Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491. Hỏi kể từ năm nay, còn bao nhiêu năm nữa sẽ kỉ niệm 600 năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2, tìm hiểu đề bài</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm khai thác bài toán.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>GV giúp cho Hs hiểu kết quả Bài toán phụ thuộc vào “ năm nay” là năm bao nhiêu?</p> <p>Củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm (4 hoặc 5), tìm hiểu khai thác đề bài</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>Năm nay là năm 2024.</p> <p>Năm kỉ niệm 600 năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là:</p> $1491 + 600 = 2091$ <p>Kể từ năm nay, còn số năm nữa sẽ đến kỉ niệm 600 năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là:</p> $2091 - 2024 = 67$ <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 3. Cô Ba mang 120 quả trứng gà ra chợ bán. Lần thứ nhất, cô Ba bán được $\frac{1}{8}$ số trứng đó. Lần thứ hai, cô Ba bán được $\frac{2}{7}$ số trứng còn lại sau lần bán thứ nhất. Hỏi cô Ba đã bán được tất cả bao nhiêu quả trứng gà?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi sau đó trình bày bài giải vào vở</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS phân tích và tóm tắt:</p> <p>Tóm tắt</p> <p>Có: 120 quả trứng</p> <p>Lần thứ nhất: $\frac{1}{8}$ số trứng</p> <p>Lần thứ hai: $\frac{2}{7}$ số trứng còn lại</p> <p>Cả hai lần: ? quả trứng</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi và giải vào vở</p> <p>Số trứng lần thứ nhất bán được là</p> $120 \times \frac{1}{8} = 15 \text{ (quả)}$ <p>Số trứng còn lại sau lần bán thứ nhất là:</p> $120 - 15 = 105 \text{ (quả)}$ <p>Số trứng lần thứ hai bán được là:</p> $105 \times \frac{2}{7} = 30 \text{ (quả)}$ <p>Cả hai lần cô Ba bán được số quả trứng</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Củng cố kỹ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.</p>	<p>là: $15 + 30 = 45$ (quả) Đáp số: 45 quả trứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện:</p> <p>a) $524 \times 63 + 524 \times 37 - 2\ 400$</p> <p>b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{5} + \frac{6}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{4}{5}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia thi đua trả lời nhanh - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở. <ul style="list-style-type: none"> - GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu cách làm và làm vào vở, chấm chữa nhanh <p>a) $524 \times 63 + 524 \times 37 - 2\ 400 =$ $= 524 \times (63 + 37) - 2\ 400 =$ $= 524 \times 100 - 2\ 400 =$ $= 52\ 400 - 2\ 400 = 50\ 000$</p> <p>b) $\frac{7}{9} \times \frac{6}{5} + \frac{6}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{4}{5}$ $= \frac{6}{5} \times (\frac{7}{9} + \frac{2}{9}) + \frac{4}{5} = \frac{6}{5} \times 1 + \frac{4}{5}$ $= \frac{6}{5} + \frac{4}{5} = \frac{10}{5} = 2$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC

TUẦN 4:

CHỦ ĐỀ 1: CHẤT

Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực khoa học tự nhiên:

- Phân biệt được hỗn hợp và dung dịch từ các ví dụ đã cho.
- Thực hành tách muối hoặc đường ra khỏi dung dịch muối hoặc đường.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu các thí nghiệm tạo ra dung dịch và hỗn hợp qua các hoạt động: sưu tầm tranh ảnh, vật thật để tiến hành thí nghiệm, ...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số hỗn hợp và dung dịch; tạo được 1 số hỗn hợp và dung dịch ngoài sách giáo khoa.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của hỗn hợp và dung dịch trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.


- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về hỗn hợp và dung dịch vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích khi làm thí nghiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Dụng cụ thí nghiệm theo nhóm và theo yêu cầu của mỗi thí nghiệm

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút HS tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi: Siêu đầu bếp nhí - GV chia lớp thành các nhóm. - Cách chơi: GV đưa ra tên của một số món ăn hoặc thức uống: nước cam có cả tép cam, nước cốt chanh pha nước đường, gia vị muối tiêu, trà sữa trân châu, nước mắm hòa tan trong nước, mì trộn, cơm rang thập cẩm, salad rau củ, nước muối, ... GV yêu cầu HS cho biết 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe hướng dẫn cách chơi và tham gia. Mỗi nhóm cử một đại diện lên chơi. + dung dịch: nước cốt

<p>món nào là dung dịch, món nào là hỗn hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GTB: Các em có bao giờ tự hỏi làm thế nào để chúng ta có thể lấy lại muối từ nước biển? Đây là những kiến thức không chỉ hữu ích trong học tập mà còn áp dụng trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Hôm nay, cô sẽ giới thiệu một chủ đề rất thú vị và thực tế, liên quan đến những gì chúng ta gặp gỡ hàng ngày – đó là cách tách muối ra khỏi dung dịch. 	<p>chanh pha nước đường, nước mắm hòa tan trong nước, nước muối. + hỗn hợp: nước cam có cả tép cam, gia vị muối tiêu, trà sữa trân châu, mì trộn, cơm rang thập cẩm, salad rau củ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. 								
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS thực hành tách muối ra khỏi dung dịch muối. - Cách tiến hành: 									
<p>Hoạt động 1: tách muối ra khỏi dung dịch muối</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thực hành làm thí nghiệm tách muối ra khỏi dung dịch muối. - GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm H5 theo phân công - GV nhận xét việc chuẩn bị của các nhóm. - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: + Quan sát H5  <p>Hình 5</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiến hành làm thí nghiệm theo các bước trong SGK. Ghi chép dự đoán hiện tượng xảy ra với dung dịch muối khi đun; hiện tượng xảy ra khi đun dung dịch muối và so sánh với dự đoán ban đầu. + Hoàn thành phiếu thí nghiệm. - GV quan sát, hướng dẫn, góp ý với từng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin. - Đại diện các nhóm báo cáo - Các nhóm làm thí nghiệm và hoàn thành phiếu thí nghiệm <p>Nhóm:</p> <p style="text-align: center;">PHIẾU TN</p> <p>Tách muối ra khỏi dung dịch muối</p> <table border="1" data-bbox="831 1487 1345 1780"> <thead> <tr> <th>Dụng cụ thí nghiệm</th> <th>cách tiến hành</th> <th>giải thích hiện tượng</th> <th>những lưu ý khi tiến hành TN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả. - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức. 	Dụng cụ thí nghiệm	cách tiến hành	giải thích hiện tượng	những lưu ý khi tiến hành TN				
Dụng cụ thí nghiệm	cách tiến hành	giải thích hiện tượng	những lưu ý khi tiến hành TN						

biển trong tự nhiên	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo ra được một hỗn hợp nước chấm hoặc món ăn đơn giản có thể dùng trong bữa ăn</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học xong bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho các nhóm tiến hành làm một vài món ăn, dung dịch hoặc hỗn hợp nước chấm phục vụ cho bữa ăn hằng ngày.</p> <p>Lưu ý: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh lớp học sau khi thực hiện.</p>	<p>- HS dựa vào những hiểu biết và kiến thức được học trong bài để làm ra một vài món ăn, dung dịch hoặc hỗn hợp nước. Phục vụ cho bữa ăn hằng ngày như: nước mắm chanh, muối gia vị hạt tiêu chanh ớt, salad rau củ, mì trộn, nước chanh,</p>
<p>- GV nhận xét và khen HS đã biết tạo ra những món ăn và phân biệt chúng là dung dịch hay hỗn hợp.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc tổng kết nội dung bài học ở mục “em đã học”.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò: Về nhà tạo ra một hỗn hợp lớp. Hoặc món ăn đơn giản có thể dùng trong bữa ăn.</p>	<p>- HS đọc.</p> <p>- Dựa vào những hiểu biết và kiến thức đã học để làm ra một vài món ăn (là hỗn hợp).</p> <p>- HS nghe, chuẩn bị trước khi đến lớp.</p>
<p>+ Tìm hiểu nội dung bài 4, chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm cho tiết học.</p>	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ

TUẦN 4: CHỮ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM
BÀI 3: BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1.Năng lực đặc thù:

-Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa)

- Có khả năng sưu tầm, đọc và kể lại một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất

-Yêu nước thông qua việc bày tỏ sự trân trọng những việc làm của các thế hệ trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

-Trách nhiệm nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

* **Giáo dục Quốc phòng an ninh:** Làm rõ tầm quan trọng của vùng biển nước ta trong phát triển kinh tế và GD Quốc phòng an ninh

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

+Tranh ảnh, tư liệu về biển đảo và công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Kết nối những điều học sinh đã biết với những điều học sinh chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của học sinh để dẫn dắt vào bài mới.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chiếu clip cho HS xem: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã thấm sâu vào lòng người dân mọi miền đất nước như một "bằng chứng sống" về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng</p>	<p>- Cả lớp quan sát tranh.</p>

Sa, Trường Sa. Lễ này không chỉ nhằm tri ân những người lính trong đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Trường Sa năm xưa đã hi sinh để bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Tổ quốc. Để hiểu được những hi sinh vất vả của cha ông trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông thì bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nhé.

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1.

-Bước 1:

GV tổ chức hoạt động nhóm, yêu cầu HS: vẽ sơ đồ tư duy về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông qua các thời kì: Chúa Nguyễn, triều Nguyễn, Pháp thuộc và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

-Bước 2:

+ Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày.

+ GV theo dõi quá trình làm việc của các nhóm và hỗ trợ khi cần thiết, khuyến khích các nhóm có thể tự sáng tạo hình thức phù hợp miễn là đảm bảo yêu cầu cần đạt.

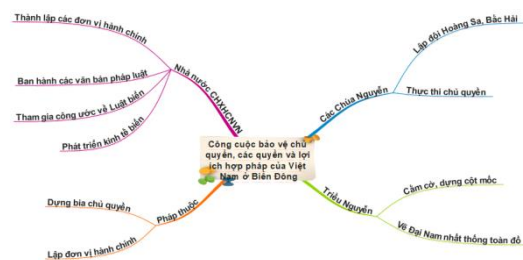
-Bước 3:

+ GV mời đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả làm việc, các nhóm lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có)

Trong khi HS trình bày sản phẩm, GV nêu thêm các nhiệm vụ mở rộng để khai thác triệt để các thông tin trong sách giáo khoa.

-HS thực hiện

Ví dụ:



+ Các nhóm dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, thảo luận để thống nhất nội dung trình bày.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc

+Chia sẻ điều em biết về đội Hoàng Sa.
 +Nêu việc làm của triều Nguyễn trong việc thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa thông qua đoạn tư liệu trong sách giáo khoa.
 -Bước 4:
 +GV nhận xét hoạt động, sản phẩm trình bày của các nhóm.
 +GV chốt kiến thức.
 *Thời Chúa Nguyễn, thế kỉ XVII, các Chúa Nguyễn cho lập đội Hoàng Sa và sau đó là đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản,...
 *Triều Nguyễn tiếp tục xác lập chủ quyền bằng cách cắm cờ, dựng cột mốc,... trên quần đảo Hoàng Sa, cho vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ, trong đó thể hiện rõ quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam.
 *Thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp đại diện cho chính quyền Việt Nam để thực hiện việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Người Pháp cho xây dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
 *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như: thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; ban hành các văn bản pháp luật, khẳng định chủ quyền biển, đảo; tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982;...đồng thời thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển đảo quê hương.

*** GD Quốc phòng an ninh:**
 Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

<p>có vai trò cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt đối với Việt Nam không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị mà cả an ninh - quốc phòng. Là cầu nối vươn ra biển cả, là điểm tựa khai thác các nguồn lợi biển, là những điểm tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc. Các em cần bảo vệ chủ quyền biển đảo với hai quần đảo này.</p>											
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu: + Củng cố nội dung bài học. + Kiểm tra mục tiêu bài học xem đã đạt chưa. - Cách tiến hành:</p>											
<p>-Thực hiện trong 10 phút. +Bước 1: Yêu cầu HS làm việc cá nhân câu 1 phần Luyện tập. +Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo gợi ý trong sách giáo khoa và vở. +Bước 3: GV tổ chức HS trình bày kết quả. +Bước 4: HS lắng nghe nhận xét, bổ sung (nếu có) GV chốt: Tổ chức cho HS trao đổi bảng, chấm chéo dựa theo bảng gợi ý.</p>	<p>- HS thực hiện yêu cầu. - HS trình bày kết quả. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>Gợi ý bảng hoàn thành:</p> <table border="1" data-bbox="858 1086 1423 1429"> <thead> <tr> <th>Thời kì</th> <th>Hoạt động</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Các chúa Nguyễn</td> <td>- Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản. - Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.</td> </tr> <tr> <td>Triều Nguyễn</td> <td>- Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. - Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. - Về Đại Nam nhất thống toàn đồ.</td> </tr> <tr> <td>Thời Pháp thuộc</td> <td>- Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.</td> </tr> <tr> <td>Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</td> <td>- Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. - Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo. - Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. - Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.</td> </tr> </tbody> </table>	Thời kì	Hoạt động	Các chúa Nguyễn	- Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản. - Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.	Triều Nguyễn	- Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. - Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. - Về Đại Nam nhất thống toàn đồ.	Thời Pháp thuộc	- Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. - Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo. - Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. - Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.
Thời kì	Hoạt động										
Các chúa Nguyễn	- Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản. - Thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.										
Triều Nguyễn	- Cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa. - Dựng cột mốc trên quần đảo Hoàng Sa. - Về Đại Nam nhất thống toàn đồ.										
Thời Pháp thuộc	- Dựng bia chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.										
Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. - Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo. - Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. - Thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.										
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành:</p>											
<p>- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. +Bước 1: GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet,... +Bước 2: Thảo luận ngoài giờ học để thực hiện nhiệm vụ. +Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả. +Bước 4: Nhận xét, đánh giá. - Nhận xét sau tiết dạy.</p>	<p>- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo hướng dẫn của GV.</p>										

- Dẫn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

ÔN TOÁN

Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ước lượng được và làm tròn số trong tính toán đơn giản;
- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện;
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên và phân số.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực nhớ lại cách làm tròn số trong tính toán đơn giản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng để tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

3. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán

4. *Học sinh:* Vở bài tập toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- Trò chơi: Trả lời nhanh Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 35 432 Câu 2: Tìm phân số thích hợp: 4kg = ...	- HS quan sát, lắng nghe, trả lời nhanh Câu 1: Làm tròn số đến hàng chục nghìn số sau: 35 432 là số: 35 000

<p>Yên Câu 3: Tìm phân số thích hợp: $3\text{kg}200\text{g}$ $= \dots \text{Kg}$ - GV động viên HS tích cực, chăm chỉ - Dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>Câu 2: Tìm phân số thích hợp: $4\text{kg} = \frac{4}{10}$ Yên Câu 3: Tìm phân số thích hợp: $3\text{kg}200\text{g} = 3\frac{200}{1000}\dots \text{Kg}$</p>
<p>2. Hoạt động Luyện tập, thực hành</p>	
<p>Bài 1.(trang 34 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Ước lượng kết quả phép tính rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a) Kết quả phép tính $13\ 010 - 8\ 965$ khoảng nghìn.</p> <p>b) Kết quả phép tính $45\ 030 + 24\ 970$ khoảng chục nghìn.</p> <p>c) Kết quả phép tính $799\ 800 - 201\ 400$ khoảng trăm nghìn.</p> <p>d) Kết quả phép tính $6\ 009\ 100 + 2\ 995\ 500$ khoảng triệu.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS suy nghĩ sau đó trả lời nối tiếp</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương, sửa sai - Cùng cố: Rèn kĩ năng làm tròn số để ước lượng kết quả phép cộng, phép trừ số tự nhiên.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - 1 HS nêu: a) Kết quả phép tính $13\ 010 - 8\ 965$ khoảng 4 nghìn. b) Kết quả phép tính $45\ 030 + 24\ 970$ khoảng 7 chục nghìn. c) Kết quả phép tính $799\ 800 - 201\ 400$ khoảng 6 trăm nghìn. d) Kết quả phép tính $6\ 009\ 100 + 2\ 995\ 500$ khoảng 9 triệu.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 2. (trang 34 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Vua Quang Trung sinh năm 1753. Hỏi kể từ năm nay, còn bao nhiêu năm nữa sẽ kỉ niệm 300 năm năm sinh vua Quang Trung? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2, tìm hiểu đề bài</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2.</p>

<p>- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm khai thác bài toán.GV giúp cho Hs hiểu kết quả Bài toán phụ thuộc vào “ năm nay” là năm bao nhiêu?</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS làm việc theo nhóm 4 ,tìm hiểu khai thác đề bài</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>Năm nay là năm 2024.</p> <p>Năm kỉ niệm 300 năm năm sinh vua Quang Trung là:</p> <p>$1753 + 300 = 2053$</p> <p>Kể từ năm nay, còn số năm nữa sẽ đến kỉ niệm 300 năm năm sinh vua Quang Trung là:</p> <p>$2053 - 2024 = 29$ (năm)</p> <p>Đáp số: 29 năm</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 3. (trang 34 VBT Toán lớp 5 Tập 1)Cô Bình mang 140 quả cam ra chợ bán. Lần thứ nhất, cô Bình bán được $\frac{1}{4}$số cam đó. Lần thứ hai, cô Bình bán được $\frac{3}{7}$ số cam còn lại sau lần bán thứ nhất. Hỏi cô Bình đã bán được tất cả bao nhiêu quả cam?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi sau đó trình bày bài giải vào vở</p> <p>- GV mời HS trả lời.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS phân tích và tóm tắt:</p> <p>Tóm tắt Có: 140 quả cam Lần thứ nhất: $\frac{1}{4}$ số cam Lần thứ hai: $\frac{3}{7}$ số cam còn lại Cả hai lần: ? quả cam</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi và giải vào vở BT</p> <p>Số quả lần thứ nhất bán được là</p> $140 \times \frac{1}{4} = 35 \text{ (quả)}$ <p>Số quả cam còn lại sau lần bán thứ nhất là:</p> $140 - 35 = 105 \text{ (quả)}$ <p>Số quả cam lần thứ hai bán được là:</p> $105 \times \frac{3}{7} = 45 \text{ (quả)}$

<p>- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. củng cố kĩ năng giải bài toán gắn với tình huống thực tế.</p>	<p>Cả hai lần cô Ba bán được số quả cam là: $45 + 35 = 80$ (quả) Đáp số: 80 quả cam</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).</p>
<p>Bài 4.(trang 35 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Tính bằng cách thuận tiện: a) $645 \times 54 + 645 \times 46 - 3\ 500$ =..... =</p> <p>b) $\frac{5}{11} \times \frac{7}{6} + \frac{7}{6} \times \frac{6}{11} + \frac{5}{6} = \dots\dots\dots$ =</p> <p>- HS tham gia thi đua trả lời nhanh - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở BT.</p>	<p>- HS nêu cách làm và làm vào vở BT, chấm chữa</p> <p>a) $645 \times 54 + 645 \times 46 - 3\ 500 = 645 \times (54 + 46) - 3\ 500$ $= 645 \times 100 - 3\ 500$ $= 64\ 500 - 3\ 500$ $= 61\ 000$</p> <p>b) $\frac{5}{11} \times \frac{7}{6} + \frac{7}{6} \times \frac{6}{11} + \frac{5}{6} = \frac{7}{6} \times (\frac{5}{11} + \frac{6}{11}) + \frac{5}{6}$ $= \frac{7}{6} \times 1 + \frac{5}{6}$ $= \frac{7}{6} + \frac{5}{6}$ $= 2$</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>3.Hoạt động vận dụng</p>	
<p>Bài 5.(trang 35 VBT Toán lớp 5 Tập 1) Biết tuổi trung bình của 5 cầu thủ bóng rổ trên sân thi đấu là 23 tuổi. Trong đó, tuổi trung bình của 4 cầu thủ là 22 tuổi. Hỏi cầu thủ còn lại bao nhiêu tuổi?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở BT.</p> <p>- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.</p>	<p>- HS nêu cách làm và làm vào vở BT, chấm chữa nhanh</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Tổng số tuổi của 5 cầu thủ là: $23 \times 5 = 115$ (tuổi) Tổng số tuổi của 4 cầu thủ là: $22 \times 5 = 88$ (tuổi) Tuổi của cầu thủ còn lại là: $115 - 88 = 27$ (tuổi) Đáp số: 27 tuổi</p>

- GV nhận xét tiết học. - Dẫn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
---	-----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TIẾNG VIỆT

VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÁO CÁO CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

3. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt

4. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động	
- GV chiếu một bản báo cáo công việc - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1. (trang 30 VBT Tiếng Việt lớp 5	

<p>Tập 1) Ghi lại ý kiến nhận xét chung của thầy cô về bài làm của lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung về các bản báo cáo công việc HS đã viết nêu rõ ưu điểm, nhược điểm về nội dung, hình thức báo cáo, đặc biệt cách trình bày bảng biểu, số liệu trong báo cáo. - GV chiếu một số báo cáo của HS; hướng dẫn HS nhận xét, góp ý - GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác - HS đọc lại báo cáo đã viết và tự phát hiện lỗi - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe GV nhận xét - Quan sát báo cáo GV chiếu - Nghe GV nhận xét - HS đọc của mình và sau đổi cho nhau để sửa lỗi cho nhau. - HS lắng nghe.
<p>Bài 2(trang 30 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Em tự đánh giá bản báo cáo của mình đạt được những điểm nào dưới đây?</p> <p>GV nêu các điểm nhận xét chung về các bản báo cáo công việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu các điểm ; hướng dẫn HS đánh giá bản báo cáo của mình - GV góp ý chung và góp ý riêng cho một số HS khác - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe GV nhận xét - HS tự đánh giá bản báo cáo của mình và sau đọc cho nhau nghe - HS lắng nghe.
<p>Bài 3.(trang 30 VBT Tiếng Việt lớp 5 Tập 1) Chỉnh sửa báo cáo theo nhận xét của thầy cô và theo góp ý của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 -3 HS đọc bài viết - HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn - GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn về bố cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc... - 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung.
<p>3.Hoạt động vận dụng</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã

<p>dụng:</p> <p>Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>học vào thực tiễn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết báo cáo. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 27 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE
NHỮNG ĐIỂM VUI CHƠI LÍ THÚ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giới thiệu được một địa chỉ vui chơi lí thú và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, ... về nơi đó

- Biết quan sát và nhận xét về những điều quan sát được, biết thích nghi với hoàn cảnh mới. Biết cập nhật những thay đổi của thời đại để bản thân không ngừng hoàn thiện. Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sống, có tình cảm với quê hương.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, Biết trân trọng và yêu quý nơi mình sống, có tình cảm với quê hương.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

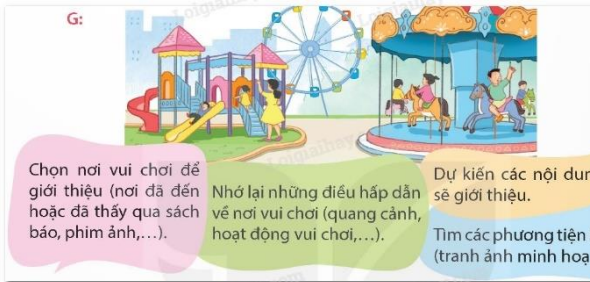
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình ảnh minh họa về một số địa điểm vui chơi nổi tiếng (Trong nước và ngoài nước)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV chiếu một số địa điểm vui chơi nổi tiếng cho HS quan sát trả lời nhanh tên	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.

<p>những địa điểm đó. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá. - Mục tiêu: + Giới thiệu về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Chuẩn bị. - GV mời học sinh đọc yêu cầu</p>  <p>- GV chiếu một số hình ảnh về khu vui chơi lí thú dành cho tuổi thơ. - GV hướng dẫn cá nhân HS chuẩn bị các công việc: + Chọn nơi vui chơi để giới thiệu + Nhớ lại những điều hấp dẫn về nơi vui chơi + Dự kiến các nội dung sẽ giới thiệu + Suy nghĩ, cảm xúc khi được đến nơi vui chơi đó. + Tìm các phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu nơi vui chơi. - HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu. - GV theo dõi nhận xét chung,</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV</p> <p>- Thực hiện ghi chép - HS lắng nghe.</p>
<p>Bài 2: Trình bày - Gọi 2 HS đọc lại yêu cầu nói và nghe - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nói và nghe. + Trao đổi nhóm 4 + Khi nói cần thể hiện suy nghĩ, cảm xúc qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ... Khi nghe nên ghi lại cử chỉ, điệu bộ thú vị mà em muốn học tập trong bài giới thiệu của bạn. Kết hợp sử dụng tranh ảnh.... Để</p>	<p>- 2 HS đọc -Nhóm thảo luận các nội dung Em tiến hành trình bày về một nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến dựa vào nội dung đã chuẩn bị và gợi ý. Ví dụ: Ở gần nhà em có một công viên khá rộng, đây cũng là một trong những khu vui chơi giải trí cho mọi người trong thành phố. Hằng ngày em đều ra công viên để</p>

<p>giới thiệu nơi vui chơi sinh động</p> <p>- HS dựa vào nội dung đã chuẩn bị để giới thiệu về nơi vui chơi mà em đã đến hoặc muốn đến.</p> <p>-Tiến hành trình bày trước lớp</p>	<p>vui chơi nhưng chỉ có chủ nhật là em có nhiều thời gian để khám phá hết tất cả các trò chơi ở đây, em rất thích khoảng thời gian đó.</p> <p>Khu vui chơi giải trí này nằm trong trung tâm của thành phố, ngay bên cạnh tượng đài Trần Hưng Đạo, khuôn viên của nó khá rộng lớn với chiếc hồ lớn ở giữa và bao bọc hồ là con đường lát gạch đỏ phẳng lí, hai bên ven đường được trồng những hàng cây cao tỏa bóng râm mát xuống đất.</p> <p>Ở đây lúc nào cũng đông người, mọi người đến đây để vui chơi, giải trí và hóng mát trong những ngày hè nóng nực. Thu hút em ngay từ khi bước chân vào cổng là những tiếng hát phát ra từ những trò chơi đu quay, tàu lửa với màu sắc sặc sỡ, ngay cổng vào các bác bán hàng cho thuê xe máy điện, ô tô điện cho trẻ em, bạn nào cũng rất thích được ngồi trên chiếc ô tô và lái vòng quanh hồ. Bước vào trong sẽ thấy rất nhiều trò chơi dành cho trẻ em, nào xúc hạt, nào cốc xoay, nào tàu lượn trên không, nào xích đu...trò nào cũng gây hứng thú cho em và các bạn nhỏ. Em thích nhất là trò nhảy trên nhà hơi, một chiếc tòa lâu đài được thổi không khí vào bên trong, người chơi sẽ leo lên phía trên và tìm cách để thăng bằng, tiếng cười thích thú và phấn khích không ngớt, trên gương mặt ai cũng tỏ ra hồ hởi, đôi khi thấy lấm tấm trên trán những giọt mồ hôi nhưng không làm bớt đi vẻ rạng rỡ, vui vẻ của mọi người. Ở giữa hồ là từng chiếc thuyền thiên nga đang bơi lội đưa du khách đi tham quan một vòng hồ, trông sinh động và đẹp đẽ như một bức tranh vậy.</p> <p>Đã được đến đây chơi rất nhiều lần nhưng em không hề thấy chán mà lần nào cũng rất hứng thú, nơi đây đã lưu giữ không biết</p>
---	--

<p>- GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm.</p>	<p>bao nhiêu kỷ niệm của em và gia đình, chắc chắn sau này em cũng sẽ không bao giờ quên. -Đại diện 2 -3 nhóm trình bày. - Nghe nhận xét</p>
<p>3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Viết bài văn mình đã chọn + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 3. Đánh giá: - Nội dung giới thiệu hấp dẫn - Người có phản hồi tích cực - GV cho HS bình chọn - GV đánh giá kết quả học tập của HS S biết mà tìm đọc.</p>	<p>- HS tham gia đánh giá - Nghe GV đánh giá - Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: + Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về nơi vui chơi thú vị nhất mà em muốn đến. + Suu tầm tranh ảnh và bài viết về các hành tinh ngoài Trái đất. Ghi lại các thông tin thú vị để chia sẻ với người thân. - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Củng cố tiết dạy, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về nơi vui chơi thú vị nhất mà em muốn đến. (Kết hợp thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em) - Nghe GV đánh giá - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - Nghe thực hiện.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

ÂM NHẠC
TIẾT 4
- ÔN TẬP NHẠC CỤ
- VẬN DỤNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- Thể hiện đúng trường độ bài tập tiết tấu, biết sử dụng một số nhạc cụ gõ để đệm cho bài hát.
- Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài tập giai điệu bằng recorder hoặc kèn phím, duy trì được tốc độ ổn định.

II. Đồ dùng dạy học:

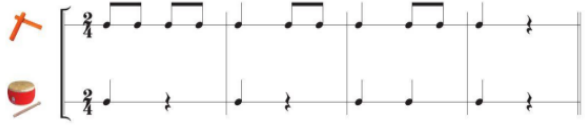
1. Giáo viên:

- Đàn phím điện tử, recorder và kèn phím.
- SGK,SGV âm nhạc 5

2. Học sinh.

- Có một trong số các nhạc cụ gõ như: thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bo-rin, trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát, hoặc nhạc cụ gõ tự làm.
- Có một trong hai nhạc cụ thể hiện giai điệu: recorder hoặc kèn phím

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Cho cả lớp khởi động với bài nhạc vui theo băng mẫu. - GV: Nhận xét, liên hệ vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS khởi động theo băng mẫu - HS nghe nhận xét
<p>2. Hoạt động luyện tập</p> <p>Ôn tập nhạc cụ</p> <p>* Ôn tập bài tập tiết tấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Cho học sinh quan sát lại 2 câu tiết tấu đã học giờ học trước.  <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi? Bạn nào còn nhớ cách gõ này không? - GV: Nhận xét - GV: Cho cả lớp gõ lại câu tiết tấu này 1 lần. - GV: Nhận xét, sửa sai (nếu có) -GV: Cho học sinh hát và đệm theo tiết tấu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát lại câu tiết tấu - HS trả lời - HS nghe nhận xét - HS gõ lại câu tiết tấu này - HS nghe nhận xét - HS áp dụng câu tiết tấu gõ đệm cho bài hát

<p>bài Niềm vui của em ?</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV gõ tiết tấu thứ hai và hoà tấu cùng HS. - GV nhận xét và sửa sai - GV mời HS xung phong: một em gõ tiết tấu thứ nhất, một em gõ tiết tấu thứ hai. Hoặc nhóm A gõ tiết tấu thứ nhất, nhóm B gõ tiết tấu thứ hai. <p>GV hướng dẫn HS kết hợp 2 tiết tấu, đệm cho bài hát Niềm vui của em.</p> <p>GV làm mẫu, vừa thể hiện tiết tấu thứ nhất vừa hát. GV và HS cùng luyện tập.</p> <p>Tương tự, GV vừa thể hiện tiết tấu thứ hai vừa hát, sau đó GV và HS cùng luyện tập.</p> <p>+ GV mời cá nhân, nhóm, tổ lựa chọn tiết tấu đã học đệm cho bài hát Niềm vui của em (phần vận dụng). Nhóm A chơi nhạc cụ, nhóm B hát Niềm vui của em.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và sửa sai (nếu có) <p>* Ôn tập bài tập giai điệu.</p> <p>GV thể hiện lại Bài <i>ri-coóc-đơ số 1</i> hoặc Bài <i>kèn phím số 1</i></p> <p>Thế bấm của nốt Đô 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cả lớp luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc). - GV hướng dẫn HS chơi giai điệu cùng nhạc đệm. - GV mời cá nhân, nhóm, tổ chơi giai điệu cùng nhạc đệm. - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi âm nhạc: Nghe giai điệu và đoán tên nốt nhạc. GV dùng sáo ri-coóc-đơ chơi các nốt Son, La, Si để HS đoán tên các nốt nhạc. GV nên thổi 3 nốt với nhịp độ chậm để HS có thể đọc (hoặc hát) tên các nốt nhạc. GV có thể tổ chức thi đua giữa HS nam và HS nữ - GV nhận xét và sửa sai 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và sửa sai - HS thực hiện <p>-HS thực hiện theo HDGV</p> <p>- HS theo dõi và luyện tập</p> <p>-HS tập theo HDGV</p> <p>HS lên bảng theo YC GV</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS lắng nghe và sửa sai - HS thực hiện theo HDGV <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS thực hiện theo hướng dẫn</p> <p>-HS lắng nghe, ghi nhớ</p>
<p>3. HĐ khám phá : Vận dụng.</p> <p>Trình bày Bài tập <i>ri-coóc-đơ số 1</i> hoặc Bài tập <i>kèn phím số 1</i> lần lượt với nhịp độ: hơi</p>	<ul style="list-style-type: none"> -HS theo dõi và thực hiện - HS luyện tập

<p>chậm, vừa phải, hơi nhanh. -GV phân công: tổ 1 chơi với nhịp độ hơi chậm, tổ 2 chơi với nhịp độ vừa phải, tổ 3 chơi với nhịp độ hơi nhanh. -GV hướng dẫn từng tổ luyện tập. -GV hướng dẫn 3 tổ chơi nối tiếp bài tập theo sự phân công.</p>	<p>-Nhóm,tổ lên biểu diễn -HS nhận xét -HS lắng nghe và sửa sai.</p>
<p>4. Hoạt động ứng dụng. - Hỏi? Bài học hôm nay cô dạy các con mấy phần đó là những phần nào? - GV: Nhận xét, tuyên dương học sinh có tinh thần học tập tốt cần phát huy, dặn dò các em về nhà xem lại bài vài chuẩn bị bài vở cho giờ học ngày hôm sau.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ</p>

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: SỐ THẬP PHÂN

Bài 10: KHÁI NIỆM VỀ SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân; So sánh, thứ tự số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được bài toán về phân số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.


- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc các phân số thập phân có mẫu số là 100 + Tổ chức cho HS đọc trước lớp - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - Đại diện từng thành viên bắt đầu đọc phân số thập phân mà mình tìm được. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân; So sánh, thứ tự số thập phân. - Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến số thập phân. - Cách tiến hành: 	
 <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc tình huống, cả lớp suy nghĩ, HS trình bày theo hiểu biết. - Rút ra nhận xét: <p>Ta có:</p> <ul style="list-style-type: none"> • $9\text{ dm} = \frac{9}{10}\text{ m}$; $\frac{9}{10}\text{ m}$ viết là 0,9 m, đọc là không phẩy chín mét. • $118\text{ cm} = \frac{118}{100}\text{ m} = 1\frac{18}{100}\text{ m}$. • $1\frac{18}{100}\text{ m}$ viết là 1,18 m, đọc là một phẩy mười tám mét. <p style="background-color: #e0f0ff; padding: 2px; display: inline-block;">Các số 0,9; 1,18 là các số thập phân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Cả lớp quan sát hình ảnh, đọc tình huống -HS suy nghĩ nêu hiểu biết và nghe GV chốt -3 HS nhắc lại

b.

b) Tìm hiểu về cầu Nhật Tân – Hà Nội (cầu dây văng lớn nhất Việt Nam), Rô-bốt cho biết thông số kĩ thuật của cầu như sau:

Tổng chiều dài	9,17 km
Phần cầu chính	3,9 km
Phần cầu vượt sông Hồng	1,5 km
Phần cầu dẫn	5,27 km



(Nguồn: vntrip.vn)

-HS đọc yêu cầu.

- Nêu kết luận theo em hiểu, đối chiếu sách giáo khoa

-2 HS đọc

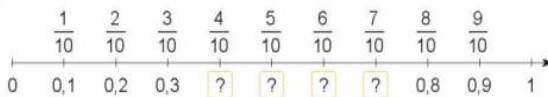
-HS trình bày KL

- Các số 9,17; 3,9; 1,5; 5,27 cũng là các số thập phân.
- Mỗi số thập phân gồm hai phần: **phần nguyên** và **phần thập** chúng được phân cách bởi dấu phẩy.
- Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

-Phân tích HS hiểu: Phần nguyên và phần thập phân số 9,17

2. Hoạt động:

Bài 1.a) Nêu số thập phân thích hợp với mỗi vạch của tia số.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV yêu cầu cả lớp làm việc chung.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài tập 1 trả lời miệng
- HS trả lời: Trên tia số các số cần điền: 0,4; 0,5, 0,6, 0,7
- HS nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
- 4 HS đọc nối tiếp kết quả:
0,4 đọc là: Không phẩy bốn
0,5 đọc là: Không phẩy năm
0,04 đọc là: Không phẩy không bốn
0,05 đọc là: Không phẩy không năm

b) Đọc các số thập phân 0,4; 0,5; 0,04; 0,05 (theo mẫu).

- HS đọc nối tiếp, lớp theo dõi sửa sai nếu có. HS nhận biết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. a) Quan sát mẫu và đọc:

Mẫu: • 1 g = ? kg • 148 ml = ? l
 $1\text{ g} = \frac{1}{1000}\text{ kg} = 0,001\text{ kg}$ $148\text{ ml} = \frac{148}{1000}\text{ l} = 0,148\text{ l}$

HS quan sát mẫu, phân tích mẫu

Đọc yêu cầu và nêu KQ

1kg = ? Tấn 564m = ? Km

- HS làm việc theo nhóm đôi, trả lời kết quả:

$1\text{ kg} = \frac{1}{1000}\text{ tấn} = 0,001\text{ tấn}$

$564\text{ m} = \frac{564}{1000}\text{ km} = 0,564\text{ km}$

- Quan sát, nêu hiểu biết của em theo mẫu HS nêu và viết:

b) Quan sát ví dụ mẫu rồi điền số tự nhiên thích hợp vào ô trống.

Mẫu: $2,3\text{ km} = 2\frac{3}{10}\text{ km} = 2\text{ km } 300\text{ m} = 2\text{ }300\text{ m.}$

-HS viết được số thích hợp là số đo đại lượng theo đơn vị mm, g

$3,2\text{ m} = ?\text{ mm}$ $4,5\text{ kg} = ?\text{ g}$

- GV gọi HS trả lời.

- GV nhận xét, tuyên dương.

$3,2\text{ m} = 3200\text{ mm}$ $4,5\text{ kg} = 4500\text{ g}$

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

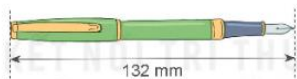
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 3. Nêu số thập phân thích hợp rồi cho biết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân đó.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.



Độ dài cật hút máu là ? cm



Xà đơn cao ? m.

- HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm cá nhân, giải thích cách làm:

Kết quả: $132\text{ mm} = 13,2\text{ cm}$

$165 = 1,65\text{ m}$

-2 HS nêu phần nguyên và phần thập phân của 2 số 13,2 cm và 1,65 m

- GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải

<p>thích cách làm.</p> <p>-Áp dụng cách viết: $\frac{1}{10} = 0,1$; $\frac{1}{100} = 0,01$</p> <p>Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên; những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân</p> <p>- GV đánh giá kết quả, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>-HS nêu thêm số thập phân có trong thực tế - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

ÔN TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: SỐ THẬP PHÂN

Bài 10: KHÁI NIỆM VỀ SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân; So sánh, thứ tự số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu nhận biết được số thập phân; đọc, viết, cấu tạo số thập phân
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được bài toán về phân số để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

GV

3. Phẩm chất.

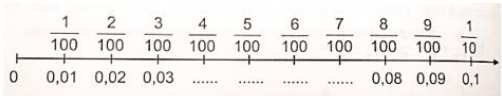
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán

2. *Học sinh:* Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện đọc các phân số thập phân có mẫu số là 100 + Tổ chức cho HS đọc trước lớp - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - Đại diện từng thành viên bắt đầu đọc phân số thập phân mà mình tìm được. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1.(trang 36 VBT Toán lớp 5 Tập 1) a)	
Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.	
	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu cả lớp làm việc chung. - GV mời HS trả lời. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp làm việc chung, thực hiện bài tập 1 trả lời miệng - HS trả lời: Trên tia số các số cần điền: 0,04; 0,05, 0,06, 0,07 - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
b)Viết cách đọc các số thập phân (theo mẫu)	
Mẫu: 0,04 đọc là không phẩy không bốn.	
0,05 đọc là	
0,07 đọc là	
0,09 đọc là	
<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp, lớp theo dõi sửa sai nếu có. HS nhận biết phần nguyên, phần thập phân của số thập phân - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp kết quả: 0,05 đọc là: Không phẩy không năm 0,07 đọc là: Không phẩy không bảy 0,09 đọc là: Không phẩy không chín

Bài 2. (trang 36 VBT Toán lớp 5 Tập 1)
Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- | | |
|---------------------|---------------------|
| a) 5 g = kg | 125 ml = / |
| 42 g = kg | 48 ml = / |
| 316 g = kg | 10 ml = / |
| b) 1,5 km = m | 0,6 tấn = kg |
| 0,8 m = cm | 1,2 tạ = kg |
| 0,05 m = mm | 6,05 tấn = kg |

- GV gọi HS trả lời.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát, phân tích bài

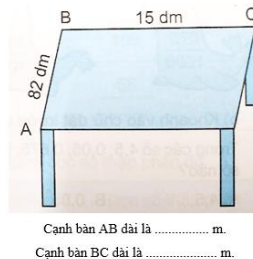
- HS trả lời kết quả:

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| a) 5 g = 0,005 kg | 125 ml = 0,125 / |
| 42 g = 0,042 kg | 48 ml = 0,048 / |
| 316 g = 0,316 kg | 10 ml = 0,01 / |
| b) 1,5 km = 1 500 m | 0,6 tấn = 600 kg |
| 0,8 m = 80 cm | 1,2 tạ = 120 kg |
| 0,05 m = 50 mm | 6,05 tấn = 6 050 kg |

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

3.Hoạt động vận dụng

Bài 3. (trang 37 VBT Toán lớp 5 Tập 1)
Viết số thập phân thích hợp rồi khoanh màu đỏ vào phần nguyên, màu xanh vào phần thập phân của số thập phân đó.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV yêu cầu HS làm cá nhân, giải thích cách làm.

-Áp dụng cách viết: $\frac{1}{10} = 0,1$; $\frac{1}{100} = 0,01$

Những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên; những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân

- GV đánh giá kết quả, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS làm cá nhân, giải thích cách làm:

a)Độ dài cái bút chì là 1,46 dm.

b) Cạnh bên AB dài là 8,2 m.

Cạnh bên BC dài là 1,5 m.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: EM VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC THÂN YÊU

SHL: Thể hiện hiểu biết, khả năng của em trong phong trào xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Thể hiện được sự hiểu biết của mình về Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động.

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tổ chức hoạt động: Tham gia và phối hợp với các bạn để hoàn thành tốt các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phối hợp với bạn cùng nhóm để hoàn thành công việc theo kế hoạch.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết đoàn kết, chia sẻ cùng bạn trong sinh hoạt

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học tôn trọng và trách nhiệm với các hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
a) <i>Mục tiêu:</i> Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
b) <i>Cách tiến hành</i>	
- GV hoặc GV mời 1 HS làm quản trò cho tập thể lớp chơi học các động tác sau: + Chào anh: theo kiểu chào nghi thức Đội. + Chào thầy: khoanh hai tay trước ngực.	- HS tham gia trò chơi.

<ul style="list-style-type: none"> + Chào bác: như chào thầy nhưng cúi xuống. + Chào em: tay đưa ra phía trước như động tác mời. - Cách chơi: + Quản trò hô các lời chào và làm các động tác. Người chơi hô to và làm theo. + Quản trò có thể hô một kiểu và làm một kiểu. - Luật chơi: + Ai làm khác với lời hô của quản trò là sai. + Làm không rõ động tác là sai. - Chú ý: + Tốc độ hô nhanh, chậm tùy thuộc vào đối tượng chơi. + Có thể thêm một, hai động tác chào nữa để tăng thêm mức độ khó của trò chơi. 	
<p>- GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp: Khi tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, chúng ta sẽ được rèn luyện và giao tiếp với nhiều thầy cô, anh chị,... giúp chúng ta ngày càng trưởng thành. Chào hỏi là hoạt động đầu tiên giúp các em làm quen và xây dựng mối quan hệ với mọi người, vì vậy hãy tự tin chào hỏi mọi người nhé.</p>	
<p>2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 4 và phương hướng hoạt động tuần 5 (Làm việc theo tổ)</p>	
<p><i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.</p>	
<p>b) Cách tiến hành:</p>	
<p>* Đánh giá kết quả tuần 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.

<ul style="list-style-type: none"> + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Thể hiện hiểu biết, khả năng của em trong phong trào xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh</p>	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được sự hiểu biết của mình về Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh thông qua các hoạt động. 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p> <p>GV giao nhiệm vụ cho Ban Cán sự lớp / Chi đội điều hành hoạt động để HS Thể hiện sự hiểu biết và khả năng trong phong trào xây dựng Đội Thiếu Niên tiên phong Hồ Chí Minh. GV hỗ trợ.</p> <p>Để thể hiện sự hiểu biết, có thể gợi ý cho HS tổ chức hoạt động: Hái hoa dân chủ, Rung</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ban cán sự lớp tổ chức hoạt động. - Tham khảo câu hỏi cho phần này ở Phụ lục.

<p>chuông vàng, Vòng quay may mắn, ...</p> <p>– GV tổ chức cho HS thể hiện năng lực: múa, hát, kể chuyện, võ, cờ,... và động viên các em tích cực rèn luyện nâng cao khả năng của mình sẽ có nhiều cơ hội để tham gia hoạt động, thể hiện bản thân trong lớp, trường, cộng đồng.</p>	
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<p>– GV tổng kết tiết sinh hoạt lớp, nếu lớp có phân công tiết mục văn nghệ ở giờ SHDC tuần sau thì GV kiểm tra lại công tác chuẩn bị và hỗ trợ các em.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ SINH HOẠT LỚP:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Phụ lục

Câu 1. Tháng 3 năm 1951 tại Việt Bắc, Hội nghị cán bộ Đoàn đã thống nhất một chủ trương mới cho tổ chức Đội là:

- a) **Đội viên đeo khăn quàng đỏ**
- b) Quy định tuổi đội viên
- c) Ban hành Điều lệ Đội
- d) Cả a, b, c đều đúng.

Câu 2. Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết nghị cho Đội nhi đồng được mang tên Bác Hồ vĩ đại vào ngày, tháng, năm nào?

- a) Ngày 15/5/1970
- b) Ngày 30/01/1969
- c) **Ngày 30/01/1970**
- d) Ngày 15/5/1969

Câu 3. Lời hứa của đội viên khi được kết nạp vào Đội là:

- a) Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy.
- b) Tuân theo điều lệ Đội.
- c) Giữ gìn danh dự Đội TNTP Hồ Chí Minh.
- d) **Cả 3 đều đúng.**

Câu 4. Điều kiện kết nạp đội viên vào Đội TNTP Hồ Chí Minh là:

- a) Từ 6 – 14 tuổi
- b) Từ 8 – 14 tuổi
- c) **từ 9 – 15 tuổi**
- d) Từ 9 – 14 tuổi

Câu 5. Có bao nhiêu đội viên trở lên được thành lập một chi đội ?

a) 2 đội viên

b) 3 đội viên

c) 4 đội viên

d) 5 đội viên

Câu 6. Cấp cơ sở của Đội TNTP Hồ Chí Minh là:

a) Phân đội và chi đội

b) Chi đội và liên đội

c) Phân đội, chi đội và liên đội

d) Sao nhi đồng.

Câu 7. Các biểu trưng của Đội TNTP Hồ Chí Minh bao gồm:

a) Cờ Đội, huy hiệu Đội, khăn quàng Đỏ, Đội ca, khẩu hiệu Đội, cấp hiệu chỉ huy Đội

b) Cờ Đội, huy hiệu măng non, cấp hiệu chỉ huy đội, phòng truyền thống, khăn quàng Đỏ.

c) Khẩu hiệu Đội, huy hiệu măng non, phòng đội, phòng truyền thống, Đội ca.

d) Chào Đội, trống Đội, phòng truyền thống, phòng Đội, đồng phục đội viên, khẩu hiệu Đội.

Câu 8. Một bộ trống Đội có ít nhất:

a) Một trống mái, hai trống con

b) Một trống cái, ba trống con

c) Một trống cái, bốn trống con

d) Một trống cái, năm trống con

Câu 9. Người đội trưởng đầu tiên của Đội TNTP Hồ Chí Minh là ai ?

a) Nông Văn Thàn

b) Nông Văn Dền

c) Lý Thị Nị

d) Lý Thị Xậu

Câu 10. Phong trào kế hoạch nhỏ bắt đầu xuất hiện từ năm nào và công trình lúc bấy giờ là gì?

1959; “Hợp tác xã Măng non”

b) 1858; “Vì Miền Nam ruột thịt”

c) 1958; “Nhà máy nhựa Thiếu niên Tiên phong”

d) 1976; “Đoàn tàu Thống nhất”

Câu 11. Tháng 2/1948 Bác Hồ viết thư căn dặn thiếu nhi: “Trước thì giúp các nhà chiến sĩ, nhà thương binh, lần lượt giúp những nhà ít người, sức các cháu làm được việc gì thì giúp việc ấy...”. Từ lời dạy này, Đội TNTP Hồ Chí Minh đã tổ chức phong trào mang tên là:

- a. Kế hoạch nhỏ
- b. Trần Quốc Toản**
- c. Đèn ơn đáp nghĩa
- d. Làm nghìn việc tốt

Câu 12. Mục đích của việc rèn luyện chương trình rèn luyện đội viên là:

- a) Giúp các em trở thành đội viên tốt
- b) Trở thành cháu ngoan Bác Hồ
- c) Phần đầu trở thành đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

d) Cả 3 câu đều đúng

Câu 13. Nơi trưng bày các hình ảnh, hiện vật truyền thống, thành tích của Đội và sinh hoạt Đội được gọi là:

- a) Phòng truyền thống
- b) Phòng Đội
- c) Phòng truyền thống, phòng Đội**
- d) Phòng Đội, phòng sinh hoạt

Câu 14. Việt Nam ký công ước Quốc tế Quyền trẻ em vào năm:

- a) 1919
- b) 1989
- c) 1990**
- d) 1991

Câu 15. Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em Việt Nam gồm:

- a) Lời mở đầu, 5 chương, 26 điều
- b) Lời mở đầu, 4 chương, 60 điều
- c) Lời mở đầu, 5 chương, 60 điều**
- d) Lời mở đầu, 4 chương, 26 điều

Câu 16. Khẩu hiệu của Đội TNTP Hồ Chí Minh là:

- a. Vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại. Hãy sẵn sàng!
- b. Vì Chủ nghĩa Cộng sản. Vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại. Sẵn sàng!
- c. Vì Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại. Sẵn sàng!**
- d. Vì danh dự Đội TNTP Hồ Chí Minh. Hãy sẵn sàng!

Câu 17. Tên bài hát được chọn làm Đội ca của Đội TNTP Hồ Chí Minh là:

- a) Đi ta đi lên
- b) Cùng nhau ta đi lên – Phong Nhã**
- c) Mơ ước ngày mai
- d) Em là mầm non của Đảng

Câu 18. Bài hát được dùng trong lễ kết nạp đội viên là:

- a) Tiến lên đoàn viên – Phạm Tuyên
- b) Mơ ước ngày mai – Trần Đức**

- c) Nhanh bước nhanh nhi đồng – Phong Nhã
- d) Em là mầm non của Đảng – Mộng Lân


Câu 19. Sau khi thắt khăn quàng:

- a) Đuôi khăn bên trái dài hơn bên phải.**
- b) Đuôi khăn bên phải dài hơn bên trái
- c) Đuôi khăn hai bên bằng nhau.
- d) Đuôi khăn bên nào dài hơn cũng được

Câu 20. Trong phần thực hiện nghi thức Đội, khẩu lệnh của động tác chào kiểu đội viên TNTP Hồ Chí Minh là:

- a) Chào cờ – Chào!
- b) Chào Đội - Chào!
- c) Chào tay - Chào!
- d) Chào!**

KÝ DUYỆT

<p><i>Ngày 5 tháng 9 năm 2024</i></p> <p>TỔ TRƯỞNG</p>  <p>Nguyễn Thị Hoài Thanh</p>	<p><i>Ngày tháng 9 năm 2024</i></p> <p>PHÓ HIỆU TRƯỞNG</p> <p>Nguyễn Thị Thanh Hải</p>
---	--